VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

hai con đường vào đời, vào thơ
nguyễn mộng giác
cách phiên âm hai chữ "nhẵn nhụi"
nguyễn quảng tuân
lại...tịch mịch hồng
bùi vĩnh phúc
chất thơ trong văn trần hoài thư
lương thư trung
chị đàn
trúc chi

truyện
tâm thanh ● trần doãn nho ● thu thuyền
nguyễn thị thảo an ● đỗ minh tuấn ● ngụ thuyết
hoàng mai đạt ● huy văn ● nguyễn hoài phương

thơ
cao xuân tú ● trần thảo lư ● ngô nguyên dũng
cổ trúc ● sử mặc ● hà nguyên du ● ngdung
phan xuân sinh ● thận nhiên ● đặng hiền

162
THÁNG 10 1999

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Nguyễn Xuân Hoàng
Thạch Hãn, Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

❖

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris, FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 162 ● tháng 10, 1999

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
NGUYỄN MỘNG GIÁC	3	hai con đường vào đời, vào thơ
CỔ TRÚC	6	*tứ tuyệt*
NGUYỄN QUẢNG TUÂN	7	cách phiên âm từ "nhẫn nhụi"
BÙI VĨNH PHÚC	11	lại "tịch mịch hồng"
CAO XUÂN TỨ	33	*vệt máu còn tươi*
LƯƠNG THƯ TRUNG	34	chất thơ trong văn trần hoài thư
NGÔ NGUYÊN DŨNG	40	*chân không trong lưỡi dao thời gian*
TRÚC CHI	42	chị đàn
TRẦN THẢO LƯ	60	*hiu hắt quê nhà*
TÂM THANH	63	túp lều của chị tôi
HÀ NGUYÊN DU	72	*khúc ly tao*
TRẦN DOÃN NHO	73	chớm thu
NGNGDUNG	78	*cũng đọc thiên thư*
THU THUYỀN	79	nước mắt
PHAN XUÂN SINH	82	*đêm nằm nhớ ức trai*
NGUYỄN THỊ THẢO AN	84	xóm hưu
THẬN NHIÊN	91	*mưa giàn giụa mặt một người...*
ĐỖ MINH TUẤN	93	chuyện thánh gióng kể ngược
ĐẶNG HIỀN	99	*cuối cùng anh cũng hiểu*
NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	100	ngày chủ nhật vui vẻ
SỬ MẶC	107	*ngàn thu*
HUY VĂN	108	mưa sài gòn
HOÀNG MAI ĐẠT	115	sài gòn dưới cơn mưa trở về
NGỰ THUYẾT	131	xa lộ
VĂN HỌC	149	thư tín
VĂN HỌC	153	giới thiệu sách mới

Copyright by authors and Văn Học, 1999
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1999

Thư Tòa soạn
Văn Học

Báo sắp đưa lên nhà in thì Văn Học nhận được thư e-mail của một bạn đọc, than phiền Văn Học đã đăng lại những bài đã đăng trên báo khác, nhất là những báo xuất bản ở các nước ngoài Hoa Kỳ như Úc, Đức, Pháp, Canada. Cụ thể là một bài đã đăng trên Dân Quyền, và một bài trên số 161 đã đăng trong Chuyển Luân.

Ban Chủ biên nhân cơ hội này xin có vài lời cùng các văn hữu và bạn đọc:

1. Ban Chủ biên nào cũng mong cơ quan ngôn luận của mình được đăng ***lần đầu*** những bài viết có giá trị nhất. Do báo chí Việt ngữ ở hải ngoại phát triển quá nhiều (nhất là báo biếu, báo hội đoàn), không ai có thể biết hết, đọc hết các báo Việt ngữ, nên mỗi khi nhận được một bài do các văn hữu gửi tới, Ban Chủ biên thường nghĩ rằng tác giả bài đó chỉ gửi cho Văn Học, và quyết định đăng hay không căn cứ vào giá trị của bài.

2. Có trường hợp tuy biết bài đó đã đăng trên báo khác nhưng Ban Chủ biên vẫn cho đăng trên Văn Học, vì một thực tế trong sinh hoạt báo chí hải ngoại: các báo không đủ khả năng trả nhuận bút, người viết gửi bài cho báo nào vì cảm tình với Ban Chủ biên, vì thấy chủ trương của tờ báo thích hợp, và nhất là vì muốn phổ biến những suy nghĩ xúc cảm của mình cho càng nhiều người biết càng tốt. Do đó, thông thường sau khi phổ biến bài viết của mình trên báo địa phương, các tác giả thường gửi bài mình ưng ý cho một tờ báo chuyên ngành có tầm phổ biến rộng hơn, để mong nhận được những hồi âm từ các bạn đọc quan tâm tới chuyên ngành. Đứng từ vị trí các tác giả, bạn đọc sẽ thấy trong hoàn cảnh đặc biệt của sinh hoạt cộng đồng tị nạn, việc đăng bài trên nhiều báo không có gì đáng trách.

Văn Học chỉ xin các văn hữu cho Tòa soạn biết bài gửi là bài mới hay bài đã đăng trên báo khác, để chúng tôi khỏi bối rối khi trả lời thắc mắc của bạn đọc.❐

Hai con đường vào đời, vào thơ.

Nguyễn Mộng Giác

Trong một bài tạp ghi viết cách đây khá lâu, tôi có ghi nhận mối duyên nợ thắm thiết giữa *nhà thơ* và *nhà chùa*. Hầu hết các nhà sư đều thích đọc thơ, làm thơ, in thơ. Hầu hết các nhà thơ, ngược lại, đều có quan hệ thắm thiết với nhà chùa, nhất là vào những lúc nhà thơ gặp cảnh hoạn nạn. Cũng lạ. Tôn giáo nào cũng tuyên xưng lòng thương yêu. Chùa chiền, giáo đường, thánh thất...luôn luôn mở cửa chào đón những kẻ khốn cùng, những người bất hạnh. Một nhà thơ đau khổ cũng tuyệt vọng, xót xa như bất cứ ai, nhiều khi người biết làm thơ ít đau khổ hơn những người không biết làm thơ, vì nhà thơ có thể chia bớt nỗi đau cho chữ nghĩa. Đau mà khóc được thì mau vơi hơn nỗi đau thầm. Nhưng khi tìm một nơi an trú, hình như các nhà thơ lại có những cách lựa chọn khác hơn người thường.

Lý do? Nói như ngôn ngữ nhà Phật, các nhà thơ thường có cái ngã lớn hơn người thường. Dù trong cảnh hoạn nạn, các nhà thơ không thích những đôi mắt nhìn xuống thương hại, không thích bị đối xử như một đứa trẻ mồ côi trong viện dục anh. Thử tưởng tượng một nhà thơ như Alfred de Vigny (tác giả bài *Cái chết của con chó sói*) hay Tản Đà (người tự nhận là ông tiên bị giáng xuống trần) mà phải chịu đứng yên cho các bà mệnh phụ ngắm nghía hình hài và xuýt xoa thương xót, chúng ta sẽ thấy hình ảnh đó nghịch lý biết chừng nào. Thi sĩ có thể nghèo đến độ nhìn hoa cúc vàng mà gan ruột cồn cào vì đói như Nguyễn Du, chết dấm dúi trong một chiếc thuyền rách như Đỗ Phủ. Nhưng phải chịu thu vai bó gối cho thiên hạ nhìn xuống thương hại, thì không. Nhất định không. Thi sĩ thích tìm nơi an trú nào ở đó, anh ta vẫn có thể tiếp tục làm thi sĩ, ở đó không có những ánh mắt thương hại, ở đó khỏi phải ngửng đầu lên mà cầu xin ơn phước. Nhìn quanh, hình như chỉ có chùa chiền là nơi an trú thích hợp cho các nhà thơ.

Kể cũng đúng thôi. Vừa qua khỏi cổng chùa, thi sĩ đã gặp một thi sĩ thực thụ (hay một chuẩn thi sĩ) là nhà sư trụ trì. Hai bên đều thầm nghĩ thơ mình hay nhất, nhưng cách định giá chủ quan ấy không làm cho mối quan hệ khó khăn nặng nề hơn, vì đã có một lối phân định ranh giới hợp lý: tôi thơ đời, thầy thơ đạo. Trong thơ tôi nỗi thống khổ lên cao đến hết cung bậc. Trong thơ thầy, nỗi đau chỉ là gió thoảng. Lối xác định rạch ròi ngay từ ban đầu giữa hai thi sĩ không phải là ngẫu nhiên. Nó bắt nguồn từ Phật pháp.

Khi Đức Phật nhận mình chỉ là người dẫn đường chứ không phải là đấng thiêng liêng cứu thế, và mỗi người phải tự đốt đuốc soi tìm đường đi, thì nhà sư trụ trì không thể đứng trên cao nhìn xuống cái thế gian nheo nhóc này mà thương xót được. Mỗi người đều tự tạo nghiệp cho mình, và chỉ có mình chứ không có ai khác có thể cứu mình. Đạo Phật cũng không đòi hỏi mọi người phải chấp nhận những tín điều mình đưa ra như những chân lý tuyệt đối bất khả tư nghị. Chính Đức Phật cũng thường xuyên cảnh giác Phật tử, khuyên họ không nên tin theo những điều chính mình cũng chưa hiểu rõ, chưa thông suốt, kể cả những điều đã được người xưa truyền lại, ngay cả những điều đã được ghi trong kinh sách.

Tinh thần vô chấp của Đạo Phật rất thích hợp với khát vọng suy nghĩ và sáng tạo tự do của văn nghệ sĩ. Nhà thơ vào chùa thoải mái, không bị ai chận cửa thu thẻ căn cước, khỏi phải rón rén bước đi vì kinh sợ đấng thần linh, lỡ nói năng ba hoa quá lời cũng không sợ tội phạm thánh vì nhà chùa không có thánh, và nếu không chịu được cuộc sống tu hành khắm khổ phải rời chùa, cũng không bị ai chê trách. Đúng là chỗ an trú lý tưởng của các nhà thơ, khi họ cần một chỗ trú.

Vì thế Phạm Công Thiện là khách quí của khắp các chùa lớn chùa nhỏ ở Việt Nam và ở hải ngoại. Nguyễn tất Nhiên lái xe đến chùa trước khi quyết định từ giã cõi đời. Và Bùi Giáng trong suốt cuộc chơi lớn với đời vẫn xem chùa chiền là chỗ dừng nghỉ thoải mái.

Nói như thế, không có nghĩa là khi khổ đau các nhà thơ Việt Nam chỉ tìm tới một địa chỉ: nhà chùa. Nói như thế không công bằng, khi ai trong chúng ta cũng biết bài thơ tuyệt tác *Eve Maria* của Hàn Mặc Tử trong tập *Xuân Như Ý*. Trong *Thi Nhân Việt Nam*, Hoài Thanh viết: *"Đây là mùa xuân trong tưởng tượng, một mùa xuân theo ý muốn của thi nhân, đầy rẫy những lời kinh cầu nguyện, những hương đức hạnh, hoa phẩm tiết, nhạc thiêng liêng, cùng ánh trăng, ánh thơ. Nhất là ánh thơ. Với Hàn Mặc Tử, thơ có một sự quan hệ phi thường. Thơ chẳng những để ca tụng Thượng đế mà cũng để nối người ta với Thượng đế, để ban phước cho cả*

và thiên hạ". Rồi Hoài Thanh đưa ra nhận xét chung: *"Hình như trong các thi phẩm xưa nay có tính cách tôn giáo không có gì giống như vậy"*. Hoài Thanh nói đúng. Hàn Mặc Tử là nhà thơ đầu tiên mang không khí Phúc âm vào thi ca Việt Nam. Và cũng là lần đầu người đọc chứng kiến một nhà thơ say sưa dâng trọn đời mình cho Đức Tin:

Maria! Linh hồn tôi ớn lạnh
Run như run thần tử thấy long nhan
Run như run hơi thở chạm tơ vàng
Nhưng lòng vẫn thấm nhuần ơn trìu mến

Lạy Bà là Đấng tinh truyền thanh vẹn
Giàu nhân đức, giàu muôn hộc từ bi
Cho tôi dâng lời cảm tạ phò nguy
Cơn lâm lụy vừa trải qua dưới thế...

Giả dụ Hàn Mặc Tử sống cùng một thời một chỗ với một thi sĩ lớn khác là Bùi Giáng. Trong khi Hàn Mặc Tử dọn mình tinh sạch để "dâng lời cảm tạ phò nguy" lên Đức Mẹ trong khung cảnh trang nghiêm thiêng liêng của giáo đường, thì Bùi Giáng vung tay huơ chân đùa cợt với Thượng Đế:

Hôm nay ông Thượng Đế đề huề
Ngày mai cô độc mỏi mê linh hồn
Hôm nay Thượng Đế ăn cơm
Ngày mai ông ăn cá cơn cơn cuộc tình
Hôm nay ông ăn nói đinh ninh
Đàng hoàng rất mực tặng Na Quỳnh bài thơ...

Nhất định không ai cho Bùi Giáng được phạm thánh ở chỗ Hàn Mặc Tử đang cầu nguyện, dù ông được mọi người cho rằng ông điên, khỏi phải chịu trách nhiệm về những điều nói ra. Gọi Thượng Đế bằng "ông" là một tội lỗi không thể tha thứ được, chưa nói tới vụ bắt Thượng Đế *"ăn cơm, ăn cá, cơn cơn cuộc tình"* và sợ cô độc, y như Bùi Giáng vậy. Không ai có thể cao hơn Đấng Sáng Thế , kể cả các thi sĩ ngông cuồng tự xem mình là trích tiên như Lý Bạch, Tản Đà.

Không có thứ tài ba nào có thể ở ngoài sự xếp đặt của Đấng Sáng Thế, cho nên kiểu tự phong ngang xương mà đáng yêu của Bùi Giáng không có chỗ trong giáo đường:

Tứ tuyệt Cổ Trúc

Trầu Cau

Để riêng - Trầu - Một lá trầu
Một trái cau - Một nỗi sầu - Ngẩn ngơ
Nhập chung - Chuyện ấy bao giờ?
Chàng tương tư thiếp. Thiếp tơ tưởng người!

Tứ Quý

Mùa Đông nước đọng thành băng
Sẽ tan khi nắng mùa Xuân rọi ngày
Rồi mùa Hạ hóa thành mây
Mùa Thu, hóa một rừng cây lá vàng!

Ngày và Đêm

Chim sẻ một bầy đậu xuống sân
Bồ câu bay đến, dứng chen chân
Khi không còn nắng rơi trên gạch
Tôi nhặt cho mình những ánh trăng...

Làm thơ hay nhất trần đời
Cái điên cũng đến tuyệt vời cuồng điên
Cái khùng cũng vậy tuy nhiên
Cái tài hoa cũng muộn phiền lắm thay.

Bùi Giáng chỉ có thể đến nương náu nơi cửa chùa, vì Đức Phật chẳng những không cấm đoán mà còn khuyến khích cái quyền ngờ vực chân lý có sẵn. Thơ Bùi Giáng bay lượn giữa thực và ảo, nghiêm chỉnh và bông đùa, phóng túng và cổ điển , nhờ ông tận hưởng được cái quyền tự do tìm kiếm chân lý và chọn kiểu sống theo ý mình. Ngược lại, thơ Hàn Mặc Tử có giá trị trường cửu nhờ Đức Tin nhiệt thành của ông. Hai con đường vào thơ cũng là hai cách chọn chỗ an trú. Hai cách chọn khởi điểm để sống trọn đời mình: *biết ngờ*, và *biết tin*.❐

Tìm hiểu cách phiên âm từ nhẫn nhụi

Nguyễn Quảng Tuân

Lời Tòa soạn: *Trong bài* "Hoàng Xuân Hãn nghiên cứu Kiều" *đăng trên* Hợp Lưu *số 29, tháng 6&7-, trang 108, vị học giả quá cố đã giải thích như sau về cách đọc câu thơ 628 trong Truyện Kiều* "Mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao":

***Đội** là để ghi từ **Trụi**, không phải **Nhụi** đâu. **Trụi** như trụi lông: không có một tí lông nào hết cả. Mà tại sao* Đội *lại đọc* Trụi*? Bởi vì chữ **Đội** ấy có hai âm: một âm đọc nó biến ra chữ **Trụy**...Từ chữ* Trụy *ấy ra chữ **Trụi**, có khi đọc là **Trọi**...*Sắc dành trọi một, tài đành họa hai. Trọi một *là độc nhất,* trọi *là chữ* độc*...Sắc là độc nhất, tài đành họa hai. Thế mới sáng nghĩa chữ ấy."*

Do đó, Hoàng Xuân Hãn đề nghị đọc câu 628 thành: "Mày râu nhẵn trụi, áo quần bảnh bao.

Học giả Nguyễn Quảng Tuân không đồng ý với Hoàng Xuân Hãn, với những luận cứ trình bày trong bài dưới đây.

Chữ nghĩa *Truyện Kiều* là một vấn đề khá phức tạp. Có nhiều chữ tưởng như không còn có vấn đề gì nữa vì đã quá quen thuộc nhưng rồi lại được đặt thành nghi vấn như chữ 隊 trong câu 628

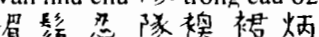

Chữ 隊 , theo các tự điển, có tới sáu âm. Nếu phân tích ra âm Hán Việt và âm nôm thì chữ ấy có thể đọc là:

A. Âm Hán Việt:

Đội: một toán binh sĩ

Binh đội, quân đội, đội ngũ, đội trưởng

B. Âm Nôm:

1. Đội: để lên trên đầu

Đội mũ, đội nón, đội ơn

2. Đỗi: độ, chừng mực

Quá đỗi, một đỗi xa

3. Đụi: tiếng vật gì tế xuống đất
Té cái đụi, lụi đụi
4. Đòi: nhiều, đòi hỏi, yêu cầu
Đòi đoạn, đòi cơn, đòi nợ
5. Dội: thối lại, dồn lại
Tiếng dội, dội ngửa
6. Dụi: dòng dây đưa xuống, chúi xuống
Dụi xuống, ngã dụi

Trong các âm ấy, chỉ có ba âm đã được dùng đến trong *Truyện Kiều* là *Đội, Đỗi* và *Đòi.*

* *Đội*

Nàng rằng: "Muôn *đội* ơn lòng" (c. 1333)
Đội trời đạp đất ở đời (c. 2171)

* *Đỗi*

Song đà quá *đỗi* quản gì được thân (c. 1114)

* *Đòi*

Nghĩ *đòi* cơn lại sụt sùi đòi cơn (c. 222)
Nghĩ lòng lại xót xa lòng *đòi* phen (c. 788)
Đòi phen gió tựa hoa kề (c. 1241)
Đòi phen nét vẽ câu thơ (c. 1245)
Nỗi lòng *đòi* đoạn xa gần (c. 1251)
Mối tình *đòi* đoạn vò tơ (c. 1265)
Xót người trong hội đoạn trường *đòi* cơn (c. 1270)
Ruột tằm *đòi* đoạn như tơ rối bời (c. 1820)
Đòi cơn gió quét mưa sa (c. 1443)
Đau *đòi* đoạn, ngất *đòi* thôi (c. 1797)
Tuôn châu *đòi* trận, vò tơ trăm vòng (c. 2848)
Sắc đành *đòi* một, tài đành họa hai (c. 28)
Sảnh đường mảng tiếng *đòi* ngay lên hầu (c. 1718)

Qua các thí dụ trên, chúng ta nhận thấy chữ 隊 đã được đọc theo âm Nôm là Đòi và có các nhĩa khác nhau là *nhiều* (đòi cơn, đòi đoạn, đòi phen), *đòi hỏi, yêu cầu* (sắc đành đòi một = về sắc dù có đòi hỏi cũng đành chỉ có một) và *ra lệnh gọi* (đòi ngay lên hầu)

Âm và nghĩa ấy rất thích hợp cho từng câu và không có vấn đề gì đáng thắc mắc phải đặt ra, mà chỉ có âm *Nhụi* là phải tìm hiểu mà thôi.

Theo *Đại Nam Quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Của thì chữ 隊 cũng đọc là *Dụi* mà theo phép chuyển âm ***d*** thường được đổi thành ***nh.***

Các chữ chuyển âm kiểu này chúng ta cũng thấy có khá nhiều trong *Truyện Kiều*

Thí dụ:

Dịp — Nhịp

Dịp (nhịp) cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang (c. 56)
Làm chi lỡ *nhịp* (dịp) cho đàn ngang cung (c. 1460)

Dòm — Nhòm

Gương nga chênh chếch *dòm* (nhòm) song (c. 173)
Vương sư *dòm* (nhòm) đã tỏ tường thực hư (c. 2506)

Dồi — Nhồi

Nỗi riêng lớp lớp sóng *dồi* (nhồi) (c. 221)

Dón — Nhón

Thang mây *dón* (nhón) bước ngọn tường (c. 319)
Dón (nhón) chân đứng núp độ đâu nửa giờ (c. 1996)

Dỏ — Nhỏ

Khôn ngăn giọt ngọc sụt sùi *nhỏ* (dỏ) sa (c. 1828)

Dúng — Nhúng

Trót vì tay đã *dúng* (nhúng) chàm (c. 1397)

Dăn — Nhăn

Lọt tai Hồ cũng *nhăn* (dăn) mày rơi châu (c. 2572)

Dường — Nhường

Dịp đâu may mắn lạ *dường* (nhường) (c. 1291)

Diếc — Nhiếc

Diếc (nhiếc) rằng: Những giống bơ thờ quen thân

Dện — Nhện

Nhện (dện) này vương lấy tơ kia mấy lần (c. 1422)

Ngoài các thí dụ kể trên trích trong *Truyện Kiều*, chúng ta còn thấy có nhiều chữ khác đã được chuyển âm như vậy. Thí dụ:

Dím-Nhím, *Dọn*-Nhọn, *Dức*-Nhức, *Dừ*-Nhừ, *Díp*-Nhíp, *Dử*-Nhử, *Dứ*-Nhứ, *Dúm*-Nhúm, *Dụt*-Nhụt, *Dút*-Nhút, *Dúm*-Nhúm, *Dúi*-Nhúi, v.v...

Thế thì chữ *Dụi* chuyển âm thành *Nhụi* cũng không khác gì chữ *Dúi*

chuyển âm thành *Nhúi*, như *Tự điển Tiếng Việt* đã ghi:

Dúi: cầm gọn trong tay mà ấn xuống để nhét vào

Dúi vào tay em bé mấy cái kẹo.

Nhúi: Dúi

Nhúi vào tay mấy cái kẹo

Cách chuyển âm này đã thành một qui tắc nên tất cả các quyển *Truyện Kiều* phiên âm sang quốc ngữ, từ bản cổ nhất của Trương Vĩnh Ký in năm 1875 đến những bản mới in gần đây đều chép câu 628 là:

Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao.

Chép như vậy là đúng, vì *nhẵn nhụi* là một từ láy, nó được đặt đối với *bảnh bao*, cũng là một từ láy.

Trong *Truyện Kiều*, chúng ta còn thấy có nhiều câu đặt theo lối tiểu đối như vậy:

Dám *xa xôi* mặt mà *thưa thớt* lòng (c. 424)

Hoa *trôi trác* thắm, liễu *xơ xác* vàng (c. 572)

Vó câu *khấp khểnh*, bánh xe *gập ghềnh* (c. 870)

Hình dung *chải chuốt*, áo khăn *dịu dàng* (c. 1060)

Hoa quan *chấp chới*, hà y *rỡ ràng* (c. 2266)

Ngọn cờ *ngơ ngác*, trống canh *trễ tràng* (c. 2504)

Các từ láy đều cùng một âm đi liền với nhau như d-d, r-r, x-x, ch-ch, th-th, tr-tr, nh-nh, b-b...

Như ở câu 628 nếu đổi *nhẵn nhụi* ra *nhẵn trụi* thì không còn từ láy nữa mà nghĩa cũng khác hẳn đi.

Nhẵn nhụi: được cạo sạch sẽ, trơn tru không còn sợi râu nào.

Nhẵn trụi: bị vặt sạch, nhẵn lì không còn sợi lông nào, nhiều khi không còn mọc lại được nữa.

Qua sự giải thích trên, chúng tôi cho rằng chữ 孩 ngoài các âm *Đội, Đỗi, Đòi, Đụi, Dội* còn có âm *Dụi* mà theo phép chuyển âm có thể đọc là *Nhụi* được.

Vậy 忍 孩 mà các quyển *Truyện Kiều* quốc ngữ phiên âm là *Nhẵn nhụi* thực ra không có gì phải thắc mắc cả.❐

Hàng tháng đọc Văn Học để:
* tìm hiểu những vấn đề đang tranh luận trong sinh hoạt chữ nghĩa
* thưởng thức những sáng tác mới của những cây bút uy tín
* khám phá những tài năng mới trên văn đàn hải ngoại

Lại ... "tịch mịch hồng"

Bùi Vĩnh Phúc

.1.

Trong *Văn Học* số 161, tháng Chín, 1999, tôi có được đọc bài *Tịch Mịch Hồng* của tác giả Trần Văn Tích. Cụm từ "tịch mịch hồng" được tác giả dùng làm tựa đề bài viết này nằm trong bài thơ *(Cố) Hành Cung* của Nguyên Chẩn. Mặc dù ở phần đầu bài, tác giả có bàn qua về trường hợp xuất hiện của bài thơ này cũng như đã đưa ra một số nhận định tổng quát về ý nghĩa cũng như giá trị bài thơ, toàn thể bài viết có thể nói là đã được dùng để góp ý về cái nhìn của tôi đối với cụm từ "tịch mịch hồng" này.

Bài viết của Trần Văn Tích có những đóng góp thật tốt về mặt tài liệu. Nó chứng tỏ rằng tác giả đã có những tìm tòi chu đáo trước khi viết bài góp ý. Những tài liệu ấy giúp cho ta có cơ hội nhìn sâu hơn nữa vào bài thơ, giúp ta có những cứ điểm để nhìn thấy rõ hơn cái "thần" của bài thơ–nếu ta chịu để ý nhìn. Sau khi đọc kỹ bài viết của ông Trần, tôi thấy mình vừa thích thú vừa ngẩn ngơ. Tại sao lại vừa ngẩn ngơ vừa thích thú như thế? Thích thú chính là vì những đóng góp của ông rất tốt và có giá trị về mặt tài liệu như là tài liệu, nhưng ngẩn ngơ vì cách ông tiếp cận và nhận bắt những trình bày của tôi về cụm "tịch mịch hồng" để từ đó ông tìm tài liệu viết bài góp ý. Tôi cũng ngẩn ngơ vì cách ông sử dụng những tài liệu này.

Để tóm gọn vấn đề, tôi xin phép trình bày vắn tắt nó ở đây. Ông Trần cho rằng việc tôi nhận định: nếu nhìn từ "hồng" trong cụm "tịch mịch hồng"–vốn nằm trong câu thơ *Cung hoa tịch mịch hồng*–như là một động từ mà không là một tính từ (như đa số mọi người vẫn nhìn), thì hình ảnh của câu thơ sẽ sinh động hơn nhiều, là một điều không cần đặt thành vấn đề. Vì, theo những tài liệu ông có, các dịch giả ai cũng đều đã nhìn như

thế. Điều tôi đề nghị không có gì đặc biệt cả vì sự kiện vốn đã như vậy.

Tôi thấy rằng ông đã không bắt được những cố gắng của tôi trong những nhận xét mà tôi đưa ra về cụm từ "tịch mịch hồng". Bởi thế, ông đã không thấy rõ luận điểm tôi muốn trình bày. Trong cái hiểu chung, ý nghĩa của cụm từ này rất rõ ràng. Nội hàm của bài thơ cũng đã được nhiều nhà nghiên cứu văn học cũng như các dịch giả trình bày thấu đáo. Những tài liệu của tác giả họ Trần cũng đã góp phần vào việc làm sáng rõ thêm nữa điều này. Sở dĩ tôi nói ông đã không bắt được những nỗ lực trình bày của tôi, và, vì thế, không thấy rõ luận điểm mà tôi đưa ra, là vì ông đã không thấy tôi trình bày vấn đề và nhìn ngắm nó trên *cấp độ ngữ pháp* (syntax); từ đó, tôi đưa ra luận điểm về cung cách sáng tạo của nhà thơ, nhà văn trong việc sử dụng một cách thần tình và đầy biến hóa cái dụng cụ ngữ pháp ấy. Tôi cũng trình bày là, trong tư cách của những người thường ngoạn, có những lúc, trong một sự chuẩn bị đầy đủ mang nhiều tính hàm dưỡng, với cái dụng cụ ngữ pháp thần kỳ ấy, chúng ta cũng có thể nhìn thấy và nhìn ra những điều kỳ diệu trong một tác phẩm văn chương. Đó là những cánh bướm kỳ ảo trong khu vườn sáng tạo mà cái ánh sáng lạ lùng và thần tình của ngữ pháp đã có những lúc lóe lên cho ta thấy. Trong hướng nhìn thi pháp học, ở đây khảo sát hiện tượng ngôn ngữ dưới cấp độ ngữ pháp, người ta có thể đưa những thí dụ cho thấy cái khả tính kỳ lạ của ngữ pháp. Cái khả tính kỳ lạ ấy của nó nằm ở chỗ nó vừa ép người ta vào những khuôn thước, những luật lệ mà nó đề ra; đồng thời, trong một số những trường hợp đặc biệt mang nhiều nét kỳ ảo, nó lại cho phép người ta đi ra ngoài chính những khuôn thước và luật lệ của nó.

Bài viết của tôi, trong đó có phần nhận xét về cụm từ "tịch mịch hồng" mà Trần Văn Tích góp ý, đã được viết ra trong nỗ lực trình bày những điều vừa nói trên cấp độ ngữ pháp. Trần Văn Tích, một cách rất đáng yêu nhưng cũng khá đáng tiếc, đã bắt mạch và nhìn ngắm cụm từ "tịch mịch hồng" trên *cấp độ ngữ nghĩa* (semantics) trong việc chuyển dịch câu thơ. Trong đa số trường hợp, khác biệt về mặt ngữ pháp sẽ đưa đến khác biệt về mặt ngữ nghĩa. Tuy nhiên, với trường hợp của cụm từ này trong bài thơ *(Cố) Hành Cung* của Nguyên Chẩn, sự khác biệt về mặt ngữ pháp mà tôi đã trình bày trong trích đoạn mà Trần Văn Tích đưa ra vẫn đưa đến một sự đồng nhất (ít ra là trên bề mặt) về ngữ nghĩa. Điều khác biệt mà tôi nói đến là ở bình diện bề sâu, ở mạch ngầm. Điều này tôi sẽ trình bày thêm trong phần dưới. Dù sao, sự góp ý và phần nào có tính cách phê bình của Trần Văn Tích trong bài viết của ông đã dựa gần như hoàn toàn trên cấp độ ngữ nghĩa–về ý nghĩa, nội dung của cụm từ này, trên mặt nổi của nó–, điều mà tôi thấy không cần thiết vì tôi cũng không hiểu khác

ông, và hoàn toàn không có chủ trương hiểu khác đi. Tôi chỉ muốn nhắc là, tất cả những xương cốt trong sự trình bày của tôi, trong bài viết mà ông trích đoạn để góp ý, là ở trên cấp độ ngữ pháp. Lẫn lộn hai cấp độ này với nhau, ở đây, có thể sẽ đưa chúng ta vào những góp ý tuy có thể lý thú và hữu ích, nhìn dưới một khía cạnh nào đó, nhưng lại không cần thiết và bấp bênh vì chúng không tiếp cận được luận điểm của người mà ta muốn góp ý, phê bình. Nó cũng có thể trở thành phần nào bất công đối với những cố gắng trình bày của tác giả mà ta muốn góp ý.

Phân tích những vấn đề này có cái phức tạp và tế nhị của nó; vả lại, tôi cũng đã có dịp đưa ra ý kiến và nhận xét của mình về cụm từ này rồi. Dù sao, tôi nhìn thấy trong bài của Trần Văn Tích cũng có những điểm đáng quý. Bài viết của ông, như thế, xin được xem như một cái duyên, cho phép tôi trình bày lại và thêm một lần nữa về cụm từ "tịch mịch hồng" , nói riêng, và cái nhìn của tôi về sự sáng tạo cũng như sự thưởng ngoạn những sáng phẩm nghệ thuật, nói chung.

.2.

Trước khi trả lời bài viết của tác giả họ Trần, tôi xin phép được trình bày lại cái bối cảnh của việc góp ý và thảo luận.

Phần trích đoạn mà ông Trần đã dùng để góp ý với tôi được lấy từ bài "Về vấn đề ngôn ngữ và sự sáng tạo của nhà văn, nhà thơ", trong quyển Lý *Luận và Phê Bình, hai mươi năm văn học Việt ngoài nước 1975-1995* (California: Văn Nghệ, 1996) của tôi. Trong bài viết dài này, một cách chung, tôi đã trình bày luận điểm của mình–với nhiều dẫn chứng–là trong sự sáng tạo văn chương, người ta có thể làm mới, làm lạ bằng cách sử dụng một cách thần tình cái dụng cụ ngữ pháp mà, qua nó và với nó, người ta xây dựng tác phẩm của mình. Ngôn ngữ nói chung và ngữ pháp nói riêng, như thế, vừa là dụng cụ vừa là vật liệu để con người sáng tạo xây dựng tác phẩm. Ngữ pháp nước nào cũng thế, có luật lệ và có quy tắc. Kẻ sáng tạo, một phần phải dựa trên những quy tắc, luật lệ để chuyển đạt cho đúng và cho sáng những ý nghĩ, tư tưởng mình; phần khác, ở những con người có tài hoặc có phong cách đặc biệt, họ lại thường có khuynh hướng vượt khỏi những đường biên của ngôn ngữ nói chung và ngữ pháp nói riêng, để đi vào những vùng "lệch chuẩn". Khi làm như thế, họ để cho mình bị cuốn đi, một cách có ý thức, bởi một lực đẩy của sự phá bỏ, phá vỡ, bứt thoát để đi tìm một con đường mới. Họ muốn tránh những lối mòn và những ước lệ. Một cách nào đó, kẻ sáng tạo tự bản chất là một con người phản kháng, một thứ *l'homme revolté* theo nghĩa tích cực của Camus.

Hắn luôn muốn tìm kiếm những cái mới. Nếu hắn có tài, hắn sẽ tự tạo được cho mình một phong cách riêng trên con đường tìm kiếm và thực hiện cái mới. Nếu không, hắn có thể trở nên lố lăng, bị rơi vào sự lập dị, và những nỗ lực làm mới của hắn sẽ bị người thưởng ngoạn coi là không có giá trị (1).

Tôi không đăng bài viết nói trên trên báo nào mà chỉ in trong cuốn sách. Tôi nghĩ là nếu bài viết ấy đã được phổ biến trên *Văn Học* trước khi chúng ta đi vào cuộc thảo luận và chia sẻ ở đây, nó sẽ giúp cho người đọc nhìn vấn đề ở một góc độ toàn diện hơn, vì phần trích đoạn được Trần Văn Tích đưa ra, dù chỉ là một phần rất nhỏ trong toàn bài–chỉ hơn nửa trang trên tổng số 35 trang của toàn bài viết–, nằm trong toàn bộ cấu trúc lập luận và trình bày của tôi về đề tài này. Nó chú vào việc phân tích những sáng tạo và thưởng ngoạn văn chương trong những vùng "lệch chuẩn", những vùng không nằm trong quy phạm truyền thống. Đặc biệt trong phạm vi ngữ pháp. Dù sao, trên căn bản giới hạn của phần trích đoạn được Trần Văn Tích đưa ra, tôi xin trình bày thêm ở đây cái nhìn của tôi về cụm từ "tịch mịch hồng", đồng thời trả lời một số vấn đề mà Trần Văn Tích đã nêu ra trong bài viết của ông.

Trước hết, xin ghi lại nguyên văn Hán-Việt bài thơ cùng phần dịch (theo bài viết của Trần Văn Tích) (2).

Hành cung
Liêu lạc cố hành cung,
Cung hoa tịch mịch hồng.
Bạch đầu cung nữ tại,
Nhàn tọa thuyết Huyền tông.

Chốn hành cung
Chốn hành cung xưa tiêu điều vắng vẻ,
Hoa trong cung lặng lẽ nở màu hồng.
Các cung nữ tóc bạc vẫn còn đây,
Ngồi rỗi kể chuyện đời vua Huyền tông.

Và đây là phần trích đoạn nhận xét của tôi do Trần Văn Tích dẫn trong bài góp ý của ông:

"Thường, người ta nghĩ *tịch mịch hồng* (3), ở câu số hai của bài thơ, là một danh ngữ (noun phrase), trong đó *hồng* là danh từ, *tịch mịch* là tính từ, hay như một ngữ tính từ (adjective phrase), trong đó *hồng* là tính từ, *tịch mịch* là trạng từ. Như Trần Trọng San đã nghĩ. Và như nhiều người

khác đã nghĩ như thế. Còn tôi, tôi muốn nghĩ khác. Tôi muốn nghĩ theo lối nhìn và phân tích của Đỗ Bằng Đoàn và Bùi Khánh Đản, qua đó, *tịch mịch hồng* là một ngữ động từ (verb phrase), trong đó *hồng* là động từ và *tịch mịch* là trạng từ, bổ nghĩa cho *hồng*.

Nghĩ như thế thì câu thơ tự nhiên sinh động hẳn lên biết bao. Câu thơ xao động, mang chứa trong nó một linh hồn đầy nước mắt: Hoa ở trong cung nở đỏ lên một cách tịch mịch. *Tịch mịch hồng* là như thế. Nó không hẳn chỉ là cái màu đỏ bất động của đóa hoa kia. Nó có một linh hồn. Nó xao xuyến. Chữ *hồng* ấy, nó nở, và hồn ta xúc động ngẩn ngơ.

Hoa không chết lặng. Hoa nở đỏ một nỗi thảm sầu trong lòng ta."

Trần Văn Tích giới thiệu phần trích đoạn là được lấy trong *Lý Luận và Phê bình, hai mươi năm văn học Việt ngoài nước 1975-1977*, Nhà Xuất bản Văn Nghệ, California, 1996, trang 660. Trong mục đích trình bày bối cảnh (context) cần thiết cho vấn đề đang thảo luận, tôi xin mạn phép để được nói thêm rằng đây là cuốn sách gồm nhiều bài viết. Và phần trích đoạn được lấy trong bài " Về vấn đề ngôn ngữ và sự sáng tạo của nhà văn, nhà thơ" như tôi đã nói ở trên. Mục tiêu của bài này đã được trình bày trong một đoạn trước. Nếu trình bày được những phần chú thích này, Trần Văn Tích có thể đã làm cho người đọc định vị được đoạn trích văn và thấy được phần nào ý nghĩa gắn bó của nó với ý nghĩa và mục tiêu của toàn bài từ đó nó được trích ra. Việc đó giúp cho người đọc hiểu trong bối cảnh nào và tại sao tôi lại bàn về bài thơ của Nguyên Chấn. Vì bài " Về vấn đề ngôn ngữ và sự sáng tạo..." dài đến 35 trang (trong đó đã có bốn trang chữ nhỏ phần chú thích cuối bài), và vì phần nhận xét về cụm từ "tịch mịch hồng" trong bài *Cố Hành Cung* chỉ chiếm hơn nửa trang trong toàn bộ 35 trang này–bởi lẽ nó chỉ là một trong nhiều dẫn chứng mà tôi đưa ra để trình bày luận điểm của mình trong bài–, tôi đã chỉ chép lại bài thơ và có một số nhận xét và giới thiệu ngắn về những khía cạnh liên hệ đến cụm từ này, trong đó tôi có nhắc đến Trần Trọng San, Đỗ Bằng Đoàn và Bùi Khánh Đản. Nếu bài viết đó của tôi chỉ nhắm vào việc phân tích và nhận xét về bài thơ *Cố Hành Cung*, chắc chắn là tôi đã phải ghi chú và trình bày một cách cặn kẽ hơn. Cho dù là tôi đã chú thích đến bốn trang chữ nhỏ cho toàn bài viết, tôi nghĩ nếu tôi có thêm một vài chú thích cho phần trích đoạn được Trần Văn Tích dẫn, có lẽ vấn đề sẽ sáng rõ hơn. Xin được cám ơn tác giả Trần Văn Tích đã phần nào làm giúp công việc cần thiết này.

Cũng giống như Trần Văn Tích, tôi không còn tài liệu của hai ông Đỗ Bằng Đoàn và Bùi Khánh Đản. Ở đây, trong việc giới hạn trách nhiệm

của sự phân tích và thảo luận vào riêng cá nhân mình, tạm thời tôi xin được một mình nhận trách nhiệm nhìn "hồng" trong cụm "tịch mịch hồng" như một động từ. Và điều này, theo tôi, không giống cách nhìn của Trần Trọng San hay của hầu hết các dịch giả hay nhà chú giải học đã được ông Trần đưa ra làm dẫn chứng trong bài của ông (4). Tôi sẽ lần lượt giải thích những khía cạnh liên quan đến cái nhìn của mình dưới đây.

Tôi nhìn cấu trúc của câu hai, *Cung hoa tịch mịch hồng*, trên mặt nổi của nó như sau: *Cung hoa*: danh ngữ (noun phrase): hoa trong cung ["cung" bổ nghĩa cho "hoa"]. *Tịch mịch hồng:* ngữ tính từ (adjective phrase): hồng (trong vẻ) hoang vắng quạnh hiu ["tịch mịch", trạng từ, bổ nghĩa cho "hồng", tính từ]. Cũng có thể có người nhìn là *tịch mịch hồng*: danh ngữ: mầu hồng (trong khung cảnh) quạnh vắng.

Hồng, từ Hán Việt, là mầu đỏ lợt (Nguyễn Văn Khôn, *Hán-Việt Tự Điển*, Đại Nam). Ta dịch ra là "hồng" hay "đỏ (lợt)" thì cũng được. Các dịch giả quốc tế dịch là "đỏ". Cấu trúc mà tôi thử phân tích ở trên không hề có những động từ như *khai* hay *phát, trước*..., nghĩa là *(hoa) nở, mở ra, nở hoa*.... Trên bề mặt, cả câu thơ chỉ là hai cụm, hai ngữ (một là danh ngữ, một là ngữ tính từ) được đặt bên nhau. Chúng được dùng để tạo một tác dụng đối chiếu. Chúng soi vào nhau để làm bật ra ý nghĩa của nhau. Chúng tạo ra một thứ "khí hậu" của sự quạnh vắng và ảm đạm–cho dù là mùa Xuân có thể đang đến hay đang hiện diện. Trên bề mặt, câu thơ không phải là một câu theo cú pháp bình thường. Nó không có động từ.

Trên cấp độ ngữ pháp, ta có thể viết:

Cung hoa = tịch mịch hồng ("hồng" là tính từ, "tịch mịch" là trạng từ)

Nếu biến "đẳng thức" trên thành một câu, ta có:

Cung hoa (thì) tịch mịch hồng

Cấu trúc ngữ pháp của nó, trên mặt nổi, có dạng tương tự như:

Cô ta [= (thì)] đẹp lắm

Hay, nếu có người nhìn "hồng" là một danh từ, "tịch mịch hồng" là một danh ngữ, thì câu thơ sẽ có dạng tương tự với:

Anh ta [= (là)] học sinh giỏi

Đẹp, học sinh miêu tả, xếp loại, và xác định rõ tính chất hay vai trò của cô ta, anh ta. Cũng thế, *hồng* chỉ rõ và xác định tính chất hay, nói đúng hơn, là mầu của hoa. *Đẹp, học sinh, hồng*, như thế, xét trên cấu trúc ngữ pháp hiểu ngầm với dấu bằng (=) hay động từ "thì, là" ở giữa và hai cụm (hai ngữ) hai bên, sẽ giữ vai trò bổ định từ (complement) (5). *Hồng* làm rõ nghĩa cho *hoa* (trong cung). Có nghĩa là hoa(trong cung) thì mầu hồng.

Dù sao, trong cấu trúc của nó như thế, chúng ta vẫn hiểu một cách chung là "Hoa trong cung nở một mầu đỏ trong cảnh vắng quạnh và buồn bã". Trong tâm trí mình, ta tự động cho động từ *nở, khai, trước*, hay *tragen*... vào để câu thơ trở về với cái mạch văn xuôi bình thường của nó. Và trên cấp độ ngữ nghĩa, như thế, ta có:

Hoa *nở* hồng

Dù sao, trong tâm ta, với một sự nhận thức như thế, ở phần Vị ngữ (predicate) của câu "Hoa / nở hồng", ta có hai ý niệm đi bên nhau và nối tiếp nhau: Nở *và* Màu Đỏ (buồn bã, quạnh hiu).

Trên một bình diện, ta có:

Hoa và *Hồng* (màu của hoa)

Trên một bình diện khác, ta có:

Nở và *Hồng* (màu của hoa)

Trên cả hai bình diện này, "Hồng" đều là tính từ.

Trần Trọng San (mặc dù có câu dịch xuôi "Hoa trong cung lặng lẽ nở hồng"), với hai câu dịch thơ "Hoa cung vẫn lặng lẽ hồng nở tươi" và "Hoa xưa lặng lẽ vẫn hồng, vẫn tươi", đã cho thấy ông có cái nhìn gần gũi với cách tôi đã thử phân tích trên, với cấu trúc đẳng lập *Cung hoa = tịch mịch hồng*. Khi Trần Trọng San viết *Hoa xưa lặng lẽ vẫn hồng, vẫn tươi*, người đọc cảm nhận là trong óc ông có hai ý niệm "hoa" và "màu hồng". Hoa (thì) hồng. Có một hệ từ kết nối giữa chủ thể và bổ định từ theo sau. Ta có ảnh tượng hoa và sắc hồng của hoa (6). Câu *Hoa cung vẫn lặng lẽ hồng nở tươi* cũng có ảnh tượng hoa và màu hồng [Cụm "nở tươi" chỉ để thêm vào cho thành phần căn bản của câu "Hoa cung vẫn lặng lẽ hồng"]. Cả hai câu thơ dịch ấy, như thế, đều đã được dựa trên cấu trúc đẳng lập mà ta đã phân tích *Cung hoa = tịch mịch hồng*, trong đó "hồng" được nhìn và xét như một tính từ.

Đây là một cái nhìn hợp lý (truyền thống) và tự nhiên. Tôi nhận thấy nó cũng giống như cái nhìn của một số dịch giả khác đã được Trần Văn Tích trích dẫn. Chính vì sự tự nhiên và hợp lý trong cái nhìn bình thường này ở *cả hai* câu dịch thơ của Trần Trọng San, phù hợp với cách nhìn cũng tự nhiên và truyền thống của những dịch giả khác, tôi cho rằng hai câu thơ dịch đó không phải chỉ là vì "lề lối bố trí ngôn ngữ trong sáng tạo thi ca bị luật thơ chi phối nên không thể nào phản ảnh trung thực và chính xác cung cách tiếp thu nội dung nguyên tác như câu văn dịch xuôi" theo ý của Trần Văn Tích. Trần Trọng San dịch hai câu đó như vậy, tôi nghĩ, là vì ông nhìn thấy ý nghĩa câu thơ như vậy. Cách nhìn này, như đã nói, phù hợp hoàn toàn với cách nhìn của nhiều dịch giả khác. Khi ông dịch như thế, cho dù có thể ông đã nghĩ khác–theo cách ông dịch xuôi câu thơ (và

câu dịch xuôi này cũng chưa hẳn đã khác hai câu dịch thơ trong việc nhìn ngắm từ "hồng". Ta sẽ xét vấn đề này ở một đoạn ngay sau đây)–ta vẫn khó trách nếu độc giả nghĩ rằng ông đã nhìn xét từ "hồng" như một tính từ.

Câu dịch xuôi của ông, "Hoa trong cung lặng lẽ nở hồng", trông gần giống với câu "Hoa ở trong cung nở đỏ lên một cách tịch mịch" mà tôi đề nghị. Nhưng thật ra chúng không hẳn giống nhau. Trần Văn Tích viết, "Thú thật tuy tôi đã cố hết sức suy nghĩ nhưng vẫn không thể thấy hai câu văn xuôi tiếng Việt: *Hoa ở trong cung nở đỏ lên một cách tịch mịch* và *Hoa trong cung lặng lẽ nở hồng* có nội dung khác nhau ra sao, để chúng ta có thể cùng Bùi Vĩnh Phúc chấp nhận là có hai "lối nhìn và phân tích". Trong cả hai câu, *nở đỏ* và *nở hồng* đều chẳng là động từ; còn *tịch mịch* hay *lặng lẽ* đều chẳng là trạng từ, bổ nghĩa cho *nở đỏ, nở hồng* đấy sao?" Thậm chí, ông Trần còn hỏi chả lẽ tôi (BVP) "lại cho rằng trong câu văn dịch Trần Trọng San *Hoa trong cung lặng lẽ nở hồng, lặng lẽ* là thuộc từ của *cung*?" Về câu hỏi liên hệ đến từ "lặng lẽ", tôi nghĩ là tác giả Trần Văn Tích có thể yên trí, vì tôi *không hoàn toàn* nghĩ khác ông (7). Còn câu hỏi trước đó, tôi sẽ thử trả lời dưới đây, vì nó có vấn đề. Thật ra, theo tôi, ý nghĩa trên bề mặt của hai câu này có thể nói là *không mấy* khác nhau (8), nhưng *nội dung* (cái dung chứa ở bên trong) trên cấp độ ngữ pháp của chúng rất khác nhau.

Sau đây, tôi sẽ trình bày, trong cái nhìn của tôi (9), tại sao "nở đỏ lên", chứ không phải "nở đỏ" (trong "Hoa... nở đỏ lên.... ") lại có thể là động từ mà "nở hồng" (trong "Hoa... nở hồng") thì không thể.

Ta cần để ý từ "lên" trong cụm "nở đỏ lên". Ở đây, về mặt ý nghĩa, từ "lên" được dùng gần như một cảm từ. Về mặt cấu trúc ngữ pháp, nó được dùng như thành phần theo sau của một động từ kép. Nó tương tự như từ "lên" trong câu "Nụ cười ấy thắp sáng lên trong hồn chàng những niềm vui cũ", hay trong câu hát "Thắp sáng lên trong ta tình yêu mến", hay trong "Những ngọn đèn đã cháy sáng lên trong đêm", hay trong câu "Những trái cây hạnh phúc ấy đã chín đỏ lên trong mong ước của nàng". Từ "lên" trong "thắp sáng lên", "cháy sáng lên", và "chín đỏ lên", khi đi cùng với "sáng" và "đỏ" như thế, nó quấn quyện với từ mà nó đi cùng để tạo nên một tác dụng biểu cảm và một ý nghĩa đặc biệt. Và từ "lên", trong "nở đỏ lên", như thế, với vai trò là thành phần của một động từ kép, nó gắn liền với cụm "nở đỏ" và không thể tách ra được. Tôi sẽ nói tiếp về cụm "nở đỏ lên" này ở phần sau.

Câu "Hoa trong cung lặng lẽ nở hồng" của Trần Trọng San có thành phần chính là "Hoa nở". "Hồng", "trong cung" và "lặng lẽ" chỉ là những

phụ tố (hai từ trước bổ nghĩa cho "hoa", và từ "lặng lẽ" bổ nghĩa cho "nở"). Và, như đã phân tích ở một đoạn trước, cho dù nhìn câu thơ "Cung hoa tịch mịch hồng" theo một cấu trúc đẳng lập (Cung hoa = tịch mịch hồng) theo cách nhìn tự nhiên, truyền thống và bình thường, trong tâm trí, người ta vẫn tự động cho "nở" vào để câu thơ trở về với cái mạch văn xuôi bình thường và sinh động của nó.

Như thế, trên cấp độ Ngữ pháp, ta có: *Hoa (thì) hồng.*

Trên cấp độ Ngữ nghĩa, ta có: *Hoa nở hồng.*

Và, như cũng đã phân tích, trên cả hai bình diện này, "hồng" đều là tính từ.

Khi ta nói "Hoa nở vội", hay "Hoa nở muộn", ta có "vội" hay "muộn" là các bổ từ, chỉ rõ cách thế nở (của hoa). Các bổ từ này là trạng từ, làm rõ nghĩa cho "nở". Nhưng khi ta nói "Hoa nở hồng", ta cũng có bổ từ "hồng" nhưng bổ từ này chỉ rõ tính chất (chứ không phải cách thế nở) của hoa. Bổ từ "hồng" như thế là một tính từ, xác định mầu sắc của "hoa" (10)

Cụm "nở hồng" trong câu văn dịch xuôi của Trần Trọng San tương tự cụm "blossom red" trong câu dịch *The gardens blossom red (into the silence)* của Cyril Birch trong phần nhận xét về các câu thơ (văn) dịch trích dẫn được trình bày ở gần cuối bài. *Những vườn hoa nở hồng (vào tịch mịch).* Động từ "marry" và "grow" trong tiếng Anh cũng được dùng theo cấu trúc ngữ pháp này:

S + v.i. + *adjective (Chủ từ + Tự động từ + Tính từ)*

He grew older / It began to grow dark

(Ông ta trở nên già hơn / Trời bắt đầu [trở nên] tối)

She married young

(Cô ta lập gia đình [khi còn] trẻ)

"Red", trong câu của Cyril Birch, hay "older", "dark", "young" ("già hơn", "tối", "trẻ") trong những thí dụ vừa kể, đều là tính từ. "Hồng", trong "Hoa nở hồng", hay "Hoa trong cung lặng lẽ nở hồng", cũng vậy: nó là tính từ.

Trong cái nhìn của tôi–và đây là cốt lõi của cuộc thảo luận–, ở câu "Cung hoa tịch mịch hồng", tôi nhìn "hồng" là một động từ ở ngay cấp độ ngữ pháp. Khi nhìn như thế, ta không còn có sự phân biệt giữa "nở" và "hồng" nữa. Cả hai ý niệm này bây giờ chập vào làm một. Trong bản chất của "nở" đã có "hồng", và "hồng" là sự hiển hiện, thị hiện của "nở". Không còn sự biện biệt giữa hai ý niệm.

Từ "hồng" ấy, như thế, gần như không thể dịch. Ta chỉ thấy nó thị hiện và bật sáng trong nguyên tác. Ta không (hoặc khó) thể dịch nó sang

một tiếng nước khác đã đành, ta cũng không thể dịch nó ra ngay trong tiếng Hán. Vì nếu dịch nó, ta sẽ buông bỏ "hồng" như là cái cốt lõi của hiện tượng trong nghĩa bản thể học thâm sâu của nó. Ta sẽ có *khai, phát, trước*... mà không có *hồng*. Trong khi "hồng", tự trong nó đã có mặt của những động từ kia, cộng thêm với cái mầu hồng buồn bã và muôn thuở của bài thơ. Hầu hết các dịch giả và các nhà chú giải học mà Trần Văn Tích đưa ra trong bài viết của mình cũng không dịch được "hồng" vì họ không xét nó như là động từ (xin xem chú thích 4). Không ai xác định và giải thích điều đó trên cấp độ ngữ pháp. Và như tôi đã thử phân tích, họ đã không nhìn "hồng" như động từ, mà nhìn nó như tính từ, dựa trên cấu trúc đẳng lập *Cung hoa = tịch mịch hồng*. Tuy nhiên, khi chuyển dịch (ra văn xuôi hoặc văn vần), trên cấp độ ngữ nghĩa, để cho câu dịch trở nên xuôi chảy, sinh động, nhiều người trong họ đưa thêm một động từ như *nở, khai, phát, trước, blossom, put forth, poussent, tragen*... vào. Và "hồng" vẫn là tính từ, bổ nghĩa cho "hoa". Cùng lắm thì là danh từ. Tôi sẽ xét từng dẫn chứng trong bài Trần Văn Tích ở một phần dưới.

Chính tôi, khi thử dịch xuôi "cung hoa tịch mịch hồng", tôi biết mình cũng khó chuyển toàn vẹn cái trực nhận của mình (khi thấy "hồng" rực sáng lên như một động từ) ở cấp độ ngữ pháp sang cấp độ ngữ nghĩa. Với sự cố gắng, tôi đã chuyển là "Hoa trong cung nở đỏ lên một cách tịch mịch". Tôi kéo trạng từ "tịch mịch" về cuối câu, và chuyển động từ "hồng" lên trước. Để tính cách động từ của nó dễ được ghi nhận. Và tôi không dịch "hồng" là "nở đỏ". Mà dịch là "nở đỏ lên". Để tránh cho việc "đỏ" bị tách ra khỏi "nở" như trong trường hợp xảy ra đối với "nở hồng" trong câu dịch của Trần Trọng San. Từ "lên", như một cảm từ cần thiết–hay như thành phần của một động từ kép–trong trường hợp này, bám chặt lấy "đỏ". Và cả hai, "đỏ lên", quấn quyện với "nở" như một đơn vị bất khả phân. Cảm từ "lên" này bám chặt vào "đỏ", khiến "nở đỏ" (nguyên thủy giống như "nở hồng") biến thành "nở đỏ lên" (11), một cụm động từ có ý nghĩa như *redden, blush* (trong tiếng Anh), hoặc *rougir* (trong tiếng Pháp). Chúng có nghĩa là "làm đỏ lên, nở đỏ lên, mang màu đỏ lên khuôn mặt..." (tự động từ), hay "pha đỏ, nhuộm đỏ" (tha động từ) (12). Trong ý niệm "nở" có ý niệm "đỏ (lên)", vì chúng gắn bó và chập vào nhau.

"Nở đỏ lên" khác "Nở hồng" ở cấp độ ngữ pháp, vì, như trong chú thích 11, nó là một thứ động từ kép. Ngoài ra, về mặt phân tích ý nghĩa, ta có màu "hồng" nhưng không có màu "đỏ lên". "Hồng" trong "nở hồng" của TTS có thể được tách ra khỏi "nở" để đưa lên trước thành "Hoa (hồng) trong cung lặng lẽ nở"; còn "đỏ lên" trong "nở đỏ lên" không thể tách ra khỏi "nở" để đưa lên trước thành "Hoa (đỏ lên) ở trong cung nở một cách

tịch mịch".

Nếu được đưa thêm một câu dịch nữa, tôi sẽ dùng câu dịch cũ của mình để đưa ra thêm một câu khác. Tôi xin được bỏ đi một từ thôi trong câu dịch cũ của mình để tránh những khía cạnh phức tạp trong việc đi vào phân tích. Từ mà tôi chọn bỏ đi là từ "nở". Như thế, câu dịch thêm của tôi sẽ là *Hoa ở trong cung* đỏ lên *một cách tịch mịch*. Bây giờ, không có từ "nở" nữa, "đỏ lên"trong câu này (không phải "đỏ", mà "đỏ lên") được nhìn một cách rõ rệt hơn trong ý nghĩa của nó như một động từ.

Đó là những nỗ lực của tôi trên cấp độ ngữ nghĩa để dịch từ "hồng" như là một động từ mà tôi nhìn thấy trên cấp độ ngữ pháp của câu. Tuy nhiên, điều tôi đã làm rõ ràng hơn trong việc xác định cái nhìn này là tôi đã không chỉ dịch câu thơ mà thôi, *tôi còn nói rất rõ ra* cái nhìn của mình về vấn đề đó trong việc phân tích câu thơ trên quan điểm thi pháp học trong phần được Trần Văn Tích trích đoạn, *là tôi coi "Tịch mịch hồng" như một ngữ động từ (verb phrase), trong đó "hồng" là động từ, và nó được "tịch mịch" dùng như trạng từ bổ nghĩa cho.*

Trong đa số trường hợp, những nét xuất thần của ngôn ngữ (trong sáng tạo cũng như trong thưởng ngoạn văn chương) như thế, ta chỉ có thể nhận thấy chúng trong nguyên bản. Ta không hoặc rất khó diễn dịch lại chúng. Hãy thử lấy vài thí dụ:

* Hãy xét đoạn văn này của Mai Thảo:

Cõi không là thơ. Không còn gì nữa hết là thơ. Nơi không còn gì nữa hết là khởi đầu thơ. Một xóa bỏ tận cùng. Từ xóa bỏ chính nó. Tôi xóa bỏ xong tôi. Không còn gì nữa hết. Tôi thơ.

(*Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền*, California: Văn Khoa, 1989)

Câu văn cuối cùng "Tôi thơ." ấy thì "dịch" làm sao trong tiếng Việt? Và làm thế nào đây để một người ngoại quốc dịch nó? "Thơ" ở đây giữ vai trò gì trong câu? Danh từ [Tôi (là) thơ], hay tính từ [Tôi (thì) thơ (mộng)], hay trạng từ [Tôi (sống) thơ (mộng)], hay động từ [làm sao chuyển đây? Vì "thơ" đã được Mai Thảo dùng trong câu văn như là một động từ rồi. Từ "thơ" dùng ở đây rất mãnh liệt, nó muốn dung chứa mọi sự thuộc về thơ trong nó để diễn tả chủ thể. Chỉ có thể viết lại: Tôi thơ]? Đó là một câu viết rất mới và đẹp. Nó thu gọn tất cả ý nghĩa của đời người trong một từ. *Thơ*. Ngắn, gọn, và thẳng tắp như một ánh sao bay.

* Một câu của Trịnh Công Sơn:

Tôi là ai mà còn khi giấu lệ? Tôi là ai mà còn trần gian thế? Tôi là ai,

là ai, mà yêu quá đời này?

(*Tôi Ơi Đừng Tuyệt Vọng*, ca khúc)

Làm sao để dịch từ "trần gian", ở đây, cho thật sát nghĩa và gọn? Nó được dùng như một động từ trong câu hát. Biến nó trở lại thành một danh từ là ..."phá hư" đời nó!

* Một bài thơ ngoại quốc:

Kidnap Poem
ever been kidnapped
by a poet
if i were a poet
i'd kidnap you
put you in my phrases and meter
you to jones beach
or maybe coney island
lyric you in lilacs
dash you in the rain
blend into the beach
to complement my see
play the lyre for you
ode you with my love song
anything to win you
wrap you in the red black green
show you off to mama
yeah if i were a poet i'd kid
nap you
(Nikki Giovanni)

Tôi tạm chuyển thành:

có bao giờ bị bắt cóc chưa
bởi một nhà thơ
nếu tôi là một nhà thơ ấy à
tôi sẽ bắt cóc bồ
bỏ bồ vào trong những câu thơ tôi và nhồi
bồ ra biển
hay có lẽ một đảo hoang
làm cho bồ say sưa nhã nhạc trong hoa tử đinh hương

đẩy bồ vào mưa
trộn bồ vào biển
làm cho ngất cái nhìn tôi
chơi đàn thất huyền cho bồ nghe
tụng ca bồ với bài hát tình của tôi
bất cứ cái gì để chiếm lòng bồ
gói bồ lại với các thứ xanh đỏ tím vàng
đưa bồ ra khoe với má
ừa nếu tôi là một nhà thơ tôi sẽ bắt
cóc bồ
(Thơ Bắt Cóc)

Trong nguyên bản, *meter, ode, lyric* được dùng bất ngờ như những động từ, *see* được dùng như danh từ. Làm sao ta còn có thể giữ lại được cái phong thái, cái "diện mạo" đặc biệt của bài thơ nói chung và những từ vừa nêu nói riêng khi ta cố chuyển nó sang một ngôn ngữ khác? Và, cũng thế, làm sao ta "dịch" được những từ dùng bất ngờ kể trên ra tiếng Anh đây, mà không làm cho chúng "buồn bã" hay "nổi giận"?

.3.

Trong phần dẫn giải về bài thơ, Trần Văn Tích cho rằng "câu thơ thứ hai chấm dứt bằng chữ *hồng* và ngay tiếp đó là câu thơ thứ ba khởi đầu bằng chữ *bạch*. Hai màu sắc tương phản tô đậm nét bức tranh vân cẩu khắc họa hình ảnh sẽ tàn tạ của một mùa hoa đang nở rộ, phản ảnh cảnh trí sụp đổ của một thời cực thịnh." Ông nhìn thấy *hai màu sắc*, tôi nhấn mạnh. Nếu như thế, bình thường, ta sẽ phải nghĩ là hai từ đó, hai màu đó được đặt gần (như sát) nhau để tạo tác dụng tương phản, soi chiếu; bởi vậy, chúng sẽ là những từ đồng loại, đồng (bản) chất. *Bạch* là tính từ, bổ nghĩa cho *đầu*. Vậy thì *hồng* cũng là tính từ. Suy nghĩ như vậy là hợp lý và rất tự nhiên. Đó là suy nghĩ của gần như tất cả mọi người. Qua nhận xét trên của ông, ta dễ nghĩ là Trần Văn Tích cũng, một cách minh nhiên (hữu thức) hay không minh nhiên (vô thức), cho rằng hồng trong "tịch mịch hồng" là một tính từ. Trong phần dịch xuôi *Chốn Hành Cung* ở phần đầu bài viết của mình, dịch giả (Trần văn Tích?) chuyển câu hai của bài thơ thành "Hoa trong cung lặng lẽ nở màu hồng". Câu này gần giống nguyên văn như câu của Trần Trọng San mà ta đã thử phân tích (chỉ thêm "màu" trước "hồng"). Ở đây, ta cũng có hai ý niệm "nở" và "màu hồng". Và "màu hồng" ở đây là màu của hoa. Nó là tính từ, như đã được phân tích

trong câu của Trần Trọng San.

Sau đây, tôi xin phép lặp lại những câu dịch hay phần chú thích của những dịch giả và các nhà chú giải học mà Trần Văn Tích đã dẫn trong bài của ông, cùng lúc, đưa ra những nhận xét vắn gọn của mình về những câu dịch hay phần chú giải đó. Qua phần dịch và chú giải, ý kiến của các dịch giả và các nhà chú giải học khá khác biệt. Tuy nhiên, Trần Văn Tích, sau khi dẫn bảy tác giả đầu, lại cho rằng "cả người Việt lẫn người Tàu khi thưởng ngoạn câu *Cung hoa tịch mịch hồng* đều cùng hiểu giống nhau." Điều này làm tôi rất ngạc nhiên. Sau đó, ông dẫn thêm chín tác giả Âu Mỹ nữa và kết luận là cuối cùng thì "*hoa* vẫn *tịch mịch*". Ông lại làm tôi kinh ngạc. Tôi không hiểu rõ tại sao ông lại kết như thế; bởi lẽ, "tịch mịch" không hề là vấn đề. Vấn đề là ở chỗ "hồng" được nhìn như động từ hay tính từ.

Những nhận xét của tôi được đưa ra ở đây chỉ nằm trong bối cảnh của đề tài cuộc thảo luận, về cách dùng từ *hồng* như là tính từ hay động từ. Như thế, dĩ nhiên, chúng hoàn toàn không phải là những đánh giá văn học. Tôi xin lược bỏ phần Nhà Xuất bản, năm xuất bản, số trang, v.v..., vì những phần này đã có ghi đầy đủ trong bài của Trần Văn Tích. Tôi trình bày phần này để làm sáng rõ hơn nữa luận điểm của mình trong suốt bài.

1/ Huỳnh Minh Đức, *Văn học sử Trung Quốc*, Quyển I:

Bây giờ chỉ còn lại những đóa hoa hồng, làm cho cảnh sắc thêm vắng vẻ.

Câu này dịch khá sát ý theo cấu trúc ngữ pháp của "Cung hoa = tịch mịch hồng" nhưng diễn ý dài ra. Không có động từ "nở" được tự động thêm vào ở đây, có lẽ vì dịch giả muốn bám sát cấu trúc câu. "Hồng" là tính từ, bổ nghĩa cho "những đóa hoa".

2/ Ngô Tất Tố, *Đường Thi*, dịch thành thơ:

Trước cung, hoa thắm mấy bông rầu rầu.

Câu này cũng theo sát cấu trúc ngữ pháp của "Cung hoa = tịch mịch hồng". Không có động từ "nở" được tự động thêm vào ở đây. Động từ "thì" hiểu ngầm. Có thể coi "rầu rầu" là tính từ (tương tự như "sad", "lonely" trong tiếng Anh), đứng làm bổ định từ (complement) sau động từ "thì" hiểu ngầm. "Thắm" là để chuyển từ "hồng". Nó là tính từ, bổ nghĩa cho hoa. [So sánh thêm với câu trích dẫn số 9 ở dưới.]

3/ Trần Trọng Kim, *[Đường Thi]*, dịch thơ:

Hoa kia vẫn nở đìu hiu cạnh lầu.

Cụm "cạnh lầu" không có trong nguyên bản. Ở đó là "trong cung". "Hồng" trong nguyên bản là màu của hoa bị biến mất trong phần dịch.

Động từ "nở" được tự động thêm vào.

4/ *Đường thi tam bách thủ chú sớ*, Ngô Thiệu Liệt, Chu Nghệ Hiệu điểm, ghi:

cung hoa: cung trung chi hoa (hoa ở trong cung)

tịch mịch: lãnh đạm giã. Xuân cung vô chủ, hoa diệc tịch mịch giã (lạnh nhạt, thờ ơ. Cung mùa Xuân không có chủ nhưng hoa cũng vẫn thờ ơ nở)

Ở đây, từ mà ta quan tâm là "hồng" thì không thấy tác giả chú. Ta không thể biết tác giả nhìn vai trò ngữ pháp của "hồng" như thế nào. "Cung hoa" và "tịch mịch" cũng chỉ được chú về mặt ngữ nghĩa. Phần Việt dịch trong ngoặc đơn (của Trần Văn Tích?) được bỏ thêm động từ "nở" vào.

5/ *Đường thi tam bách thủ dịch giải*, Trương Quốc Vinh trứ:

* phần Chú thích:

tịch mịch: lãnh thanh, cô độc. (Bỏ phần ghi chú theo Hán Việt từ điển, Hầu Hàn Giang chủ biên, vì tôi thấy không cần thiết cho việc nhận xét của mình ở đây).

* phần Kim dịch:

Cung trung lục diệp hồng hoa giả cảm đáo tịch mịch; nghĩa là: Lá xanh hoa đỏ ở trong cung cũng cảm thấy tịch mịch.

* phần Giản tích:

"Tịch mịch hồng hoa", "bạch đầu cung nữ", hình tượng địa biểu hiện xuất giá chủng thương tang chi biến. ("Tịch mịch hồng hoa", "bạch đầu cung nữ" là hình tượng biểu hiện cảnh tang thương biến đổi).

Nhận xét của tôi: Phần Kim dịch cho thấy dịch giả bám lấy ấn tượng của "Cung hoa = tịch mịch hồng". Không có "nở" ở đây. Hoa chỉ cảm thấy tịch mịch. "Hồng" là tính từ, bổ nghĩa cho "hoa". Phần Giản tích cho biết thêm ý nghĩa của những thành ngữ "tịch mịch hồng hoa" và "bạch đầu cung nữ", và trong những thành ngữ này, "hồng" và "bạch" đều là những tính từ.

6/ *Đường thi tam bách thủ*. Tác giả Phó Lược.

Phần Ngữ thể: *Cung lý đích hoa đóa tuy nhiên phát trước hồng sắc, đãn thị hàm hữu thê lương đích cảnh tượng.* (Những đóa hoa trong cung dẫu nở mầu hồng, nhưng vẫn ngầm gây ấn tượng thê lương).

Tác giả chú giải rộng ra, cho ý "nở hoa" (phát trước) vào. "Hồng sắc" cho thấy "hồng" vẫn được nhìn như tính từ. Tác giả này cũng bám sát vào ấn tượng mà cấu trúc ngữ pháp của "Cung hoa = tịch mịch hồng" để lại. Có một sự đối chọi, soi chiếu của/giữa hai vế để tăng nét buồn thảm, thê lương.

7/ *Danh gia giám thưởng. Đường thi đại quan*. Tiêu Địch Phi và ctv.:

Thứ cú ám thị hoàn cảnh hòa thời gian, cung trung hồng hoa thịnh khai, chính đương xuân thiên quí tiết [Câu (thơ) thứ hai hàm ý chỉ hoàn cảnh và thời gian, hoa đỏ trong cung nở rộ, chính là thời tiết của buổi đương xuân].

Tác giả chú và giải rộng ra, cho động từ "khai" vào. "Hồng" vẫn là tính từ.

8/ *A further selection from the Three Hundred Poems of the T'ang Dynasty*. Translated by Soame Jenyns:

The palace flowers put forth their red blooms in silent neglect.

Động từ "nở" (put forth) được thêm vào để diễn cho rõ ý. "Hồng" (red) vẫn là tính từ, bổ nghĩa cho "hoa" (blooms).

9/ *The Jade Mountains. A Chinese Anthology*. Translated by Witter Bynner:

Peonies are red, but no one comes to see them...

Diễn ý đi hơi xa, nhưng hàm ý vẫn đúng. Hoa được xác định tên là thược dược, mẫu đơn, hay hoa trang (peonies). Bám rất sát cấu trúc đẳng lập "Cung hoa = tịch mịch hồng", qua đó, cho thấy rõ dấu bằng (=) giữa hai vế này là động từ "thì" ("are", to be). "Hồng" vẫn là tính từ, đứng làm bổ định từ sau động từ "to be".

10/ *The Four Seasons of T'ang Dynasty*. John C.H.Wu:

The flowers in utter loneliness blush.

Cho động từ "blush" vào. "Hồng", như một tính từ, biến mất. Nó đã được chuyển vào "blush". "In utter loneliness" vẫn cho thấy được nét vắng quạnh, tịch mịch của khung cảnh. Theo ý tôi, đây là một câu dịch tuyệt diệu. "Blush" làm cho ta nghĩ về những đóa hoa như những người con gái còn đang xuân đẹp, ửng hồng e thẹn trong gió xuân. "Blush" trong câu văn dịch này thật tuyệt. Dịch như thế chính là nhìn "hồng" trong "Cung hoa tịch mịch hồng" như một động từ. Tác giả đã nhìn thấy "hồng" như một động từ trong cấp độ ngữ pháp của câu và đã thành công trong việc chuyển khá nguyên vẹn cái nhìn ngữ pháp ấy vào cấp độ ngữ nghĩa. Hai ý niệm vốn là tách biệt trong những câu dịch khác, là ý niệm về "nở" và ý niệm về "sắc hồng của hoa", ở đây, chập làm một và hòa quyện thắm thiết với nhau. Ta không thể tách chúng ra làm hai được nữa.

"Blush", như thế, đã là "tuyệt" lắm. Nhưng nó vẫn không bắt được thật sát từ "hồng" (nhìn như một động từ trong "Cung hoa tịch mịch hồng"). Nó, trong cảm nhận của tôi, có thể làm giảm đi phần nào tính cách tịch mịch của khung cảnh (Tại sao hoa lại thẹn? Có ai làm cho hoa thẹn hay không, hay chỉ có cảnh vắng vẻ mà thôi?) Hay sự liên tưởng đến những

người con gái má xuân ửng hồng xinh đẹp kia lại tạo ra sự đối chọi với khung cảnh quạnh vắng chung quanh, khiến cho khung cảnh càng trở nên buồn thảm, thê thiết hơn. Giảm đi hay tăng lên sự buồn thảm đều làm cho cảm nhận của người đọc câu thơ dịch thấy khác (ở một mức độ nào đó) với cảm nhận mà họ có khi đọc nguyên tác. Dịch vẫn là một nghệ thuật. Nó là một nghệ thuật của những nỗ lực đuổi bắt không ngừng.

11/ *Select Chinese Verses*. Translated by Herbert A. Giles and Arthur Waley và *Gems of Chinese Literature. Verse*, by Herbert A. Giles:

Save by some few poor lonely flowers...

"Poor" được thêm vào nguyên tác. "Hồng" biến mất, không còn để lại dấu vết gì trong câu dịch.

12/ *Anthology of Chinese Literature from early time to the fourteenth century*. Cyril Birch:

The gardens blossom red into the silence.

Biến những bông hoa thành những vườn hoa "nở hồng trong sự quạnh vắng". "Hồng" (red) vẫn là tính từ, bổ nghĩa cho "những vườn hoa". Thêm động từ "nở" (blossom). [So sánh với câu dịch xuôi của Trần Trọng San.]

13/ *Les lettrés chinois. Poètes T'ang et leur milieu*, Geargette Jaeger, và *L'anthologie de trois cents poèmes de la dynastie des Tang*, Société des Éditions culturelles internationales:

Les fleurs rouges y poussent à l'abandon

Thêm động từ "nở" (poussent) vào cho sinh động. "Hồng" (rouges) vẫn là tính từ, bổ nghĩa cho "hoa" (fleurs)

14/ *Vacances du Pouvoir*, Paul Jacob:

Dans le palais rougit, seule, une fleur.

Làm mất cả vườn hoa để chỉ còn lại một đóa hoa, có lẽ để diễn ý trơ trọi, quạnh vắng.

Và đóa hoa ấy đỏ hồng lên. "Hồng" ("rougit") là một động từ, dùng rất đắc theo lối đảo trang (inversion). *Trong cung, trơ trọi, một đóa hồng nở đỏ lên.* Câu Pháp dịch thật đẹp. Paul Jacob cũng bắt tay với John C.H.Wu, xem "hồng" là một động từ ngay trong cấp độ ngữ pháp. Và đã thành công trong việc chuyển cái nhìn của ông lên cấp độ ngữ nghĩa. "Nở" và "hồng" đã chập vào nhau trong cái nhìn trực nhận (13).

15/ *Der seidene Faden. Gedichte der Tang*, Volker Kloepsch:

Still und einsam tragen die Blumen ihr Rot.

(Lặng lẽ và trơ vơ, hoa mang sắc đỏ)

Thêm động từ "mang" (tragen). Vẫn cần "sắc đỏ" (Rot) để miêu tả "hoa" (Blumen).

16/ Die Jadesplitter der Dichter, Volker Kloepsch:
fur sich allein tragen die Blumen ihr Rot.
(Hoa mang sắc đỏ cho riêng mình mà thôi)

Cùng một người dịch. Hơi khác trong việc diễn tả ý "tịch mịch", nhưng phần căn bản mà ta đang lưu ý ở đây vẫn không có gì thay đổi so với câu trên.

Qua những câu dịch và sự chú giải của các dịch giả và các nhà chú giải học mà ta đã lược qua ở trên, ta nhận thấy rằng, ngoại trừ John C.H. Wu và Paul Jacob, tất cả những dịch giả khác đều chuyển cái ý nghĩa trên bề nổi cùng với ấn tượng mà họ bắt được, ở cấp độ ngữ pháp, trong câu thơ của Nguyên Chẩn–là có hoa trong cung, và có mầu hồng (trong cảnh) tịch mịch–vào câu dịch của mình, ở cấp độ ngữ nghĩa. Qua cấu trúc đẳng lập của *Cung hoa = tịch mịch hồng*, họ có hai ý niệm, một ý niệm về "hoa" và một ý niệm về "(mầu) hồng". Để chuyển cái ý của vế sau–vốn chỉ có sắc hồng của mầu hoa và nét hoang quạnh thê thiết của cảnh tịch mịch–một cách xuôi chảy vào cấp độ ngữ nghĩa của bản dịch, nhiều tác giả đã tự động cho động từ "nở" (hoặc một động từ tương đương) vào. Nhưng khi thêm động từ "nở" vào như thế, trong tâm họ vẫn có hai ý niệm, một ý niệm về "nở" và một ý niệm về "(mầu) hồng". Hai ý niệm ấy nằm bên nhau để tạo nên ấn tượng chung của khung cảnh *Chốn Hành Cung*. Như thế, trong cái nhìn của họ, "hồng" vẫn là một tính từ, cùng lắm là danh từ, được dùng để bổ nghĩa, xác định cho "hoa". *Và ta nhìn thấy điều ấy trong những bản dịch của họ.*

Tôi đã nghĩ là nếu chúng ta không nhìn như thế, mà nhìn "hồng" như một động từ, ở ngay cấp độ ngữ pháp, nhìn thấy nó không tĩnh tại như một mầu hồng, mà thấy nó xao động và bật nở với sắc hồng ở ngay trong bản chất của nó, không phải là một sắc mầu ngoại tại, bên cạnh, hoặc mang tính kết quả của sự nở, ta sẽ thấy câu thơ mang một giá trị biểu cảm khác hẳn.

Trong sự thảo luận về vấn đề này ở đây, như độc giả đã thấy, tôi tình cờ nhận ra rằng John C.H. Wu và Paul Jacob cũng đã làm điều tôi cố gắng làm trong hai câu dịch của họ. Họ chuyển cái nhìn ngữ pháp (rất không truyền thống và rất lệch chuẩn) của mình–trong đó "hồng" là động từ chứ không phải tính từ–một cách tuyệt diệu vào cấp độ ngữ nghĩa của bản dịch. *The flowers in utter loneliness blush.* Và *Dans le palais rougit, seule, une fleur.* "Hồng" và "nở" đã hòa nhập trọn vẹn trong "blush" và trong "rougit". Cách nhìn theo hướng này, trong quan điểm của tôi, không nhất thiết là đúng, hay đúng hơn, so với cách nhìn bình thường trong đó "hồng"

là tính từ, "hồng" và "nở" là hai ý niệm tách biệt. Nó cũng không sai. Nó chỉ khác. Và tôi nghĩ là ta nên tôn trọng quyền được khác của mọi người.

Trần Văn Tích, qua bài viết của mình, và với sự trình bày một số tài liệu dẫn chứng đáng quý (mặc dù gần như ông không hề phân tích và nhận xét những tài liệu đó như cách tôi đã làm ở trên, mà chỉ trình bày bằng cách liệt kê chúng), đã kết luận là tất cả mọi người được ông dẫn trích đều có một cái nhìn như nhau. Ông khẳng quyết không hề có hai cách nhìn đối lập tính từ / động từ như tôi "chủ trương". Về phần cá nhân mình, giờ đây, qua những tài liệu đóng góp thêm mà chúng ta đã thấy, tôi càng nhận ra rằng các dịch giả và các nhà chú giải học đã có một số ý kiến khác nhau qua cách hiểu và dịch của họ. Có những người hiểu chúng đúng như khi chúng xuất hiện ở cấp độ ngữ pháp *Cung hoa = tịch mịch hồng*, với hệ từ *thì, to be* được viết rõ ra, hoặc được hiểu ngầm, để nối kết hai vế. Có những người, khi chuyển câu thơ từ cấp độ ngữ pháp lên cấp độ ngữ nghĩa, đã tự động cho động từ "nở" hoặc một động từ tương đương vào cho câu văn xuôi chảy, sinh động hơn. Những người kể trên, trong quan điểm của tôi, ở cấp độ ngữ pháp, đều nhìn "hồng" như một tính từ qua cách dịch của họ. Nhưng cũng có rất ít người nhìn thấy "hồng" là động từ trên cấp độ ngữ pháp, và thành công trong việc chuyển nó sang cấp độ ngữ nghĩa. Như vậy, nếu tập trung cái nhìn phân tích vào cách mọi người nắm bắt cấu trúc ngữ pháp mạch ngầm của câu thơ, tôi vẫn thấy có hai cách nhìn như tôi đã phân tích và trình bày suốt bài này. Đó là: một cách nhìn xét "hồng" là tính từ, và một cách nhìn xét "hồng" là động từ. Về cách nhìn xem "hồng" là động từ, tôi muốn nói là người nhìn nó thấy ngay, một cách trực nhận, trong cấu trúc và cấp độ ngữ pháp của câu thơ "Cung hoa tịch mịch hồng", cái từ "hồng" ấy nó bùng nở với màu đỏ nằm ngay trong nó, mà không cần phải vận dụng tâm trí vào những thao tác ngôn ngữ để đưa ý niệm "hồng", hoặc hai ý niệm "nở" và "hồng" tách biệt, lên cấp độ ngữ nghĩa khi họ muốn chuyển dịch hay chú giải câu thơ. Người ấy nhìn thấy ngay trong cấp độ ngữ pháp "nở" và "hồng" chập vào nhau. Chỉ có một ý niệm bùng nở, xao động và ánh sắc. Cách nhìn thứ nhất có tính cách truyền thống, và cách nhìn thứ hai mang tính "lệch chuẩn" nhưng đưa ra được những cảm thức khác lạ và đặc biệt.

Qua sự trình bày, tôi nhận ra là chúng tôi–tác giả Trần Văn Tích và người viết bài này–khác nhau. Tôi nghĩ vấn đề là chúng ta có sử dụng văn bản (dịch bản) hay không khi làm công việc trình bày và phân tích, và, nếu có, chúng ta sử dụng những văn bản ấy như thế nào. Có thể chúng ta có những cách làm việc, cách suy luận khác nhau. Nhưng những cái khác nhau đó, cuối cùng tôi nghĩ, chính là cái làm nên màu sắc của đời sống.

Nó làm cho cuộc sống thêm phong phú và sinh động. Xin cám ơn tác giả Trần văn Tích đã tạo tiền đề để có cuộc thảo luận này.

.4.

Trong lĩnh vực sáng tạo cũng như trong lĩnh vực thưởng ngoạn nghệ thuật, văn chương, tôi nghĩ sự khác biệt có một giá trị riêng của nó. Sự khác biệt này không nhất thiết phải liên hệ đến việc hô hào cho cái mới, mặc dù bản thân nó có thể mang mầm mống cho một cái mới, một cái gì khác lạ. Bàn về vấn đề này cần có một bài khác, hay một chuyên đề riêng. Dù sao, nếu đa số hay tất cả mọi người đều nhìn về một hướng, mà ta lại nhìn đi hướng khác, trước hết ta phải xét kỹ lại cảm thức của mình. Nếu ta có thể vững tin vào cảm thức của chính ta, và nếu ta có một thôi thúc để đi theo hướng mà cái cảm thức ấy dắt dẫn, xui khiến, tôi thấy ta không có gì để phải sợ hãi. Miễn là ta dám chấp nhận kết quả của cuộc đi, cuộc lên đường của mình. Sẽ không có một "thẩm quyền" nào có thể ngăn chặn được bước đi của những kẻ nhìn thấy bật sáng lấp lóe trên con đường đi tới của mình những ánh hồng của một bình minh mới.

Và ở trên cao kia là những dải mây xa.

Irvine, California
IX-1999

Chú Thích:

(1) Vấn đề này, dù sao, còn có nhiều khía cạnh để bàn thảo, tranh luận. Có những nghệ sĩ thiên tài đã phải chịu lao đao khốn khó trên con đường tìm kiếm của mình, và khi đã tìm được cho mình một cái mới, một phong cách đặc thù rồi, họ vẫn không được người đời công nhận. Cho đến khi họ chết đi, một vài chục hay cả một vài trăm năm sau, người đời mới nhận ra thiên tài của họ.

(2) Phần dịch không thấy chú thích tên dịch giả. Có lẽ do Trần Văn Tích dịch.

(3) Trong phần trích đoạn nhận xét của tôi, Trần Văn Tích đã vô ý ghi là "tĩnh mịch hồng" thay vì "tịch mịch hồng". Điều này có thể vô tình ảnh hưởng đến thái độ của người đọc khi nghĩ rằng tôi đã dẫn trích sai trong khi đưa ra nhận xét về câu thơ.

(4) Ngoại trừ John C.H. Wu và Paul Jacob. Tôi khám phá ra là cả hai người này và tôi đã cùng chia sẻ một cái nhìn. Xin xem phần phân tích ở đoạn cuối bài.

(5) *Bổ định từ* là từ tôi tạm dịch và dùng trong các học trình cấp Đại học do

tôi soạn về Ngôn Ngữ Học, và đặc biệt là Ngữ Pháp Học, cho các lớp Ngôn ngữ và Văn hóa Việt Nam mà tôi dạy trong hơn mười năm nay tại Mỹ. Nó được dùng để chuyển từ *complement*, hoặc rõ hơn là *subject complement*, trong tiếng Anh, hay từ *attribut* trong tiếng Pháp. Một tính từ hay một danh từ, đứng sau một động từ chỉ cảm giác hay sau một động từ nối kết (linking verb)–đặc biệt động từ "to be" (tiếng Anh), hay "être" (tiếng Pháp)–sẽ được gọi là bổ định từ. Nhiệm vụ ngữ pháp của nó là để miêu tả, xếp loại, hay xác định... (nói chung là làm rõ tính chất) của chủ từ. Thường, các nhà ngữ pháp học trước đây dịch nó là *túc từ* hay *bổ từ*. Tôi muốn tránh sự hiểu lầm nó với *túc từ trực tiếp* (direct object), *túc từ gián tiếp* (indirect object), hoặc *bổ từ* (modifier, có người còn gọi là *bổ túc từ*, hay *thuộc từ*)–một từ làm rõ nghĩa cho một từ khác–nên đã dịch là bổ định từ. Nó vừa **bổ** nghĩa (xếp loại, miêu tả...) vừa xác **định** tính chất của chủ từ.

(6) Xin xem thêm phần dịch và chú giải số 2 và số 9 của Ngô Tất Tố và Witter Bynner ở phần gần cuối bài. Hai dịch giả này có cái nhìn cũng giống như cái nhìn của Trần Trọng San trong hai câu thơ dịch, đặc biệt trong câu "Hoa xưa lặng lẽ vẫn hồng, vẫn tươi".

(7) Cũng như Trần Văn Tích, tôi cho rằng "lặng lẽ" dĩ nhiên không bổ nghĩa cho "cung". Nhưng trong cái nhìn của tôi, nó bổ nghĩa cho "nở", chứ không cho "nở hồng" (như quan điểm của ông Trần). Xin xem thêm phần trình bày của tôi trong bài.

(8) Nói là không mấy khác nhau là nói một cách tổng quát. Nhưng nếu phân tích ý nghĩa về mặt hiện tượng học hay bản thể học, chúng thật sự khác nhau. Xin đọc tiếp phần trình bày chính trong bài, và xem thêm chú thích 11.

(9) Tất cả những phân giải về các cấu trúc từ pháp, cú pháp trong bài này của tôi, một phần dựa trên phương pháp của Ngôn ngữ học đối chiếu, có thể cho ta nhìn thấy mấy nét chung của Việt ngữ với một vài ngôn ngữ mà ta có chịu ảnh hưởng. Hướng phân giải này, đồng thời, cũng là một nỗ lực tìm kiếm những nét đặc thù của Việt ngữ. Hy vọng là nó trình bày được một chút gì về cái ngôn ngữ mà chúng ta đang sử dụng. Dù đã có những đóng góp tốt đẹp của nhiều nhà ngôn ngữ học Việt Nam, vẫn còn những lĩnh vực nghiên cứu và những góc cạnh tế nhị trong ngôn ngữ Việt nói chung, ngữ pháp Việt nói riêng, đã chưa được quy chuẩn hóa đúng mức như trong một số ngôn ngữ quốc tế khác. Chúng ta vẫn phải tiếp tục đào sâu vào việc nghiên cứu này.

(10) Điểm khác duy nhất giữa hai câu dịch thơ và câu văn dịch xuôi của Trần Trọng San là: cái chi phối ta nhiều trong hai câu thơ dịch của ông là hai ý niệm "hoa" và "hồng"; cái chi phối ta nhiều trong câu dịch xuôi là hai ý niệm "nở" và "hồng". Trong những câu dịch của ông, "hồng" luôn được nhìn như một tính từ.

(11) "Nở đỏ lên", như thế, khác "nở hồng" về mặt cấu trúc ngữ pháp. Như đã nói, nó giống như một động từ kép (chẳng hạn, trong tiếng Anh: *speak up, look up, look for, light up, burn up, burn down, burn out...*) Từ đó, nó cũng trở nên khác biệt về mặt ý nghĩa: "nở hồng" có nghĩa là (hoa) "nở" ra màu "hồng"; còn "nở đỏ lên" có nghĩa là (hoa) để cho mình tự đỏ lên trong tác động nở.

(12) Xem *Webster Ninth New Collegiate Dictionary* (Springfield, MA: Merriam-Webster, Inc., 1985) và *Modern Dictionary English-French/French-English Larousse*. New Edition (Paris: Librairie Larousse, 1978). "Redden" có thể dùng như tha động từ (hay ngoại động từ, transitive verb) cũng như tự động từ (hay nội động từ, intransitive verb). "Blush" chỉ được dùng như tự động từ. Xem thêm câu dịch trích dẫn số 10. "Rougir" được dùng như cả tự động từ và tha động từ.

(13) Paul Jacob không chỉ khác người ở chỗ ông thấy chỉ có một đóa hoa thay vì nhiều đóa như Trần Văn Tích đã nhận xét ở cuối bài. Điểm làm Paul Jacob, cũng như John C.H.Wu, tách biệt khỏi những dịch giả hay những nhà chú giải học khác là ông đã nhìn "hồng" như một động từ ở ngay trong cấp độ ngữ pháp, và đã thành công trong việc chuyển khá nguyên vẹn cái nhìn ấy lên cấp độ ngữ nghĩa. Việc Paul Jacob chỉ nhìn thấy có một đóa hoa có giống như việc Quách Thoại đã không nhìn thấy gì nơi ngoại cảnh, mà chỉ nhìn thấy "đứng im ngoài hàng giậu / em mỉm nụ nhiệm mầu / lặng nhìn em kinh ngạc / vừa thoáng nghe em hát / lời ca em thiên thâu / ta sụp lạy cúi đầu" trong bài *Thược Dược*? Đóa hoa của Quách Thoại đẹp cô đơn, thiêng liêng và thần thánh. Đóa hoa của Paul đẹp thê thiết.

Đã phát hành khắp nơi

Cồn Mây

Truyện dài

HỒ MINH DŨNG

Tựa Lâm Chương
Bạt Nguyễn Vy Khanh
Bìa Đinh Cường

Văn Mới Xuất Bản
Văn Nghệ Phát Hành

Vệt Máu Còn Tươi

CAO XUÂN TÚ

bên này bóng tối
một người ngồi
chỗ trũng giữa hai mảnh đời
chia đài vệt sáng lăn hoài
buổi sáng trong gương tìm mặt mẹ
nhìn ra chẳng được phần nửa mặt tôi

bướm ơi nhả cho ngon
à ơi cái kén con sâu sợi tơ
quí báu giùm nhau thân xác
dã tràng bộ ngực ho lao
hái giùm tôi vầng trăng
vác liềm chơi trên ngói

à ơi mà thôi
sầu mi tao chua muốn chết
em ơi mà thôi
thời gian cú nhăn hoài lăng kính
dã thay màu rau má râu dê
cho tôi nhận diện
con mắt cận cái răng khểnh
cắm trong vang rượu
cúa từng thớ thịt
còn thơm tiếng kinh cầu

vệt máu còn tươi

Cao Xuân Tú

Chất thơ trong văn phong của Trần Hoài Thư

Lương Thư Trung

Trong sinh hoạt văn học nghệ thuật hải ngoại hôm nay, bút hiệu Trần Hoài Thư được nhắc đến như một nhà văn hơn là một nhà thơ . Với bốn tác phẩm của tác giả trước năm 1975 là *Nỗi Bơ Vơ Của Bầy Ngựa Hoang* (1970), *Những Vì Sao Vĩnh Biệt* (1971), *Ngọn Cỏ Ngậm Ngùi* (1972), *Một Nơi Nào Để Nhớ* (1974) cùng với bốn tập truyện sau này ở hải ngoại *Ra Biển Gọi Thầm* (1995), *Ban Mê Thuột Ngày Đầu Ngày Cuối* (1997), *Về Hướng Mặt Trời Lặn* (1998) và *Mặc Niệm Chiến Tranh* (1999) so với thi phẩm duy nhất là "Thơ Trần Hoài Thư", đã cho phép bất cứ người đọc nào đã từng quan tâm theo dõi đến nền văn học Việt Nam hiện đại đều nhận ra rằng Trần Hoài Thư quả nhiên là một nhà văn hiện đại .

Riêng những tác phẩm xuất bản trước năm 1975, ngày nay đã tuyệt bản. Nhưng với bốn tập truyện vừa nêu được tác giả cho xuất bản liên tục trong vài năm qua quả đã nói lên rằng Trần Hoài Thư là một cây bút đang viết rất mạnh, rất hăng. Dù đang ở cái tuổi chưa già, nhưng chắc chắn đã dày dạn phong trần qua bao cuộc đổi dời dâu bể của cuộc đời đã làm nên những chất liệu phong phú cho ngòi bút Trần Hoài Thư như lúc nào cũng muốn viết lại và viết không mệt mỏi về những người lính trận có một thời là những người bạn đồng ngủ với tác giả .

Những truyện ngắn, những tùy bút, những ký sự giống như những chiếc áo trận được Trần Hoài Thư khoác bên ngoài những tác phẩm nói lên nỗi cơ cực đoạn trường, những gian khổ hiểm nguy cùng nỗi bất hạnh của người đồng đội với mình, nhưng Trần Hoài Thư che giấu bên trong một hồn thơ dạt dào nhiều cảm xúc ... Cái phong cốt đó trong văn chương Trần Hoài Thư là cái nét đặc trưng thật hiếm hoi trong các tác phẩm văn xuôi ngày nay . Ngoài những cốt truyện có thật hoặc thật gần với sự thật về người lính qua 94 truyện ngắn trong bốn tác phẩm *Ra Biển Gọi Thầm*

(20 truyện), *Ban Mê Thuột Ngày Đầu Ngày Cuối* (21 truyện), *Về Hướng Mặt Trời Lặn* ((33 truyện) và *Mặc Niệm Chiến Tranh* mới phát hành tháng 8-99 (20 truyện), Trần Hoài Thư đã viết cho bạn, viết cho người tình, viết cho vợ, viết cho con, viết cho những thế hệ trẻ, viết cho người nằm xuống cũng như cho cả người còn sống bằng lương tâm của một người lính còn may mắn sống sót sau khi khi chiến tranh tàn lụi . Trần Hoài Thư viết mà như tha thiết kêu gào loài người nói chung và lịch sử Việt Nam cận đại nói riêng, hãy trả lại danh dự cho những người lính trận, những lao công đào binh, những thương binh, những anh linh tử sĩ đã hơn một lần hiến dâng đời mình cho quê hương xứ sở.

Những tiếng kêu gào ấy không phải là những tiếng la hét đinh tai, nhức óc mà Trần Hoài Thư thì thầm, nói mãi, nói hoài bằng con tim thương yêu người lính một cách chân thật, bằng cả cái hồn thơ của một tâm hồn nghệ sĩ .

Tiếng kêu gào ấy có lúc tưởng chừng như nổi giận nhưng cả cái hồn thơ giàu chất lãng mạn, tác giả đã mang lại cho những tác phẩm của ông trở thành một cái nơi chốn ấm êm của những mảnh hồn đồng điệu, của tâm tình, của thương xót, của cảm thông, của rộng lượng, của tình người ...

Xin mời bạn thử mở ra bất cứ truyện ngắn nào của Trần Hoài Thư trong số 94 truyên ngắn trong bốn tác phẩm vừa kể, ngoài những mẩu đối thoại, còn lại bạn có thể ngắt những câu và rồi xếp lại bằng cách xuống dòng ở những chỗ đáng xuống dòng, bạn sẽ không khỏi ngạc nhiên những đoạn văn xuôi này lại mang vào thân xác nó cái hồn thơ của Trần Hoài Thư tự lúc nào . Để nhận ra cái chất thơ trong văn phong của Trần Hoài Thư, chúng tôi xin nêu ra vài ví dụ .

Chẳng hạn, để mở đầu truyện ngắn *Bãi Chiến*, Trần Hoài Thư viết về bãi chiến năm xưa qua hình bóng trở về của người goá phụ dẫn con kiếm tìm ngôi mộ của chồng, của cha, mà hồn chữ nghĩa của nhà văn đã làm bãi chiến năm xưa hoang vắng cũng ngậm ngùi như đang cùng với lòng người goá phụ hoà nhập vào cảnh vật để mà tưởng vọng, chiêu hồn anh linh tử sĩ đang phảng phất đâu đây "đời đời, kiếp kiếp" :

"Người thiếu phụ ấy đã trở về chốn cũ,
Chốn cũ nào đây ?
Di Tích năm xưa như những ngọn cỏ ngậm ngùi ...
Rừng vẫn ở cuối tầm nhìn,
Vẫn mênh mông ngàn năm sương và khói ...
Và cỏ dại vẫn bạt trùng...

Và đất vẫn đậm đỏ cùng những vũng nước đọng như
đời đời kiếp kiếp..."
(RBGT trang 15)

Hoặc đoạn văn sau đây trong truyện ngắn *Người Về Trăm Năm*, giống như hai câu thơ tả về nỗi mê đắm của một người học trò đang yêu thầm nhớ trộm một người bạn nữ sinh có mái tóc dài "óng mượt" ngồi bên khung cửa lớp năm xưa :

"Tôi đã uống từ màu nắng vàng chiếu qua khung cửa lớp,
và đọng trên dòng suối mượt óng tựa mun ..."
(RBGT trang 9)

Đôi lúc, Trần Hoài Thư cũng nghĩ ngợi đến thân phận mình, một thân phận được lý giải qua mấy dòng chữ cũng mang trong ấy cái hồn thơ dạt dào, pha chút suy tư về định mệnh :

"Đi ! Có phải mỗi đời người là một hành trình cô độc ?
Một ngày nào đó, nó sẽ tan biến vào vũ trụ khôn cùng ...
Hằng hà tinh hệ ...
một con số cực không !
Tôi đang là người lữ hành.
trong chiếc xe hàng liên tỉnh...
có một kẻ ra đi tiếp tục cuộc hành trình hun hút, vô định
Nhưng rồi, tôi cũng vẫn có một nơi để dừng chân lại ..."
(Bãi Xương Rồng, BMTNĐNC, trang 125)

Một đoạn khác, Trần Hoài Thư cho người đọc thấy cái hồn thơ của mình qua mấy dòng cảm nhận về một nỗi cô đơn, mong ngóng khi nhìn dòng Hudson vào những ngày cuối năm để rồi chợt nhớ người :

"Bây giờ lại thêm một ngày cuối năm nữa ...
lại về trên đất khách ...

Trở lại dòng sông này mấy bận...
Bên kia thành phố đã lên đèn.
Cơn mưa nhoà nhạt hoàng hôn lạnh.
Chiều cuối năm trời mau tối thêm !
Chiếc cầu Skyway xa mờ run rẩy ...

Đàn chim biển trên bến phà gọi nhau náo loạn,
Những con tàu nằm bất động bên bờ xa ....
Tôi đang thấy lại người ...
Người đứng ở bên này sông,
sông mờ theo mây thấp...
và tóc người bay cuốn quýt,
và những ngón tay người giữ lấy những sợi mây mềm...
Tôi đang nghe tiếng nói của người .
Trong phòng lớp.
từ chiếc ghế đầu bàn.
Trong thư viện.
bên này, bên kia, bàn xanh, và hồn sách vở ..."
(Đợi Chờ, VHMTL trang 107 và 108)

Trần Hoài Thư, trong một truyện ngắn khác, *Nội Chiến* trong tập truyện *Mặc Niệm Chiến Tranh* mới phát hành, đã viết về cái vùng quê yêu dấu của ông sau bao năm xa vắng mà dìu dặt hồn thơ :

"Tôi đang trở về xóm cũ .
Hơn ba mươi năm xa cách,
tôi vẫn còn nhớ cái tên mà tuổi thơ của tôi gởi trọn,
chôn trọn một thời !
Nhưng đâu là những ruộng rau xanh ngắt,
đâu là những con đường đất nhỏ len giữa bờ rau,
đâu là cái hồ bên cạnh nhà,
những cây dừa,
cây mít,
và cái sân đất thịt ...

Tôi đã trở về,
quê nhà ơi, yêu dấu ...
để nhận ra sự thay đổi đến não nùng ...
Sông kia giờ đã lên cồn.
Bắt chước người xưa tôi gọi cụ Tế Xương !"
(Nội chiến, MNCT trang 72)

Và có lẽ cái lãng mạn của người lính trận khi nhớ đến người yêu vì khác tín ngưỡng, đành phải chia xa đến tội tình. Và với họ, tất cả chỉ là điều "vô nghĩa", mà Trần Hoài Thư đã dàn trải trong truyện ngắn *Vườn*

Thánh, là một trong những bài văn đầy chất thơ nhất của tác giả :

"Mấy năm trôi qua,
hình bóng cũng trôi qua ....
Nhưng dư niệm vẫn còn đầy ngập tâm hồn...
Trong những đêm, những ngày vật lộn, tranh giành cùng sự sống, và sự chết .
Là những lúc nằm trên gò mả,
là những lúc nhìn lên ánh trăng xanh,
là lúc cô đơn trên một ngọn đồi nhìn
người Thượng già hát một bài ca xa xứ ...
Những đám mây vẫn phiêu bồng trên mái tóc,
những nỗi rã rời vẫn hôn từng bước chân đi ...
Anh vẫn đi tìm em...
Chén rượu cũng không làm phai đi nỗi nhớ,
Đàn bà cũng không làm vơi đi sầu muộn...
Trận mạc cũng không làm anh quên đi một đôi mắt giai nhân...
Không còn gì hết !
Vô nghĩa !
Vô nghĩa !!!"
(Vườn Thánh, VHMTL, trang 210).

Để có thể nhận ra chất thơ trong văn phong Trần Hoài Thư, có lẽ không gì xác thực hơn xin ghi lại mấy dòng chữ này mà Trần Hoài Thư đã viết cho một người bạn thương binh vùng Triệu Phong, Quảng Trị năm xưa, mà bất cứ người đọc nào cũng có thể nhận ra cái hồn thơ trong văn và ngược lại trong văn có hồn thơ của tác giả . Và tác giả cũng gọi bài viết này là "Thơ của Văn" vậy:

" Ngày hôm ấy tôi lên xe về núi . Núi có buồn kéo tận Trường Sơn. Có hòn đá xưa bỗng thành thiên cổ . Chinh phụ ơi, thương người hay thương con. Chinh phụ ơi, đừng nghe lời ủy mị . Vai người mềm sao gánh hết cô đơn. Tôi bỗng giận những phường sách vở . Dẹp quăng đi những dụ dỗ thiên đường. Vâng thưa chị, thưa em, thưa mẹ . Hai thúng tròn đã đổ bóng Triệu Phong. Bên đầu gánh. Con thơ tròn một tuổi . Bên đầu kia là gánh nhớ nhung. Gánh nhớ nhung ấp đầy động cát. Ấp đầy sông Thách Hãn, Cửu Long. Ai đã cất bài dân ca Nam bộ . Nghe đất trời nhỏ lệ Việt Nam ..."
(Thơ Của Văn, tặng Nguyên, Thơ Trần Hoài Thư, trang 57)

Tóm lại, người đọc đến với tác phẩm của Trần Hoài Thư ngoài những truyện ngắn của một nhà văn viết về chiến tranh để biết đến thân phận của những người lính trận giữa đạn bom, chinh chiến với những bi thảm, hải hùng của lằn ranh sống chết của con người trong khói lửa, người đọc còn thưởng ngoạn một bút pháp đặc biệt của tác giả nữa . Một bút pháp rất giản dị, không nhằm làm dáng chữ nghĩa, không cầu kỳ gọt giũa mà tự nhiên phát tiết từ tâm hồn nghệ sĩ lãng mạn của mình . Đó là chất thơ trong văn phong Trần Hoài Thư . Có thể nói cái chất thơ trong văn phong của Trần Hoài Thư đã góp phần không nhỏ làm cho tác phẩm của tác giả đến với nhiều người đọc khắp nơi trong vòng hơn ba mươi năm qua . Và dĩ nhiên, cái văn phong đặc thù này đã cho phép người đọc nhận ra Trần Hoài Thư đã tạo được cho mình một lối viết mới mẻ, độc đáo trong ý hướng làm mới văn chương vậy !

Lương Thư Trung
Ngày 14-8-1999

(Kỷ niệm ngày ra mắt tập truyện *Mặc Niệm Chiến Tranh* của Trần Hoài Thư, tại Hoa Thịnh Đốn)

Đã tái bản hai bộ trường thiên của
Nguyễn Mộng Giác

mùa biển động

trọn bộ 65 Mỹ kim, kể cả bưu phí bookrate

ngoài Hoa Kỳ gửi theo bưu phí surface, thêm 5 MK

sông côn mùa lũ

trọn bộ 50 Mỹ kim, kể cả bưu phí bookrate

ngoài Hoa Kỳ gửi theo bưu phí surface, thêm 5 MK

Thư và chi phiếu gửi về: Diệu Chi K. Nguyễn
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842 USA Phone: (714) 894-8535

chân không trên lưỡi dao thời gian

NGÔ NGUYÊN DŨNG

phân vân tôi dứng cạnh đời trống
rụng doá mây đồng bông phiêu diêu
ngàn sơn phơi trắng hàng lông ngỗng
hồn tôi gió lộng tím lưng chiều

là kẻ đầu tiên lên đỉnh tuyết
ngẫu nhiên ngôn ngữ bừng chân không
lát dá cúa lẹm hai bờ mộng
lệ thời gian chảy mịt mùng sông

trăm năm xoay mãi vòng ngơ ngẩn
địa chấn cắm sâu trục tinh cầu
tôi len lỏi ngóng mùa nhật thực
bóng tôi trùng nhập bóng trăng sâu

cánh đồng dưới núi vừa khai điệu
múa lửa chập chờn thuở thiên tai
thốc lên man rợ vòng đai khói
háo hức khua vang lưỡi dao mài

buông tiếng thinh không lời quạ khản
âm đội đầu loang ác mộng tôi
mưa tuôn cơn ngục trầm mê sảng
xương cây rụng lóng lũ lụt trôi

dẫm mồ hôi áp lưng xanh dất
nghiêng vai tựa sát tường ám vôi
sũng sờ chia vách vuông biển chật
tinh diểu mắt loà vọng ngắn hơi

dập cánh lao vào gương nước lặng
thấy ra băng hải tự bao giờ
chuông nghiến từng hồi bờ bãi vắng
dã tràng ngồi vá mộng ngây thơ

tôi theo nhân loại di vào hội
hoá trang làm người bán mộng chơi
góp chữ xối mòn trang trí nhớ
hải dăng ồng ộc ngúm máu tươi

cá voi về lại eo nước cũ
chân còn khắc dấu trũng mây qua
kêu lên tiếng lạ quên trú xú
chạm tay thảng thốt vực dất xa

chân không tôi bước quanh miệng núi
lưỡi thời gian chém ngọt nhát dao
da ươn ướt thịt ran rát chữ
giữa hai hàng nghiến một nỗi đau

(13.9.1999)

Chị Đàn

Trúc Chi

Thế nào mà các bà lại chọn ngay cái bàn cạnh quầy rượu để ngồi mà to nhỏ. Thành thử, không lắng tai mà cũng nghe mấy mẩu chuyện của họ khi tôi loay hoay gắp cho được mấy viên nước đá đã dính với nhau mà kết thành một khối xoay tròn trong cái bát thủy tinh đắt tiền, mỗi lúc tôi dùng cái muỗng sắt đè nó xuống để cho chúng rời ra. Nhìn quanh quất để tìm một cái muỗng lớn hơn. Nhưng mà trên bàn lại không có. Không lẽ lại lấy tay mà cầm, mà bẻ, mà bốc. Thượng sách là nắm lấy cả khối đá ấy mà đập vào góc bàn cho nó văng đi hết, chỉ giữ lại, một cách hết sức ích kỷ, cái phần mình cần cho một ly rượu. Nhưng mà phép lịch sự khi ăn uống nơi công cộng lại không cho phép mình làm như vậy. Việc giản dị vậy mà tự nhiên đâm ra rắc rối. Cứ giống như là cuộc đời.

Câu chuyện của các chị bạn đang giòn tan xung quanh một vấn đề nóng hổi: làm sao giảm bớt trọng lượng cụ thể trước mắt của những thứ mà thời gian đã để lại trên những tấm hình hài đã có một thời thon và gọn : mỡ đùi, mỡ bụng, mí mắt, đường nhăn trên trán, trên cổ . Tôi nghĩ đến một câu nói đùa khá độc của một anh bạn vốn "đa mang" trên con đường tình duyên và đã từng là nạn nhân khốn khổ của một đôi câu chuyện ngồi lê: "Có cái miệng là các bà cần phải sửa trước, thay vì cứ đi sửa những cái gì ở đâu đâu ấy."

Cũng vừa lúc ấy, cậu con trai anh bạn chủ nhà bưng ra một cái bát lớn đựng đầy những viên đá rời nhau và đem cái khối đá lì lợm đã tạo ra một điều nhất thời nan giải cho tôi mà đổ ngay xuống thảm cỏ. Việc rắc rối vậy mà thành ra giản dị. Cũng như cuộc đời vậy.

Tôi trở về bàn. Lúc đi ngang qua phòng khách, từ ngoài nhìn vào tôi thấy có mấy người có vẻ như không thích nói chuyện, đang chăm chú theo dõi một băng video ca nhạc Việt Nam. Từ ngoài nhà, tôi không nghe

được tiếng hát, nhưng mà chỉ liếc qua tôi cũng thấy được lối trang phục rất đơn sơ - đơn sơ theo nghĩa khá tiết kiệm với diện tích những tấm vải che thân - của một nữ ca sĩ vừa hát vừa láy bằng thân thể. Những cái láy khoe khoang đầy tự tín mà cũng nặng phần khêu gợi.

Câu chuyện của mấy ông bạn cùng bàn cũng đang nở như bắp rang chung quanh những biện pháp và phương pháp giữ gìn sức khỏe. Mọi người đều đồng ý rằng nay đã đến lúc cần phải bảo trì tối đa để giữ cho thật lâu cái phần còn lại trong cái sức khỏe mà ai cũng đã từng có lúc phung phí quá nhiều theo kiểu tiêu mà không đếm hoặc là có đếm mà vẫn cứ tiêu. Thể dục, đi bộ, sinh tố. Thuốc men đủ loại. Kể cả một thứ được cho là thần dược hiện thịnh hành khắp thế giới, vốn có cái khả năng giúp cho người đàn ông phục hồi hoặc tăng cường cái hùng tính của mình. Tình còn có lúc đầy lúc vơi huống chi là hùng tính! Từ thuốc bổ qua đến Viagra lúc nào tôi không biết. Mà từ Viagra nhảy sang đạo Thiền hồi nào tôi cũng không hay.

Cuộc sống có những lối chuyển mạch tinh tế, tự nhiên và nhẹ nhàng đến độ mình không bắt chước nổi để đưa nó vào văn chương chữ nghĩa cho lối viết của mình được suông sẻ, trôi chảy. Ông bạn thầu khoán đang nói về cái hay, cái ích lợi của phép tọa Thiền. Ông kết thúc một đoạn giảng giải khá dài đầy đủ thuật ngữ của Thiền đạo bằng một hớp rượu vang. Không rõ ông bạn thấy được những gì là tội lỗi, là u mê ám chướng trên mặt tôi, mà ông thấy cần phải lôi tôi ra mà thuyết phục riêng tôi trong số bảy tám người ngồi cùng bàn. Ông thành thật vui vẻ nhìn thẳng vào mắt tôi mà hạ giọng, nghiêng người về phía tôi trong một tư thế thân mật:

"Tôi có mấy cuốn sách Thiền dịch sang Anh ngữ từ tiếng Nhật. Hay lắm. Nếu anh thích, tôi gửi anh xem."

Xưa nay, có bao giờ có người cho mượn hoặc biếu sách mà tôi từ chối đâu. Huống hồ đây là sách Thiền học của Nhật Bản, một nước đã tạo ra được một sắc thái đặc biệt, riêng biệt cho đạo Thiền từ những lời dạy vào buổi đầu của ngài Bồ Đề Đạt Ma, khi ngài mới sang Trung quốc. Duyên nghiệp của lòng mình với chữ nghĩa đã tạo ra trong tôi cả một mớ tơ vò rồi. Tơ vò là nói cho văn vẻ vậy, chớ thật ra lắm lúc nó là một mớ bòng bong. Bây giờ có người đưa cho mình một sợi Thiền nó vốn có cái khả năng buộc lại cho gọn những gì là rối rắm, là ngổn ngang trong lòng. Không biết mình có đủ cơ duyên - nói theo thuật ngữ của thuyết nhân quả - mà sử dụng nó hay không. Nhưng mà hãy cứ nhận lấy đã. Nên lắm chứ. Biết đâu lại không có chỗ dùng sau này. Biết đâu nó lại chẳng có ích cho những phút hiếm hoi mà tôi thấy nên và cần phải dẹp bớt cái nếp sống, cái lối sống quá gần gũi, quá thân thiết với tất cả những gì là tục, là lụy trong

thế giới của thanh và sắc, trong cái cõi đời vừa đáng yêu vừa đáng ghét này. Yêu cuộc đời thì yêu si mê cuồng dại mà ghét nó thì có lúc tôi cũng ghét cay ghét đắng. Rứa mới bực mình.

Đạo hạnh thì đương nhiên là một mảy may, tôi cũng không có. Thành thử cũng đương nhiên là không có chi mà trau giồi. Nhận lấy mấy cuốn sách thiền để mong thấy trên mặt giấy kinh nghiệm của người trước trên con đường kiếm lấy một đôi phút thanh thản những lúc tính đến chuyện học đòi những bậc đại trí từng chống gậy trúc, áo tơi, nón lá mà vân du trong cái chốn...bụi hồng này. Thế thôi. Con người tôi nó nặng nợ với nhiều thứ lắm. Thành ra tôi vẫn thích, vẫn thèm một chút gì đó, vốn nhẹ hơn, như là cái đẹp của những gì là đạt, là thoát. Muốn được như vậy là phải tu, ít ra là tu theo cái nghĩa đen là dựa vào một tiêu chuẩn đạo đức luân lý nào đó mà sửa mình. Ai chả biết thế! Nhưng mà đôi khi loay hoay tự xét mình, tôi thấy tôi coi bộ khó tu!

Dù vậy, tôi đã dọn một câu thật văn hoa mà tạ cái tấm thịnh tình của bậc thiền giả vừa mới nhấp xong mấy hớp rượu ngon với cái tỉnh thức đầy đủ của vị giác và khứu giác. Nhìn ông đang tận hưởng hớp rượu mà tôi cũng phát thèm. Tôi nhấc ly rượu của tôi. Nhưng mà vành ly vừa chạm môi, tôi sực nhớ tới một người đàn bà, không họ hàng chi cả, mà tôi vẫn xem như là một người chị. Bởi vì chính từ cửa miệng của người chị này, lớn hơn tôi một giáp, vốn có một lối nói thiệt nhẹ nhàng hiền dịu, mà lần đầu tiên trong đời, tôi đã nghe được hai tiếng tình lự, đồng nghĩa với đạo Thiền. Ở đây, tôi không muốn dùng chữ từ, mà tôi cố ý dùng chữ tiếng, bởi vì tình lự đối với tôi còn là hai nốt nhạc trong toàn thể âm thanh và âm sắc của cái giọng thiệt là hiền dịu của chị Đàn.

Đúng ra chị có cái tên kép là Nam Đàn, nhưng cả nhà chị đều gọi chị là Đàn. Ông cụ thân sinh ra chị lấy cái tên huyện lỵ ấy mà đặt cho người con gái đầu lòng của ông, dùng nó làm chùm nhau, làm sợi dây vô hình mà cột gia đình ông vào quê cha đất tổ ở Nghệ. Gần đây, người ta hay nhắc đến huyện Nam Đàn vì đó là sinh quán của một lãnh tụ cộng sản, nhưng mà ngày trước nó nổi tiếng nhờ ở một đặc sản gắn liền với cơm chay: tương. Quê ngoại tôi ở Hà Tĩnh. Ngày nhỏ tôi vẫn nghe mẹ tôi nhắc đến "nhút Thanh Chương, tương Nam Đàn." Tôi chưa hề được nếm hai thứ đó, nhưng mẹ tôi kể cho tôi nghe rằng nhút là một loại dưa làm bằng nhiều thứ rau trong số có đọt bí. Một thức ăn của xứ nghèo. Còn tương Nam Đàn thì ngọt mà dịu, vẫn theo lời mẹ tôi.

"Chị Đàn, bọn em đi ciné xong, chị cho bạn em ăn cơm tối luôn." Đó là lời Đạt, em trai của chị và bạn cùng lớp với tôi, vào một ngày trong mấy tuần nghỉ lễ Phục Sinh tại Đà Lạt, ở cái thời kỳ mà cả vùng cao nguyên

trung phần còn mang cái tên Hoàng Triều Cương Thổ. Cũng chính vào tối hôm ấy mà sau khi biết được cái tên kép của chị, tôi đã nhắc đến những điều mẹ tôi kể cho tôi nghe về quê hương của chị. Rồi sau khi Đạt cho chị biết rằng tôi cũng có mang một phần máu "cá gỗ" trong huyết quản, tôi trở thành một người thân của gia đình ấy. Chồng chị Đàn, anh Phương người Cần Thơ, là công chức trong một ty thuộc guồng máy hành chánh miền cao nguyên. Anh dễ tính, hểu hảo. Những buổi lũ bạn của Đạt, trong đó có tôi, ra nhà anh mà chị lại đi vắng, anh thường vẫn bảo bọn tôi vào trong nhà " có chi thì tụi bây lục ra mà ăn. Đừng có đi ăn hàng, để dành tiền mà đi ciné." Nói vậy nhưng mà thường anh vẫn bảo chị người làm chạy đi mua bánh mì ổ, bánh bao, cam chuối. Lũ bạn của Đạt có đến quấy rầy trong những ngày chủ nhật hay ngày lễ, tôi thấy anh bắc cái ghế mây ra ngoài hiên mà đọc báo Thần Chung, Ánh Sáng, Paris-Match hoặc Reader's Digest, bản tiếng Pháp. Thỉnh thoảng, nghe anh âm ư một đôi câu vọng cổ hoặc hát một đôi bài ca tiếng Pháp thịnh hành ở Việt Nam từ thời Tino Rossi, Rina Ketty. Cái tật xấu duy nhất của anh mà tôi biết là anh cứ đứng chỉ nước cho cả hai bên mỗi khi xem Đạt và tôi đánh cờ tướng. Dễ ghét lạ!

Nếu có ai gặp chị Đàn đến ba bốn lần đâu đó, chắc cũng không để ý đến chị. Trên người chị, trên gương mặt của chị không có chi đặc sắc cả, nếu chỉ tìm cái sắc. Biết chị Đàn rồi thì tự nhiên mà không muốn cũng phải chú ý ngay cái nét phúc hậu, tươi tắn trên gương mặt đầy đặn, hồng hào. Gương mặt chị chiếu ra bên ngoài cái niềm vui một người tốt bụng, của một người có đạo tâm. Tô thêm đẹp cho tấm lòng ấy là một giọng nói thật dịu dàng, nhỏ nhẹ. Chưa bao giờ tôi nghe chị la mắng hai thằng con trai lúc ấy vào khoảng sáu bảy tuổi, phá như giặc. Quá lắm, chị cũng chỉ nghiêm nét mặt, rung rung ngón tay trỏ mà đe:

"Đẻ nói không nghe, chút nữa ba về, đẻ méc ba là bị đòn đó."

Đi đứng, chị Đàn cũng nhẹ nhàng như một cái bóng. Một buổi chiều chủ nhật, đang ngồi đánh cờ tướng với Đạt ở ngay phòng ăn, tôi đã giật mình vì không biết từ lúc nào, từ hướng nào chị tiến đến cạnh bàn, tay bưng hai chén chè đậu đỏ, giọng thiệt là thành thật:

"Chè chị nấu từ hôm thứ sáu ăn chưa hết. Chị mới hâm lại, hai em ăn giùm chị, để nó siu đi, lại phải đổ. Mang cái tội phí của trời."

Rồi chị cười, để lộ hai hàm răng đều dặn:

"Chị mới đọc trong báo Phổ Thông tuần trước, thấy nói có chất đường, đầu óc sáng ra. Ăn đi cho sáng nước mà chiếu bí nhau."

Chưa kịp cám ơn, thì chị đã cốc nhẹ vào đầu tôi:

"Gạt tàn thuốc vào cái dĩa này, đừng có rảy xuống đất. Mà em tập

hút thuốc làm chi vậy. Hại phổi."

Chưa kịp cãi bướng thì chị đã khoan thai biến mất vào nhà trong.

Những thoáng nghĩ trên đây về chị Đàn, về những mẩu đời đã cũ đến gần năm mươi năm chứ không ít, đã vụt lướt nhanh trong đầu tôi vào lúc tôi cầm ly rượu lên định uống một hớp. Nhưng mà tôi đã đặt nó xuống mặt bàn. Đặt ngay vào chỗ cũ của nó, có một vết ướt tròn trên cái khăn bàn giấy màu lá mạ. Tôi thường vẫn hay làm như vậy để đo độ rượu trong người tôi những lúc vui chén. Chệch ra ngoài thì tôi ngưng uống, nếu đi một mình mà phải tự lái lấy xe để về nhà. Dĩ nhiên, nếu lại có vợ tôi làm tài xế thì đặt chệch hay đặt trúng gì tôi cũng tiếp tục, nhất là vào những buổi họp bạn có nhạc, có thơ vốn là hai thứ nó vẫn nâng cao tửu hứng của tôi.

"Nhưng mà anh cũng phải coi chừng, có khi vô ý mà đặt trúng chỗ cũ, dù đã hơi say. Anh phải thử đi thử lại một hai lần cho nó chắc." Đó là lời khuyên của anh bạn đã thận trọng chỉ cho tôi cái phương pháp thử nghiệm độ rượu không lấy gì làm khoa học lắm. Dẫu sao thì đó cũng là một lối dẫn mình vào con đường khổ hạnh (?) những khi uống mà lại quá ngon trớn. Hai chữ vô ý trong lời dặn dò ân cần của anh bạn tôi cần phải được hiểu là tình cờ.

Mà cũng tình cờ mà tôi nghe được hai tiếng tĩnh lự nhẹ thoát từ giọng nói êm dịu của chị Đàn, một chiều ghé vào nhà chị, định rủ Đạt đi chơi. Khung cảnh và khung trời hôm ấy không có gì đáng ghi. Vẫn cây thông già phía vườn sau nhà chị Đàn, cao và mạnh như trăm nghìn gốc khác trùng điệp trên núi đồi cao nguyên. Vẫn là bầu trời trong và xanh của một chiều cuối năm ở Đà Lạt. Sương chưa xuống nhưng nghe chừng đã lạnh. Mới khoảng bốn năm giờ chiều mà bóng cây thông đã đổ xuống mái ngói chỗ phòng của Đạt. Ngày ngắn đi rồi.

Nhìn quanh quất trong nhà không thấy Đạt, tôi chạy tuột ra vườn sau, chỗ có mái hiên khá rộng có kê một cái bàn bóng bàn đã tróc sơn, ván có chỗ cong lên, oằn xuống. Cái mặt bàn lượn sóng này là cái cớ mà tôi thường vẫn vin vào để biện minh cho việc đỡ hụt những cú xoáy, cú tạt, cú tiu ác liệt của Đạt. Cái tật "đổ tại" này nó đâm rễ con, rễ cái, rễ phụ trong tôi đã từ lâu lắm rồi, từ ngày còn là một tấm bé lắc xắc. Nó thành nếp trong tôi rồi. Từ cái ngày mà chị người làm vẫn đấm bôm bốp vào bức tường vô tội mà trị tội nó, những khi tôi khóc ré vì vừa chạy mà va đầu vào tường. Bây giờ thì không phải tại tường nữa, mà tôi cho là tại Mỹ, tại Nga, tại Tây, tại Tàu, tại nhiều thứ khác nữa ... Kể cũng tiện cho mình!

Đang nhớn nhác nhìn quanh tìm Đạt, tôi chợt nghe tiếng chị Đàn:

"K.! Ra đây ăn khoai với chị. Chị nhờ Đạt đi đổi mấy quyển truyện

thuê. Nó về bây giờ."

Chị tựa mình vào phía bên kia gốc thông trước mặt tôi, nên tôi không thấy chị. Lúc đến bên cây thông tôi thấy chị ngồi trên một cái đòn gỗ, một chân duỗi, một chân co, lưng đựa vào gốc thông, trong một tư thế rất thoải mái. Chị mặc quần đen, áo cánh trắng, bên ngoài là một chiếc áo len tay dài màu nâu. Bên cạnh là một cái rổ con, có mấy củ khoai vàng. Không đợi chị mời đến lần thứ hai, tôi bốc một củ đang còn ấm. Khoai bột mà chắc, tôi bị nghẹn. Chị cười:

"Ăn thủng thẳng."

Tôi chạy vào nhà nốc một ly nước lạnh cho hết cơn nghẹn. Lúc trở ra vườn, tôi ngồi đối diện chị, trên một cái rễ thông lớn đội đất mà lên. Tôi hỏi chị:

"Chị làm chi mà em thấy chị hay ngồi đây cả giờ vậy?"

"Chị nghỉ chút thôi. Thằng Cần với thằng Mẫn đi học về là chị hết nghỉ. Lăng xăng việc nhà cả ngày có khi cũng mệt. Em ăn thêm củ nữa đi."

Tôi bốc thêm một củ nhỏ. Lần này có nhai cẩn thận. Đột nhiên chị hỏi tôi:

"Em ăn cơm chay được không?"

Tôi vồ lấy cơ hội, khoe ngay kiến thức về kinh kệ:

"Em theo mẹ em lên chùa ngoài Huế từ hồi bảy tám tuổi. Chú Đại Bi, chú Vãng Sanh, Tâm Kinh...em đọc ngược còn được, huống hồ ăn cơm chay, mấy em ăn cũng hết, miễn là có chao với ớt."

Chị cầm con dao bài, cắt một lát khoai, vừa cười vừa trêu tôi:

"Đã ăn cơm chay thì có chi ăn nấy, không có miễn là chi cả. Nhưng mà đọc ngược bài Tâm Kinh chị nghe."

Bị bắt quả tang là mình đang nói tướng, tôi gồng mình, nhưng mà đọc rất chậm. Tôi nhắm mắt không phải vì thành kính mà vì đang cố hình dung ra mặt chữ trên trang giấy trong quyển Nghi Thức Tụng Niệm ở nhà tôi. Chữ to. In đậm:

"Lần Ba. Ha Bà Tất Đề Bồ... (...Bồ Đề Tất Bà Ha. Ba Lần.)

Chị người ngặt ngẽo:

"Thôi. Có tội chết. Mà em cũng giống như thằng Đạt vậy. Chỉ được cái nói dốc là giỏi. Thứ sáu này, chị làm giỗ cho thầy để chị ngoài chùa. Thầy để chị mất cách nhau có hai hôm, nhưng mà khác năm. Chị coi em cũng như Đạt vậy. Chị vô đây, không có ai bà con ở ngoài Nghệ cả. Có hai thẩu chao chị ủ cũng đã hai tuần. Mấy bữa nay trời lạnh, không biết có chín kịp không. Nhưng mà ngoài chùa có bà người Huế làm mắm cà chay ngon lắm..."

Tôi ngắt lời chị:

"Thế nào em cũng ra chùa. Từ ngày lên học ở Đà Lạt, Tết nhất em mới đi chùa, chớ hồi còn ở Huế, có khi không có lễ lạc chi, em với mấy thằng bạn em cũng đạp xe lên chùa chơi. Chùa nào có cây trái gì chín mùa nào, tháng nào, tụi em thuộc hết. Chị có hay đi chùa không?"

"Rằm, mùng Một, vía các Đức Phật, chị vẫn gắng thu xếp thì giờ, nhưng mà cũng không được đều. Mấy năm gần đây, chị có học được một phép ... chị cũng không biết nói sao nữa, một phép... dưỡng cái thân và cái tâm của mình. Ngồi ở đâu mà dưỡng cũng được. Thành ra lỡ phải bỏ một buổi ra chùa, chị cũng đỡ áy náy. Hồi nãy, khi em tới, chị vừa ăn khoai vừa dưỡng đó."

Mặt tôi lúc đó chắc đang ngớ ra nên tôi thấy chị nhìn tôi mà cười:

"Chị có nói em cũng không biết đâu. Mà cũng không biết em có hiểu không? Phép tĩnh lự."

Hai tiếng tĩnh lự thoát ra trên cái miệng cười ấy nhẹ nhàng như hai nốt cuối của một đoạn dương cầm mà âm thanh nhỏ dần đi theo những cái vuốt lúc càng dịu dàng của người nắn phím. Tôi vừa nghĩ về cái nghĩa đen của hai tiếng lạ hoắc đó, vừa thừ người ra mấy giây vì cái âm sắc dịu dàng trong giọng nói của chị Đàn. Tôi ngần ngừ nói thật chậm, sợ bị hố, bị chê dốt:

"Chắc em hiểu nghĩa đen thôi. Tĩnh lự... tĩnh ...bình tĩnh.... lự là suy nghĩ,... để cho lòng mình bình tĩnh mà suy nghĩ. Phải không chị? Mà suy nghĩ thì phải suy nghĩ về cái gì chớ. Không lẽ chị đang suy nghĩ về miếng khoai trong miệng à?"

Chị Đàn cười phá lên, cười dòn tan, cười ngon lành. Rút cái khăn tay để chặm những giọt nước mắt trào ra sau một chuỗi cười thích thú, chị nói:

"Chính chị đang nghĩ về củ khoai đó. Nhưng mà để hôm khác, chị nói thêm về phép tĩnh lự cho em nghe, nếu em muốn nghe... Mấy cháu về kia rồi. Cần! Mẫn! Cất sách vở, rửa tay mau ra ăn khoai với đẻ."

Lẽ tất nhiên là tôi không muốn nghe. Ở cái tuổi mười lăm mười sáu ấy, thì giờ đâu mà tôi dành cho chuyện dưỡng thân với dưỡng tâm. Ở cái tuổi mà hàng triệu tế bào trong cơ thể đang hăm hở đi tìm sự sống của chúng trong những chu kỳ thoát thai từ một thành hai, hai thành bốn... thân tôi chưa cần phải dưỡng. Còn tâm, lúc ấy chỉ mới là cõi lòng. Mà cõi lòng ở cái tuổi ấy lại đang sang xuân, tươi sáng, vô tư. Thành thử, kinh nghiệm sống của chị Đàn, với tôi lúc ấy, là một điều xa lạ, một phương trời không có trong vũ trụ của tôi.

Mà ngay lúc này, khi vừa đặt ly rượu xuống bàn, cả cái hiện tại của

một buổi họp bạn lại là cả một vũ trụ trong đó lại không có cái phương trời của hai tiếng tĩnh lự. Tôi mơ hồ có cảm tưởng rằng chính chị Đàn với tiếng cười trong trẻo của chị, với củ khoai bùi ngọt mới là hiện tại. Còn mấy người bạn ngồi xung quanh tôi với những mẩu chuyện mà tôi nghe rõ mồn một, ghi nhận đầy đủ, lại thuộc về một nơi khác, không hẳn là quá khứ, nhưng mà xa xôi lắm.

Câu chuyện đang xoay quanh vấn đề an sinh xã hội, tiền đầu tư vào các ngân hàng, quỹ tiết kiệm của người cao niên... Những đề tài thường vẫn lảng vảng trong những mẩu chuyện bắt nguồn từ cái chết đột ngột của đôi người quen, chết về bệnh tim, đứt mạch máu não, tai nạn lưu thông. Mà lại là những người bạn trạc tuổi chúng tôi. Tưởng chuyện bách niên dừng lại... Dừng lại, không phải để mà ngùi cảm về cái phù du của kiếp sống trong cái ngắn ngủi của một cuốn lịch nhân tạo chỉ còn có bốn năm tháng nữa là được 2.000 tuổi. Mà dừng lại để nói đến chuyện bảo hiểm nhân thọ!

Anh bạn ngồi cạnh tôi, trước là một sĩ quan công binh, bây giờ là một chuyên viên điện toán, kéo một hơi thuốc lá dài, quay mặt ra sau lưng mà phì khói, chậm rãi kể:

"Tôi không có bảo hiểm nhân thọ. Không phải vì không biết lo xa. Nhưng mà nhà tôi nhất định không chịu mua. Chả giấu gì các anh, trong gia đình tôi, tôi chỉ là bộ trưởng bộ ngoại giao lái xe chạy hiệu ở ngoài thôi, còn nhà tôi là thủ tướng kiêm tất cả các bộ khác trong chính phủ. Bà ấy sợ lỡ bà chết trước, mà tôi lại còn nấn ná mãi ở cái cõi đời này, thì tôi sẽ lãnh tiền bảo hiểm mà kiếm bồ mới. Đàn bà họ như vậy đó, chen rồi còn ghết (chết rồi còn ghen)"

Câu chuyện tiếu lâm, nhưng mà nó cũng khiến cho tôi nghĩ rằng cái nhìn của trí tuệ người đàn ông, lắm lúc không phóng cho đến tận một đôi chỗ lo xa của người đàn bà, tủn mủn đấy mà thành ra quan trọng. Nhìn anh bạn nổi tiếng là người làm chúa trong gia đình anh, tôi đã nghĩ rằng, ngược lại với quan niệm xưa ở Trung quốc, thời buổi này nên giao việc nước cho phụ nữ. Lúc cần phải giữ một thứ gì, cho là giữ một cách vị kỷ đi nữa, họ giữ rịt lấy, giữ vững lắm, giữ được lâu lắm, bền lắm. Nhất là ở những nước mà gần đây tài sản bị thất thoát nhiều, ở những nơi mà những giá trị đạo đức tinh thần xem chừng chỉ còn lờ những cái bóng nhạt mờ, xa dần như những cái bóng người yêu dấu trong sương chiều của một số các vần thơ lãng mạn, trên con đường đi về... thiên cổ. Giao cho các bà giữ, may ra...

Tôi đã góp những ý kiến trên đây vào câu chuyện, sau khi đã dọn cho đầy đủ một bộ mặt trịnh trọng, một thế ngồi nghiêm chỉnh của một kẻ

được bằng hữu xa gần biết đến như là một người lơ đễnh và lơ là với việc nước, mà bây giờ lại xen vào chuyện quốc gia đại sự, xía vào cái địa hạt của chuyện an bang tế thế, vốn không phải là sở trường của tôi, nếu quả tôi có được một thứ sở trường nào đó.

Tuy vui câu chuyện, nhưng mà chị Đàn với khung trời của tĩnh lự vẫn không hề rời tôi. Thật tình, tôi không ngờ âm sắc của giọng chị Đàn lại để lại trong tôi một ấn tượng sâu đậm như vậy. Đầu óc tôi bây giờ là một cái màn ảnh trên đó có hai bộ phim được chồng lên nhau mà đem ra chiếu cùng ra một lúc. Chỉ có cái khác là trong tôi, cả hai phim đều rõ trên màn bạc. Tôi đang "thấy" ngôi nhà nhỏ xinh xắn sạch sẽ của chị trên con đường dốc phía sau bệnh viện Đà Lạt, nhìn qua ngọn đồi của các Bà Phước ở Domaine de Marie.

Một chiều, hơn hai mươi năm sau cái lần ăn khoai mắc nghẹn, có chút việc lên Đà Lạt, tôi ghé thăm chị Đàn. Tuy xa cách đã lâu, nhưng chị nhận ngay ra tôi và tôi cũng nhận ngay chị, hồng hào khỏe mạnh hơn cả cái hồi chị mới có hai mươi sáu, hai mươi bảy tuổi. Chị có hơi mập ra chút xíu, gương mặt phúc hậu của chị trông lại càng thêm phúc hậu.

Vẫn cái vồn vã thành thật ngày xưa, vẫn giọng nói dịu dàng ngày trước, chị không gọi tôi bằng tên nữa mà lại theo hai cháu Cẩn và Mẫn mà dùng tiếng cậu thật là thân thiết:

"Cậu ở lại ăn cơm chay với chị. Uổng quá, anh mới đi công tác ở Kontum hôm thứ Ba tuần trước, không thì gặp cậu rồi. Không có anh ở nhà, chị ăn cơm với rau luộc, cà muối... ."

Tôi ngắt lời chị:

"Em lên đây là cốt để ăn cà pháo của chị. Chị không cho em cũng đòi cho được. Nhưng mà bây giờ... lớn rồi, em xin chị một chai bia của anh. Anh vẫn còn uống bia?"

Nhìn cái tẩu thuốc trên tay tôi chị cười:

"Chừng nào mà cậu bỏ thuốc được thì chắc lúc đó anh mới bỏ la-ve."

Tôi nhìn qua bàn thờ kê ngay trong cái phòng khách quen thuộc. Phía trên là tượng Quan Âm bằng gỗ, thấp hơn chút nữa là một cái án thờ. Vẫn hai bức chân dung cũ của thầy đẻ chị Đàn, màu có bạc đi. Bây giờ có thêm bức ảnh của một người đàn ông trẻ tuổi, hao hao giống anh Phương. Tôi biết đó là di ảnh của em anh Phương, tử trận trong một lần đụng độ ở Pleiku. Tôi nghĩ đến câu quân bất kiến sa trường chinh chiến khổ... trong tuyển tập Đường Thi Tam Bách Thủ, không nhớ của ai. Cứ lâu lâu tạt vào nhà một người quen, người thân, liếc lên bàn thờ thỉnh thoảng lại thấy có thêm di ảnh của một quân nhân. Chiến thời mà. Biết làm sao bây giờ! Những lần bắt gặp một cái nhìn thẳng thắn, một đôi mắt buồn, một miệng

cười đầy tin tưởng trên những bức ảnh thờ ấy, tôi đâm ra hoang mang về ý nghĩa của cuộc đời, bởi trong lòng tôi không có đủ một niềm tin tôn giáo nào vững chãi để cho tôi vịn vào đó mà ngưng thắc mắc về những gì tôi không hiểu được.

Hoang mang mất vài phút thôi. Bởi vì cái chuyện ăn ngon nó đưa tôi về với thực tại nhanh như chớp. Mà bữa cơm chay hôm ấy tại nhà chị Đàn thì quả là hết sẩy. Dĩa rau luộc đang bốc hơi, bát canh bí ngô bùi ngọt lấm tấm những hột đậu xanh xinh xắn, dĩa cà pháo mặn mòi, chén muối mè mới rang mới giã thơm điếc cả mũi, cọng thêm với tương và chao quanh năm không bao giờ thiếu trong nhà chị Đàn, tương chao tự tay chị Đàn ủ lấy làm lấy, rồi đến mấy trái ớt xanh đỏ vui mắt mà cay thì cũng cay đổ mồ hôi hột, tất cả những thứ đó đã dẹp hết thảy mọi hoài nghi của tôi đối với những triết thuyết cổ kim cố tìm một định nghĩa ổn thỏa nào đó cho cuộc đời, những triết thuyết mà một đôi lần tôi cũng có tò mò thử tìm hiểu. Nhưng mà không biết mình có nắm được hay không cái chỗ uyên áo trong những trang giấy đầy những danh từ có phần xa lạ, hóc búa, không phải là luôn ở đầu lưỡi mọi người trong câu chuyện hàng ngày. Dầu sao thì bữa cơm chay (có bia "33") nhà chị Đàn hôm ấy có cái tác dụng của một trận mưa rào mát mẻ đổ xuống lòng tôi đang ủ dột, giao động vì bức ảnh thờ một người mình không quen biết.

Chị Đàn đòi xới cho tôi thêm một chén cơm nữa. Nhưng mà vui miệng, ngon miệng, tôi no lắm rồi. Tôi nhắc chuyện cũ:

"Em vẫn còn háu ăn như ngày trước. Nghẹn miếng khoai, chị còn nhớ không?"

Chị Đàn mỉm cười, vét nốt những hột cơm trong chén, đặt đũa xuống:

"Nhớ chớ. Hôm ấy, cậu bị chị truy bài tâm kinh đọc ngược."

"Mà cũng là hôm đầu tiên trong đời em biết được hai tiếng tĩnh lự."

Chị Đàn mở to đôi mắt với một cái nhìn thẳng thắn, không bợn một chút tra hỏi, nghi ngờ, hoặc trêu ghẹo mà nhìn thẳng vào mắt tôi:

"Bây giờ thì cậu biết tĩnh lự là chi chưa?"

Tôi đáp:

"Dạ chưa. Nói cho ngay, sau biến cố 63, các hiệu sách khắp nước nhan nhản những sách nói về Phật giáo, kinh Phật... Em cũng có tò mò rinh vài quyển về xem chơi, kể cả một đôi quyển về Thiền, về tĩnh lự. Không hiểu chi mấy... Phải nói là không biết chi cả thì đúng hơn. Mà chị biết không, cũng tại chị mà em thích hai tiếng tĩnh lự hơn, nghe... hay hơn."

Chị Đàn dường như không để ý đến lời tôi, nhưng tôi biết chị chăm chú nghe. Chị rót cho tôi một chén trà nóng đang bốc hơi, đẩy dĩa kẹo đậu

phụng đường đen dưới có lót bánh tráng về phía tôi:

"Cậu tráng miệng thử miếng kẹo. Bà bạn của chị làm. Mới đem đến cho chị hôm qua. Còn giòn lắm. Mùa này còn đỡ, qua mùa mưa bánh kẹo để hở gió một buổi là ỉu xìu. Trà Blao (Bảo Lộc) đó. Hơn một năm nay, anh uống trà tàu cứ hay mất ngủ thành ra chị cũng không mua nữa... Mà cậu phân biệt Thiền với tĩnh lự làm cho chi mệt óc, rối trí. Cậu thích chữ nào hơn thì nó cũng chỉ là...chừng đó thôi."

Tôi chỉ biết cười trước câu nói đầy lương tri của chị Đàn. Hết đường cãi bướng. Phải rồi, đóa hồng, gọi nó là gì đi nữa thì hương vẫn ngọt ngào... Nhưng mà tôi cười chính tôi nhiều hơn. Cái cố tật của tôi, cái tật mê đờn ca xướng hát vốn nó đã trói tôi vào khá nhiều hệ lụy với nhiều thanh sắc, nhiều vướng víu với nhiều hương phấn trên những đoạn đường lang bạt cũ. Những đoạn đường mà bây giờ, vào những đêm có mưa to, có gió lớn đến quấy rầy giấc ngủ, nghĩ đến, tôi đã phải tung chăn ngồi dậy mà uống vội một viên thuốc an thần, uống với một hớp trà còn thừa lại tự đầu hôm, hớp trà mờ hương đã bay hết, vị cũng lạt thếch, đã nguội, đã lạnh. Cái thứ chớp bể mưa nguồn ấy nó hay khơi dậy những ngày mưa gió cũ trong lòng mình. Nguy hiểm lắm. Nhiều đêm, có thuốc an thần rồi mà cũng không ăn thua chi. Lại tốn thuốc cho mấy cái tẩu, tốn thêm một hai ly rượu nhắp về khuya, uống một mình! Tốn thêm cả một vài trang giấy nguệch ngoạc những hàng chữ vô ý nghĩa, không đầu không đuôi!

Cũng vì cái tật mê nhạc ấy mà đôi khi tôi cứ tẩn mẩn lắng nghe, lắng tìm nhạc tính của một chữ, một từ nào đó trong một câu nói, câu thơ, câu văn. Chữ trên mặt giấy, kể cả chữ nghĩa của tôi, có khi chết cứng, cứng đờ. Nhưng mà chữ còn là tiếng, còn là âm thanh. Trong mọi nền văn minh, có ngôn ngữ rồi mới có văn tự. Vì vậy nên mới có tiếng mẹ đẻ mà không làm chi có cái văn tự mẹ đẻ. Đây này, Bình bạc vỡ tuôn đầy mặt nước/Ngựa sắt dong sàn sạt tiếng đao... khó mà tránh được cái sức hút của cái khí, cái lực của sàn sạt trong đoạn tả tiếng tỳ bà của người ly phụ bên bến Tầm Dương. Có những âm thanh trong ngôn ngữ nó rơi tuột vào lòng mình như vậy. Đi thẳng một lèo, lý trí của tôi không có thì giờ, không kịp hỏi han đến nó, không biết nó là tính từ, động từ hay bất cứ một loại từ nào khác.

Vòng vo Tam Quốc như vậy thật ra cũng cốt chỉ để nói rằng tự nhiên mà tôi mê hai tiếng tĩnh lự qua âm sắc giọng nói của chị Đàn, mê ngay trước khi tôi hiểu nghĩa đen của nó. Mà mãi về sau này, có dịp xem qua dăm cuốn sách về lịch sử Phật giáo, tĩnh lự vẫn đưa lại cho tôi cái rung cảm nguyên sơ của đôi nốt nhạc thuần túy, không dính dáng chi đến chuyện thiền hành, tham thiền, nhập định... vốn là những điều mà tôi mù

tịt.

Vì vậy mà lúc chị Đàn khuyên tôi không nên phân biệt chữ này nọ, tôi thấy mình quả là lì lợm trong cái chuyện yêu ghét một số âm tiết trong ngôn ngữ. Nhưng mà, ở một chừng mực nào đó hình như cái thói xấu đó lại là một phần của tự do của tôi trong chuyện lựa chọn chữ nghĩa của tôi. Có được cái tự do sống đây đủ với chữ nghĩa của mình kể cũng sướng! Hay dở là chuyện khác. Nói cho ngay, một đôi lần tôi cũng đã từng tự nhủ mình rằng không nên quá phũ phàng với những thứ mà tôi không ưa. Nhưng mà, tôi không phải là một con người của chừng mực, điều độ. Hình như đức Khổng Tử đã từng nói rằng đạo Trung Dung của ngài khó lắm. Rất ít người theo được. Trong cái số rất đông còn lại, lố nhố những người chưa học được cho kỹ, chưa theo được cái đạo ấy của người quân tử, tôi thấy có tôi đứng xớ rớ. Nghĩ mình cũng bậy.

Câu chuyện trong bàn tiệc đang tiến từ bảo hiểm nhân thọ sang chuyện giữ gìn cái cốt cách Việt Nam trong lối sống của người mình ở đây. Lần này tôi đã bắt được cái liên hệ giữa các các đề tài được nêu ra trong lúc tửu hậu. (Chị bạn chủ nhà tiến đến bàn mà báo cho biết là năm mười phút nữa mới có trà và cà phê: "Các anh vui lòng chờ một chút." Không vui thì cũng phải chờ chớ làm cái gì bây giờ!) Nguyên nói đến tiền bảo hiểm nhân thọ để lại cho con cái, cái ông lầm lì ngồi đối diện tôi nãy giờ chỉ ừ hử, bỗng cất tiếng thao thao đến gần mười phút về sự ích lợi lớn hơn của việc giữ gìn những truyền thống văn hóa nước nhà, ngay trong gia đình của từng người. Có vẻ mọi người đều đồng ý nhưng chưa biết làm cách nào. Không biết trong lá số Tử Vi của tôi ngày hôm nay hội đủ những bộ văn tinh nào mà cách đây không đầy nửa tiếng, có người ngỏ ý định cho mượn sách Thiền, bây giờ lại có một người trong bàn, biết tôi có viết lách, đề nghị tôi nên soạn một quyển sách với một chương kê khai những nét văn hóa thuần túy Việt Nam - lời người đưa ra đề nghị - trong sinh hoạt hàng ngày của một gia đình ở đây để cho mọi người dựa vào đó mà tổ chức đời sống của họ.

Tôi nghĩ mình không đủ sức làm việc đó và tôi đã nói ra như vậy. Nhưng mà trong đầu tôi, vụt một cái, tôi nghĩ, và "nguyên văn" cái ý nghĩ đó nó như thế này: "Mới làm nhà văn thôi mà đã không có ngày giờ, đã chết cha rồi, bây giờ lại làm nhà văn hóa nữa thì bỏ mẹ!" Một ý nghĩ đầy tính chủ quan, chỉ áp dụng riêng cho tôi mà thôi, một ý nghĩ thành thật nhưng mà lời lẽ dùng để diễn đạt nó lại không được thanh tao cho lắm, khiếm nhã nữa là khác. Nó bắt nguồn từ một nỗi bực mình vì đương không mà có người muốn trao cho mình một cái gánh quá nặng chở những mục lục, những thời khóa biểu khí viển vông. Nhưng mà lỡ nghĩ

như vậy thì tôi cũng phải viết ra cho nó đỡ bực.

Thiếu chi những thứ ngớ ngẩn nó làm cho mình bực mình khi gặp những người quá ưu thời mẫn thế. Nhưng mà đôi khi, nghe những chuyện nó khiến cho lòng mình kém yên tĩnh, đúng ra là tôi phải nói mất bình tĩnh, trong cái đảo điên của một nếp sống luôn ở trên một trăm cây số một giờ tại nơi tôi đang ngồi gõ những hàng chữ này, tôi lại sực nghĩ đến tĩnh lự của chị Đàn. Tôi không biết một chút xíu chi về phép tĩnh lự, nhưng mà một đôi lần, chỉ cái nghĩa đen của hai tiếng đó qua giọng nói của chị Đàn hình như cũng đủ có cái công hiệu của ba chén nước lạnh chữa bệnh Trương Phi của ông Hoàng tính nóng như lửa trong quyển sách học ngày nhỏ.

Tôi mới gặp lại chị Đàn năm ngoái đây trong một căn phố nhỏ sau chợ Tân Định. Có địa chỉ hẳn hoi trong tay, do Đạt - hiện ở Pháp - gửi cho tôi mà cũng mất hết mười lăm phút len lỏi qua hàng quán, đám đông trên con đường ngày trước gọi là Bà Lê Chân, tôi mới tìm ra nhà chị. Vợ chồng Cần hiện ở Úc. Chị sống với vợ chồng Mẫn và hai cháu nội.

Khi mở cửa, Mẫn không biết tôi là ai mà chính tôi cũng không nhận ra Mẫn. Kể cũng ngót năm mươi năm tính từ hồi ở Đà Lạt, lúc Cần và Mẫn mới bắt đầu trả cửu chương cho chị Đàn. Nhưng mà sau khi tôi khai danh tính, Mẫn mừng rỡ lớn tiếng gọi vọng lên gác sau:

"Đẻ ơi! Có cậu K. tới thăm đẻ này!"

Căn phòng bày biện sơ sài, toàn bàn ghế thấp loại gỗ rẻ tiền, để mộc. Chỉ có cái án thờ có khảm xà cừ là món đắt tiền nhất. Một lát sau, tôi thấy chị vịn vào thang gác mà cẩn thận xuống từng nấc thang. Chị mặc bộ bà ba hàng trơn, màu xám. Tóc chị đã bạc hết, nước da có kém hồng hào, nhưng trông chị vẫn khỏe mạnh. Câu chuyện hàn huyên chứa nhiều điều bất thường trong đời sống của những người mà chúng tôi nhắc đến. Những điều bất thường trong một giai đoạn lịch sử cũng bất thường luôn.

Thấy tôi nhìn ảnh anh Phương trên án thờ, chị nói:

"Anh mất được hai năm rồi. Anh mệt có mấy hôm, không chịu ăn uống chi cả, rồi đi luôn."

Tôi thấy chị im lặng. Nét mặt chị thản nhiên. Không buồn mà cũng không vui. Tôi đoán rằng đó là một phút mặc niệm. Chợt thấy chị mỉm cười:

"Hôm chị nhận được thư của Đạt cách đây mấy năm, nói đã bắt được liên lạc với cậu, anh nói là anh biết cậu ghét cái tật của anh, đứng xem cờ mà lại chỉ nước cho cả hai bên nhưng mà không có cái chìa nào khóa miệng anh được, nguyên văn lời của anh đó."

Lòng tôi vui vui. Một vài hình ảnh của thời vô tư vụt hiện về. Tôi nói

với chị Đàn:

"Vậy mà hồi đó, em tưởng là em giấu kín ý nghĩ của em lắm. Ngay cả Đạt em cũng không nói. Hôi ở Đà Lạt... vui ghê..."

Vọt miệng nói ra câu đó, tôi rút về không kịp. Trong đầu tôi, tôi vả vào miệng tôi một cái đánh bốp. Bởi vì trong nhiều năm qua, đã nhiều lần gặp lại nhiều chỗ quen biết cũ, cứ động đến " ngày ấy, dạo ấy... vui ghê" bất luận từ cửa miệng của ai, là sau mấy phút sống với những dư âm và ảo ảnh của ngày vui đã qua, y như rằng thế nào ai cũng hơi buồn cũng hơi chán với một cái hiện tại mà ít người vừa lòng hoặc vui lòng chấp nhận. Vẫn viết đây là một điều rất con người trong lòng mọi người, nhưng mà nói sao bây giờ... tôi nghĩ đến một câu Kiều... mà trong vinh hiển xót xa đã nhiều. Vương tướng chi mà vinh hiển! Khi trích câu Kiều này, tôi không nghĩ đến những người tự thấy mình đã vinh hiển ở đây.

Nhưng mà bây giờ tôi biết cái vả miệng của tôi là thừa khi người ngồi đối diện tôi là chị Đàn. Chị cắt một trái vú sữa, sắp vào lòng cái đĩa sâu đựng đá:

"Cậu chờ một chút cho nó lạnh. Ăn ngọt hơn. Chắc bên đó không có vú sữa. Mà nói thiệt với cậu ngày xưa ở Đà Lạt chị vui, mà bây giờ chị cũng vui vậy."

Tôi im lặng chờ chị nói thêm, nhưng sực nhớ là, ngược lại với tôi, chị Đàn không phải là người hay ba hoa về chính mình, tôi phải khơi:

"Em cứ nghĩ từ 75 đến bây giờ..."

Chị đoán ngay được ý nghĩ của tôi:

"Dĩ nhiên là có nhiều điều làm cho chị suy nghĩ, nhưng mà những cái xui xẻo mất mát ... như biết bao cái xui xẻo mất mát của những người xung quanh mình không làm chị buồn. Với lại, ai cũng cầu được sinh thuận tử an, anh được cả hai điều, phước của anh. Nghĩ vậy là chị cũng vui rồi.

Lần này tôi mạnh dạn hỏi:

"Em nghe Đạt kể là trong thời gian Cân Mẫn đi tù cải tạo, chị bới xách vất vả lắm mà..."

Chị Đàn lại cười. Hình như trên miệng chị luôn có một nụ cười:

"Lâu ngày mới nghe hai tiếng bới xách, ở đây bây giờ người ta gọi là thăm nuôi. May có Đạt chạy được qua Pháp, giúp đỡ cho chị ngay từ lúc đầu, nên chị cũng không đến nỗi... như nhiều người khác. Chị bây giờ...cháu Cân ở bên Mỹ có công ăn việc làm, con cái mạnh khoẻ cả. Chút chị lấy hình cho cậu coi, nếu có gặp, cậu cháu còn nhận ra nhau. Chị ở với vợ chồng Mẫn, hiếu thảo lắm. Có mấy đứa cháu con Mẫn, phá phách cũng vui. Thật ra, lòng chị thanh thản cũng nhờ..."

"Tĩnh lự."

"Nhưng mà cũng một phần nào thôi. Cậu còn nhớ à?"

"Quên sao được, em không biết tôn ti trong các chùa có cái chức đại lão ni cô không, chớ còn em biết chị bắt đầu tu từ hồi còn ở Đà Lạt. Bây giờ chị không sư bà, sư cố thì cũng là đại lão ni cô rồi."

"Cậu vẫn còn cái tật hay ba lơn. Chị mà tu hành chi, chẳng qua chị học được một đôi điều trong cuộc sống, qua lời chỉ vẽ của một người quen... Cậu lựa mấy cái miếng xấu mặt này mà ăn thử, thường chỗ nào bên ngoài vỏ bị nám, cơm bên trong lại ngọt hơn. À mà ở bên đó cậu có dịp đi chùa không?"

Chị Đàn ơi! ở nơi bàn tiệc này người ta cũng đang dọn ra một dĩa lớn đựng nhiều thứ trái cây nhiệt đới có, ôn đới có. Xoài Nam Mỹ, vải Đài Loan, cam Texas, nho từ đâu tới, em không biết, nhưng mà em chưa thử thứ nào vì chưa cạn ly rượu. Rượu với trái cây nó ít khi đi đôi với nhau lắm. Tôi đã nói thầm với chị Đàn như vậy khi ông bạn ngắt cho tôi một chùm nho năm sáu trái. Tôi cám ơn ông bạn rồi đặt chùm nho xanh mọng xuống cái dĩa giấy nhỏ màu lục đậm. Nhìn những quả nho to bằng đốt ngón tay cái, tôi nghĩ đến những quả nho giả bằng đá, bằng ngọc chưng trong các tiệm vàng, nữ trang. Có một đôi chùm được những ngón tay tài tình của người thợ ngọc, thợ đá tạo cho một vẻ sinh động tươi mát, linh hoạt lạ thường. Mới nhìn tưởng như nho thật, lá thật. Nghệ thuật bắt chước cuộc đời hay là cuộc đời bắt chước nghệ thuật? Thiên hạ đã tốn khá nhiều giấy mực mà tranh luận về câu hỏi nòng cốt này trong vấn đề sáng tác, sáng tạo. Đương không mà mình lại tự hỏi mình một cách khơi khơi vậy thôi. Trong đầu không có nghiêng về nghệ thuật, mà cũng không ngả về cuộc đời. Bởi vì cuộc đời mà không có nghệ thuật thì kể như là... còn nghệ thuật mà không có cuộc đời thì cũng... kể như là... tiêu tùng cả hai!

Nói cho ngay, tôi đã nghĩ đến vấn đề này khi tôi nhớ đến câu hỏi khá đột ngột của chị Đàn: "À, mà ở bên đó cậu có dịp đi chùa không?" Đúng ra, câu hỏi ấy đã khiến tôi suy nghĩ về nghệ thuật trong lối sống của chị Đàn.

Đối với chị Đàn, ông Trời quả đã không hẹp hòi, rộng lượng trong cái khoản nhan sắc mà ông vẫn ban cho nhiều người đàn bà khác. Vậy mà ngay từ cái thời tôi chỉ mới biết nhìn và tìm nhan sắc của lớp nữ sinh cùng tuổi để mà tốn vào đó những đêm mất ngủ vì những lời thơ, những bức thư mà tôi tưởng rằng càng dài càng hay, càng nhiều tính thuyết phục, ngay từ cái thời mười lăm mười sáu tuổi ấy, tôi đã cảm được, qua nếp sống khiêm tốn của chị, trong nhà chị, xung quanh chị, một cái gì đó mà tôi biết là rất đẹp.

Cũng như mọi cái đẹp khác trong nghệ thuật mà không ai định nghĩa nổi, hoặc có làm được chuyện đó thì cũng không tránh được cái phần chủ quan trong mỹ cảm, cái đẹp tỏa ra từ con người chị Đàn hồi đó tôi không biết nó là cái chi. Tôi chỉ biết trong cái đẹp đó có âm sắc trong giọng nói của chị, có cách nói năng dịu dàng, có lời lẽ ôn tồn, có đôi tay siêng năng việc nhà, có cách đi đứng khoan thai, trang phục bình thường nhã nhặn, nhất là gương mặt thật phúc hậu tươi vui của chị Đàn. Anh Phương là công chức, mà lại là lớp công chức chỉ biết trông vào đồng lương tháng, thành ra gì thì gì, không thể dùng chữ giàu mà tả nếp sống vật chất trong gia đình chị Đàn. Nhưng mà, chị đưa lại cho tôi cái cảm tưởng là chị luôn luôn đầy đủ. Có vẻ như cái đẹp mà hồi đó tôi vẫn rất thích được gần gũi, một phần của nó là cái yên ổn của một cái tổ ấm trong đó có con chim mái hiền lành, cởi mở, độ lượng, vui vẻ đón nhận lũ chim lạ chúng tôi, vốn là mấy đứa học trò xa nhà.

Hiểu theo nghĩa thông thường của hai chữ hạnh phúc, thì tôi thấy và biết chị Đàn và gia đình chị có hạnh phúc. Còn nghệ thuật của chị Đàn trong việc tạo ra, đóng góp vào và nuôi dưỡng cái hạnh phúc đó, cho đến bây giờ tôi vẫn không biết đích nó là cái chi. Hình như phép tĩnh lự có giúp cho chị một phần nào, như lời chị nói.

"Còn riêng em thì nói thật với chị, không có tĩnh lự, tĩnh liếc chi cả. Ngoài những mục quan hôn tang tế, thỉnh thoảng cũng có đi chùa thật. Nhưng mà em đi chùa cũng như Tôn Ngộ Không cân đẩu vân ra biển Nam Hải, hạ xuống núi Phổ Đà mà cầu cứu đức Quan Âm, những lúc phá không được bửu bối của lũ yêu quái dọc đường sang Tây Trúc." Tôi đã nửa đùa nửa thật như vậy mà trả lời câu hỏi của chị Đàn.

Nhưng mà... những con dốc quanh co, gồ ghề dẫn tôi đến với một đôi tiếng chuông chiều lan ra từ một vài mái rêu cũ kỹ cong vòng, mùi hương trầm đã phai, không còn ngào ngạt sau giờ cúng Ngọ, quyện lấy ánh nắng rực rỡ đang đổ xuống những mảng rêu quanh những gốc sứ già, điệu nhạc thấp, trầm đục của những bài mật chú đều đều nhẹ nhàng, nhẹ nhàng mà chứa cả cái hùng lực của lớp sóng hải triều âm, đôi búp sen tía trắng vươn lên từ cái tù hãm của một hồ nước có những nhánh rong dài xanh, những mảng bèo tấm dật dờ trong cái tĩnh lặng của trưa hè đứng gió, từng nhịp ve ra rả có khi át cả những câu xướng tán ngân nga trầm bổng, những lời khấn thành khẩn tha thiết xuýt xoa thoát ra từ những hàm răng đen, những đôi môi nhăn nhúm thoáng một đôi vết nước trầu, những cái lưng đã hơi còng đang cúi xuống với cả niềm tin trọn vẹn, những chén chè dĩa xôi lấm tấm chút tàn nhang, những bữa cơm chay thanh đạm... tất cả những thứ đó là nếp chùa ẩn hiện đâu đó trong tôi những khi tỉnh rượu

lúc tàn canh giữa cái bữa tiệc đời mà tôi đã trót ngồi vào với rất nhiều đam mê, nhiều ảo vọng đối với tất cả những gì là thanh, là hương, là sắc.

Đôi khi tôi cũng nhớm mình lặng lẽ rời bàn tiệc trong giây lát với chút ê chề, chút hoài nghi, nhưng mà nhiều lúc trong lòng cũng loáng thoáng bóng dáng một niềm vui đột ngột, ảo ảnh của một nỗi hân hoan bất ngờ. Mà cuối cùng rồi tôi cũng ngồi lại vào bàn với đầy đủ cái hăm hở của một người ham sống với cái nhân thế này!.

Ngồi nhớ lại mà viết ra, thì nó là đoạn trên đây. Nhưng thật ra tôi còn ba hoa nhiều hơn nữa, dài dòng hơn nữa, luộm thuộm hơn nữa về ngôi chùa của tôi khi trả lời câu hỏi của chị Đàn. Nghe tôi nói xong, chị Đàn lại cười, vồn vã mời tôi như ngày trước:

"Cậu ở lại ăn cơm chay với chị, có món vả trộn rắc sân lốt mà cậu mới nhắc đến trong ngôi chùa của cậu."

Nhưng mà bận một vài việc, tôi phải chối từ. Lúc ra về, tôi biếu chị một món quà mọn, nói khéo (với chị Đàn chuyện chi mà lại phải nói khéo!) là để mua bánh kẹo cho các cháu. Chị vui vẻ cầm lấy cái phong bì nhỏ. Lần này chị cười hóm hỉnh:

"Không giấu chi cậu, Đạt và Cần nhờ trời khá kắm, chu toàn cả cho chị và gia đình Mẫn đã từ lâu rồi. Tiền cậu cho hôm nào chị gửi ra biếu viện mồ côi của ni cô Minh Tú ngoài Huế... để... dọn đường cho cậu về với chùa sau này...nếu cậu muốn."

Sau này về chùa nào thì tôi chưa biết, mà có lẽ không bao giờ tôi biết được, nhưng mà đã đến lúc tôi phải rời buổi họp mặt hôm nay rồi bởi vì đêm cũng khuya, mà cũng tôi vừa nhận lấy tách cà phê thứ ba, thật đậm, thật thơm do chính tay chị bạn chủ nhà đích thân pha chế. Chị bạn chìa cái dĩa sứ men rạn giống như màu lá chuối non mà ải hơn một chút, loại men céladon giả cổ, đựng đường cát vàng mà lại trong hơn, gần giống như đường phèn (tôi nhớ có lần đã được nếm loại đường này tại Mỹ Khê, Quảng Ngãi, đục hơn một chút mà đậm đà vô tả):

"Anh không dùng đường à? Tôi pha đậm lắm đấy. Anh uống vậy mà không đắng à?"

"Cám ơn chị. Đắng chớ. Nhưng mà ngon."

Tôi nghĩ thêm là đắng như cuộc đời và ngon như cuộc đời vậy, nhưng mà không nói ra. Tôi tiến đến gần quầy rượu, đưa mắt ra hiệu cho vợ tôi. Hôm nay là thứ Bảy, vợ tôi là một con chiên ngoan đạo, sáng chủ nhật nào cũng dậy sớm đi lễ Nhà Thờ.

Tôi đã viết xong và chấm hết những dòng loãng quãng trên đây vào tháng trước ở hai chữ Nhà Thờ cuối câu trên. Tôi in một bản gửi qua bên Pháp cho Đạt xem. Nói theo ngôn ngữ ngoại giao giữa các nước, thì tôi

gửi bài cho Đạt xem để thông báo chớ không phải để tham khảo. Hai tuần sau, tôi nhận được một bức thư khá dài của Đạt trong đó có đoạn sau đây:

"...Cái người chỉ những điều sơ đẳng về phép tĩnh lự cho chị Đàn là bồ cũ của chị. Hai người yêu nhau từ cái hồi còn học Collège Thanh Hóa. Sinh trưởng trong một gia đình Phật giáo. (Đi chùa lạy Phật đại khái theo kiểu moa và toa vậy). Sau anh đi tu dòng Franciscain ngoài Quảng Trị. Bây giờ không biết ở đâu. Hai người có gặp lại nhau ở Huế, hồi chị Đàn mới sinh thằng Cân.(...) Toa kể chuyện đời một người đàn bà nhiều tình cảm như chị Đàn mà lại không nhắc nhở chi đến tình yêu cả là vụng lắm. Dù là tình học trò vớ vẩn. Bộ toa tưởng những người có đạo tâm như chị Đàn không biết yêu hay sao? Anh Phương mất rồi, có nhắc đến chuyện đó bây giờ cũng không sao..."

Tôi đưa thư của Đạt cho vợ tôi xem, cũng là để thông báo, chớ không phải để tham khảo ý kiến. Nhưng mà không tránh được! Với cái tính hồn nhiên, ngây thơ còn sót lại từ thời còn học trường Bà Xơ, vợ tôi "đề nghị" nên tả cuộc gặp gỡ giữa chị Đàn và người yêu của chị khi mới hồi cư, sau nhiều năm lạc nhau, cho thật là lâm ly, có đủ những bàn tay hốt hoảng tìm nhau, những ngậm ngùi cầm nín của phút biệt ly vân vân và vân vân. Nhưng mà đời là như rứa đó. Có những điều đáng lẽ phải biết trước thì việc nó gọn hơn, mà mình lại biết sau và đảo lại. Bố cục sao cho giống như cuộc đời thật với những chuỗi cười đúng lúc, những giọt nước mắt không trái tiết, coi vậy mà khó thật. Ngòi bút lạng quạng của tôi lại không bắt chước được. Thôi thì cứ để nguyên vậy.❐

thiên nga giữa cõi người

tập truyện ngắn của

Tâm Thanh

Tạp chí Văn Học xuất bản

"Chủ ý của Tâm Thanh là truy tầm những bi kịch muôn thuở ngay trong những hoàn cảnh bất ngờ nhất, nơi người ta tưởng không bao giờ có bi kịch. Người đọc bước vào truyện như lạc vào một cõi mơ, và ra khỏi truyện thì ngơ ngẩn bàng hoàng vì băn khoăn không hiểu nổi những vấn nạn muôn thuở của nhân sinh. Có thể xem truyện ngắn của Tâm Thanh như những bài thơ triết lý."

Văn Nghệ phát hành. - Sách dày 200 trang. Giá 10 Mỹ kim

Hiu hắt quê nhà

TRẦN THẢO LU

một

Trở lại một lần, ta dã hẹn,
bởi năm xưa húa cuội, tụ mình.
Lần lữa nửa đời loang loáng vụt,
ngẩng dầu mây trắng vẫn làm thinh.

Tiễn ta đi trời tăm tối quá,
cây buồn, tường lở dứng hoang mang,
lầm lũi bước, sau lưng, bỏ lại
cả thành trì quá khứ tan hoang.

Ngày đó mắt khô lòng ráo hoảnh,
đời ta, trở lại biết năm nào,
cha mẹ anh chị em dành đoạn,
đá bặt ngàn năm cũng phải đau.

hai

Quá khứ như ngọn đèn tắt ngúm,
dĩ vãng mòn, trí nhớ mông lung.
Nay cắc cớ châm dầu dã cạn,
ta khơi tim cho lửa bập bùng.

Cứ tưởng ta về đường xưa đó,
lá reo vui trước gió năm nào,
trời trong vắt, diều bay như thuở,
mộng dầu ơi, theo mây lên cao.

Trên mái lá khói chiều mệt mỏi,
uể oải nằm dật dựa hoàng hôn,
mùi cơm thơm thoảng bay theo gió,
tuổi thơ ơi, cơn đói lả hồn.

Tiếng ai hát ngân dài trí nhớ,
dàn rung căng hơi thở nôn nao,
tim dập lại như thời dại dột,
thương người qua chút ánh trăng sao.

Con đường xưa đi quanh xóm cũ,
quá khứ vòng bờ ruộng, ao sen,
cá lia thia dớp từng ngụm thở,
vết da trầy máu loang buồn tênh.

Tiếng đế gáy khúc sầu thơ dại,
trong hang sâu kỷ niệm một thời,
ểnh ương kêu thúc chiều xây xẩm,
rền âm xưa nhức nhối một đời.

Trước thềm nhà ngoại ngồi lựa gạo,
trễ kính già ngấn nặng lòng đau,
tóc trắng buốt nhớ từ đạo đó,
lưng còng trĩu nặng một đời sau.

Tiếng ai vang trong chiều nhẹ gió,
nghe bi thương con thú lạc bầy,
tìm lối cũ về quanh bếp lửa,
sưởi đời nhau ấm lại từ đây.

ba

Trời tươm máu cuối ngày đỏ thắm,
dừng chân xiêu bóng ngả bên đường,
nghe đồn dập tiếng tim vật vã,
nhánh dời khô trổ búp quê hương.

Trước cổng nhà bé tròn bụng đứng,
rún lồi, mũi chảy, mút tay chơi,
sống an nhiên như loài cây cỏ,
sinh lớn lên so mạng đất trời.

Trong sân chó nằm thù biếng sủa,
đói lâu năm quen lạ không màng,
mắt lim dim sống ngoài thế sự,
mạng chưa còn, thiên hạ vô can.

Đứng lớ ngớ e dè nhà cũ,
nơi sinh ra làm chủ một thời,
dúa gái nhảy cò cò, đứng lại,
thản nhiên cười, mời chú vào chơi.

Trền nền gạch còn nguyên vết nứt,
mảng tường vôi loang lở ngày nào,
cây xoài đứng khẳng khiu ốm đói,
mái nhà xiêu, cột sụp, hư hao.

Ta đứng lặng, ngại ngần chốn cũ,
cha mẹ già lần bước nhìn ra,
trong ngơ ngác lắm phần xa lạ.
Cậu tìm ai? Con tôi đi xa!

08/99

Túp lều của chị tôi

Tâm Thanh

Mẹ tôi nói sanh ra tôi là mẹ, nhưng nuôi tôi là chị Tuyết. Anh Hưng, con người lý sự nhất nhà, giải thích:

- Dễ hiểu mà: thằng Đạt sanh ra lúc chị Tuyết ở vào tuổi mê chơi búp bê.

Có thể. Khi mẹ mang ba người con lớn -anh Thịnh, chị Tuyết và anh Hưng- sang đoàn tụ với bố, chị Tuyết lên chín. Mẹ kể:

- Con búp bế làm bằng nhựa tái chế, đôi mắt xanh trợn trừng trông thấy khiếp, mà nó cứ đòi bồng lên máy bay.

Gia đình đoàn tụ chưa đầy năm thì tôi ra đời và trở thành con búp bê cho chị. Hình ảnh đầu tiên còn lại trong ký ức non nớt của tôi là chị Tuyết, chứ không phải mẹ. Tôi khóc chị dỗ, đói chị bón cơm, đi cầu chị chùi. Những hình ảnh về sau rõ nét hơn là tôi đi vườn trẻ, chị thay đồ, đưa đón, về nhà tắm rửa, đọc truyện cho tôi ngủ. Chị thường hát những bài lạ, khác hẳn những bài tôi học trong trường, chị gọi là "ru em". Chị nói:

- Tiếng Na-uy gọi là "vuggesang", tiếng Việt gọi là "ru em".

Trong lòng thương hại mẹ, tôi đã cảm thấy sự xa cách - "cưng không được quấy mẹ, mẹ yếu lắm", nhưng khi nói tới vuggesang tôi nghĩ tới tương quan mẹ con, tôi bèn hỏi:

- Tại sao không gọi là "ru con", Tít?

Chị cười dịu dàng:

- Gọi là "ru con" cũng được. Nhưng ở Việt Nam, thường mẹ bận đi làm đồng, chị phải bồng em đi chơi, ru em ngủ...

Hai tiếng *"ru em"* trở thành hai tiếng êm dịu nhất trong tiếng Việt đối với tôi, cũng như sau này tôi nghe một bà tài tử Mỹ (không nhớ rõ Tina Turner hay Oprah Winfrey) nói *"lullaby"* là tiếng có âm điệu du dương nhất trong tiếng Anh. Những bài hát chị ngâm nga đi vào giấc ngủ và giấc

mơ của tôi. Lớn lên, tôi vẫn mang những giấc mơ đó. Không biết tôi bỏ phòng bố mẹ từ khi nào (chị Tuyết nói từ khi mẹ sanh thằng Út) và ngủ trong phòng chị cho tới khi phải dọn sang ngủ chung với anh Hưng. Tôi không quên được cái ngày đó. Đó là một ngày cuối mùa hè, trước khi tôi lên lớp sáu, tôi nhớ rõ vì tôi khóc nhiều. Chị phải hứa mỗi tối sẽ sang đắp mền cho tôi ngủ. Nhưng sau này tôi thường tự động sang phòng chị, nghe kể một truyện cổ tích Việt Nam. Nghe xong truyện, tôi nhắm mắt làm bộ ngủ để chị bồng về giường. Tấm mền phủ lên là tôi ngủ thật.

Chị Tuyết bắt tôi đi học hè tiếng Việt do Trung tâm Mục vụ tổ chức. Hôm đầu dì phước cho thử trình độ để xếp lớp, tôi thấy mấy đứa cùng tuổi, đứa nào cũng võ vẽ đánh vần tiếng Việt sơ sơ. Tới phiên bị hỏi, tôi đứng ngay cán cuốc ra, không biết lấy một chữ. Có đứa con gái ở khu tôi, nói toáng lên, tôi nghe chua như giấm:

- Thưa cô, bố trò Đạt là thầy dạy tiếng Việt của con!

Cả lớp cùng "ô" lên ngạc nhiên. Hôm sau tôi không chịu đi học, chị Tuyết hỏi gặng mãi tôi mới kể lại câu chuyện mắc cơ hôm qua. Tôi chỉ kể riêng với chị, vì việc học tiếng Việt là do sáng kiến của chị, một mình chị thu xếp và lấy tiền túi đóng học phí, mua thẻ xe. Bố mẹ muốn chúng tôi dồn hết sức vào việc học tiếng Na-uy, tiếng Việt không cần thiết. Nhưng đối với chị Thuyết, tôi phải nói và viết giỏi tiếng Việt. Chị kéo tôi ra vườn, bồng ngồi trên xích đu, dỗ:

- Tít sẽ xóa nạn mù chữ cho cưng.

- Xóa nạn mù chữ là cái gì, Tít?

- Lớn rồi mà không biết đọc, biết viết tiếng Việt, bị coi như mù, mù chữ. Ngày xưa, ở quê mình người ta mở lớp ban đêm dạy cho họ biết đánh vần, gọi là "xóa nạn mù chữ". Tít sẽ dạy cưng đánh vần ở nhà, hết mù chữ mới đi học.

- Học ở nhà thì em học. Em không đi lớp hè đâu.

Chị ừ hử, đỡ tôi nằm xuống, kê đầu lên đùi chị. Gió lùa rung rinh những bóng cây trong vườn ngập nắng làm tôi buồn ngủ, văng vẳng bên tai tiếng chị ngọt ngào:

"Ba cô đi chăn bò vàng
Để bò ăn lúa ba nàng hái hoa
Hái được cành bổng cành la
Cành nào tươi tốt cho ta một cành."

Bài ca dao đó chị hát nhiều lần, tôi đã thuộc rồi, chị dùng những chữ "ba, la, ta, bò, cho, cô v.v." làm bài học vần đầu tiên. Qua chừng 10 bài ca dao ngắn ngắn là tôi nhận ra hết các vần căn bản của tiếng Việt. Khi trở lại trường, dì phước định cho tôi học lớp ABC, nhưng chị Tuyết xin dì thử

lại tôi. Dì đưa cho tôi cuốn tập đọc, tôi méo miệng, chu mỏ một hồi rồi cũng đọc được nửa bài. Dì ngạc nhiên lắm, bảo:

- Thế mà bữa trước không thèm mở miệng. Cu này coi tướng lì mà biết mắc cỡ!

Chị Tuyết thường đi thư viện Deichmanske ở Oslo, có kệ sách tiếng Việt, bê về cả lô sách để đọc, và bao giờ cũng có một cuốn riêng cho tôi. Buổi tối chị đọc truyện cổ tích cho tôi nghe. Trong gia đình, ít người nói chuyện với chị Tuyết. "Không hợp". Chỉ có tôi hay thủ thỉ với chị. Thỉnh thoảng anh Hưng "phân tích":

- Người Na-uy có tục lệ đọc truyện cho con trước khi ngủ. Một tục lệ rất hay.

- Theo em, Việt Nam mình có tục này không? Chị Tuyết hỏi lại anh Hưng.

- Làm gì có? Anh Hưng nói. Suốt ngày cha mẹ làm lụng quần quật, tối về mạnh ai nấy ngủ khò, con nít thì học bài, làm gì có cái vụ cha mẹ đọc truyện cho con, chờ con ngủ, hun "ngủ ngon", rồi đắp mền?

- Em nói sai rồi. ở Việt Nam, cha mẹ không cầm sách đọc truyện, nhưng kể truyện cổ tích gần như mọi nơi, mọi lúc, giã gạo, tát nước, làm đồng, đi đò dọc, đi bộ đường xa, ngồi chợ bán hàng, ngồi hóng mát dưới trăng, ngồi nghỉ chân dưới gốc đa v.v. lúc nào người lớn cũng có thể kể truyện cho con nít nghe.

Tôi tự hỏi: chị bỏ Việt Nam lúc lên chín tuổi, tại sao chị biết nhiều như vậy? Tôi có cảm tưởng chị là một cây bonsai. Sau này lớn lên tôi hiểu tại sao lúc đó tôi có sự so sánh ngộ nghĩnh đó - trong cái dáng nho nhỏ của chị đã tích tụ cả thời gian trăm năm, và một cõi rừng núi xa xăm. Anh Hưng nghiêng đầu như cố nhớ:

- Sao hồi nhỏ em không được nghe?

- Hồi ở Việt Nam, bố vượt biên, mẹ chạy gạo, đời sống bất ổn, bao nhiêu điều lo lắng, không ngồi kể chuyện cho chị em mình được... Nhưng chị nhớ cũng được nghe bà ngoại kể chuyện dưới trăng ngoài thềm nhiều lần, và lần thích nhất là đêm canh nồi bánh chưng. Lúc đó em không bắt đom đóm thì cũng ngủ khò, không được nghe các truyện Tấm Cám, Thạch Sanh, Ăn khế trả vàng v.v.

Có lẽ không phải chị Tuyết chỉ mê chơi búp-bê, mà chị thích cả chơi chòi. Chị chăm chút ngôi nhà của gia đình chúng tôi ở Bekkestua như một cái chòi, chị tự may những cái màn cửa sổ, lau chùi, quét dọn, lâu lâu chị kê lại bàn ghế, mùa hè chị cắt hoa ngoài vườn vào trưng trong phòng

khách và phòng ngủ từng người, và chị làm bếp, nấu những món ăn Việt Nam mà chính mẹ không biết nấu, hoặc nấu không ngon bằng. Mẹ đau yếu quanh năm, sanh tôi và thằng Út xong càng yếu hơn. Năm người con trai (ấy là tôi coi bố cũng là... con trai) ai cũng có "quí tướng" cả, "dài lưng tốn vải ăn no lại nằm", mẹ nói với một vẻ hãnh diện nhiều hơn trách móc. Mẹ hãnh diện nhất về anh Thịnh, học hành chăm chỉ, để bốn năm tu thân tích điểm rồi cũng vô được y khoa, đang làm việc trong bệnh viện. Đương nhiên "bác sĩ của mẹ" không có quyền mó vào những việc dành cho đàn bà con gái. Anh Hưng giỏi máy móc, bận đi sửa xe, bắt điện, nâng cấp máy điện toán cho khắp thiên hạ, nhưng cái ống nước tưới vườn trong nhà bị bể, lại do chị Tuyết sửa. Chị phải sửa vì cuối mùa thu, sau khi một mình quét dọn lá khô trong vườn và dọn dẹp bàn ghế vào kho, chị quên không xả nước, mùa đông ống bị bể. Những việc đó không anh nào làm, tôi không biết làm, muốn làm chị cũng không cho "cưng" làm. Thằng Út bận đi đá banh; nó đã trở thành cầu thủ chính thức cho đội tuyển quận. Còn bố, ngoài việc làm phụ giáo (có lương) cho các trường đông học sinh Việt Nam, bận làm báo cho hội gì đó. Chị Tuyết bao biện mọi việc trong nhà như một bà nội trợ.

Chị cũng phải tới trường Na-uy như mọi người (chị học nữ điều dưỡng), tôi không biết thì giờ ở đâu mà chị học tất cả những điều ngộ nghĩnh kia. Dường như từ trong máu chị đã sẵn có những câu ca dao, những công thức bánh, những cử chỉ, điệu bộ, những câu, những chữ làm mềm mại lời nói của chị. Riêng điều sau cùng này tôi ít thấy ở những người cùng tuổi với chị và với tôi. Tôi sanh ra và lớn lên tại Na-uy, không biết gì về Việt Nam. Không biết gì về người con gái Việt Nam, ngoài hình ảnh người chị... ru em, hoặc đối với riêng tôi, chỉ phảng phất mà vương vấn lạ lùng là: hình ảnh chị rón rén cúi đầu khi miễn cưỡng phải đi qua mặt bố mẹ đang nói chuyện với khách. Hoặc hình ảnh chị chải tóc thật kỹ buổi sáng trước khi ra khỏi phòng. Tóc chị óng mượt như nhung. Có lúc tôi thấy chị như một đóa hoa xuân trong chiếc áo dài. Có lúc tôi thấy chị như một bà già khi chị ngồi giặt các bao ni-lông, hong khô, để dùng lại, hoặc đi chợ trời mua quần áo cũ sửa lại mặc.

Ngược lại có nhiều việc nhỏ mọn chị lại cẩn trọng, không chắp vá, không tùy tiện. Ví dụ như đối với chị, các món ăn phải thuần túy, đúng kiểu, đúng cách, không được "phăng" ẩu. Hồi còn nhỏ tôi thích việc so đũa cho cả nhà, chị dạy so đũa thật đều và thật thẳng. Đũa cong chị vất đi hết. Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Tít hà tiện, sao vất đũa đi?

- Không phí phạm không có nghĩa là không tiêu dùng. Phải dùng đũa

cho đúng. So đũa đều bố mẹ sống lâu trăm tuổi. So đũa thẳng ăn ngay nói thật.

Chị nấu nhiều thứ chè thật ngon, chè khoai môn sầu riêng, chè xôi nước, chè bột lọc, chè khoai lang, chè bí rợ, chè đậu đen, chè đậu xanh. Cả nhà đâm ghiền. Buổi tối ăn cơm xong, cả nhà ngồi chơi, coi TV, uống cà-phê, trong khi chị Tuyết lục đục rửa chén bát. Chị vừa ở trong bếp ra, anh Hưng nói trống:

- Bây giờ có chén chè ăn thì tuyệt ha?

Anh Thịnh và thằng Út cùng phụ họa:

- Em cũng thèm chè.

Mẹ mắt nhìn chị Tuyết ái ngại, miệng rầy các anh:

- Bay làm như hô thần chú thèm là chè hiện ra cho mà ăn!

Người "hô" chè đầu tiên là anh Thịnh, nên cái nhìn ái ngại của mẹ, đối với chị Tuyết có nghĩa là một lời nhắn khéo "thôi con chịu khó một chút". Những người khác chỉ chờ "ăn có". Còn tôi cũng muốn ăn chè, nhưng không muốn chị Tuyết mất công, nhìn chị ra dấu "đừng". Thế mà chị hiểu thế nào không biết, đứng lên đi nấu chè.

Tài nấu ăn và tính chăm việc của chị cũng có hại. Cả nhà ăn không ngồi rồi cứ béo lăn ra. Một hôm đầu mùa hè mà đã nắng ấm ran da, chúng tôi chẳng ai bảo ai, mình trần quần đùi nằm lủ khủ phơi nắng trên bãi cỏ ngoài vườn. Chị Tuyết đi làm rồi đi chợ về, vai đeo xắc, hai tay kệ nệ hai bịch ny-lông to bự, thở mệt nhọc, chị nhìn một cách quái dị vào chúng tôi, nói:

- Y như một bày heo cạo!

Tôi ngẩm dậy coi, thấy mấy người con trai béo nần béo nũ, bụng phệ, trắng hếu, y như bày heo đã cạo lông sạch sẽ. Nhưng con heo phệ nhất, hếu nhất lại là... bố. Tôi không nhịn được cười, trỏ tay vào bố:

- Con heo này mập nhất!

Cả mấy "con heo" kia cùng cười hô hố. Lúc đó chị Tuyết mới nhận ra bố, hoảng hồn, tròn xoe mắt, há hốc mồm, chạy vào nhà.

Chị Tuyết chăm lo cho mọi người và nhà cửa từng ly từng tí, nhưng chính chị thường bị quên lãng. Một buổi chiều mùa đông cả nhà ngồi trong phòng khách bàn về việc sửa nhà. Nhà hiện có bốn phòng ngủ, bố mẹ chiếm phòng lớn ở nhà dưới bên cạnh phòng khách, trên lầu có ba phòng, anh Thịnh và thằng Út ngủ chung một phòng, tôi và anh Hưng chung một phòng, chị Tuyết một mình một phòng. Thằng Út với anh Thịnh cứ hục hặc hoài về chuyện mở nhạc và tắt đèn. Bố mẹ muốn cho

mỗi người con một phòng riêng và thêm một phòng kiếng để bố trồng lan và bonsai.

Mẹ thấy hết củi sưởi, nói:

- Đứa nào ra lấy củi đi.

"Bày heo" nằm ngồi nghiêng ngả, im thin thít như bị dí điện a-ba-toa. Chị Tuyết im lặng đứng dậy ra sân lấy củi. Tôi theo ra tiếp chị. Tôi banh bao gạo ra cho chị nhét củi vào. Mặc dầu chị Tuyết đã ra trường, và tôi đã học xong trung học, tôi vẫn gọi chị bằng "Tít" (tiếng nói ngọng của tôi hồi nhỏ):

- Tít ơi! Bộ người con gái Việt Nam phải làm hết mọi việc sao?

- Việc trong nhà, gần như hết việc trong nhà.

- Thế là bất công.

- Không bất công đâu. Khi nào cưng có gia đình riêng cưng sẽ thấy. Người đàn ông lo việc bên ngoài. Người đàn bà lo mọi việc trong nhà.

- Nhưng Tít vừa lo việc trong nhà vừa phải đi làm.

Chị không trả lời. Trăng chiếu trên tuyết trắng đẹp quá. Tôi thấy chị Tuyết cũng đẹp. Tôi bưng bao củi lên, hỏi đột ngột:

- Bên Việt Nam không có tuyết, sao bố mẹ đặt tên Tít là Tuyết?

Chị cười:

- Tít không biết. Cưng hỏi bố mẹ ấy.

- Nhưng Tít thích tên đó không?

- Thích lắm.

Trong lúc xếp củi vào hộc bên cạnh lò sưởi, tôi hỏi bố mẹ:

- Bố mẹ! Tại sao bố mẹ đặt tên chị ba là Tuyết?

Bố đặt tờ báo chiều xuống, gỡ kính một cách chậm chạp để có thời giờ suy nghĩ, nói gọn:

- Tuyết đẹp.

-Ở Việt Nam đâu có tuyết mà thấy đẹp, bố?

- Không có tuyết, nhưng người ta mơ vẻ đẹp của nó. Hay đặt cho con gái.

Tôi nhẩm liệt kê thấy trong số vài trăm người Việt ở vùng chúng tôi ở đã có sáu người tên Tuyết, trong khi khắp Âu châu đầy tuyết chỉ có một người tên tuyết - Bạch Tuyết của bảy chú lùn. May mà chị Tuyết của tôi chỉ có năm "chú lùn". Nhưng chú nào cũng tên là "Đại Lãn" cả.

Mẹ im lặng trong lúc bàn về tên Tuyết, bây giờ lại quay về chuyện cất nhà:

- Cái hầm mình tự làm lúc nào cũng được. Cái phần phải có họa đồ và giấy phép xây cất là phần xây thêm một căn có đủ phòng ngủ, phòng khách và bếp, cầu tiêu cho thằng Thịnh.

Anh Thịnh nhăn:

- Chi vậy má? Con ở trong phòng bây giờ được rồi.

Bố nói:

- Ý mẹ mày là muốn mày cưới vợ về ở chung đây cho bả bế cháu nội.

Mẹ gật đầu, nói tiếp:

- Sau này từ từ sẽ xây thêm ba căn nhà riêng cho ba đứa con trai, tụi bay lấy vợ rồi ở quây quần cho vui. Mẹ quay sang anh Thịnh: Con là trưởng nam, ở nhà chính với bố mẹ.

Tôi thấy mẹ "xây" thiếu một căn nhà, vừa định lên tiếng thì chị Tuyết đứng lên vào bếp. Tôi im. Một lúc sau, chị từ trong bếp bưng chè ra:

- Mời cả nhà ăn chè.

Chị Tuyết bưng hai chén chè cho bố mẹ. Bốn người con trai xúm vào, mỗi người tự lấy một chén. Chị Tuyết lấy chén sau cùng, lại ngồi dưới sàn bên cạnh tôi. Mọi người mải ăn chè, tạm ngưng câu chuyện xây nhà.

Tôi hay sang phòng chị Tuyết chơi. Một hôm tôi thấy cuốn nhật ký chị bỏ ngỏ trên bàn. Từ khi tôi biết đọc tiếng Việt, chị vẫn để cho tôi đọc nhật ký của chị một cách tự nhiên. Lần cuối cùng khi tôi đọc mà chị đỏ mặt, giằng lại giấu đi, là khi chị mới đi làm trong bệnh viện được khoảng một năm. Chị viết về một người trong bệnh viện, mà chị chỉ gọi là "người ấy", tôi hiểu là một người Việt, hình như một bác sĩ, quen anh Thịnh, và chị có cảm tình. Tự nhiên tôi thấy sợ người ấy. Đúng hơn, tôi sợ mất mát một cái gì. Rất mơ hồ. Một đe dọa xa xôi. Tôi tò mò muốn biết người ấy là ai. Vì thế, tôi cảm thấy tôi vẫn còn cái "quyền" đọc nhật ký của chị như xưa. Nhưng tôi thấy chị không viết thêm gì về người ấy nữa. Tôi đọc được một đoạn khác chị vừa viết:

Ngày ...

Ngôi nhà và miếng đất nhỏ bé này là thế giới của tôi. Khu vườn này, tôi đã xới từng luống đất, gieo từng luống hoa, tỉa từng cành lá. Nếu mỗi người anh em có một căn nhà riêng trong đó, thì tôi chỉ ước mong có một túp lều. Để tôi được ở bên cạnh mái nhà đã đem lại cho tôi cảm giác an toàn, và để tôi chăm sóc cho bố mẹ và mấy người con trai vô tích sự.

Mẹ quên không "chia nhà" cho tôi, không phải vì mẹ không thương tôi. Tôi biết. Tôi còn biết mẹ thương tôi như thân mẹ. Thân đàn bà con gái.

Túp lều của chị Tuyết không bao giờ được cất, và giấc mơ nhỏ của chị bị cuốn hút trong giấc mộng nhân sinh chung. Chị đi lấy chồng. Chồng chị không phải là "người ấy". Anh Thịnh tiết lộ cho tôi biết người ấy -bác sĩ N.- thích một người vợ bặt thiệp và kinh doanh giỏi để làm giàu. Ngay

từ khi bước chân vào y khoa, N. đã tuyên bố một cách rất thẳng thắn "sự nghiệp" của hắn chỉ có ba điều: Tiền, tiền và tiền. Lúc đầu thấy dáng chị Tuyết sang đẹp, hắn để ý, nhưng nói chuyện vài lần thấy chị... "Xưa quá, không hợp với karriere của tôi" (nguyên văn hắn nói với một người bạn học của anh Thịnh). Chị Tuyết biết được chí hướng của N., nản quá, nhận lời lấy một ông Na-uy, cũng bác sĩ, lớn hơn chị mười tuổi. Ông này, từ ngày đi học châm cứu ở Đài Loan về, chỉ muốn lấy vợ Á châu.

Vắng bàn tay chị, nhà cửa trở nên bầy hầy không tả được. Mẹ yếu, chỉ có thể gắng gượng làm một bữa ăn chính mỗi ngày. Anh Thịnh phân công cho chúng tôi việc rửa chén đĩa, hút bụi, lau nhà, giặt giũ, mùa đông ủi tuyết, mùa hè cắt cỏ. Quần áo ai muốn ủi thì tự ủi. Riêng thằng Út không được ủi đồ vì nó hay quên, không tắt bàn ủi, có lần suýt cháy nhà. Nhưng vẫn lòi ra những việc bất ngờ không thuộc trách nhiệm ai, ví dụ bồn tắm nhét tóc, ứ nước, bỏ rác mỗi tối. Chỉ hai tuần sau khi chị Tuyết đi, cây kiểng trong nhà từ từ chết hết. Con mèo đói quá, bỏ nhà đi, bị xe cán. Tất nhiên chè thì không bao giờ đọc thần chú mà có ăn được. Chúng tôi đã biết sự cần thiết của chị Tuyết mà trong bao năm hiện diện âm thầm như cái bóng trong nhà.

Tôi thắc mắc một điều: những gia đình đông con trai thường cưng người con gái độc nhất không để đâu hết, tại sao gia đình tôi gần như quên lãng chị Tuyết? Sau này tôi còn biết thêm một bí ẩn: bố mẹ muốn có thêm một người con gái. Đó là lý do mặc dầu mẹ yếu mà vẫn ráng sanh. Ra thằng đực rựa Út. Chị Tuyết vẫn không được trân trọng, cho tới khi chị đi lấy chồng.

Mỗi tuần chị Tuyết về thăm nhà một lần, thường là có cả Geir, anh rể. Cả nhà sinh động hẳn lên, bố thu dọn sách báo bừa bãi, mẹ làm bánh, chúng tôi "tổng vệ sinh", giặt giũ, hút bụi, lau sàn, thông thoáng nhà... chờ chị Tuyết về. Nhờ vậy, nhà cửa vào nền nếp ít nhất cũng được hai ngày. Thường chị điện thoại trước sẽ ăn gì để chúng tôi chuẩn bị mua món kèm, chờ chị về làm món chính. Nước mắm cũng phải chờ chị pha chế. Mẹ đã bắt đầu có những lời âu yếm:

- Con lo cho hai nhà, thật vất vả cho con.

Chị cầm tay mẹ:

- Còn mẹ, tay khô chai hết rồi.

Mấy người đàn ông đang uống cà phê trên phòng khách. Trong bếp chỉ còn mẹ, chị Tuyết và tôi. Chị nói tiếp:

- Mẹ biết không, bên nhà con, anh Geir làm gần như hết mọi việc, lau nhà, rửa chén, ủi tuyết, cắt cỏ; con chỉ nấu cơm, giặt giũ. Rồi mặt

chị đỏ lên, nhìn tôi, bẽn lẽn: vậy mà ảnh còn cho là con vất vả.

Chị rót thêm trà cho mẹ và cho tôi một cách âu yếm, như bù cho những ngày khác trong tuần chúng tôi phải tự pha trà. Dầu thế tôi vẫn nghĩ thầm:

"Tít còn nhớ tí nào về túp lều không?"

Mọi người chỉ cảm thấy thiếu chị Tuyết, còn tôi vừa thiếu vừa nhớ. Từ hôm có bằng lái xe tôi thường chiều chiều lại chị chơi. Tôi cũng cần một người có thể nghe tôi kể về con Hạnh, một đứa con gái tôi quen từ nhỏ, bặt đi hai năm, nay gặp lại tôi... hết hồn. Có lần tôi sang, thấy chị nằm trên sofa, gác chân trên lòng cho anh rể thoa nắn bàn chân. Bỗng tôi giật mình lo sợ. Nỗi lo sợ tương tự nỗi lo sợ thỉnh thoảng hiện đến hồi chị còn ở chung, mà bây giờ tôi mới nhận diện được là sợ mất một người chị thương yêu chăm sóc.

Tôi hít mũi hít vào cái mùi đặc biệt của các nhà Na-uy (nhựa thông pha với mùi bánh pannekake*), một mùi khác hẳn mùi của nhà Việt Nam (cơm chan nước mắm), rồi tôi nhìn gương mặt thỏa thuê, và dáng mượt mà, uể oải của chị Tuyết đang ngồi dậy để đón tôi. Nỗi lo sợ lớn lên - nỗi lo sợ thấy một loài chim quí có nguy cơ tuyệt chủng.

Đúng lúc tôi đang cần nói với chị về con Hạnh quá sức. Bởi vì thân hình, mặt mũi (nhất là nụ cười) của nó tôi chả chê vào đâu được. Tôi chỉ muốn hỏi chị Tuyết làm sao chắc được sau này tâm hồn và cung cách của nó cũng có phần nào... giống chị.❐

(Thiên Nga Giữa Cõi Người - Văn Học xuất bản)

* pannekake: pancake, crêpe.

Tìm mua, tìm đọc

gió biếc

tập truyện ngắn thứ nhì của lê minh hà

Văn Mới xuất bản, Văn Nghệ phát hành

Sau thành công của *Trăng Goá*, Lê Minh Hà lại vừa cho in tác phẩm thứ nhì: tập truyện ngắn *Gió Biếc*.

Khác với *Trăng Goá* phần lớn truyện lấy bối cảnh là đời sống ở trong nước, *Gió Biếc* chú trọng đến đời sống và tâm tình của những người tị nạn ra đi từ Miền Bắc hiện sống tại các nước Đông Âu và Đức, một đề tài lâu nay ít thấy trong văn chương hải ngoại.

Sách dày 160 trang, giá 10 Mỹ kim

Khúc ly tao
HÀ NGUYÊN DU

tình còn xanh lá còn kết hoa không?
sao như ve ru trên cành ngô đồng
sao như sông xưa ròng đi ngọn nước
em mắt môi buồn khép kín chờ mong

rừng còn tha thiết chờ tiếng chim ca?
mưa trên hoang vu phiên buồn tay ngà
anh qua cam go nghe tàn mộng cũ
em trắng trinh nào phải chết dời hoa!

em như non cao mãi buồn mây trắng
em như sông vắng thương cánh buồm xa
đời dài bao nhiêu mà nghe gió nổi!?
tình biết ra sao mà cứ mưa nhòa!?

tình còn xanh lá còn kết hoa không?
nghe như men yêu chưa cạn ly nồng
nghe như oan khiên tình theo trọn kiếp
em đứng em ngồi tóc rối ngoài song!

mình còn mơ ước còn ngóng trông nhau
mây mưa tan hoang mây lại giăng sầu
em như ăn năn khi tình lạc bước
anh sống lưu dày hát khúc ly tao...

hà nguyên du

Chớm thu

Trần Doãn Nho

Cuối tuần rồi, một người bạn mời tôi đến nhà dự một buổi *cookout*. Nhà anh ở ven bìa rừng, khá xa trung tâm thành phố. Ngôi nhà nhỏ nhẻ, nhìn xa trông như một cái lều, mái màu nâu có hình tam giác với đỉnh nhọn cao vút lên. Nhà có sân trước sân sau, tiếp giáp với cánh rừng thưa chạy quanh vài con đồi nhỏ. Sau món *barbecue* thường lệ cùng với vài món thịt khác, người bạn dẫn tôi đi vòng quanh con đồi nhỏ cạnh nhà, đến một hồ nước. Chúng tôi ngồi xuống một trong những chiếc ghế gỗ do cư dân ở đây đặt sẵn bên cạnh bờ nước. Với bộ đồ trà mang theo, người bạn bày ra một buổi uống trà dã chiến giữa khung cảnh núi rừng.

Chúng tôi vừa ngắm cảnh trí thiên nhiên vừa uống trà và trò chuyện vu vơ. Nước hồ trong, lăn tăn sóng. Cây cỏ xanh tươi trải dài xa tít tắp. Mây phủ một màu xám nhạt, kéo bầu trời xuống thấp, gần như tiếp giáp với màu xanh. Những đàn vịt trời bay ngang, bay lại. Nhiều con, trong lúc sải cánh bay, lên tiếng kêu quạc quạc, khuấy động lên không khí yên tĩnh của núi rừng sông nước. Một bầy vịt, có lẽ do cao hứng sao đó, đột ngột đáp xuống ngay trước mặt chúng tôi ngồi. Một bầy khác bắt chước, cũng đáp xuống. Rồi một bầy khác nữa. Có con to bằng con ngỗng, cổ dài ngoẵng. Có con vừa ở tuổi dậy thì. Chúng đi lui đi tới, rỉa lông, đập cánh, thốt đồ ăn, ùa xuống nước bơi ngang, bơi dọc. Thỉnh thoảng, chúng lên tiếng kêu. Tôi đứng dậy, làm một động tác xua đuổi. Chúng tản ra một chút, rồi lại tự nhiên chơi đùa như cũ. Chúng có vẻ coi thường chúng tôi, coi thường con người. Luật pháp của đất nước này bảo vệ chúng kỹ quá đến nỗi chúng làm như thế giới này được tạo ra chỉ để dành cho chúng. Đuổi không được, tôi theo chúng xuống bờ nước. Tôi vọc tay xuống nước, chợt thấy rờn rợn lạnh. Tôi tát nước vào đám vịt đang bơi phía trước. Chúng chuyển hướng bơi ngay về phía một chòm cây trước mặt. Chòm

cây mọc trên hồ nước, trông như một ốc đảo nhỏ. Tôi nhìn theo, chợt phát hiện ra một chòm lá ở đó đã ngả màu. Nhìn sang một chòm cây sát bờ nước, tôi thấy một vệt màu khác. Nhìn lên cây phong nằm gần chiếc ghế đang ngồi, tôi nhận ra có vài điểm lấm tấm vàng, tím. Tôi bồi hồi nhìn quanh. Không có gì thay đổi cụ thể. Chưa có thì đúng hơn. Những chòm cây trên đồi vẫn xanh, xanh bất tận xanh. Trời vẫn còn nóng. Hạn hán vẫn còn kéo dài. Dù tháng Chín đã tới.

Trên đường về nhà, tôi nhìn thấy loáng thoáng đâu đó những vệt màu giữa núi rừng cây cỏ. Những vệt màu đơn độc. Chúng xuất hiện âm thầm, nhuốm chút gì e ấp, ngần ngại. Nhưng rõ ràng có cái gì đã khác. Ừ, mùa thu. Mùa thu đang về, rình mò đâu đó dưới những tàn lá, những chòm cây. Như một người thân đi làm ăn xa, đến dịp, lại về thăm. Chưa đến được cửa ngõ, bóng người vẫn âm thầm bước. Mấy ai hay kẻ phiêu lãng đã trở về!

Gần sáng, tôi thức giấc, lắng nghe những giọt nước rơi lách tách đâu đó ngoài ô cửa. Tôi với tay tắt quạt máy vì cảm thấy hơi lạnh. Lúc đầu, trong mơ màng, tôi tưởng như mình nghe tiếng mưa rơi phát ra từ chiếc CD mà đứa con nhỏ tôi mua tặng (cháu bảo: khi khó ngủ, ba vặn CD này để nghe tiếng mưa rơi cho dễ ngủ). Không phải. Bên ngoài mưa thật

Ngoài hiên, giọt mưa thu thánh thót rơi. Trời vắng, u buồn, mây hắt hiu, mây ngừng trôi. Nghe gió thoảng mơ hồ trong mưa thu... Lời nhạc một bài hát cũ đột ngột âm vang trong đầu. Tôi nằm ngủ lại, chập chờn mơ thấy một mái hiên thời nào xa quá là xa. Đó là một mái nhà tranh thấp lè tè, nền đất, vách rơm trộn đất, cột kèo xiêu vẹo. Trước nhà là một mái hiên nền đắp bằng đất, màu sẫm, nơi thì trùn đội, nơi thì rêu xanh lún phún. Trời mưa, nước từ mái tranh nhỏ xuống tạo thành một đường rãnh nước chạy dọc theo mái hiên và quanh nhà. Thằng bé con nghèo, áo quần phong phanh, ngồi ở mái hiên, nhìn những bóng bóng nước hiện ra, trôi nổi bập bềnh, rồi tan vỡ. Tiếng nước nhỏ lỏng bỏng. Có thể thời gian đó là mùa thu, vì thằng bé ngồi ở mái hiên mà không thấy lạnh. Có thể là mùa thu thôi. Vì trong đầu óc trẻ thơ của một cậu bé, ý niệm về một mùa thu đầy tính cách thi ca đó không rõ nét cho lắm. Chắc chắn là cậu bé không thể nào cảm nhận được thế nào là một "giọt mưa thu", lại không thể cảm nhận được những "giọt mưa thu" ấy lại có thể "thánh thót rơi". Cậu bé chỉ biết ngồi nghịch nước, thấm thía cái cô đơn và nghèo và mơ đến một cái gì khá hơn không rõ nét. Bây giờ nghe được giọt mưa, lại không phải là giọt mưa từ mái tranh nghèo mà từ một mái nhà công nghiệp. Chúng không lỏng bỏng, vì thiếu cái rãnh nước chạy dọc theo mái hiên. Chúng lộp độp, lách tách bởi vì chúng rơi vào thành cửa. Nhưng âm vang bản nhạc trong hồn khiến tôi nghe tiếng rơi thánh thót. Cứ thế, mưa rơi thánh

thót cả đêm.

Buổi sáng, lái xe ra ngoài ngõ, trời vẫn còn mưa lăn tăn. Khung cảnh sao mà mặn mà chi lạ! Vì nó giống, quá giống với những gì còn đọng lại trong tâm tưởng về khoảng thời gian chuyển mùa ở bên kia trời đất nước. Tôi bùi ngùi nhìn hai cái gạt nước. Chúng xua qua xua lại, dường như rất cố gắng nhưng vẫn không gạt được ngọn lá phong vô tình rơi xuống kiếng xe và dính bám vào đó. Ngọn lá đã ngả màu. Hơi xanh một chút ở phía gần cuống lá, hơi vàng một chút ở ngoài rìa có khía răng cưa, lại loáng thoáng màu nâu tím ở giữa. Trước đầu xe, vài cành cây nhỏ nằm vương vãi cùng năm ba ngọn lá phong khác. Tôi nhìn lên. Cây sồi lớn ngay đầu ngõ tàn lá sum suê vẫn còn xanh phơi phới. Chỉ có cây phong phong gầy là có một ít lá trở màu. Trận gió lạ trong đêm bứt đi một số cành lá, ném xuống mặt đất ẩm ướt vì một cơn mưa, tuy nhỏ nhưng dai dẳng. Dường như cơn mưa cố ý kéo dài đến sáng, đợi mặt trời ló ra từ đám mây. Trên mặt đất, lá nằm sấp, nằm ngửa, còn xanh. Chỉ có vài ngọn lá ngả màu, vàng tím lơ mơ. Một dấu hiệu thầm lặng, nhỏ nhoi. Ấy thế nhưng tôi vẫn có cảm giác bần thần khôn nguôi, y như có gì bất chợt chạm vào trái tim bứt rứt của mình.

Dọc đường, các vòm cây vẫn xanh um. Nhưng chú ý một chút, tôi bắt gặp nhiều cái tín hiệu thầm lặng, nhỏ nhoi ấy. Ở cây này, tôi thấy một ngọn, chỉ một ngọn thôi, đổi màu. Nó như một vật thể lạ bám vào chòm lá. Nhưng ở một cây khác, cái vật thể ấy lớn hơn, nhìn xa trông như một chùm trái cây ửng chín. Nó nằm cô lập ở ngay đầu một cành cây nhỏ. Có thể tưởng tượng nó như một chiếc dù nhỏ nhiều màu của trẻ con chơi hay một cánh diều giấy xanh xanh đỏ đỏ vướng vào cành lá. Cứ thế, ở cây này một ngọn, cây kia vài ngọn, cây nọ một chùm. Thỉnh thoảng, ta bắt gặp nguyên một cành cây "ửng màu", giống như một chùm trái cây hườm, sắp chín. Lạ thật! Một chiếc lá đổi màu hay một cụm lá đổi màu còn hiểu được. Đàng này, nguyên một cành cây đổi màu trong lúc vô vàn cành khác lại vẫn xanh um y như thể chúng chẳng hề lớn lên từ một gốc. Y như thể ta đem một nhánh cây khác giống ghép vào. Chúng có vẻ như không chịu chia cùng một số phận với cây. Hay cái cành cây này là đứa con ngoại hôn? Nó chưng bày sự khác biệt của nó như là một hãnh diện đau đớn, đầy uẩn khúc.

Vào sở làm, trong khi mọi người đang cùng nhau nhấm nháp cốc cà phê trước khi ai lo làm việc nấy, tôi lên tiếng:

- Đã thu rồi đấy, quý vị biết chưa?

Mấy bà lên tiếng:

- Tôi nào đã thấy gì đâu!

Tôi bảo:

- Trên đường đi, hôm qua và hôm nay, tôi đã thấy một số lá đổi màu.

Bà Rose bảo:

- Nhầm nhò gì. Tôi thấy lá vẫn xanh. Phải cuối tháng chín và đầu tháng mười cơ!

Tôi quả quyết:

- Nhưng mùa thu bắt đầu rồi đấy.

Tôi cố giải thích cảm giác của mình, nhưng dường như không ai cảm nhận được cái mà tôi cảm nhận về sự kiện "chớm thu". Bà Helene, thay vì góp ý, đã chìa cho tôi tờ báo Chủ nhật, số đặc biệt bàn về mùa *foliage* (mùa lá), trong đó có lịch trình lá peak (lá đổi màu toàn diện) của từng vùng. Đầu trang báo, cũng như mọi năm, có một bài đề cập đến khía cạnh sinh học của việc lá đổi màu. Đại khái thì là: việc đổi màu hàng năm của lá là do sự sút giảm chất diệp lục tố (chất tạo nên màu xanh của lá) trong lá do lượng ánh sáng mặt trời ít đi và do nhiệt độ xuống thấp khiến cho các màu vốn chứa đựng sẵn trong lá lộ ra. Như vậy thì hiện tượng lá đổi màu chẳng qua là lá trút bỏ cái mặt nạ màu xanh mà chúng miễn cưỡng khoát vào trong suốt mùa xuân và mùa hè. Bà Helene chỉ vào lịch trình lá peak mà sở Du Lịch thành phố Boston công bố, nói:

- Bạn xem, nơi lá *peak* sớm nhất năm nay là phía bắc bang Vermont, trong tuần lễ từ 15 đến 22 tháng 9. Nơi muộn nhất là phía đông nam bang Rode Island, tuần lễ từ 21 đến 28 tháng 10. Vùng chúng ta, Worcester, lá chỉ peak vào tuần lễ đầu tháng 10. Bữa nay mới có đầu tháng 9 thôi bạn à.

- Chớm thu thì vẫn có cái thú của nó, y như cái thú của những ngày trước giáng sinh vậy. Đại loại thì như là Christmas' Eve vậy.

Bà Rose cười:

- Có năm ba chiếc lá đổi màu trên cây thì có gì thú mà trông anh có vẻ quan tâm lắm vậy!?

Tôi cười trừ.

Quý vị đồng sở da trắng của tôi vô tình y như các công ty du lịch ở đây. Nơi tôi ở, cũng như mọi vùng khác trong vùng New England, mùa thu là mùa du lịch. Kỹ nghệ du lịch khai thác tận tình mọi phương tiện để giúp du khách thưởng thức hết mọi dáng nét của mùa thu trong độ chín toàn diện của nó. Và chỉ lúc đó mà thôi. Chớm thu là cái quái gì! Riêng tôi, những ngày đầu tháng chín, khi chợt bắt gặp những chi tiết báo hiệu chuyển mùa, cái cảm giác bâng khuâng, nôn nao không thể nào dứt được. Nó tràn vào, đầy ắp tâm tưởng mỗi khi mở mắt nhìn khung cảnh chung quanh. Chỉ trừ phố xá, xe cộ và tiếng động cơ khí vô tâm, tất cả thiên nhiên rạo rực chuyển mình. Một vầng mây nhỏ lang thang bay qua bầu

trời trong. Một ngọn cỏ ngu ngơ, lay lắt. Một ngọn lá chợt rụng lặng lẽ. Từng giọt mưa đều đặn chạm khẽ trên lá. Yêu biết bao, những gì mới chớm: chớm thu, chớm yêu, chớm nở. Ngây ngô. Hồn hậu. Khẽ. Nhỏ. Thầm. Mỏng mảnh. Thẹn. Tinh khôi. Thuần. Nó là nó, chưa thành cái khác.

Buổi sáng, ra đầu ngõ, hơi gió se lạnh. Nắng hiếm hoi dần. Lá hôm nay rơi trên lối đi nhiều hơn hôm trước. Những vết màu rõ nét trên các vòm cây. Các lá "ửng chín". Mùa thu khẽ khàng, dịu nhẹ nở ra theo lá ửng chín từng ngày. Như bóng nắng. Như sợi khói. Rất chậm. Tưởng chừng mỗi ngày chỉ có thêm năm ba chiếc lá trở màu. Chúng trở màu vu vơ, bất chợt, lẻ loi, khuất lấp. Không phải đâu. Con người vô tâm, chẳng ai thèm biết đến những dấu hiệu lẻ loi đó. Họ chờ đợi một biến cố. Họ đợi một mùa thu bùng vỡ, chín hẳn. Tôi cũng đợi chờ sự bùng vơ, nhưng đồng thời với một nỗi sợ hãi vu vơ. Vì sau đó là chấm hết. Lá sẽ rụng. Rụng nghiệt ngã. Rụng tàn bạo. Rụng khiếp đảm. Lá rụng toàn diện trong một bầu trời xao xác, phấn khích và tàn tạ. Để chỉ còn trơ lại một mùa thu trong ý niệm với những cành cây trụi hết lá, chơ vơ đợi chờ một mùa tuyết tưởng chừng như bất tận.

Đầu tháng Chín.

Hàng ngày, trên đường, người ta đi, người ta chạy, người ta vội vã. Vần mây vẩn vơ trên trời ấy hay chiếc lá rơi thầm lặng ấy đâu có ăn nhập gì đến ai. Ngay cả tôi cũng thế. Lái xe đi. Lái xe về. Theo cách của tôi. Những giọt mưa cứ rơi theo cách của nó. Ngọn lá cứ đổi màu theo cách của nó. Mây cứ trôi theo cách của nó. Thời tiết cũng thay đổi theo cách của nó. Không có cái gì dính líu đến cái gì. Không có cả cái gọi là mùa thu.

Vậy, hà cớ gì lại chớm thu? Ai chớm thu? Cái gì chớm thu? Chỉ là tôi thôi. Tôi chớm thu! Có lẽ.❐

sách mới xuất bản của nhà xuất bản
VĂN MỚI
chân mang giày số 6
tập truyện ngắn của *Song Thao*
gió biếc
tập truyện ngắn của *Lê Minh Hà*
tuyển tập truyện ngắn
của *miêng*
còn mây
truyện dài của *Hồ Minh Dũng*

Cũng đọc thiên thu

NGNGDUNG

trên tay nâng nhẹ ánh nguyệt vàng
áo người mười năm còn mang mang
hoa vàng trúc tím bâng khuâng biếc
thềm ấy hài xưa dấu cỏ hoang

treo kiếm quẩy thơ khoác áo nâu
buông lái với trăng ngoài giang đầu
đêm nghe mưa tụ nghìn thu lại
cao giọng khoan hò với thiên thâu

xưa động nam hoa gã cuồng sư
nay đào hoa đảo có tiểu thư
chân kinh đem đổi chung mỹ tửu
rót chén dạ quang say tít mù

ừ thì đợi nhau tàn cuộc mộng
pháp danh đem ném giữa bụi hồng
vào thành bạch hạc nghiêng đầu kể
em theo chồng lệ đẫm mùa đông

chuyện cũ năm xưa chết dưới hoa
lệ em còn đẫm nhòa giang hà
mai ta rũ xác ngoài bến vắng
xin đốt đôi dòng thơ phổ ra

Nước Mắt

Thu Thuyền

Ông là người bị chứng nghiện chợ trời rất nặng! Sáng tù mù, ông đã khoác áo giạ, xỏ ủng, đội mũ, xách giỏ đi gần nửa cây số để tay bắt mặt mừng với những người bán hàng trong sạp chợ. Thú vui của ông giản dị thế đó. Ông thích kỳ kèo trả giá nhưng lượt nào, ông cũng tốn bộn tiền mà chỉ tha về có khi là một túi lê chín ủng, đôi lúc cả sọt đào nhũn như con chi chi. Con cháu than phiền ầm lên là ông bị "bạn" bóc lột, bán cho của ôi của thối. Ông chỉ cười xòa: "Tao thích ăn trái cây chín ngọt, mềm thơm! Tám mươi tám tuổi rồi, đụng phải của chua, có mà rụng răng...". Nói xong câu khôi hài ý nhị, ông đắc chí nháy mắt với bà. Bà chỉ nguýt dài!

Thú chợ trời của ông rồi cũng bị bỏ ngang sau hôm bà bị ngã gãy tay. Họ bó bột tay bà. Hình như họ còn vặn đinh vít vào xương của bà nữa. Bà rức thốn tới óc. Suốt cuộc đời, chưa bao giờ bà biết kêu đau. Ngay cả mười ba lần sanh nở! Thế mà lần này, bà rên ra nước mắt. Bác sĩ sợ sức khoẻ của bà kém, không chịu tăng thêm lượng thuốc giảm đau. Bà điên tiết chửi xới cả mồ mả tổ tiên thằng bác sĩ vô lương tâm. Ông phải vội vàng đưa bà về ngay và hứa sẽ tiêm thuốc cho bà. Lúc ấy bà mới chịu im (Chả là ngày xưa ông cũng ở trong ngành y khoa nên còn dự trữ lỉnh kỉnh đủ loại thuốc). Bước vào nhà là ông đi ra tủ thuốc, lục lọi một hồi. Có lọ moọc phin, ông lóng cóng tiêm cho bà một mũi. Con cháu lại cười cợt với nhau rằng: "Cụ ông chích thì cụ bà tha hồ mà sướng!". Bà nghe được định mắng chúng nó một câu ra trò nhưng người mệt lả. Chỉ nằm yên rên rẩm khe khẽ.

Độ tháng sau thì tinh thần bà suy sụp thấy rõ. Cái chính là bà ít hoạt động. Đi đứng đã có ông đỡ. Ăn uống đã có con cháu đút tận miệng... Rồi

sau cái tay gãy, bà sanh thêm đau thận vì ngại đi tiểu nên không chịu uống nước. Con cháu ép bà mỗi ngày phải dùng một lít trà loãng thếch và bớt ăn mặn. Làm thế thì giết tao đi còn hơn, tao chán sống kiểu này lắm rồI! Bà uất ức than vào quãng không. Ông chỉ biết quanh quẩn bên bà, khi đưa cái khăn cho bà lau mặt, lúc cài cái khuy sút trên áo bà.

Một sáng sớm đầu mùa Xuân, trời còn tối như giữa khuya, bà kêu ông dậy: "Tôi yếu lắm rồi, nhà ôm tôi rồi để tôi đi!". Ông nhẹ nâng đầu bà lên, áp vào ngực mình, cánh tay trái ôm tấm lưng gày gò của bà, tay phải siết chặt tay bà. Hơi thở bà nhẹ như tơ rồi ngưng hẳn. Ông cứ ngồi ôm bà cho tới khi trời sáng bạch. Lúc ông gọi điện thoại báo tin dữ cho con cháu, ông bình tĩnh đến độ mọi người phải rùng mình kinh ngạc. Ông loáng thoáng nghe các con khóa nhau, sợ quá, cụ ông không nhỏ đến một giọt nước mắt! Nhưng ông chỉ cười buồn. Đau đớn thì đau đớn lắm, ăn cơm nuốt không trôi nhưng nước mắt chỉ nên để rơi trong lòng!

Hôm đám tang, trước khi đóng nắp áo quan, ông ra nhìn bà lần cuối. Thấy bà đầu trần, ông giật mình bảo con gái cấp tốc về nhà lấy khăn choàng cho bà, mẹ sợ lạnh, để như vậy mẹ chúng mày không thích đâu! Lúc đến nghĩa trang, ông hài lòng với phong cảnh quanh chỗ bà nằm lắm: Bóng cây mát mẻ, chim chóc ca hót vang lừng trên cao... Chắc chắn nhà sẽ không thấy buồn bã cô đơn, ông bảo bà thế.

Chôn cất bà xong, ông mệt mỏi đến tận tủy. Cái thú đi chợ trời không còn nữa. Ông loanh quanh trong nhà một hồi rồi bức quá, ra ngoài hóng gió. Khu vườn bây giờ đầy sên. Trước đó bà hay nhặt nhạnh lũ sên vẫn ưa chiếu cố vồng rau của bà. Sau này sợ ngã, bà đành để chúng làm giặc trên lãnh thổ của mình. Ông không đành lòng nhìn sên tàn phá công trình của bà, lom khom cúi xuống bóp chết từng con sên đang trải nhớt bạc trên những cọng cải xanh rờn. Đến cuối luống rau, ông đụng phải bụi hoa hồng. Ông ngừng tay ngắm nghía đứa con cưng của bà. Ửa sao thân cành hồng lại có lốm đốm những vết màu nhờn nhợt, cách khoảng nhau thật đều đặn thế này? Rồi chợt nghĩ ra, ông à lên một tiếng. Bà ghét gai hồng, đã tẩn mẩn bẻ sạch không còn cọng nào! Một cơn nhớ thương quặn lòng từ đâu chợt kéo đến, bổ chụp lấy tâm hồn ông. Ông phải bỏ thửa vườn, đi vào nhà. Nước mắt cho bà, ông vẫn khư khư giữ lại trong lòng!

Cứ ở nhà một mình mà nhìn lũ sên và những cành hồng sứt sẹo, không gai mãi điên mất, ông quyết định mua vé máy bay thăm con cái.

Trạm chót của chuyến đi là gia đình đứa con trai Út. Vừa gặp con dâu, ông moi túi ra đưa cho cô một đồng tiền vàng chóe, một trong những đồng vàng ông ki cóp nâng niu từ bao năm nay. Ông cẩn thận dặn dò:

- Đây là quà của mẹ cái Hĩm. Vàng hăm bốn đấy, đừng đánh mất!

- Sao bố không giữ mà lại phát cho cả làng thế này? Dâu ông hỏi đùa.

- Bây giờ bố giữ để làm gì?

Đứa con dâu không giả nhời, lủi thủi vào bếp hấp bầy tôm hùm vừa đem từ Boston về. Trong lúc con dâu và cháu nội vật lộn với mấy con tôm chân càng loe ngoe, ông bắt được một tờ tạp chí văn học. Thoáng nhìn cái bìa có in tên các tác giả, ông ngạc nhiên:

- A, mẹ cái Hĩm cũng viết văn đấy à?

Cô con dâu tủm tỉm cười, tiếp tục nhấn con tôm hùm quều quào đôi càng, đòi leo ra khỏi nồi hấp đương sôi sùng sục. Ông tò mò mở truyện ra đọc. Xong đoạn đầu, ông buột miệng khen, con dâu tả mẹ chồng khá lắm. Đến khúc mẹ cái Hĩm thuật lại cảnh đại gia đình xum họp sau khi người mẹ qua đời, ông vô tình lẩm nhẩm đọc thành tiếng: "... Buổi tối hôm ấy, bên bàn ăn, tám anh chị em cùng ngồi ngơ ngẩn không ai nói với ai câu nào. Cô út im lặng dọn cơm. Cô để ý tóc anh Vị dạo này bạc gần hết, đầu ai cũng thoang thoáng vài sợi trắng. Tất cả đã mất hẳn cái thói quen đùa nghịch ồn ào trong bữa cơm như thuở xưa. Trong một khoảng khắc bất ngờ, cô chợt thấy mẹ đang ngồi hớn hở giữa đàn con. Cô không khóc nhưng nước mắt tự nhiên rơi! Chị Trâm ôm nhẹ vai em, giọng chị nghẹn ngào: 'Phải chi có mẹ ngày hôm nay, em nhỉ? Cả nhà về đông đủ thì lại thiếu bóng mẹ...' ".

Một giọt nước mắt, hai giọt nước mắt, rồi nhiều giọt khác liên tiếp rơi trên những giòng chữ nhạt nhòa. Nước mắt ông chẳng khác nước lũ vượt tràn qua đê, kéo sập bức tường lòng kiên cố. Ông cảm thấy nhẹ người quá đỗi!

Vừa lúc ấy, cô con dâu đã làm bếp xong. Cô ra mời ông dùng bữa. Nước mắt còn nhoè nhoẹt, ông quay qua nhìn cô, giọng ông khàn đục:

- Mẹ cái Hĩm viết cảm động lắm!

Lần này, khuôn mặt của người đàn bà rạng rỡ hẳn:

- Cám ơn bố...

Hình như nước mắt của ông là một lời khen ý nghĩa hơn tất cả những lời khen tặng nồng nhiệt nhất? Ông thấy mắt dâu ông cũng rươm rướm lệ!❐

Thu-Thuyền
9/99

Đêm nằm nhớ Ức Trai

PHAN XUÂN SINH

Đem đại nghĩa để thắng hung tàn
Lấy chí nhân mà thay cường bạo
Nguyễn Trãi

Ngài sống giữa hồn thiêng sông núi. Tri ân
Ta sống vào thời lòng dân. Ly tán
Kẻ thắng, người thua. Toàn trí cùn, khí đoản
Vận nước trên tay những dúa thất phu.

Xã tắc, giang sơn, tới lúc rối mù
Người người phải chạy ăn từng bữa
Thì văn chương, một món hàng ế ẩm
Có ra chi mà đỏng đảnh chút thân danh.

Nhân nghĩa phải nhường, đao búa hoành hành
Danh sĩ hàng hàng khuất dưới tay uy vũ
Con chim trên trời cao, biếng hót
Con cá dưới sông sâu, chẳng thiết lội vòng

Ta sống giữa trời dất mênh mông
Mà tưởng như đứng trong vòng vây kín
Ví thử lúc này, thảo ra Bình Ngô Đại Cáo
Lòng dân được vơi bớt nỗi oan khiên?

Ngài mang sở học, trải chữ thánh hiền
Khi trí dũng được lòng người trọng vọng
Khi đạo nghĩa đã thấm vào mạch sống
Những bậc túc nho, mở lối dẫn đường.

Giữa thời này, thời mạt vận của văn chương
Chẳng đáng giá gì câu thơ, bài phú
bình thiên hạ. Nói lên bằng đầu súng
ngài sống lại ở đây, cũng chỉ bó thân.

"Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân"
sáu trăm năm trước. Khi ngài dựng nước
trúc Côn Sơn, rừng thiêng còn ghi tạc
mà nay lòng người lại quá đổi thay.

Đêm nay nằm, ta lại nhớ tới ngài
gối lên nỗi đau của người thất thế.

Xóm hưu

nguyễn thị thảo an

Ngày mới qua Mỹ, nhóm tôi có sáu người. Người lớn tuổi nhất là ông Bê, cựu sĩ quan Hải quân, có hai con tên Bi và Tèo. Ba người độc thân còn lại là anh Lâm, trước là Cảnh Sát; thằng Lân, trên hai mươi, dân lông bông; và tôi.

Hội thiện nguyện sắp xếp cho nhóm chúng tôi ở chung trong một căn apartment ba phòng. Cha con ông Bê một phòng, hai anh con trai phòng kế trên lầu, còn tôi chiếm căn nhỏ ở dưới. Phòng tôi hẹp, chỉ kê được một giường đơn và một bàn viết nhỏ. Cửa sổ quay ra sân trước. Kính cửa mờ như bị thổi một lớp sơn trắng lỏng. Tôi đẩy chốt, mở cho thoáng. Những mảnh sơn khô rơi lả tả xuống sàn. Người bảo trợ dặn, đây là khu nhà rẻ nhất vùng, những người mới đến không ai đủ khả năng mướn nổi một căn nhà ở riêng. Lời dặn hiệu lực như câu thần chú, khiến chúng tôi dần lòng sống chung trong căn nhà rẻ.

Khu apartment chiếm một dãy đồi rộng, chập chùng. Cảnh vật bên ngoài tàn tạ. Mỗi dãy nhà có hai căn. Căn tôi ở lọt dưới chân đồi. Từ cửa nhìn ra hàng thông ngoài đường, giống như nhìn trời từ địa ngục. Nhà len giữa rừng cổ thụ. Dưới đất ngập lá khô. Sóc và chim dạn, không sợ người. Lên xuống bãi đậu xe phải đi qua những cầu thang cao nghệu bằng gạch cũ. Mùa đông, tuyết bám cầu thang và sân lá, dễ trợt té. Mùa hè, những người Mễ, người da đen tụm từng đám, uống rượu và nhìn chăm chăm vào những người phụ nữ qua đường.

Tuần lễ đầu, ba người đàn ông ra ngoài kiếm việc. Tôi ở nhà giữ hai đứa nhỏ, Bi mười hai tuổi và Tèo lên tám. Chiếc truyền hình cũ có hai mầu trắng, tím, được người bảo trợ mua giùm với giá mười sáu đô la. Ba cô cháu phải đem tất cả màn vải và mền để che kín các khung cửa mới thấy hình. Vừa ngồi xuống sofa, tôi co rúm hai chân, la oai oái. Mấy con chuột

dưới gầm ghế vụt ra, chạy loạn xạ. Thằng Bi cầm chổi rượt theo. Buổi tối, cả nhà quây quần ăn cơm. Sáu người chia nhau ba cái ghế. Thằng Lân giành ngồi trước, cái ghế sụm một chân. Vừa đứng ăn, người lớn vừa xúm nhau chửi lén người bảo trợ. Bộ bàn ghế bị ông ta trừ mười lăm đồng vào tiền trợ cấp.

Chúng tôi sống vui vẻ với nhau trong ba tháng. Ông Bê dành dụm sắm được một ti vi mới, xem riêng trong phòng. Mọi người chê ông ích kỷ. Anh Lâm mua một hộp đinh vít sửa nhà, nhất định chia sáu phần tiền, ông Bê phải trả ba phần cho ba cha con chứ không được trả một phần như trước. Ông Bê kể cho hai con những chuyện Cảnh sát ăn hối lộ ngày trước, cố ý cho cả nhà nghe. Chiều, anh Lâm đứng trước cửa chửi những sĩ quan trộm dầu tàu đi bán, làm mất nước. Không khí trong nhà có mùi thuốc súng. Ra vào, người lớn không thèm chào nhau. Chiếc xe cũ tôi mới mua bữa trước, bữa sau bị gỡ nắp xăng. Thằng Lân mua giùm cái nắp khác với giá ba chục đồng. Tôi bắt đầu kiếm chỗ ở khác trước khi chiến tranh trong nhà leo thang.

Hai tháng sau tôi tìm ra căn nhà gần sở làm. Đây là một apartment xây gạch, khá sạch. Hai dãy trước gồm toàn căn một phòng nhỏ, giá rẻ. Phía trước là sân cỏ rộng, giữa có những tàng cây lớn và thùng thư. Phía bên kia đường nhiều dãy gồm những căn hai, ba phòng ngủ, giá đắt hơn.

Từ bãi đậu xe nhìn vào, dãy tôi ở có tám phòng, thông ra bằng hai cửa màu rượu chát. Phòng tôi bên trái, bên phải có một bà Mỹ trắng già đang sống một mình. Chính giữa là cầu thang dẫn lên hai phòng khác. Từ dãy này đi đến dãy kia bằng những lối đi lót sỏi trắng. Những người già thường chống gậy tản bộ như một kiểu tập thể dục. Bên kia con đường chính ra vào là khu của những gia đình đông con. Có hơn chục căn là nhà của người Việt. Đặc điểm dễ nhận họ thường trồng mấy khóm bạc hà, quế, tía tô trước cửa. Tôi có ý hôm nào rảnh sẽ đi thăm những gia đình trong đó. Nhưng thời giờ quả hiếm hoi. Sáng đi học, chiều đi làm đến tối. Cuối tuần, học bù hay làm phụ trội. Tôi chỉ chào hỏi họ mỗi khi gặp nhau tại thùng thư công cộng.

Cuối năm nhiều dịp lễ, tôi ở nhà thường hơn. Buổi sáng, trời hoe nắng và lạnh. Mặt đường khô. Lề cỏ phớt một lớp sương muối óng ánh. Một bụi hồng ai trồng phía cửa sau èo uột, run trong gió. Tôi chạy qua phòng giặt phía sau nhà, thăm quần áo đang sấy chờ khô. Nhìn trở lại, bà Mỹ già cạnh nhà đang cố với tay gát một thanh cây dài từ cửa sổ bắt qua cầu thang phòng hỏa để phơi áo. Hụt tay, bà té nhào xuống mặt đường, hồi lâu không động đậy. Tôi hoảng hốt chạy ra. Khi đến gần, nghe tiếng

rên. Tôi vừa đỡ bà dậy, vừa hỏi. "Bà có sao không? Có cần gọi cứu cấp không?" Bà nhăn mặt đau đớn, nhưng khoát tay ra hiệu không cần. Tôi dìu bà đi từng bước. Trời lạnh, bà chỉ mặc một chiếc đầm vải, đầu đội chiếc nón len xám. Gương mặt hóp, da xanh và dùn xuống, lộ những sợi gân máu tím sẫm. Khép giùm cánh cửa xong, tôi nhón gót nhìn qua ô kính. Bên trong, bà đã ngồi vào ghế và bắt đầu xem ti vi.

Tôi trở lại phòng giặt lấy quần áo rồi quay về. Vừa vào nhà, một người đàn bà Việt đứng tuổi từ bên kia đường tất tả chạy qua, kêu. "Cô, cô gì ơi." Tôi ngạc nhiên nhìn ra. Chị nói gấp gáp: "Hồi nãy, tụi tôi thấy cô đỡ bà già, muốn kêu nhưng không kịp." Thấy tôi ngớ ra, chị đưa tay trỏ lên cửa sổ căn lầu bên kia đường, cười bẻn lẽn. "Ờ, tụi tôi ngồi xem nãy giờ." Tôi phóng mắt theo hướng chị chỉ. Sau ô cửa kính của lầu đối diện, một người đàn ông và hai đứa con nhỏ đang vẫy tay ra hiệu. Tôi khẽ gật, ra dấu chào.

Chị nói tiếp: "Lúc nãy, tụi tôi cũng trông thấy bà già té, nhưng không dám chạy ra đỡ. Ở xứ này lạ lắm, không phải như bên mình. Giúp họ, rủi có chuyện gì họ lại thưa ngược."

Tôi hỏi: "Thưa như thế nào?"

"Họ có thể khai cái té không sao, nhưng vì cô không biết cách đỡ làm cho họ bị trật khớp hay gì nữa đó, đòi bồi thường thì phiền lắm."

"Tôi thấy bà này hiền lắm. Chắc không đến nỗi."

"Biết mặt chẳng biết lòng. Ở đây lâu rồi cô thấy, giúp người mang họa là thường."

"Thấy người ta té, mình không nỡ làm ngơ."

Cho tôi bướng, chị nói dỗi: "Đấy là tôi biết sao nói vậy. Nghe hay không, tùy cô."

Xong, chị ngoe nguẩy bỏ về. Đến giữa đường, bỗng chị quay lại nói lớn: "Bả té lần này không phải là lần đầu đâu. Nhiều người "bị" bả rồi."

Tôi ngơ ngác nhìn chị vào nhà đóng sầm cửa lại. Và chợt phát hiện, qua ô cửa kính của dãy lầu đối diện, có nhiều đôi mắt đang nhìn về tôi.

Câu nói tối nghĩa của chị hàng xóm khiến tôi lo, ra vào cứ liếc chừng nhà bên cạnh. Điều này tự nhiên làm tôi để ý những người chung quanh. Hai dãy nhà tôi đang ở là khu toàn người già ở. Chỉ có tôi và bà Sandy khoảng năm mươi ở căn đầu còn làm việc. Đa số khác là những người nghỉ hưu đã lâu.

Mỗi sáng thứ năm, một chiếc xe van xanh của Trung Tâm Thiện Nguyện đậu trước sân, bóp còi inh ỏi. Những người già ăn vận tươm tất gọi nhau lên xe. Trung Tâm chở họ đi mua sắm, hay đến nhà thờ. Cuối

tuần, họ ở nhà chờ con cháu đến thăm. Đó là những ngày vui vẻ. Thời gian còn lại, họ xem ti vi, tán gẫu hay ngồi sau màn cửa ngắm cảnh sinh hoạt bên ngoài. Và để chờ những ngày xe tới.

Một buổi tối, cả xóm giật mình vì tiếng còi hụ. Bên ngoài, đèn xe Cảnh sát quay từng luồng sáng lướt nhanh trên những dãy nhà. Ngoài sân, một chiếc xe cứu cấp leo lên lề cỏ, và đang tìm cách đậu sát cửa ra vào. Tôi hoảng hốt nghĩ ngay tới bà. Trước cửa phòng, một chiếc băng ca, trên phủ vải trắng được hai người đồng phục khiêng ra. Tôi cố chạy theo nhìn. Người Cảnh sát xua tay đuổi trở lại. Chiếc xe cứu cấp chớp đèn đỏ, hú còi chạy đi. Đám người đứng xem bắt đầu giải tán. Tôi nhìn về dãy nhà mình đang chiếu sáng. Trên bức tường gạch đỏ, in bóng một người đàn bà bị phóng to, méo mó một cách dị thường. Tôi quay đầu lại. Bà già cạnh phòng đứng sau lưng tự lúc nào.

Chiều hôm sau, một ông da đen mặc đồng phục xanh kiểu Salvation Army, chân mang giầy cao ống, đầu đội mũ nồi, mang chiếc kèn trumpet đứng quay về hướng nhà tôi thổi. Ai hỏi, ông bảo ông thổi tiễn người bằng hữu vừa mất ở lầu trên. Xong, ông nâng chiếc kèn lên cao. Tiếng kèn ông trầm, âm thanh là đà như vướng trên đầu ngọn cỏ, có khi lại tựa tiếng sóng rút ra xa. Đám con nít từ những dãy nhà bên kia túa ra, bu quanh ông ngồi nghe chăm chú. Khi ông ngưng thổi, có đứa sà vào bám cổ rồi giật phăng chiếc mũ nồi chuyền tay nhau đội. Có đứa mượn chiếc kèn, bịt một mắt nhìn vào lỗ hổng săm soi. Chúng thay phiên nhau thổi thử. Tiếng kèn chỉ trầm hơn tiếng la của chúng. Bấy giờ, đám con nít mới nhận ra tiếng kèn ông hay lắm. Ông già khoái chí, tiếp tục thổi. Càng về sau, tiếng kèn ông càng vui. Bài sau cùng là Hành Khúc Ca. Ông vừa thổi, vừa dẫn đầu. Đám con nít bước theo đếm: "Một, hai, ba,..." Chiếc mũ nồi bị tung lên rồi rớt xuống. Họ kéo nhau đi vòng quanh khu apartment. Đằng sau những ô cửa kính, người lớn nhìn ra vẫy tay, kêu: "Ô! Có đám rước mũ."

Thời tiết cuối năm thay đổi bất thường. Gió lạnh và khô. Sau những cơn ho sặc sụa, ông già không còn đem kèn ra sân cỏ thổi. Đôi khi, người ta thấy ông ngồi trên bậc tam cấp chùi chiếc trump. Tiếng kèn của ông giờ nghe giống tiếng nấc. Đám trẻ con có mặt trong đám rước mũ đi ngang thấy ông không buồn ngó. Chúng bận đi xem người ta bện rơm làm những thằng bù nhìn dựng trước cửa cho lễ hóa trang sắp tới.

Vào ngày Halloween. Trời chưa tối. Bọn con nít đã họp thành nhóm đi gõ cửa từng nhà. Rảnh rỗi, tôi ôm túi kẹo ra sân đợi chúng. Phòng bên, bà già cầm rổ kẹo cũng ra theo. Chúng tôi ngồi nói chuyện không đâu.

Nhìn qua bên phòng ông da đen chưa bật đèn, tôi chợt nhắc về ông. Theo ông kể, thời trẻ ông là tay kèn trứ danh, từng đứng đầu trong đội nhạc dự lễ chiến thắng Đệ Nhị Thế Chiến...

Tôi chưa dứt lời, bà ngắt ngang: "Dóc, tên dóc tổ."

"Không phải sao?" Tôi ngạc nhiên hỏi.

Bà bĩu môi: "Hồi trẻ, lão thổi kèn đưa đám ma. Sau này, phục vụ trong ngành Cứu trợ. Dịp Giáng Sinh, lão vẫn đứng thổi ở các cửa hiệu quyên tiền cho cơ quan Salvation Army."

"Sao bà biết?"

"Ngày xưa, chồng tôi làm chung với hắn mà."

Đang nói chuyện, bà Sandy đi ngang. Tôi mỉm cười, chào. "Hi." Bà khẽ nhếch môi, rồi đi thẳng.

Bà già khều tay tôi, nói: "Hêy, con mẹ này, không cần chào."

"Sao vậy?"

"Cái mặt nó khinh khỉnh, ai cũng ghét. Bữa mày tìm chìa khóa, chỉ để nhờ ly nước trên mui xe mà nó cũng cự." Bà nhìn tôi lắc đầu, chê: "Mày gặp ai cũng chào."

"Đó là tôi học ở người xứ này."

"Ừm, nhưng tụi tao không chào những người mình ghét."

Tới sẩm tối, cũng không thấy ai tới. Nhìn phía đèn pin của bọn trẻ nhấp nháy từ xa, bà tặc lưỡi. "Chắc đám con nít chừa khu này."

Hai tuần sau, tôi thấy có người đến giặt thảm và sơn phòng bà. Ngó vào trong, căn phòng trống lốc. Hỏi ra, vào tuần rồi người ta đến nhắc trả tiền nhà, mới phát giác bà ngủ luôn không dậy nữa. Tôi bồi hồi nhớ buổi tối chuyện vãn với bà. Lòng nao khôn tả.

Ít ngày sau, giữa trưa xe cấp cứu đậu trước phòng ông da đen. Người chết là một ông da trắng bên cạnh. Cảnh sát lập biên bản ghi nhận, ông nằm ngủ cạnh con búp bê to bằng người thật, rồi lên cơn đau tim mà chết. Họ niêm con búp bê làm chứng vật. Đồ đạc khác do thân nhân giải quyết. Con ông khuân tất cả đồ vật ra ngoài cho ai cần thì lấy. Mấy ngày sau, vẫn còn nguyên. Không ai dám xài đồ người chết.

Buổi tối, tôi nhìn ra ngoài. Mùa đông, cây cổ thụ không lá, trơ những cành khô hiểm hóc nổi bật dưới trời xanh. Ánh trăng lạnh lẽo. Những vì sao rời rạc, xa mù. Bên dưới, những dãy nhà im lìm nằm nối nhau, uốn khúc. Đây đó, có người bật đèn, căn phòng sáng lên rồi tắt. Tôi nghĩ, đời người như ánh sáng. Số phận là sự lui về cái bóng tối vĩnh hằng đã có trước khi nó được thắp lên. Sống và chết, chỉ như hai mặt sáng tối của quả đất.

Hôm sau, tôi quyết định không chú ý tới những người xung quanh. Ra vào, cứ cúi mặt mà đi. Căn phòng kế bên đã có người mới dọn đến. Tôi không thèm chào hỏi. Đó là một cặp vợ chồng khoảng sáu mươi. Ông to con, nhanh nhẹn. Đi về bằng chiếc truck đỏ. Trên, chất đầy những đồ lỉnh kỉnh.

Mùa xuân đến. Gió rải phấn hoa vàng phủ khắp nơi. Mùa dị ứng. Trường học nghỉ xuân một tuần. Ngôi nhà, ngắm cành hoa giả, nhưng tâm trí tôi lan man dạo chơi ở những nơi người ta bày hoa thật. Đôi khi mũi còn ngửi được cả mùi hương tưởng tượng.

Có tiếng bấm chuông, tôi mừng rỡ. Người gõ cửa là một ông Mỹ ôm bó hoa tươi rói. Thấy tôi, ông giật mình, miệng "sorry" lia lịa. Họ lầm nhà. Cửa phòng bên chỉ khép. Ông đẩy nhẹ. Một tốp người túa ra, chào nhau rôm rả. Tôi tò mò nhìn vào. Một chiếc giường bệnh đặt giữa phòng khách. Trên có người đàn ông nằm, mặt xám ngoẹt. Tôi nhìn kỹ. Thì ra ông lái xe truck. Không lẽ mới đây mà ông ra nông nỗi. Vài ngày sau, ông nhập viện. Có đi mà không về.

Một buổi chập tối, bà vợ ông gõ cửa, ngỏ ý cho tôi hết những đồ không còn cần. Tôi qua xem. Căn nhà được dọn dẹp trống trải như chuẩn bị đi xa. Một bộ bàn ghế bằng gỗ nặng và tốt. Một ti vi không biết còn dùng được không. Và, la liệt đồ đạc chất sẵn trong những thùng giấy. Tôi hỏi, bà cho cả à? Bà gật đầu. Tôi bảo, sống một mình, tôi không cần những thứ này. Bà nằn nì, cứ lấy đi, sau này biết đâu sẽ dùng. Thấy tôi ngần ngừ, bà giục, hồi trước ông bỏ nhiều tiền mua, ông mất, thấy những thứ này thêm buồn.

Suốt buổi tối, tôi khệ nệ khuân tất cả ra khỏi phòng bà. Tôi giữ bộ bàn ghế. Những đồ còn lại, tôi gọi cho những gia đình Việt ở quanh đấy.

Sáng cuối tuần. Tôi gỡ một mảnh giấy ghim trước cửa. Trên là giá biểu liệt kê các thứ: Bộ bàn ghế một trăm. Ti vi hai chục,... tổng cộng là ba trăm. Bên dưới có dòng chữ : "Làm ơn trả gấp số tiền thiếu trên cho bà Lynx tại số 16B." Tôi chưng hửng, không tin vào mắt mình. Vào nhà, đọc đi đọc lại mảnh giấy. Cơn giận từ từ bốc lên.

Tôi gõ cửa căn 16B. Bà ra mở. Trông bà bối rối và sợ. Tôi nén giận, chìa mảnh giấy hỏi:

"Hôm trước, bà gọi cho đồ, không phải bán. Sao hôm nay lại đòi tiền?"

Bà lắc đầu: "Đồ đó bán, không phải cho."

"Rõ ràng bà cho. Nếu bán, tôi không mua."

Bà cương quyết: "Cô lấy đồ rồi, phải trả tiền. Nếu không, tôi gọi

Cảnh sát."

Cảm giác bị gạt khiến tôi đâm tức, hét to: "Gọi đi. Nếu không, tôi cũng gọi."

Nói vậy thôi, chứ tôi ngán Cảnh Sát lắm. Tôi đi xin lại những món đồ đã cho. Vài anh tử tế giúp tôi xếp đồ ngay ngắn trước cửa nhà bà. Mấy món vật liệng đi, tôi nghĩ bà cũng không nhớ. Xong, tôi gõ cửa, báo trả đồ. Bà ngó ra, lộ vẻ thất vọng.

Thứ hai, bà Quản lý chung cư dẫn bà Lynx đến hỏi, sao tôi mua thiếu không trả tiền. Tôi kể lại câu chuyện từ đầu, và bảo:

"Cứ kể là bả kêu bán. Giờ tôi không mua, đồ trả đủ. Chỉ vậy thôi."

Hai người to nhỏ với nhau một lúc. Bà Quản lý nói: "Bả không muốn nhận đồ lại. Thôi, cô xem có thể trả được bao nhiêu thì trả. Bả thiếu tiền nhà cả tháng nay."

Giọng tôi cứng rắn: "Nếu lúc đầu, bả nói rõ, tôi sẽ giúp. Bây giờ tôi trả, xem như tôi bị gạt."

Bà Quản lý xuống nước: "Xin cô giúp bả một lần."

Tôi lạnh lùng hỏi lại: "Người xứ bà, sao bà không giúp?"

Nghe tới đây, bà Quản lý bỏ về.

Chiều ba hôm sau, tôi về sớm. Vừa mở cửa, một mùi thối tanh tưởi không thể tả đập vào mũi. Tôi nôn ọe đến mật xanh. Trùm khăn ướt chặn mũi miệng, tôi đi lùng. Mùi thối phát ra từ bên ngoài. Tôi mở cửa. Một người Cảnh sát đứng chặn cửa phòng bên, xem chừng cho nhân viên vệ sinh dọn rửa bên trong. Thì ra bà Lynx chết ba ngày, không ai biết. Tới trưa đó, mùi hôi xông nồng nặc, hàng xóm báo Cảnh sát. Bà không có thân nhân, nên thủ tục đơn giản. Khi phòng đã dọn xong, mùi hôi biến mất. Qua hôm sau, không ai còn nhắc đến bà. Cái chết của bà Lynx tựa chiếc lá lìa cành. Vừa rơi, đã bị vèo trong gió.

Tôi thông báo dọn nhà. Bà Quản lý khẩn khoản mời tôi ở lại. Bà cho biết, tôi là người ở lâu nhất trong khu. Tôi bảo, tôi có việc làm mới ở xa, nên phải dọn. Tôi nói dối. Tôi sắp dọn đến một chỗ xa, để đi làm gần đây.

Ngày đi, tôi ngó lại lần cuối. Những lối mòn rải sỏi vắng người. Dưới gốc cây, ông da đen ngồi thổi một hồi kèn đưa tiễn.❐

Georgia, 8/31/99

Phương cách thiết thực nhất để giúp cho văn chương hải ngoại phát triển là trở thành độc giả dài hạn của tạp chí Văn Học

Mua giàn giụa mặt một người ở thác

THẬN NHIÊN

Tôi băng qua nửa vòng trái đất,
tám mươi cây số và một con sông
thấy tóc râu anh như người tiền sử
như loài voi cô độc về già
tìm cho mình một nơi quạnh quẽ
tôi đâu dư nước mắt khóc thêm lần nữa
không là gió ngang trời, là chim ngựa cổ, là mây
phiêu bồng, tráng sĩ, hào sĩ, lãng tử, thiền sư...
chúng ta là những thằng vô tích sự
la cà lêu lổng chốc lát ở đời sống này
trót dại gieo vào lòng nhau
những chiêm bao, mộng hão

Tôi chớ người con gái yêu thơ anh năm 1982
áo dài xanh hát thánh ca ở nhà thờ họ đạo
anh đội lệch chiếc mũ lưỡi trai lê guốc mộc
cầu xin Chúa hằng ngày cơm rau dùng đủ
những cô gái yêu thơ đừng lấy chồng
và đẹp hoài cho anh làm thơ
vậy mà thoáng mười bảy năm
cái chết chạm vào anh ba lần ở nhà thương thí
lúc anh nằm chơi đùa với những que diêm
chơi đùa với trí tưởng tượng mình
như một ông hoàng hào hoa khoác áo choàng màu đỏ
đắm say ca ngợi tình yêu
ca ngợi khói, mưa, đất, lá...
ca ngợi những điều không ai mua lấy một xu
ở thời đại niềm tin chẳng thể đặt vào đâu
anh chọn những câu thơ làm định mệnh

Ngày,
Bình dứng trên đỉnh tháp Eiffel
nhớ anh, nhớ tôi, nhớ Tuấn, nhớ Phát...
và những thằng không kịp gọi tên
giấc mơ ngông cuồng thời trẻ
giấc mơ không thực hiện
giấc mơ còn là giấc mơ
ngày gã dứng dó
Paris dầy mưa bụi
mưa tạt về căn phòng tôi ngụ ở Seattle
mưa tạt về những thằng bơ vơ ở Sydney
mưa giàn giụa mặt những thằng nheo nhóc Sài Gòn
mưa tạt về căn chòi lá bên dòng La Ngà
căn chòi cất trên chạc cây
nơi anh viết những câu thơ sang trọng
lóng lánh chữ trên vỏ bao thuốc lá
trên những mẩu giấy loại
lóng lánh là máu chiết từ tim
ở căn chòi lá trên chạc cây bên dòng La Ngà
sao anh nghe sóng vỗ những dại dương?
nhưng tôi nghe âm u thác đội về khuya
tôi nghe mưa dột trên cây dàn bung keo
mưa dột trên nắp vung nồi cơm ăn dở
mưa dột trên những phác thảo dở dang
mưa dột sũng chữ nghĩa
mưa dột trên chỗ ngủ
mưa dột trên dời anh, dời hắn, dời nó, dời tôi
tôi chạy ngược tám mươi cây số về Sài Gòn
qua một con sông, qua một dại dương
thấy trái tim mình là chiếc xe dò già nua quá tải
thấy anh,
con thú già cô độc trên triền chiều thiên kỉ
lửa nhóm hắt hiu

1/99 – 9/99

Chuyện Thánh Gióng kể ngược

Truyện ngắn của Đỗ Minh Tuấn

Đã từ lâu tôi nảy ra ý định viết một tập "Cổ tích kể ngược" vì nghĩ rằng mỗi chuyện cổ tích nên có hai kiểu trái ngược nhau để con cháu sinh ra có quyền chọn lựa. Nếu chúng sợ tự do, chúng không dám chọn lấy một cách nhìn, một cách chối bỏ, một cách nâng niu, thì chúng sẽ bốc thăm để cầu xin một mệnh lệnh của Trời, hoặc chúng sẽ có ít nhất hai thủ lĩnh để áp đặt ý muốn lên đầu chúng. Nếu không tìm thấy một kẻ độc đoán ban cho chúng một niềm vui nô lệ, thì chúng sẽ có trò chơi đung đưa giữa các ngọn cờ. Trước khi đặt bút viết những điều cãi lại ký ức của người xưa, tôi muốn thắp một nén hương giữa buổi chiều nắng xế để xin phép triệu triệu linh hồn vô danh đã khuất cho tôi được thử một lần bước ra khỏi trò chơi chạy tiếp sức của tâm linh.Không phải để xoá mờ biểu tượng Thánh Gióng linh thiêng mà chỉ mong thám hiểm chiều sâu của số phận con người đằng sau huyền thoại ấy, làm cho hình ảnh Thánh Gióng trở nên máu thịt và lập thể, có thêm những chiều kích khác nhau của đời sống muôn dân.

Ngày xửa ngày xưa, lũ giặc Ân ngạo mạn tràn sang đất ta, đi đến đâu đem vàng bạc lụa là và thóc lúa để nuôi dân đến đấy. Âm mưu của chúng thật thâm hiểm. Chúng định làm cho dân ta trở lên lười biếng, ăn sẵn và yêu chúng hơn yêu ruột thịt tổ tiên! Nếu cứ kéo dài mãi sự tử tế kiểu này thì chẳng bao lâu dân Trung Hoa bị nghèo đói sẽ căm thù dân ta đến tận xương tủy. Các cụ nhìn xa trông rộng đã thấu tâm can kẻ ngoại bang nên ra lệnh cho con cháu không được dùng của cải của giặc Ân chu cấp! Nhưng dân đói nhiều năm quá, hư hỏng gần hết, không mấy người theo lệnh triều đình. Trong triều đình các quan không nghiêm, vẫn để cho con cháu lấy vàng bạc lụa là của địch về chất đầy kho, nên dân càng khinh

nhờn phép nước. Tình thế dân tộc vô cùng nguy ngập. Dân no quá, sẽ có ngày đú đởn cởi truồng đi ngoài đường. Nước giàu quá sẽ trở thành miếng mồi ngon cho giặc ngoại xâm. Không gì bằng con Lạc cháu Hồng, đóng cửa bảo nhau, nghĩ cách làm ăn, biết thắt lưng buộc bụng, biết lấy đói làm vinh, biết ấm no là nhục, thì với chiếc cày chìa vôi và mảnh đất cắn cũng đủ sống để giữ lấy bàn thờ ngất ngưởng ngàn năm.

Vào một ngày kia, trời không một gợn mây, xanh đến mức đáng ngờ, đất không một ngọn gió, cỏ cây im phăng phắc đến nỗi những sợi khói hương kéo tít tắp lên trời như những sợi dây thép dài vô tận mà những con nhện vô tâm có thể bám vào đó leo lên cõi mờ xanh. Những con con gà trống gáy rách cổ vẫn không thành tiếng. Cả thế gian câm lặng để đón vị anh hùng lắm mồm chào đời, đó là cậu Gióng. Vừa mới ra đời, chưa sạch máu, Gióng đã nói xa xả mắng mỏ giặc Ân kêu gọi dân làng cầm giáo mác đuổi giặc. Bà mẹ tội nghiệp ngất xỉu ngay sau khi trông thấy đứa con còn đỏ hỏn đã lăm lăm con dao găm trong tay và quắc mắt đòi lên đường ra trận. Hỡi ôi, người mẹ nhân từ tội nghiệp kia đâu có biết rằng chín tháng mười ngày qua bà đã mang trong bụng một lưỡi dao sáng lóa và một bọc ngôn từ còn chát chúa hơn cả tiếng sỏi va nhau. Dường như nỗi oán hờn thẳm sâu len lỏi trong từng mạch ngầm của trời đất, thấm qua những tàu rau yếu ớt, những cây lúa ốm, những con tép gầy và những sợi khói chiều hiu quạnh để len lỏi vào dòng máu của bà đây. Có lẽ trời đất đã giao cho bà cái sứ mệnh thiêng liêng phải mang trong mình bọc ký ức nặng trĩu của ngàn năm, giống như cặn của lịch sử, mà trời xanh hòa bình kia đã láu lỉnh trút lên số phận riêng bà. Làm sao quên được chiến tranh khi một dân tộc đã mấy ngàn năm bị đe dọa và phản bội, phải tồn tại bằng bạo lực của chính mình và phải nuôi nấng bạo lực trong từng giọt sữa của trẻ thơ. Biết đâu, trong cái đêm hợp hôn để sinh ra Gióng, chồng bà với một quả tim của một người lính truyền kiếp đã chẳng ngân nga một vần thơ ca ngợi vầng trăng như vũ khí của cha ông giữ lại để giữ gìn cuộc sống cho cháu con?

Thế là Gióng ra đời. Và sự hằn thù tưởng như đã bị vùi lấp, bị xóa đi bởi bạc vàng và những nụ cười hữu hảo của giặc Ân bỗng thức dậy trong ký ức của cộng đồng. Gióng đòi mẹ bế đi khắp nơi kêu gọi mọi người nổi dậy chống giặc Ân. Những người dân lâu nay quen sống bình yên trong nhung lụa của giặc Ân, đã quen ngồi cùng mâm với kẻ thù địch mà chén thù chén tạc như ngồi với bạn, giờ đây nghe cậu bé sơ sinh mắng chửi và kêu gọi, cứ nghĩ là lời Thánh mượn mồm trẻ nhỏ nên nhất loạt tin theo. Gióng đòi mẹ bế đến cổng kinh đô, bắc loa kêu gọi triều đình tỉnh ngộ. Vua cả sợ, lập đàn tế trời đất, khóc mà nói rằng :

- Hỡi ôi! Nếu ý Trời không muốn cho muôn dân thoát họa gươm đao, nếu trời đã chọn đất này làm kho gươm giáo đến ngày tất cả thành cát bụi, thì chúng con xin gạt nước mắt vâng lời. Chỉ xin Trời cho chúng con một hạt cơm đổi một mạng người, đừng bắt chúng con lấy nhiều hoa như ngày xưa...

Vua sai đem đến giấy mực để vua thảo một bài thơ tế Trời dịch nghĩa như sau :

Bốn cõi xin dâng những kẻ hèn sợ vua hơn sợ giặc
Trời hãy làm muôn dân kinh sợ hạnh phúc
Chỉ xin giữ lại một cây liễu mềm với một nhà thơ
Và một khoảng trống trong mắt những người đàn bà góa
Xin trời đừng mượn muôn trẻ nhỏ để mắng mỏ chúng con
Đừng bắt muôn dân chỉ làm nghề đánh trống
Nếu muốn chúng con nhảy vào lửa mà múa
Trời hãy làm cho những bụi tre héo vàng nảy mầm lá xanh.

Vua chọn giờ thiêng đốt bài thơ trên rồi viết hịch kêu gọi muôn dân đánh đuổi giặc Ân. Thế là máu tràn bốn cõi. Giặc Ân bị dân ta nổi lên đánh bất ngờ trở lên dã man giết người không thương tiếc, làm dân chúng ngày càng sợ hãi hoang mang. Chúng đốt hết làng mạc làm các bụi tre xém lửa vàng hoe. Mẹ Gióng bế con chạy lên một khu rừng rậm. Gióng không thiết ăn uống gì, chỉ thích nghe kể chuyện đời xưa, không có truyện đời xưa là Gióng xỉu đi. Càng lớn Gióng càng nhiều tật xấu như đái dầm, hống hách hay cướp lời và nói chặn họng người khác. Vua và quần thần chạy loạn lên rừng thấy khó xử vô cùng. Nếu không nuôi nấng chăm sóc Gióng thì lấy gì để dân tin rằng vua đã làm theo lệnh truyền của Thánh? Gióng chỉ linh thiêng khi còn bé quá mà đã biết nói những lời già cả, nếu Gióng lớn lên thêm thì cùng lắm Gióng chỉ là một gã còi xương hay một ông cụ non thôi ! Vua ra lệnh cho một đại tướng chuyên lo việc đi tè cho Gióng để tránh những phút bất ngờ Gióng đái dầm trước ba quân và trước muôn dân. Vua cũng nhờ quan ngự y phục quốc cho Gióng đừng lớn nữa. Các quan trong triều cùng nhân dân lên rừng đánh giặc lần lượt kể lại cho Gióng nghe những chuyện vui của ngày xưa. Ký ức của nhân dân đã cạn kiệt dần, những chuyện thật của ngày xưa đã hết, thế là người ta bịa ra lịch sử để nuôi cậu Gióng linh thiêng làm Gióng cứ bé dần... Vua sai quan bốc sư chọn một ngày lành tháng tốt để rút quân nhưng chọn mãi vẫn thấy có sao xấu chiếu. Quan bốc sư tâu rằng trong dân có nhiều kẻ cứng đầu không tin vào Thánh Gióng nên nếu động binh ắt sẽ thất bại. Vua truyền

bắt hết những kẻ không tin Gióng, chống lại lệnh trời làm rối loạn lòng dân. Lính vua bắt về hai bố con thợ rèn về kết tội là âm mưu phản nghịch vì những người này đang rèn một con ngựa sắt và một thanh gậy sắt rất to, những người này một mực kêu oan, họ quỳ xuống trước vua mà khóc. Người cha nói :

- Muôn tâu bệ hạ, chúng con không tin vào thánh Gióng, nhưng chúng con tin vua, chúng con thù giặc. Chúng con rèn ngựa sắt và roi sắt để nuôi chí diệt thù. Nay ngựa sắt đã xong, roi sắt đã dài, xin cho chúng con ra trận đuổi giặc Ân.

Nhưng vua không tin cho là xảo ngôn bèn truyền lệnh chém đầu làm gương cho thiên hạ. Khi quân lính lôi ông thợ rèn đi, ông ta ngửa mặt lên trời mà than rằng :

- Nguy rồi ! Vận nước nguy rồi, dân tin vua, vua chỉ tin vào thánh.

Rồi ông vùng vẫy vớ lấy thanh gươm tự chém đầu mình quỳ xuống dâng vua, máu trào từ cổ ra lênh láng. Con ngựa sắt ở giữa sân bỗng hí vang phun lửa xém bạt áo bào nhà vua. Vua và quần thần hốt hoảng ra lệnh cho con trai người thợ rèn phải giữ con ngựa lại. Người con trai đến bên ngựa sắt vỗ nhẹ lên lưng nó, lập tức con ngựa trở nên ngoan ngoãn. Vua cho gọi người con trai tới hỏi:

- Muôn tâu bệ hạ, chúng thần căm thù lũ giặc tàn bạo, muốn ra trận rửa nhục cho xứ sở, chứ đâu dám nghĩ chuyện triều đình.

- Các người lấy sắt ở đâu?

- Muôn tâu, chúng con ăn cắp trong kho của triều đình và mua lại của bọn thương gia Trung quốc.

- Các ngươi to gan thật ! Dù các ngươi muốn đánh giặc, các ngươi cũng phải vâng mệnh ta. Đánh giặc xong mà thánh mất thiêng thì đánh để làm gì? Ta cần giữ cho thánh mãi nãi thiêng để gom sức muôn dân, ta đâu cần một hai kẻ tài ba như các ngươi ? -Vua giận tím người chỉ tay vào mặt người thanh niên vạn vỡ - Bây giờ, tuỳ ngươi chọn lấy hình phạt.

- Muôn tâu, xin cho con được chết ngoài chiến trận, cho con được thỏa ước mơ giết giặc của cha con - Người con trai khóc quỳ lạy vua.

Vua thở dài ái ngại. Vua không giấu niềm thương cảm đối với một người dân yêu nước mà trái luật vua. Nếu như tha bổng cho những con người dữ dội này, những kẻ trung với nước nhưng coi thường cái biểu tượng thiêng liêng mà vua hằng tôn thờ, thì có thể vua sẽ không thể có cách gì nắm bắt được cái đám đông ù lỳ mãnh liệt yên phận với luật vua và linh hồn vẫn còn bị ám ảnh bởi lời của Thánh. Dựa vào đám đông u mê hay dựa vào các cá nhân tỉnh táo và kiêu hãnh? Đó là câu hỏi lớn, lờ mờ trong tâm trí nhà vua từ bao ngày, bỗng nhiên hiện hình rõ rệt như một

con rắn quần quại giữa quả tim nhà vua. Và lịch sử có thể rẽ ngoặt trong cái giây phút băn khoăn sâu thẳm đó, cái giây phút lựa chọn giữa những kẻ cuồng tín và những tên tội đồ, giữa ông thánh linh thiêng đúc bằng sự lừa dối và con ngựa sắt hùng dũng đúc bằng những thỏi sắt ăn cắp.

Chính trong giây phút băn khoăn đó một cận thần đã quỳ xuống giải thoát cho vua bằng một mẹo tài tình.

Trước khi kể lại mẹo này, xin nói đôi lời về vị cận thần kia. Ông xuất thân từ một gia đình nông dân nghèo, ham học từ bé, được một thầy đồ dạy học cho đến khi đỗ trạng nguyên. Hai mươi năm làm quan ở quê nhà, rồi mười năm lăm làm quan trong triều ông nổi tiếng là người khiêm nhường thanh bạch không làm hại ai, không ức hiếp ai, không dối lừa ai. Ông lặng lẽ như một cái bóng được vua tin vì biết lặng im. Ngay cả khi ngồi trước ngọn nến, hay ngồi trước vầng trăng, ông cũng im phăng phắc như bức tượng, dường như ông sợ sự ồn ào động đậy sẽ làm cho những gì bẩn đục đã lắng xuống đáy tâm hồn sẽ vẩn lên. Vậy mà lúc này ông nói, cái bồ sách lặng thinh ba mươi năm cất tiếng :

- Muôn tâu, thần xin được mạo muội bàn riêng với bệ hạ một điều.

Vua đuổi hết quần thần ra. Viên quan bàn với vua như vầy :

- Tâu bệ hạ, vì vận nước lâm nguy kẻ sĩ phải hy sinh cả đức, vì sợ vua gặp sóng gió tôi trung phải hy sinh cả danh. Kẻ bầy tôi không thờ vua năm mươi năm có lẻ, đọc bao sách thánh hiền, nuốt bao điều uất ức, ngẫm bao việc trớ trêu, chỉ để được phò vua một phút như phút này. Xin bệ hạ thứ lỗi cho thần .....

- Khanh cứ nói! - Vua ân cần chờ đợi.

- Tâu bệ hạ, phải thực hiện kế này .....

Viên quan thì thầm nói vào tai Vua điều gì đó, vua reo lên : "Thật là cao kiến". Vua vừa dứt lời, viên quan lăn ra chết, mắt mở trừng trừng. Vua vội cho chôn cất viên quan rồi gọi con trai người thợ rèn đến:

- Sáng mai ta cho ngươi cưỡi ngựa sắt đi đánh giặc ân. Nhưng ngươi phải nói với mọi người rằng tên ngươi là Gióng vừa lớn dậy từ đứa bé lên ba, nếu không ta giết.

Người con trai nhận lời. Vua cho quân bắt cậu bé Gióng về cung và cho sứ giả gọi loa khắp ngả:

- Loa! loa! loa! Ngựa sắt đã rèn xong để Thánh Gióng lên đường đánh giặc, bàn dân thiên hạ ai có gì góp nấy đem lương thực tới để nuôi Thánh Gióng lớn nhanh, sau ba lần vươn vai Thánh Gióng sẽ trở thành một chàng trai vạm vỡ cưỡi ngay lên ngựa sắt loa! loa! loa!

Thế là dân đổ lên đường về gánh gạo, gánh ngô, khoai, gà, lợn .v.v... để nuôi Thánh Gióng. Vua cho đưa cậu bé Gióng ra trước muôn dân để

cậu bé nói những lời yêu nước và giả vờ ăn qua quýt mấy miếng khoai lang và mấy quả cà, rồi lại cho lính đưa cậu bé vào rừng sâu vứt vào một cái hang. Bà mẹ bị giết ngay để bịt đầu mối. Sau đó, chàng thợ rèn bước ra diễn tấm kịch đã được dặn trước, làm qua các thủ tục lớn lên của một anh hùng rồi nhẩy lên ngựa sắt lao đi ... Dân chúng trầm trồ thán phục sức mạnh thần linh, họ không thể biết được sức mạnh ấy sẵn có trong họ từ trước khi nó đi qua các nghi lễ thánh thần để trở thành lịch sử vinh quang.

Và anh hùng mang tên Gióng đã ra trận đánh bại giặc Ân như thế nào thì ngàn đời nay mọi người đã truyền tụng. Gậy sắt gẫy, ngọn lửa ngựa phun và những bụi tre ngà ... tất cả đều có thật, chỉ có cái tên Gióng là không có thật. Biết đâu cái việc cưỡi ngựa lên trời cũng là không có thật. Vì lẽ nào sau khi chiến thắng giặc Ân người anh hùng kia lại hèn nhát trốn đi say mê với danh hiệu thánh thần mà bỏ mặc lại sau lưng một thế giới còn ngổn ngang mù quáng và dối trá.❐

Đã phát hành thi tập thứ ba của
nhà thơ *Trần Hồng Châu*

hạnh phúc đến từng phút giây

Tác phẩm thứ 8 do *Tạp chí Văn Học* xuất bản
Văn Nghệ phát hành
Giá 10 MK

Cuối cùng anh cũng hiểu

ĐẶNG HIÊN

Mùa hè hoang mang mùa hè mệt mỏi
Ôi mùa hè thơ dại
Từng hàng cây xanh xanh phiền não
Từng vòm cây xanh xanh chạy trốn
Anh tìm gì trong trái tim em

Nếu anh dễ quên như trẻ thơ
Nếu anh bớt khờ
Nếu mùa hè không trở lại
Nếu anh dừng thương em...

Biết bao giờ còn nhớ đến nhau
Lời rì rào của biển
Không nói không nhìn
Không yêu không hận
Tất cả bỏ lại rã rời
Tình oằn vai cơ khổ

Sẽ vô cùng buồn bã, nếu lội qua ý nghĩ của em
Sẽ vô cùng dau đớn, nếu lạc vào bí mật em
Sẽ khốn nạn, nếu gần em
Sẽ hoàn toàn điên dại, nếu nói yêu em

Cuối cùng anh cũng hiểu...

Aug-99

Ngày chủ nhật vui vẻ

Nguyễn Hoài Phương

Nguyên cùng cả bọn vừa bước đến cửa câu lạc bộ thì gặp chị Đoàn. Trông chị có vẻ gì đây vui vẻ lắm. Chị đưa cả hai tay ra cho Nguyên bắt, miệng thì vồn vã:

- Hallo! Chào em. Các em đi bằng cái gì đến đây?

- Bọn em đi tầu rồi đi xe buýt.

Nguyên trả lời rồi hỏi lại:

- Còn chị?

- Chị thì đi xe nhà. Các chị đến trước em đúng một tiếng.

- Thế ạ. Trời hôm nay đẹp quá chị nhỉ?

- Em nói đúng! Trời hôm nay đẹp quá.

Dung, Hằng, Uyển, Toàn, My, Thành, Loan, Xuyến... một loạt các cô gái cũng chạy ra bắt tay ríu ra ríu rít chào bọn Nguyên. Cả Lan nữa. Như mọi hôm khác, hôm nay Lan cũng vẫn mặc rất đẹp. Nguyên có cảm giác là hình như cái bắt tay của Lan chặt hơn.

- Hallo Lan.

- Hallo anh.

Lan chào lại Nguyên rồi nói:

- Em thấy mấy anh trong kia nhắc anh từ nãy đến giờ. Họ bảo không có anh thì hội nước chè không vui.

- Thế hả? Thế thì anh phải vào ngay.

Nguyên nói và chợt nhận thấy hình như là mình nắm tay cô gái này hơi lâu. Đúng lúc ấy, Lan cũng rút bàn tay mềm mại với những ngón tay thon như những cái tháp bút ra khỏi tay Nguyên và nói nho nhỏ:

- Vâng! Thế thì anh vào đi.

Mấy chú ở bàn uống nước chè ngồi dịch ra để nhường cho Nguyên một khoảng ghế. Nguyên bắt tay, chào hỏi hết lượt xong ngồi vào chỗ của

mình. Bường đẩy bao thuốc sang phía Nguyên:

- Hút đi anh.

Nguyên rút một điếu thuốc:

- Cảm ơn! Cho anh xin.

Rồi lại đẩy cái bao ra giữa bàn:

- Bọn em hút đi.

Bường rút một điếu thuốc khác, rồi vừa bật lửa châm cho mình và cho Nguyên vừa nói:

- Anh mời chúng nó làm gì? Chúng nó bây giờ không rượu, không thuốc, sắp biến thành đàn bà hết rồi.

Nguyên nhớ như in là mới mấy tuần trước còn thấy mấy ông tướng ngồi đây ông nào cũng phì phèo hết điếu này ra lại đến điếu kia vào, mấy cái lỗ mũi đen xì như mấy cái ống khói thì hơi ngạc nhiên, bèn hỏi:

- Sao? Bọn em bỏ thuốc rồi hả?

- Dạ vâng! - Một chú trong đám trả lời. - Bọn em bỏ hết rồi. Cả đội bây giờ chỉ còn mỗi anh với anh Bường.

- Cũng hơi buồn nhỉ.

Nguyên tính nói cho có chuyện nhưng bị Bường độp lại luôn:

- Buồn gì anh? Chúng nó không hút càng còn.

Ở những chỗ khác, bị châm chọc như vậy thế nào cũng có người tự ái rồi điều qua tiếng lại dẫn đến gây gổ. Nhưng ở câu lạc bộ này thì không. Nguyên thấy mấy chú đã bỏ thuốc chẳng những vẫn bình tĩnh ngồi uống nước mà còn rất vui vẻ.

- Vâng... Bọn em xin nhường hết cho các anh.

Quảng, một tay có tiếng là thâm thúy, đai mồm ra nói một câu hai nghĩa như vậy rồi đứng lên rót một loạt nước chè mới vào mấy cái chén:

- Chè đang được nước đây, uống đi các anh.

Những người ngồi xung quanh bàn trà nâng chén lên mời nhau. Phải công nhận là chè Xù* hôm nay khá ngon, ngon hơn các loại chè vớ vẩn vẫn bán đầy các cửa hàng của Thổ, của Tây ở đây nhiều. Đã lâu lắm rồi mới lại có điều kiện ngồi nhấp nhấp cái thứ nước trong xanh, chan chát, ngòn ngọt ấy, tự nhiên ai cũng phải có một liên tưởng. Rồi chợt bác Thức Già ngồi đầu bàn lên tiếng trước:

- Anh thấy nhớ nhà quá. Ở đầu ngõ nhà anh có một quán nước chè ngon lắm.

Nghe bác vừa nói hết câu thì một chú ngồi bên cạnh đã hỏi ngay:

- Có phải là cái quán có cô gái gì xinh xinh mà anh vẫn kể không?

- Đúng đấy.

- Cái cô trắng trắng mà thỉnh thoảng vẫn nhờ anh cài hộ cúc áo ở gáy

chứ gì?

Bác Thực Già chưa kịp đáp thì một chú khác đã lên tiếng:

- Trắng và xinh thế thì ai mà chả phải nhớ?

Nhưng mọi người cười xòa, không ai hưởng ứng lời bình luận xúc xiểm của chú. Có lẽ họ chẳng nỡ tấn công bác già.

Một chú khác nói tiếp:

- Các anh có công nhận là uống nước chè đặc với lạc rang là hết ý không?

- Lạc rang thì phải đi với quốc lủi hoặc với bia.

- Ở Việt Nam thì có mà vẽ ra bia à?

- Làm gì đến nỗi phải vẽ, nhưng có bia là phải có mực mới đúng vị.

- Lại còn có cả mực nữa?

- Em thấy nước chè uống với khoai lang cũng ngon. Khoai lang nướng nhai thật kỹ mà chiêu với nước chè đặc thì tuyệt cú mèo.

- Người ta chỉ ăn khoai lang với uống nước chè tươi thôi.

- Thì không có chè khô mới phải uống tạm chè tươi. Có nơi em còn thấy ăn khoai lang với nước vối. Vẫn cứ ngon như thường.

Còn một số ý kiến khác. Chú thì bảo phải uống nước chè với kẹo lạc hoặc kẹo vừng, chú thì bảo phải uống với bánh đậu xanh hoặc bánh khảo... chú nào cũng tỏ vẻ rất sành sỏi. Nguyên để mấy chú nói chán rồi mới đưa ra ý kiến của mình:

- Anh nghĩ là nước chè đặc thì phải hút với thuốc lào. Thuốc lào Vĩnh Bảo hút bằng điếu cày mới thay nước với cái đóm thật nỏ xong chiêu một ngụm nước chè thì phải nói là tuyệt vời.

Không ai phản bác ý kiến của Nguyên, song một chú hỏi:

- Anh Nguyên biết hút thuốc lào từ bao giờ?

- Anh nghĩ là từ dạo đi lính.

- Đi lính thì ai mà chẳng biết hút thuốc lào?

- Còn em thì biết hút từ dạo còn nhỏ xíu. Anh nói đúng! Thuốc lào mà uống với nước chè thì hết ý.

- Bọn em nghiện thuốc thế bây giờ bỏ mà không thấy thèm à?

- Thèm chứ ạ, nhưng cố mãi rồi cũng chịu được.

- Anh thấy có nhiều thằng cai thuốc khổ lắm.

- Khổ tưởng không chịu được đấy chứ anh.

Một chú nói rồi vạch áo lên để hở ra một khoảng da bụng da ngực đầy những mụn nhỏ li ti, như một cái bánh đa vừng đỏ rực:

- Anh xem. Người ngợm em phát ban hết lên đây này.

- Em cũng thế. Anh xem em sạm hết cả mặt đây này.

Nguyên nhìn ra chú bị ban nổi nhiều nhất, chợt nhớ là chú này nổi

tiếng ham ăn chơi nhảy múa bèn hỏi:

- Dạo này em có còn hay đi Karaokê với Disco không?

- Không anh ạ.

- Anh thấy mọi người đồn là ở thành phố này không cuộc vui nàolà không có mặt em?

- Ngày trước thì đúng thế đấy ạ. Nhưng còn bây giờ thì em thôi rồi.

- Thấy nói là em khoái nhảy nhót từ ngày còn ở Việt Nam?

- Vâng. Ngày trước em phải cởi truồng đội quần áolên đầu rồi bơi qua hồ Bảy Mẫu là chuyện bình thường.

- Sao đi Disco mà lại phải bơi qua hồ là thế nào?

- Anh không biết chứ, Hà Nội ngày trước chỉ có disco ở công viên Thống Nhất. Mà người ta lại tổ chức ở mãi tận ngoài đảo Hòa Bình. Bọn nào không có tiền mà muốn nhảy thì chỉ có mỗi một nước là bơi.

- Anh thấy nước ở hồ Bảy Mẫu bẩn bỏ xừ.

- Vâng. Bẩn lắm. Sau một lần đi nhảy như vậy về là bọn em ngứa ngáy hết cả người. Cả bọn có mấy thằng thì thằng nào cũng ghẻ nở hắc lào.

Đang lúc cả bọn ở bàn uống nước chè Xù chuyện nọ sọ chuyện kia, huyên thuyên hết lên trời lại xuống đất như vậy thì ông chủ nhiệm câu lạc bộ từ chỗ mấy cô mấy bà đi đến. Ông xoa xoa cái trán hói nhẵn bóng tưởng có thể soi gương được một hồi rồi mới hỏi:

- Anh em mình không quên chương trình chiều nay chứ ạ?

Ông này có cái tính hay rào trước đón sau, mặc dù biết rõ mười mươi là chẳng có ai quên nhưng vẫn cứ hỏi vậy.

Quả nhiên cả bàn uống nước chè xôn xao:

- Làm sao mà quên được anh?

- Cả buổi chiều có mỗi chuyện ấy mà quên thì...

Ông chủ nhiệm nói:

- Thì tôi cũng phải nhắc anh em thế.

Xong ông giục:

- Tôi nghĩ là anh em cũng nên uống nhanh nhanh lên rồi còn ra mà chuẩn bị. Bây giờ đã gần năm giờ rồi, để tí nữa là muộn đấy. Trời đẹp thật nhưng đến tối có thể lạnh.

Đằng sau câu lạc bộ là một bãi cỏ rộng đến vài trăm mét vuông, lại có thêm vài gốc cây to nên rất tiện cho những sinh hoạt ngoài trời. Vì chiều nay số người kéo đến sinh hoạt đông hơn các chủ nhật khác nên ông chủ nhiệm yêu cầu mang toàn bộ số bàn ghế có trong nhà ra kê thành một hình chữ U để ngồi cho thoải mái. Và khi thấy mọi thứ đã tương đối ổn

định, ông mới bảo mọi người vào bếp khuân đồ ăn ra.

Hôm nay câu lạc bộ tổ chức nướng thịt nên không có nhiều thứ cách rách. Trong khi cánh đàn ông hò nhau khiêng được mấy cái chậu to vật vã đựng sườn lợn, đùi hoặc cánh gà, xúc xích đã ướp sẵn gia vị và mấy cái bếp lò và mấy bao giấy đựng than gỗ ra thì mấy bà mấy cô cũng đã để được mấy chậu đựng salat, cà chua, dưa chuột thái sẵn, mấy túi bánh mỳ đen, bánh mỳ trắng và mấy chai tương cải, tương cà chua chỗ nào vào chỗ ấy.

Có thể nói rằng khâu ẩm thực trong các cuộc vui không có gì tiện bằng thịt nướng. Vừa nhanh chóng lại vừa nóng hôi hổi, vừa thổi, vừa ăn ngon tưởng không có gì sánh bằng... Đấy, vừa mới nổi lửa lên được có mấy chục phút mà ở bên cạnh mỗi cái bếp lò đã thấy xếp mấy khay đầy thịt rồi xúc xích đã nướng chín, dủ cho hơn năm mươi con người ăn lượt đầu tiên.

Để ý thấy mọi người đã lấy dủ thức ăn vào những cái đĩa giấy và đi về chỗ ngồi của mình rồi ông chủ nhiệm câu lạc bộ mới đứng lên nói mấy câu vào tiệc:

- Thưa ông bà anh chị em! - Ông mở đầu sau khi đã đưa tay vuốt đi vuốt lại cái trán bóng loáng. - Ông bà anh chị em có biết lý do hôm sao mà chiều nay chúng ta lại có buổi sinh hoạt ngoài trời vui vẻ như thế này không?

Một số người nói biết nhưng một số khác nói không. Ông chủ nhiệm cười:

- Vì chủ nhật tuần đầu tháng trước một số anh chgị em không đến được nên không được biết. Nguyên do mà câu lạc bộ chúng ta có bữa tiệc vui vẻ chiều hôm nay là từ nhã ý của chị Đoàn...

Nói đến đây ông đưa tay về phía chị Đoàn đang ngồi với tư thế rất trang trọng ở một đầu bàn:

- Xin mời chị.

Lập tức chị Đoàn đứng lên. Chị kéo kéo sửa sửa cái áo vốn đã rất thẳng thớm một hồi rồi cất tiếng nói rất rành mạch:

- Thưa ông chủ tịch! Thưa toàn thể ông bà anh chị em trong câu lạc bộ của chúng ta. Tôi đã có ý định này từ lâu rồi nhưng phải đợi mãi đến hôm nay là ngày sinh hoạt định kỳ hàng tháng của câu lạc bộ nên mới có dịp. Chả là trước đây hơn một tháng sở ngoại kiều đã gọi tôi lên để trao Pass. Một cái Pass Đức trăm phần trăm. Thế là từ nay tôi đã có quyền ở hẳn lại nước Đức này rồi...

- Thì ra là chị làm lễ rửa bát...

Có tiếng ai đó chen vào khi chị Đoàn chưa hết câu.

- Vâng! - Chị Đoàn tiếp tục. - Gọi là lễ rửa bát cũng được. Hôm nay là ngày vui, là ngày lễ rửa bát của tôi, gọi là có bữa ăn nhẹ xin mời toàn thể ông bà anh chị em chiếu cố...

Chị Đoàn nói xong vừa ngồi xuống thì ông chủ nhiệm câu lạc bộ lại đứng lên. Ông nói rất ngắn:

- Vâng! Vậy là chị Đoàn đã trình bày lý do với chúng ta. Chúng ta cũng xin cảm ơn thịnh tình của chị Đoàn. Còn bây giờ thì mời ông bà anh chị em dùng bữa luôn cho nóng.

Ở một vài bàn, một số người phàn nàn tỏ ý tiếc rẻ:

- Thịt nướng ngon như thế này mà lại không có bia, phí.

Nhưng lập tức lại cũng có người gạt đi:

- Bia rượu nhiều mà làm gì, chỉ tổ hại sức khỏe. Rồi tí nữa các ông các bà lại say sưa, lè nhè, đánh đấm nhau mất hết cả vui.

Rồi mọi người lại nói sang chuyện khác:

- Sao bà Đoàn may thế nhỉ?

- Gì mà may?

- Tự nhiên kiếm được cái bát để ở hẳn lại mà không gọi là may thì là gì?

- Ông cứ kiếm lấy con vợ Tây thì đến mười cái bát cũng có.

- Thế ra bà ấy lấy chồng tây à?

- Không thì lấy ai?

- Có tốn kém lắm không?

- Chịu.

- Nghe nói ít cũng phải vài chục.

- Hình như bà ấy còn chồng con ở Việt Nam?

- Chẳng riêng ở Việt Nam mà ở Tiệp cũng còn.

- Đi đến đâu lấy chồng đến đấy à?

- Chuyện! Con cháu bà Trưng bà Triệu mà lại...

- Mày chỉ được cái nói lung tung.

- Thế thì phụ nữ Việt Nam hiện đại phải thế chứ.

- Được.

Lại chuyện nọ sọ sang chuyện kia. Té ra là việc chị em anh em ta đăng ký với tây để được ở lại là chuyện quá bình thường, ở vùng nào cũng phải có một vài vụ. Nhưng cũng lắm chuyện cười ra nước mắt:

- Ông anh ở chỗ em mới khổ chứ.

- Làm sao mà khổ?

- Để yên em nói cho mà nghe: Ông anh ở chỗ em làm đăng ký giả với một con tây hết hai chục. Nhưng sau đó thì nó bắt lấy thật. Làm được đồng nào mang hết về nuôi ba mẹ con nó cũng vẫn còn thiếu.

- Sao bảo thằng này không chịu?
- Không chịu cho nên nó mới đưa ra tòa.
- Ra tòa thì chết. Rồi sao nữa?
- Tòa bắt phải về ở với ba mẹ con con kia.
- Thế nó có chịu về không?
- Không chịu. Bỏ trốn rồi. Bây giờ cảnh sát đang truy nã.
- Thế thì cũng gần giống con ở gần nhà em.
- Sao?
- Con này cũng đăng ký với một thằng tây. Tháng này nó bắt nộp dăm trăm. Tháng sau lại dăm trăm. Rồi sinh nhật, Giáng sinh... dịp nào nó cũng gọi điện đến bắt phải có cái gì.
- Thế mà con này cũng chịu à?
- Không chịu thì ra tòa.
- Thế thì cũng khổ nhỉ?
- Thì có ai bảo sướng đâu? Đến tận lúc muốn bỏ nó mà lấy thật thằng khác cũng còn khó nữa.
- Ở chỗ em cũng thế... Cũng có một ông...
- Em có một thằng bạn...
- Con em thằng bạn em...

Hết người này lại đến người khác. Đúng là một câu chuyện dài bất tận. Nhiều người còn muốn nói nữa nhưng hàng giờ đã trôi qua rồi. Thịt thà xương xẩu đã hết sạch... đến một mẩu bánh mỳ, một vụn salát cũng không còn. Ông chủ nhiệm câu lạc bộ phải đứng lên:

- Trời đất đã nhá nhem tối rồi. Cũng đã hơi lạnh. Xin mời ông bà anh chị em mang bàn ghế vào trong nhà cho. Chương trình của chúng ta còn dài. Sau khi uống nước chè còn có hát Karaokê nữa.

Khi ông vừa dứt lời và mọi người đã nhấp nhổm đứng lên sửa soạn khiêng bàn ghế vào thì chợt Lan chạy ra chỗ khoảng giữa rồi hốt hoảng la to tướng lên:

- Xin ông chủ nhiệm, xin ông bà anh chị em hãy khoan khoan tay một chút... Tôi xin có một lời.

Tất cả đều ngừng tay lại và im lặng vì không hiểu có chuyện gì xảy ra. Lan vừa thở hổn hển vừa nói:

- Nhân dịp mọi người còn đông đủ, xin phép ông chủ nhiệm tôi được thông báo với ông bà anh chị em rằng đến lần sinh hoạt của tháng sau tôi cũng định tổ chức một bữa ăn nhẹ mời...
- Về việc gì vậy? - Có người lên tiếng hỏi cắt ngang.
- Dạ... Thưa...
- Lại rửa bát nữa hả?

Ngàn thu

SỬ MẶC

Mỉm cười
một nụ thanh hiên
hỏi em bạch nguyệt
có thuyền quyên
cho?
từ nghe khẳm tối con đò
đầu thiên niên
quyến
dặn dò
thi
thư
dáy trăng
lặn xuống nông sừ
quần đen
váy lĩnh
ngàn thu
áo
bày

- Dạ! Vâng ạ... Lại rửa bát.

Buổi sinh hoạt của câu lạc bộ hôm ấy phải đến hơn mười hai giờ đêm mới chấm dứt được. Giờ ấy thì chẳng còn tầu xe nào chạy nữa. Bọn Nguyên phải thuê xe taxi về nhà. Tự nhiên Nguyên lại nhớ đến Lan trong khi mấy anh em khác vô tư hát vang đường. Đúng là một chủ nhật vui vẻ. Về đến tận nhà rồi hãy còn vui.❐

Một ngày đầu Thu 1999

*- Tiếng lóng: Chè Việt Nam.

Mưa Sàigòn

Huy Văn

Suốt mấy ngày về Sàigòn, tôi chỉ ăn không ngồi rồi, mọi thứ đều có em gái tôi lo liệu, cơm dâng nước hầu, hết cà phê lại đến thuốc lá, hết ti vi lại đọc sách. Quen với lối sống ở Mỹ làm việc quần quật như trâu, cả ngày lúc nào cũng chạy đua nước rút với cái đồng hồ, giờ đây nhẩn nha, rề rà ngồi chơi xơi nước khiến tôi có cảm tưởng một ngày ở Việt Nam dài bằng năm bảy ngày ở Mỹ. Cái câu nhàn cư vi bất thiện nghe bắt đầu thấm, sang đến ngày thứ ba, tôi đành phải chào thua, lò dò mò ra phố.

Vẫn những con đường ngày xưa, vẫn dãy phố năm nào nhưng Sàigòn giờ đây trông lạ hẳn. Thêm nhiều nhà mới cao lêu nghêu, lỏng khỏng bên cạnh những căn nhà tối tăm lụp xụp có từ mấy chục năm về trước, cái đổi thay rõ ràng nhất mà tôi thấy được là một rừng người và xe gắn máy di động theo một thứ trật tự hỗn loạn, xe thì cứ bóp còi người thì cứ như điếc, phớt tỉnh mà đi. Gần hai mươi lăm năm rồi chỉ nghe nói, nghe hứa hẹn hơi nhiều. Cho nên dân Sàigòn nếu không điếc thì cũng đội một chiếc mũ ni.

Tôi thả bộ dọc theo lề đường, bước trên những phiến đá hoa cương ngày cũ, chân đi mà hồn như lạc tận đâu đâu. Mỗi bước tôi đi, thêm một hình ảnh của quá khứ lại hiện về khiến lòng bùi ngùi thương nhớ, dĩ vãng chập với hiện tại khi thực, khi ảo, lúc có, lúc không. Chiếc xe nước mía của chú Sáu dưới gốc me già không còn nữa, thay vào đó là một thằng bé mình trần trùi trụi, đen như củ súng, đang ngồi vá xe bên cạnh thau nước váng bụi lấp lánh dưới ánh mặt trời. Đến đầu ngã tư tôi ghé vào tiệm cà phê có cái tên ngô nghộ "Quán bên đường". Ngày xưa nó là cái quán bán cháo huyết của vợ chồng ông tàu già, vợ chạy bàn, chồng múc cháo. Ngày ấy tôi vẫn thường say mê theo dõi cái lối múc cháo một cách điêu luyện của ông ta. Ông múc cháo với một cái vá cán dài, bằng một động tác vừa nhanh vừa gọn ông xục cái vá vào nồi cháo, nhấc lên cao, nhịp nhẹ vài ba

cái rồi úp ngược vào tô. Chưa bao giờ tôi thấy một hạt cháo rớt ra ngoài. Mỗi tô cháo ông đếm đủ 6 miếng huyết không hơn, không kém. Riêng tôi trăm lần như một, tôi luôn luôn kèo nài xin thêm không những một, mà là hai miếng huyết nữa để được nghe ông lầm bầm trong miệng: "Một miếng thôi à". Miệng thì nói một nhưng tay ông bốc thêm hai miếng bỏ vào tô. Miếng huyết chỉ nhỏ bằng ngón tay cái nhưng yếu tố tâm lý quan trọng hơn nó lừa được cái dạ dày lép kẹp của tôi. Không biết giờ này vợ chồng ông ta lưu lạc phương nào, sống chết ra sao, có biết rằng hôm nay tôi trở về đây để tình cờ bắt gặp lại những hồn ma cũ.

Tôi chọn một chiếc bàn nhỏ ngoài hiên, ngồi trên chiếc ghế nhựa nhỏ xíu như đồ chơi con nít, nhâm nhi ly trà đá, nhìn những giọt cà phê đen quánh rỉ rả nhỏ xuống chiếc ly thủy tinh cáu bẩn cũ xì. Vẫn xe cộ ngược xuôi tất bật, vẫn bụi bặm mịt mù nhưng lòng người thì hình như đã chết lặng từ lâu rồi.

Một cơn mưa giông nhiệt đới kéo đến thật lẹ, chưa kịp thấy bầu trời đổi sắc thì những hạt mưa đã lộp bộp rơi xuống tự lúc nào. Phản ứng tự nhiên, tôi nhích chiếc ghế sát vào mái hiên để tránh mưa, vô tình chạm phải một người phía sau.

- Chú mua giùm con mấy tấm vé số.

Tôi chỉ nghe tiếng mà không thấy người, giọng nói nhỏ xen chút rụt rè như sợ làm phật ý người nghe.

Sau lưng tôi, một thằng bé khoảng chừng 7 hay 8 tuổi với chiếc nón vải rách bươm úp lên đầu, gương mặt lem luốc, quần cụt áo cộc. Gọi là áo nhưng tôi chẳng thấy hột nút nào, manh áo không đủ che thân để lộ rõ đôi cánh tay khẳng khiu, mấy cái xương sườn nhô lên trên cái bụng lép lẹp, phập phồng theo hơi thở.

Tôi nhớ lại lời dặn của bạn bè ở Mỹ: "Cho ăn mày hay mua vé số thì cũng tốt nhưng phải coi chừng sau đó liệu mà đối phó với hàng chục người nữa bu lại!"

Tôi trả lời dứt khoát:

- Không mua đâu!

Khi nói xong tôi mới biết rằng câu nói chưa đủ sức mạnh khiến cho đứa bé phải bỏ đi. Tôi gằn giọng:

- Không đi đi! Còn chờ gì nữa!

Đứa bé nhìn tôi bằng ánh mắt buồn buồn như muốn nói với tôi rằng con có xin gì chú đâu.

Mưa đã ngớt hột. Ly cà phê vẫn còn đang nhỏ giọt. Mưa đó rồi tạnh đó ấy mà.

Tôi dõi mắt nhìn theo cái bóng ma ốm đói thất thểu băng qua đường.

Thằng bé ngồi bệt xuống một gốc cây, lật ngửa chiếc nón để vào giữa lòng. Nó chuyền từng tấm vé số một, từ tay trái sang tay phải. Cứ đúng 10 tấm nó lại đặt vào chiếc nón rồi lại tiếp tục 10 tấm nữa, 10 tấm nữa.

Tính hiếu kỳ khiến tôi theo dõi trò chơi kỳ cục của thằng bé. Tôi nghĩ hoài vẫn không hiểu nó muốn gì, đành đoán già đoán non là nó không biết đếm. Khả năng của nó có thể chỉ từ số một đến số mười. Con số mười một hình như còn xa vời quá.

Tôi lặng người đi vì thương xót, hối hận vì đã hành xử không phải với một đứa nhỏ. Đã mấy lần tôi dợm đứng lên chạy qua đường để mua hết xấp vé số cho thằng bé nhưng một ma lực nào đó đã giữ tôi ngồi yên trên ghế. Lòng tôi quằn quại, xốn xang khi thấy thằng bé lửng thửng đi dọc theo hàng cây bên kia đường, mỗi lúc một xa.

Tôi nhớ lại Sàigòn những ngày mưa trước, những cơn mưa của kỷ niệm, cũng bong bóng nước đuổi nhau chạy dài trên hè phố, cũng những chiếc thuyền giấy mắc cạn bên lề đường, những cơn mưa ngày đó kéo dài cho đến hôm nay chợt làm đẫm ướt đời mình. Đột nhiên cảnh vật trước mắt tôi như nhòa đi. Đời mình lầm lỗi đã nhiều, lầm cũng nhiều mà lỗi thì cũng không ít, cớ sao ngần này tuổi đầu lại vướng vào một lầm lỡ tuy nhỏ nhưng không thể nào tha thứ được.

Như một kẻ mộng du, tôi dằn 10 ngàn dưới ly cà phê mà tôi chưa nếm lấy một giọt. Uống làm gì cho thêm đắng.

Những ngày sau đó tôi thường trở lại cái quán bên đường với chút hy vọng là sẽ gặp lại thằng bé. Hơn ai hết, tôi biết rõ luật hè phố của Sàigòn. Những đứa trẻ đánh giầy hoặc bán vé số thường chỉ hoạt động trong khu vực của mình, hiếm khi có chuyện lấn sang phạm vi kẻ khác. Mỗi giang sơn một anh hùng. Rừng nào cọp nấy, chẳng ai dại gì phá rào để bị tước đoạt phương tiện hành nghề mà còn bị đần cho một trận nên thân để dần mặt. Thằng bé như bóng chim tăm cá, như mưa giông của Sài gòn chợt đến rồi chợt đi.

- Chú mua giùm con mấy tấm vé số, chiều xổ.

Tôi nhìn con bé bán vé số rồi tự hỏi tại sao lại phải tìm cho được thằng bé của mấy ngày trước. Ai thì cũng vậy thôi. Không lý đi dâng hương phải lựa Phật, xuất gia phải chọn chùa! Tôi vui vẻ cười đùa với con bé:

- Mua chớ, mà con mấy tuổi rồi?

- Dạ mười.

Tôi hơi ngạc nhiên, trông nó chỉ bằng đứa bé 5, 6 tuổi là cùng.

- Đếm thử bao nhiêu vé ?

- Một, hai, ba....mười một, mười hai.

Con bé đếm một cách trơn tru, ngon lành.

- Dạ bốn mươi tám vé. Chú muốn mua mấy vé?

- Mua hết.

- Hổng dám đâu.

Tôi không biết dân Sàigòn bây giờ dùng chữ này với nghĩa gì và dùng trong trường hợp nào.

- Có gì mà không dám. Bao nhiêu một vé?

- Dạ hai ngàn.

- Bốn mươi tám vé vị chi là chín mươi sáu ngàn, chú đưa con một trăm ngàn, còn dư bốn ngàn cho con luôn.

Tôi đọc được sự sung sướng vô ngần trong đôi mắt ngây thơ của con bé. Bằng cả hai tay, nó run run nhận lấy số tiền rồi quay đầu như muốn chạy trốn, có thể nó sợ tôi đổi ý. Con bé vừa đi được vài bước, tôi đổi ý thật.

- Nè con !

Đứa bé quay lại, hai tay vẫn nắm chặt lấy số tiền.

- Chú muốn mua ít thôi phải không?

- Không!

- Vậy chú muốn gì ?

- Cho con luôn xấp vé số này.

- Chú đừng có giỡn, tội con.

Tôi cầm xấp vé đặt vào lòng bàn tay con bé.

- Cho con đó, đi về đi. Nhớ mua cho em con vài trái ổi, me hoặc tầm ruột ngâm đường, thứ gì cũng được, nhớ nghe!

Bước xuống taxi, phải mất vài phút định thần tôi mới nhớ lại phần nào con đường ngày xưa. Nếu tôi không lầm thì căn nhà cuối ngõ hẻm phía bên trái là nhà của Quân. "Quân nhẩy dù" là bạn cùng khóa, cùng đơn vị với tôi. Bạn bè của tôi hầu hết đều qua Mỹ, không diện HO thì cũng đoàn tụ bảo lãnh.

Tôi đi tìm Quân chỉ vì bốc đồng, đi tìm mà tin rằng sẽ không bao giờ gặp, bởi vì chẳng ai dại gì đi tìm một người mà gần 25 năm rồi không thư từ, không tin tức. Biết đâu giờ này Quân đang ngồi ở Mỹ lai rai dăm ba lon budweiser đấu láo với bạn bè, kể chuyện Hạ Lào, chuyện mùa hè đỏ lửa. Cũng có thể nó đang làm ruộng ở Cà Mau hay hái cà phê ở Ban Mê Thuột, không chừng.

Sau một thoáng ngần ngừ, tôi mạnh tay gõ cửa. Phải ba bốn lần gõ liên tiếp cánh cửa mới được hé ra:

- Ông tìm ai ?

Tôi nhìn người đàn bà đối diện, hơi chột dạ. Bà ăn mặc luộm thuộm, bộ đồ bà ba cũ mèm bạc phếch, mớ tóc biếng chải, gương mặt xanh xao như người bệnh.

- Thưa bà, có phải đây là nhà của ông Quân không ?

- Dạ phải, ông tìm nhà tôi có chuyện gì ?

Tôi mừng như trúng số. Không ngờ mình đi xin xâm lại được quẻ xâm thượng thượng.

- Tôi là bạn của Quân từ Mỹ về.

Người đàn bà nhìn tôi thật lâu, bỗng dưng đôi giòng lệ từ từ tuôn tràn theo khóe mắt. Bà đưa hai tay bụm mặt, nghẹn ngào:

- Ảnh mất từ hơn hai năm nay rồi.

Tôi đứng ngây người, chết lặng như tượng đá không biết phải ăn nói làm sao cho hợp với tình huống bất ngờ như thế này.

Người đàn bà nói qua những giọt nước mắt:

- Mời anh vô nhà uống miếng nước.

Tôi đảo mắt một vòng, căn phòng sặc mùi ẩm mốc, chứng tỏ chủ nhân ít khi mở cửa. Tôi đưa tay bịt mũi mà không nghĩ đến mình đã làm một hành động vô ý thức, cũng may là vợ Quân không nhìn thấy. Căn phòng trống rỗng chỉ có một cái bàn và bốn chiếc ghế đặt giữa nhà, gọi là bàn ghế cho có chứ thực sự thì bàn không ra bàn, ghế không ra ghế, chỉ là những mảnh ván chắp nối vụng về dùng để ngồi ăn cơm. Một chiếc kệ nhỏ gắn lên tường trên đó bức ảnh bán thân của Quân, một bình bông giả, một ly thủy tinh đổ đầy gạo thay thế bát nhang.

Rõ ràng là tôi đã đánh mất không gian lẫn thời gian, đầu óc chập chờn chao đảo, không biết là mình đang sống ở đâu. Trần gian cũng được mà địa ngục cũng xong.

Vợ Quân hấp tấp bước ra cửa, vừa đi vừa nói:

- Mời anh ngồi chơi, tôi trở về liền.

Bị dồn vô thế thụ động, tôi đành ngồi xuống chiếc ghế ọp ẹp, nhìn quanh.

Trên bàn thờ Quân đang mỉm cười, nhìn tôi. Trông nó vẫn ngang tàng ngạo nghễ như ngày nào trái với cảnh hương tàn tro lạnh. Mấy cái hoa giả rẻ tiền bụi bặm bám đầy trông giống như những cái hoa héo.

Vợ Quân trở về với lon Coca trên tay.

- Mời anh dùng nước.

- Chị cho tôi được tự nhiên. Tôi là Đức bạn của Quân. Ngày xưa chúng tôi cùng một đơn vị.

- Có phải anh là Đức ... Đức Cùi ?

- Dạ phải.

- Hồi còn sống, anh Quân mỗi khi uống rượu ngà ngà lại nhắc đến anh, nhắc đến chuyện anh thí mạng cùi ở Hạ Lào. Trong số bạn bè của ảnh, anh là người được nhắc đến nhiều nhất.

- Cám ơn chị. Tôi hơi tò mò. Cho tôi hỏi anh chị lấy nhau được bao lâu ? Có mấy cháu?

- À... Chúng tôi lấy nhau năm tám lăm, được hai cháu.

- Mấy cháu đi học?

- Dạ...dạ.. tụi nó đi... cũng sắp về.

Tôi nhìn lên bàn thờ rồi nói với vợ Quân.

- Chị cho tôi đốt nén nhang cho ảnh.

- Dạ.

Trong cái nhá nhem của buổi chiều, ánh lửa que diêm bùng cháy soi rõ gương mặt của Quân. Tôi nhìn được cái nốt ruồi ở cuối chân mày, không lý đây là cái nốt ruồi yểu tướng. Mùi nhang thơm đánh bạt cái ẩm mốc ngột ngạt. Tôi cầm nén nhang khấn thầm: "Vì hoàn cảnh mỗi đứa một nơi vắng bặt tin tức, tao không ngờ vợ chồng mày đói khổ đến như vậy! Thôi thì hôm nay gặp được mày âu cũng là duyên số. Tao muốn giúp đỡ vợ con mày chút đỉnh gọi là, hãy yên tâm nghe thằng bạn vấn số, hẩm hiu".

Tôi cắm mấy cây nhang lên bàn thờ. Vợ Quân nước mắt giọt vấn giọt dài:

- Hôm anh ấy bệnh, cứ nghĩ là cảm xoàng cho nên chỉ uống mấy viên thuốc nội, nếu lúc ấy có tiền đưa đi bác sĩ chắc không đến nỗi nào.

Tôi an ủi vợ Quân bằng câu nói lãng nhách đầy khách sáo:

- Định mệnh đã an bài, mình làm gì được bây giờ. Chị cố gắng nuôi mấy cháu nên người, được như vậy tôi nghĩ rằng anh Quân cũng mãn nguyện, ngậm cười nơi chín suối.

Giọng nói của vợ Quân trở nên nức nở:

- Anh nghĩ coi tôi bịnh hoạn, ốm yếu như thế này. Ảnh mất đi trong nhà không còn lấy một đồng làm sao tôi lo nổi cho hai con. Nhìn hai cháu mỗi ngày một còm cỏi, tôi chỉ muốn đi theo ảnh để được thảnh thơi nhẹ nhàng.

Nghĩ đến người khuất mặt, nhìn thấy hoàn cảnh đói rách của vợ bạn, tôi sắp sẵn trong đầu mọi chuyện. Lát nữa đây trước khi ra về tôi sẽ tặng vợ Quân một ít tiền, vài trăm đô chẳng hạn. Số tiền tuy khá lớn đối với tôi nhưng tôi biết rằng mình có thể xoay sở được. Đang miên man suy tính tôi chợt rùng mình, khi nhìn thấy thằng bé thấp thoáng nơi cửa.

- Mẹ ơi, hôm nay con bán được hơn...

Thằng bé ngừng nói, im bặt há hốc mồm nhìn tôi. Đôi mắt của nó tôi

không bao giờ quên được.

Vợ Quân nhanh nhẹn nói:

- Bạn của ba con ở Mỹ về, chào bác đi con !

Thằng bé đến bên tôi, nó vòng tay, cúi đầu. Vẫn quần cụt áo cộc, đôi cánh tay gầy ốm khẳng khiu, mấy cái xương sườn nhô lên trên cái bụng lép lẹp.

- Thưa bác.

Máu trong người tôi dường như chảy mau hơn. Mặt tôi đỏ bừng. Tôi nói như mê sảng:

- Xin phép chị tôi về. Hôm nào rảnh tôi ghé lại thăm chị sau.

Tôi bước đi như chạy, bỏ mặc vợ Quân ngẩn ngơ, ngơ ngẩn không biết chuyện gì xảy ra.

Một cơn gió từ bờ sông thổi đến mang theo cái mát lạnh của hơi nước khiến tôi bình tĩnh lại. Mấy tờ giấy bạc một trăm đô vẫn còn nằm im trong túi.

Tôi đi lang thang giữa đường phố Sài gòn. Đèn đêm vàng vọ, soi rõ cái bóng của mình chập chờn nghiêng ngả trên hè phố, vẫn xe cộ ngược xuôi tất bật, vẫn bụi bặm mịt mù. Bâng khuâng tôi tự hỏi: Không biết mình có còn đủ can đảm để trở lại thăm vợ con Quân nữa hay không ?❐

qua mấy trời sương mưa
thi tập của Hoàng Lộc

Văn Mới xuất bản, tranh bìa Đinh Cường, Phụ bản Đinh Cường & Huỳnh Ngọc Diệp, trình bày Phan Xuân Sinh, phổ nhạc Đynh Trầm Ca, sách dày 200 trang, giá **12 MK**.

Thi tập gồm 80 bài thơ tác giả chọn lọc từ một thi nghiệp kéo dài 30 năm. Thơ trải dài ba thập niên, mà thi tập như một khối nhất quán, như tác giả vừa chụp lấy bút viết một mạch trong một đêm. Đọc kỹ, mới thấy cái nhất quán ấy là "chất Quảng" của thơ Hoàng Lộc: giọng bi tráng của kẻ sĩ bất phùng thời, chất trí tuệ cao ngạo từ Đặng Dung, Cao Bá Quát; và cái rắn rỏi duy lý của quê hương Hội An, Quảng Nam.

Văn Nghệ tổng phát hành

Sài Gòn dưới cơn mưa trở về

Hoàng Mai Đạt

(tiếp theo kỳ trước)

Đến khi hàng người bắt đầu dãn ra và thưa dần, chúng tôi mới đứng dậy và bước xuống phi cơ. Mặc dù đã nửa đêm và đang có một cơn mưa lấm tấm nhẹ, hơi nóng ùa vào phi cơ đã làm cho tôi toát mồ hôi như ở giữa trưa. Tôi chịu nóng rất dở và sợ những nơi có độ ẩm cao như tại Việt Nam. Tôi bị bệnh toát mồ hôi tay chân từ thuở bé, và đối với những người đồng bệnh, họ đều thông cảm khi nghe tôi nói rằng tôi sợ cầm bút và viết bài trong lúc tay bị rịn mồ hôi. Tay tôi có thể rỉ xuống cả lít nước và làm mục rách những trang giấy. Tôi ngại bắt tay người lạ, vì bàn tay ấy có thể đẫm ướt lẹp nhẹp hoặc lạnh ngắt như miếng thịt mềm sắp đông đá. Khi đợi chuyến bay tại Hán Thành, tôi đã từng vào phòng vệ sinh và cởi bớt áo lót, chỉ mặc một áo vải mỏng nhẹ mà thôi.

Vậy mà khi bước xuống phi trường Tân Sơn Nhất, tôi vẫn thấy hực nóng như vừa mở cửa một lò nướng. Nếu không có mưa nhẹ, hơi nóng chắc còn hung bạo hơn rất nhiều. Những giờ ngồi trong máy lạnh đã khiến cho tôi bứt rứt dưới cơn nóng. Thế nhưng đến lúc đứng sững trên bực thang và nhìn chung quanh, tôi chợt cảm thấy có sự quen thuộc kỳ lạ trong hơi nóng đang hà vào mặt mình. Hơi ấm của Sài Gòn trong cơn mưa nhẹ vào nửa đêm làm tôi nhớ đến hơi thở của vợ trong những lần chúng tôi mới hôn nhau. Tôi quay lại nhìn vợ và mỉm cười. Đương nhiên là nàng không biết tôi đang nghĩ ngợi quái đản, và nàng chỉ thúc tôi, "Bố xuống đi, cho con nó xuống chứ." Nàng chợt hạ giọng và nói thì thầm vào tai tôi, với hơi ấm quen thuộc, "Bộ anh sợ ông công an đang đứng dưới chân thang hả?" Tôi nhún vai và buông một lời "Nà" dài theo thói quen của người Mỹ. Đó cũng là lần chót tôi có thể nói lớn tiếng một cách tự nhiên tại phi trường Tân Sơn Nhất.

Trong gần hai tiếng đồng hồ sau đó, sự im lặng, hoang mang và lo lắng đã bao trùm đoàn người rời phi cơ và tiến vào phòng làm thủ tục nhập cảnh. Đối với tôi, không khí lo âu ấy bắt đầu với ông công an đứng ở chân cầu thang. Khi đặt chân xuống mặt tráng nhựa, tôi đã cố tình quan sát người công an đầu tiên mà tôi thật sự thấy trong đời. Đúng lúc thấy tôi đang mỉm cười xã giao và nhìn cái nón trên đầu, ông công an chợt hất đầu và nói lớn, "Lên xe đi! Lên xe kia kìa!" Thế là chưa kịp nhìn kỹ phù hiệu đỏ trên ve áo của ông ta, tôi vội vàng nắm hai xách tay và cùng vợ con leo lên xe bus đang chật cứng người. Tôi là người chót leo lên xe, và khi quay lại nhìn ông công an lần nữa, tôi thấy ông ta chỉ là một người gầy đen đang chắp tay sau lưng và đứng bên cạnh một chiếc phi cơ lớn. Chỉ là một người canh gác phi trường như tất cả những người khác.

Chuyến xe đã đưa chúng tôi từ chân thang máy bay đến cửa vào văn phòng nhập cảnh. Xe chạy khoảng mười phút đồng hồ, mặc dù hai nơi đây nằm cách nhau không tới một trăm thước. Thay vì cho mọi người đi bộ thẳng từ sân bay vào phòng nhập cảnh mà những người đi chậm nhất như vợ tôi cũng chỉ mất khoảng một phút đồng hồ, họ đã dồn hết hành khách lên hai chiếc xe và cho xe chạy lòng vòng. Sân bay lúc đó chỉ có hai chiếc xe. Trong lúc chạy một đoạn từ đầu này đến đầu kia của bãi đậu, hai chiếc xe đã dừng thắng dăm ba lần để nhường nhau, và tài xế còn liên lạc với nhau bằng máy truyền tin. Giữa những tiếng xè xè tắt mở của máy truyền tin, tôi cố gắng lắng nghe mẩu chuyện của hai tài xế. Thế nhưng họ nói tiếng Bắc rất khó nghe, mặc dù tôi đã cố tình tiến gần đến sau lưng tài xế. Dựa theo những lời nghe được, hình như một trong hai tài xế đang có vợ sắp sanh đứa thứ nhì, và hình như hai tài xế sắp rủ nhau đi xem đá banh World Cup trên truyền hình sau giờ làm việc.

Sân bay Tân Sân Nhất vào nửa đêm Chủ Nhật hôm ấy chỉ có chuyến bay duy nhất của chúng tôi. Hai chiếc xe đã nối đuôi nhau trong cơn mưa phùn và thả đám hành khách ngay trước cửa phòng nhập cảnh. Xe vừa ngừng mọi người lại chen nhau chạy vào bên trong. Vì có con còn nhỏ, chúng tôi đã đi chậm rãi và đến khi bước vào được bên trong, tôi thấy những hàng người đã dài ngoằng trước những cửa sổ của nhân viên nhập cảnh. Trên những bức tường màu trắng ngà tôi không thấy có trang trí gì, ngoại trừ một tấm biểu ngữ đỏ với mấy chữ vàng mang nội dung "Không Nơi Nào Đẹp Bằng Quê Hương." Đứng bên dưới tấm biểu ngữ có hai cô tiếp viên phi trường mặc áo dài màu xanh biển nhạt. Ban đầu tôi tưởng hai cô rất mũm mĩm và căng cứng này (hình như nịt ngực wonderbra của Hoa Kỳ đã về đến Việt Nam) đứng đây để chứng tỏ cho đám thanh niên độc thân xa quê nhà đã lâu (và cho cả những người đã có vợ như tôi) được thấy

quả thật "không nơi nào đẹp bằng quê hương." Thế nhưng hai cô "quê hương" này không tươi cười với ai, và đến một hồi sau tôi mới biết họ chỉ đứng để làm việc gì đó, như giúp một số người điền đơn sau khi những người này bị đuổi từ các cửa sổ nhập cảnh.

Khác với sự náo nhiệt tại hai phi trường Los Angeles và Hán Thành mà tôi đã trải qua trong vòng một ngày trước đó, phòng nhập cảnh và quan thuế tại phi trường Tân Sơn Nhất đang im lặng đến kỳ lạ. Ngay cả trẻ con cũng nắm tay cha mẹ và đứng yên, y như chúng cũng cảm được sự lo âu của người lớn. Thỉnh thoảng tôi nghe tiếng hành lý được kéo lê trên sàn nhà, hoặc dăm ba lời xì xầm của vài người ngoại quốc cũng đang xếp hàng. Hầu như tất cả những người Việt khác đều im lặng chờ đợi đến phiên gặp nhân viên soát giấy tờ nhập cảnh. Có đến sáu hoặc bảy cửa sổ đang được mở, cho thấy khuôn mặt và đôi vai của những nhân viên. Liếc nhìn đến cửa sổ đầu tiên, tôi thấy một ông hành khách đang đứng gãi đầu và phân trần điều gì đó với nam nhân viên. Nam nhân viên nhập cảnh này trông còn trẻ và hơi đen. Anh ta không đội nón, và ngoài sự khác biệt này thì tôi thấy anh cũng mặc đồng phục màu xanh lục đậm và mang một khuôn mặt lạnh lùng như người cán bộ ngoài sân bay. Anh ta chợt trỏ tay về hướng bàn gần hai cô "quê hương", và rồi ông hành khách đã lủi thủi mang một xách tay đến nơi đó.

Trước khi về Việt Nam, tôi đã hỏi những người từng có kinh nghiệm về nước nhiều lần. Họ nói rằng trạm nhập cảnh và hải quan là nơi mà "Việt kiều hồi hương" thường bị làm khó dễ, và nếu biết hối lộ thì hầu hết mọi người vẫn có thể qua được toàn mạng và còn chút đỉnh tiền để tiêu xài. Các nhân viên có thể "khó chịu" với nhiều lý do. Điền thiếu trên mẫu đơn nhập cảnh sẽ bị hạch hỏi là chuyện đương nhiên, mà ngay cả trường hợp ghi một con số không rõ là số 7 hay là số 1 cũng vẫn có thể bị đuổi ra khỏi hàng để điền lại cho đúng. Đó có thể là lý do mà ông khách kể trên đã lủi thủi rời hàng người và tìm đến hai cô "quê hương" mến yêu đang đứng chờ giúp đỡ. Sự giúp đỡ này cũng chưa chắc bảo đảm xong chuyện. Họ có thể tra hỏi nhiều thứ lôi thôi, lỉnh kỉnh, và nếu biết đóng tiền "bồi dưỡng" cho họ liền lập tức thì đỡ mất thời giờ và giảm bớt nhịp tim đập trong ngực.

Theo lời khuyên của người bạn, vợ chồng tôi đã dáo dác tìm nữ nhân viên hải quan, vì họ thường "dễ chịu" hơn so với nam nhân viên, và nếu tôi để vợ tôi nói chuyện với nữ nhân viên thì càng tốt. Phụ nữ với nhau có thể họ sẽ "nhẹ tay" hơn. Trong lúc hai vợ chồng nhìn ngang nhìn dọc, tôi chợt thấy ngay một nữ nhân viên duy nhất trong khung cửa sổ nằm ở gần cuối dãy. Có lẽ người bạn của tôi đã tiết lộ "bí quyết" lọt cổng nhập cảnh

ngoài phố Bolsa, vì hàng người đứng trước cửa sổ của nữ nhân viên này dài hơn những hàng hành khách khác. Trong khi vợ tôi nắm tay con đi trước với xấp giấy tờ chiếu khán, sổ thông hành, đơn hộ chiếu, tôi lẽo đẽo đi theo với hai túi xách trong tay. Đến cuối hàng người, vợ tôi liền lấy vài tờ tiền đô trong túi và kẹp vào sổ thông hành, theo đúng lời dặn từ Bolsa. Tôi cũng bắt đầu lo ngại vu vơ.

Thật sự thì tôi không có gì phải lo âu. Tôi không có "thành tích" chống chế độ, không muốn "móc nối" ai, cũng chẳng có ý định làm gì để phá rối trật tự dưới chế độ. Tôi không có kế hoạch rải truyền đơn từ trên phi cơ (quá trễ, phi cơ đã đáp xuống hơn nửa tiếng đồng hồ), cũng không có âm mưu chạy ở trường ngoài sân bay. (Mấy năm trước đây, một người bạn trẻ của tôi đã đến Hà Nội. Trong lúc chuẩn bị về lại Hoa Kỳ, anh đã bị làm khó dễ sao đó tại phi trường Nội Bài. Tính của anh rất nóng, và cho tới bây giờ thân nhân và bạn bè cũng không hiểu tại sao anh đã cởi hết quần áo và chạy la hét trong phi trường. Anh đã bị bắt giam nhiều ngày, và nhờ thân nhân ở nước ngoài đóng tiền, anh mới được cho lên phi cơ và trở về California với một bộ quần áo trên người). Tôi không có thói quen phô trương cơ thể (thật sự không có gì để khoe) và cũng không thể chạy cởi trường ở nơi công cộng như người bạn của tôi. Tôi chỉ muốn về thăm quê hương, về "móc nối" với mấy bà cụ già trên dưới tám mươi tuổi trong gia đình vợ tại Biên Hòa. Tôi thương họ, muốn gặp họ ít nhất một lần trong đời, trước khi họ ra đi vĩnh viễn và không thể nhận được những tờ "truyền đơn" đến quá trễ của tôi.

Hàng người "Việt kiều hồi hộp" của chúng tôi di chuyển rất chậm, có thể là vì nữ nhân viên hải quan đang "có vấn đề" với những người phía trước. Trong lúc đứng chờ đợi gần nửa tiếng đồng hồ, nhiều lần tôi đã có ý định muốn đi lòng vòng xem phòng nhập cảnh. Tôi có tật tò mò ở những nơi lạ, thích chắp tay sau lưng đi lẩn thẩn như một ông cụ và xem xét mọi thứ hiện diện trong phòng. Tuy nhiên, tôi cũng lo ngại, không muốn rời hàng người và gây chú ý đến cá nhân tôi. Phòng cũng không có gì nhiều để quan sát hoặc để tìm hiểu, ngoại trừ tấm biểu ngữ đỏ trên cao và hai cô "quê hương" mũm mĩm. Quan sát hai cô này thì được, chứ nếu tìm hiểu họ thì không chừng sẽ có "vấn đề" với công an và với vợ tôi. Tôi thấy hai cô đang nghiêm mặt nói gì đó với những người chưa được qua trạm nhập cảnh. Hàng người lại nhúc nhích, và sắp đến phiên chúng tôi được trực diện cô nhân viên cũng có khuôn mặt rất lạnh lùng.

Gia đình đứng phía trước chúng tôi gồm hai vợ chồng, đứa con và một bà cụ. Tôi thấy họ lục lọi sấp giấy tờ nhiều lần, như muốn tìm chính xác tờ giấy mà nữ nhân viên muốn xem. Tôi thấy bà cụ và đứa bé được

vẫy cho qua trước, trong khi hai vợ chồng phải mất thêm dăm phút trước khi được cô ta cho phép bước qua trạm. Đến phiên chúng tôi, trong lúc vợ trình những giấy tờ mà trong đó tôi biết nàng đã kẹp theo mấy tờ đô-la xanh, tôi bế con gái lên cho cô nhân viên được thấy cả ba chúng tôi. Tôi thấy cô ta nhìn xuống giấy tờ và lẩm bẩm đọc tên của tôi trong lúc đánh tên vào máy điện toán.

"Về Việt Nam lần đầu?" cô ta hỏi và không ngước đầu lên.

"Cô hỏi tôi?" tôi lên tiếng, trong lúc liếc nhìn vợ đang chợt thoáng lo âu. "Vâng, tôi về lần đầu," tôi nói thêm. Có lẽ cô ta đã thấy những tờ tiền và đã mau chóng đẩy chúng vào những nơi kín đáo. Các nhân viên ngồi trong một khung kín, người đứng ngoài chỉ có thể thấy từ vai lên đến đầu họ.

Cô bỗng ngước đầu lên nhìn tôi và nói, "Vào đi! Mau lên!"

Tôi vội bế Bé Cù và bước qua cửa, để lại vợ đang chờ đợi chỉ thị mới của cô nhân viên. Từ đằng sau lưng cô ta, tôi có thể thấy một màn ảnh điện toán với nhiều tập giấy ở chung quanh. Cô đang kẹp và bấm một số giấy tờ có liên hệ đến tôi và con gái. Cô bỗng hỏi vợ tôi về địa chỉ ghi trên tờ giấy, và đến khi nghe lời xác nhận của vợ tôi, cô ngoắc tay và cho vợ tôi vào. Sau khi chúng tôi lọt qua trạm nhập cảnh, phòng chỉ còn dăm ba người từng bị yêu cầu phải điền lại giấy tờ. Hai cô mặc áo dài xanh đã biến mất.

Sau một thời gian yên lặng, không khí trong bộ phận quan thuế dần dần ồn ào hơn với đám người đứng chung quanh sàn quay giao trả hành lý. Họ nhốn nháo nhận diện hành lý, vội vội vàng vàng chụp kéo mớ va-li, xôn xao nói chuyện với nhau và hì hục đẩy xe chất đầy va-li và thùng giấy dán chằng chịt băng keo. Cũng như lần trước, vợ tôi đang rút ra những tờ tiền và kẹp vào sổ thông hành, trong khi tôi đứng tìm hành lý trên sàn quay. Từ nơi nhận hành lý đến trạm hải quan, nhiều người lại bắt đầu chen nhau đẩy xe và giành chỗ, như sợ người nào chậm chân sẽ bị công an bắt vào phòng làm việc. Chúng tôi đẩy theo và như tại phòng nhập cảnh, lần này tôi cũng nhìn thoáng qua các trạm để tìm một nữ nhân viên. Tôi chỉ thấy toàn là nam nhân viên. Một nam nhân viên đăm chiêu nhìn chúng tôi và ngoắc tay vào trạm của anh ta. Tôi đẩy xe đi theo, trong khi vợ tôi đến đưa giấy tờ cho anh xem. Trong lúc vội vã, tôi thấy anh rút nhanh tờ tiền ra ngoài sổ thông hành và đưa ngay xuống bên dưới mặt bàn. Anh ta đã mau chóng chấp thuận cho chúng tôi được qua. Tuy nhiên, một trục trặc nhỏ đã cản trở chúng tôi vài phút.

Lý do là Tờ Khai Hành Lý có hai mẫu đơn dính kèm nhau. Chúng tôi đã điền sót tờ đơn bên dưới vì tưởng rằng chữ sẽ in qua mẫu thứ nhì như

những mẫu đơn mà chúng tôi thường thấy. Có lẽ vì đã được "bồi dưỡng", anh nhân viên hải quan chỉ đề nghị chúng tôi đứng qua một bên để mau mau điền mẫu đơn bên dưới, và khi nhận lại tờ đơn anh ta cũng chỉ liếc sơ qua và đánh dấu cho chúng tôi được đi nhanh mà không thắc mắc gì thêm. Trong lúc chúng tôi lúi húi điền đơn, anh ta đã xem xét qua loa giấy tờ của một gia đình khác, và đến lúc đó tôi mới hiểu anh đang cần làm việc mau chóng, để có thể nhận được nhiều "bồi dưỡng". Chuyến bay đêm nay đã có khoảng một trăm hành khách. Nếu nhanh tay, mỗi nhân viên hải quan "sốt sắng" có thể soát giấy tờ của mười người và không chừng kiếm được bồi dưỡng khoảng 50 Mỹ kim trong vòng một giờ đồng hồ, cao hơn gấp đôi lương tháng trung bình của một công chức tại Sài Gòn. Trong lúc chờ đợi hành lý được kiểm duyệt qua một máy dò, tôi thấy những nhân viên khác cũng vẫy tay gọi khách vào trạm của họ. Những nhân viên này không phải là những người duy nhất đang vẫy tay mời khách. Đằng sau lưng họ là một khoảng trống vắng lặng chạy đến tận một bức tường chắn bằng kiếng. Có cả trăm người đang chen lấn nhau ở đằng sau màn kiếng. Chỉ đến khi bước đến cửa ra ngoài phi trường tôi mới biết những người này là ai.

Từ trạm hải quan đến cửa ra ngoài phi trường, khoảng trống kéo dài chừng ba mươi thước. Tại nơi xét hành lý, tôi có thể nhìn ra phía cửa ra vào và thấy một đám đông đang chen nhau đứng bên ngoài khung kiếng. Chính khung kiếng cao chừng mười thước và dài trên trăm thước này là bức tường chắn giữa đám đông trong nước với thế giới bên ngoài, và giữa họ với chúng tôi. Tôi thấy nhiều khuôn mặt gầy đen giống nhau đang tì sát vào khung kiếng. Hàng trăm đôi mắt của họ đang nhìn thẳng về phía chúng tôi, chờ đợi từng người một trong chúng tôi bước qua cửa phi trường và nhập vào với họ. Miệng họ tranh nhau nói những lời mà chúng tôi chưa nghe được. Trong lúc đẩy xe đến gần khung kiếng, tôi có cảm tưởng đám đông đang nhìn kỹ từng chi tiết trên người mình.

Càng tiến gần đến cửa ra vào, tôi càng nghe rõ hơn tiếng la gọi ồn ào của họ. Đúng lúc nhìn hàng chục khuôn mặt bên ngoài khung kiếng, tôi chợt nhận ra ba khuôn mặt quen thuộc của anh Năm, anh Bảy và Út Hải. Họ không khác những người mà tôi từng thấy trong hình. Ba anh em đang tươi cười nhìn tôi. Tôi liền đưa tay lên vẫy chào và nhe răng cười lại. Họ đang bị đám đông xô đẩy tới lui. Tuy nhiên, mắt tôi đã theo sát và không để cho đám đông đẩy họ ra ngoài tầm mắt. Thật kỳ diệu, tôi vừa có cảm tưởng rất xa lạ đối với ba anh em vợ, mà cũng vừa gần gũi họ vô cùng. Có lẽ vì trong đám đông hỗn độn đang chen nhau ngoài khung cửa, tôi không biết một ai ngoại trừ ba khuôn mặt rạng rỡ cũng đang tươi cười nhìn về

phía chúng tôi. Tôi liền chỉ tay cho vợ thấy ba anh em. Vợ tôi bỗng hét lên không ra tiếng trong sung sướng khi thấy các anh, và rồi nàng cuống quít dắt Bé Cù chạy vù ra ngoài, để lại tôi với chiếc xe đẩy chất đầy hành lý. Mớ hành lý hình như cũng mừng rỡ, nghiêng đổ và rớt xuống nhiều lần khiến tôi phải dừng xe để chất chúng lên nhau. Một số hành khách khác đang dồn tới và thúc dục tôi tránh ra cho họ đi.

Nhìn ra ngoài khung cửa rộng không tới hai thước, tôi thấy vợ tôi nắm tay con và biến mất vào trong đám đông, trong khi nhiều khuôn mặt đang chồm tới và chặn lối ra. Những tài xế taxi và người lái xe ôm đang chen nhau đón khách. Nhiều người đã chồm tay tới chụp lấy xe đẩy, trong khi tôi nghe tiếng công an la lớn, "Tránh ra, tránh cho người ta đi!" Thấy tôi cứ lắc đầu lia lịa, đám đông dần dần buông tay ra và không còn chụp lấy xe hoặc hành lý trên xe. Y như cảnh Thánh Moses đang rẽ sóng Hồng Hải, tôi thấy biển người đang tách rời ở đầu xe. Tôi cố đẩy xe tới và đám đông càng tránh ra cho tôi đi. Trong thoáng chốc ngắn ngơ, tôi chăm chú theo dõi những cánh tay gân guốc và gầy ốm đang buông thả mớ hành lý. Nhìn theo những cánh tay ấy, tôi thấy những khuôn mặt cháy nắng và lẹp nhẹp mồ hôi đang nhìn lại tôi. Cơn mưa nhẹ đang lất phất qua ánh đèn điện, rơi rớt những hạt nước xuống đầu tóc và lăn dài xuống trán của những người đứng trước mặt và chung quanh tôi. Cổ áo của họ đẫm ướt và nhàu bẩn. Đã một giờ sáng, vậy mà những người này vẫn đứng đây dưới một cơn mưa để tranh giành một mớ khách về thăm quê hương. Có bao nhiêu người sẽ kiếm được một người khách đêm nay? Tôi chợt ngưng lắc đầu từ chối và mỉm cười nhìn họ. Những người này, những người đang đứng dưới cơn mưa và giành giật hành lý cũng là anh em của tôi.

"Anh đi đâu? Đây nè! Đây nè!" nhiều người cùng la lên một lần, làm điếc cả một góc trời và không cho tôi nghe những tiếng gì khác hơn. Anh em của tôi ồn quá! Thấy mà thương!

Nụ cười của tôi đã đưa tôi về thực tế. Thấy tôi cười, một thanh niên đã nhe răng cười lại và chăm chú nhìn thẳng vào mắt tôi.

"Xe em ở đây nè," thanh niên này vừa la vừa đưa tay chụp lấy xe đẩy. "Anh đi với em!"

"No! No! No!" tôi la lớn bằng tiếng Mỹ theo thói quen, trước khi nhớ ra mình đang ở Sài Gòn và la tiếp, "Có người rồi, có người nhà đón rồi. Làm ơn tránh ra giùm!" Vừa nói tôi vừa đẩy xe tới trước. Thấy tôi từ chối đầy quyết liệt, người thanh niên tiếp tục la lớn với một cặp vợ chồng ở đằng sau lưng tôi. Đúng lúc đó có hai, ba người đàn ông khác lao tới và chụp lấy đống hành lý. Một lần nữa tôi phải hét to lên, "Có người nhà đón rồi! Tránh ra! Tránh ra! Làm ơn tránh ra cái coi!" Tôi bắt đầu nổi quạu

với cảnh vô trật tự.

Một người đàn ông đang bị đám đông xô tới trước. Tuy xém té và có thể bị đạp lên người, anh ta vẫn nắm chặt lấy xe của tôi và nói lớn, "Anh Bảy đây Đạt! Anh Bảy đây nè!"

"Trời đất ơi!" tôi nói nhỏ chỉ đủ cho mình nghe, "Sao ảnh giống mấy người tài xế này quá vậy?" Tôi vừa mừng, vừa hết quạu và lại muốn bật cười.

Anh Bảy tóc quăn đang rộng miệng cười với tôi. Tôi chưa kịp nói gì thêm thì anh Năm và Út Hải cũng đang cười bên cạnh anh Bảy, y như tôi đã thấy ba người đằng sau khung kiếng. Đây là lần đầu tiên tôi gặp mặt ba anh em, mà sao tôi thấy họ quen quá, quá quen như đã biết từ lâu. Ba người anh em đã lôi kéo xe hành lý ra ngoài đám đông. Đến lúc đó tôi mới thấy lại vợ con đang đứng với một đám người cười nói rộn ràng. Vợ tôi nói không ra hơi trong sự xúc động, trong khi mấy người chị đang bồng nựng Bé Cù và hỏi han rối rít. Còn nhiều đứa cháu trai và cháu gái đang đứng vây quanh. Có đứa nhỏ nắm tay Dì Tám và chọc ghẹo Bé Cù, trong khi mấy đứa lớn mắc cở và đứng vừa đủ gần để nhìn cuộc hội ngộ. Mưa nhẹ đang tiếp tục rơi lất phất xuống đầu mọi người.

Anh Năm bắt tay tôi, trong khi anh Bảy và Út Hải đang tìm người tài xế lái xe minivan mà các anh đã mướn từ Biên Hòa. Trong lúc đẩy giùm xe hành lý cho tôi, anh Năm nói rằng lâu lắm rồi đêm nay Sài Gòn mới có mưa. Hạn hán El Nino đã kéo dài từ đầu năm cho đến mùa hè. Tôi cũng rất ngạc nhiên là tôi không còn cảm thấy quá nóng như khi vừa bước xuống phi trường, mặc dù mùi không khí ẩm đặc vẫn đè nặng xuống đám đông bên ngoài Tân Sơn Nhất. "Ở bên đó ngày lễ Độc Lập chắc vui lắm hả Đạt?" Trong những lần điện đàm với chúng tôi trước đây, anh Năm vẫn thường hỏi về nhiều thứ bên Hoa Kỳ, từ cuộc nổi loạn của người da đen ở Los Angeles cho đến những trận bão mùa đông ở những tiểu bang miền bắc.

Anh Năm đã từng được du học tại Hoa Kỳ vào cuối thập niên 60. Đến khi tốt nghiệp và trở về Sài Gòn, anh chỉ được sử dụng kiến thức của mình trong một thời gian ngắn, và sau năm 1975 thì cũng như nhiều gia đình khác, vợ chồng anh Năm đã lao đao qua nhiều nghề sống khác nhau. Họ cũng từng vượt biên hụt và bị ở tù. Chỉ cho đến những năm tháng gần đây, khả năng ngoại ngữ và kiến thức của anh mới được tận dụng trong một số công ty ngoại quốc, và nhờ đó gia đình anh sống dễ thở hơn so với những anh chị em khác trong nhà. Anh là người biết nhiều về tình hình kinh tế bên ngoài Việt Nam, và Hoa Kỳ vẫn là nơi anh nhớ đến nhiều nhất. Những năm du học tại Iowa đã để lại trong anh nhiều hình ảnh tươi đẹp của Hoa

Kỳ, từ những người bạn sinh viên Mỹ trong trường cho đến những thắng cảnh tại San Francisco, Arizona và New York, vân vân. Không những chỉ mang về quê hương những ấn tượng trong sáng của xứ người, mà hình như anh Năm cũng có thay đổi và trở thành người xứ lạ trong thời gian mới về Việt Nam trước đây. Má Sáu và má vẫn thường kể rằng, "Ngày mới về anh Năm con sao mà nó trắng quá trắng, người thì sạch sẽ, thơm thiệt là thơm, mà cười nói cũng vậy, cũng hồn nhiên vui vẻ lắm kìa. Hồi đó ai mới gặp anh Năm con cũng tưởng nó là Mỹ lai. Mà cũng giống Mỹ lai thiệt. Còn biết nghe nhạc tình nữa chớ."

Trong lúc bước dưới cơn mưa Sài Gòn, anh Năm vẫn cười nói rộn ràng với chúng tôi. Tóc anh cũng thưa bớt rất nhiều, để lại một vầng trán rộng "tận chân trời" và khiến cho tôi cũng cảm thấy tiếc những năm tháng xuân xanh lao đao của anh. Đứng thập thò gần anh từ nãy giờ là chị Năm, người phúc hậu và hoạt bát bên cạnh người chồng cao lớn và vững chải. Tôi đã từng được thấy hình chị và được nghe Bé Cù kể lại những kỷ niệm vui với Mợ Năm. Đến khi thấy chị tận mắt, tôi đã vụt thốt lên không kịp suy nghĩ, "Ở bên ngoài trông chị còn đẹp hơn trong hình, không mập như em tưởng." Chị cười khúc khích và nói lại lời này với những chị khác đang đứng ở chung quanh, làm tôi cũng hơi ngượng, vì mọi người đang chiếu cố đến tôi, chờ đợi tôi nói thêm trong lúc họ quan sát kỹ lưỡng từng hành vi của tôi, một thành viên mới trong gia đình và cũng là một "Việt kiều" vừa về từ Hoa Kỳ.

Đến lúc đó tôi có dịp được biết một số anh chị em đã đến đón chúng tôi vào đêm đầu tiên ấy. Chị Ba, anh chị Năm và hai đứa con; Bảo Phương đã vào đại học và Vân Anh đang học tiểu học. Anh chị Bảy cũng đã đến với hai đứa con, Quốc Dũng học đại học và Quỳnh Như đang học trung học. Chị Sáu đã đến với Phượng Các lớn hơn Bé Cù vài tuổi. Ngoài ra, phái đoàn "dàn chào" này còn có Út Hải và anh Chín, người anh vong niên của gia đình. Đám trẻ đã cười nói rộn rã và đứng lẫn lộn đằng sau lưng những người lớn. Út Hải và anh Bảy đang đi tìm người lái xe Toyota minivan, trong khi anh Chín đứng hút thuốc gần đó, với một khoảng cách vừa đủ gần để nghe những mẩu chuyện mà cũng vừa đủ xa để không phải tham dự.

"Tụi em ăn gì hông?" chị Năm hỏi hai vợ chồng tôi. Trong gần hai tuần lễ về Biên Hòa sau đó, chị Năm vẫn thường hỏi chúng tôi câu này. Chỉ đến khi biết được tính chị thích ăn vặt, tôi mới dám cương quyết từ chối lời mời mọc ăn uống của chị. Thế nhưng trong những ngày đầu tiên, nhất là lúc đang đứng ở phi trường, tôi chưa can đảm từ chối, nên sau khi nghe chị hỏi hai, ba lần tôi đã vội trả lời, "Em thèm nước lạnh. Uống hoài

nước ngọt trên phi cơ nên bây giờ em thèm nước lạnh." Vừa nghe xong lời này, chị Năm vội sai con trai chạy đi mua cho "dượng Tám" một chai nước suối. Đúng lúc đó tôi thấy chị Sáu cũng đang cầm một chai nước lọc. Chị nhìn tôi ngập ngừng và nói, "Đạt uống nước này đi, nước đun sôi ở nhà chị mang theo nè." Chai nước được đựng trong một bịch ni-lông mà tôi thấy chị Sáu cầm từ nãy đến giờ. Chị giải thích thêm, "Má sợ tụi em ở nước ngoài về không uống được nước hàng quán, dễ bị đau bụng. Chị mang chai nước này cho tụi em."

Trong những ngày sống tại Biên Hòa sau đó, lần nào xuống bếp và ăn cơm với mấy má, tôi cũng đưa mắt đến bên cạnh cửa sổ duy nhất ở trong bếp, nơi tôi có thể thấy chai nước lọc quen thuộc đứng bên cạnh hai bình thủy đựng nước sôi, một khay trầu, vài miếng giẻ lau bàn và những nồi niêu lỉnh kỉnh khác của má Sáu. Tôi không phải là người ham chuộng vật chất. Tuy nhiên, có những món vật tầm thường mà tôi lại có thể nhớ hoài chỉ vì một vài tình cảm dính liền với nó. Mỗi lần thấy chai nước lọc ở trong bếp, tôi chợt nhớ đến các anh chị em đã đến đón chúng tôi đêm ấy, nhớ đến sự lo lắng cỏn con mà những người trong nhà dành cho chúng tôi. Tuy chưa biết những ngày sau sẽ ra sao, ngay từ phút đầu tại phi trường Tân Sơn Nhất tôi đã biết những ngày hè ở bên đây sẽ là những ngày mà tôi sẽ trân trọng mang theo về đến bên kia.

Có lẽ vì vui mừng đoàn tụ, những người nhà cũng như ba kẻ mới về đều đứng nói chuyện huyên thuyên bên dưới những giọt mưa lấm tấm. Mớ hành lý cũng vậy, cũng đang phơi dưới một cơn mưa lạ của Sài Gòn. Một hồi sau anh Bảy và Út Hải mới trở lại và nói chúng tôi phải đi bộ qua những bãi đậu xe, vì xe minivan không được phép lái đến trước cổng phi trường. Đám trẻ cười giỡn om sòm và kéo nhau chạy đi trước, trong khi nhóm người lớn chậm rãi đi theo. Chúng tôi băng qua một bãi trống với những cột đèn tỏa ánh sáng yếu ớt. Sau lưng chúng tôi, một bà lão lẽo đẽo chạy theo. Có lẽ nhận diện được bộ vó "Việt kiều hồi hộp" của tôi, bà bám sát bên tôi, lèo nhèo kể lể mãi để xin tiền vì bà có "công" giữ xe cho bọn tôi.

Khi thấy tôi lúng túng với bà lão ăn xin, anh Năm liền đưa cho bà tờ một ngàn đồng và nói bà đừng quấy rầy chúng tôi nữa. Cho đến lúc chúng tôi lên xe và đóng cửa, bà cụ vẫn dí mặt sát vào cửa sổ và xin thêm tiền. Đó cũng là lúc mà tôi bắt đầu để ý đến mùi khai và mùi nước cống chung quanh phi trường. Mùi khai đã đeo đuổi chúng tôi trong suốt hai tuần lễ, khi nặng nề, khi thoang thoảng, cho đến ngày chúng tôi rời Sài Gòn. Trở về Việt Nam cũng như gặp lại một người tình cũ, và đến khi sắp ôm người tình vào lòng thì tôi mới biết nàng đã đái dầm. Có lẽ nàng đã đái dầm từ

lâu mà mình không biết, và không chừng mình cũng đã đái dầm trước khi phải bỏ nàng để đi tè ở xứ người. Thôi cũng ôm đại và có khai cỡ nào thì cũng đành chịu. Trước khi bước lên xe, tôi trông thấy hai người đang đứng trong bóng tối ở cuối bãi đậu. Họ mặc đồng phục màu xanh lá mạ, đội nón kết tương tự như người công an mà tôi đã thấy ngoài sân bay. Họ nhìn chúng tôi một hồi, khiến cho tôi cũng ngài ngại mà không muốn nói cho vợ hay. Nàng đang tíu tít với mấy chị. Hai người lạ bỗng leo lên một chiếc xe jeep, và rồi xe của họ biến mất vào bóng tối. Mọi người vẫn nói chuyện rộn ràng, trong khi tôi đã bớt lo và nhìn con gái mình đang nói cười liến thoắng bằng tiếng Việt với đứa chị họ.

Lên xe về Biên Hòa

Chuyện lạ đầu tiên mà tôi chứng kiến là chiếc xe minivan có thể chứa hết mọi người và vùn vụt chạy về Biên Hòa một cách ngon lành. Vợ chồng anh Năm và hai đứa con ở lại Sài Gòn, trong khi tất cả những người khác đều đồn lên xe. Vợ chồng tôi và con Bé Cù được mọi người dành cho hàng ghế đầu đằng sau lưng tài xế. Những người khác chen nhau ở hai hàng ghế phía sau chúng tôi, trong khi anh Chín và anh Bảy ngồi phía trên với tài xế và Minh Hải ngồi bên cạnh tôi. Tổng cộng là mười hai người, từ người lớn tuổi nhất là anh Chín trên sáu mươi tuổi cho đến Bé Cù nhỏ nhất mới có sáu tuổi, chưa kể bốn va-li lớn của chúng tôi chất đằng sau xe. Tôi không thể ngờ chiếc xe có thể chứa hết mọi người. Thế nhưng điều ấy chỉ là một chuyện nhỏ không đáng kể, không còn là chuyện lạ đối với tôi trong những ngày sau đó. Tôi còn thấy nhiều chuyện không thể ngờ khác, đôi khi rất phi thường và đáng thương, trong suốt những ngày hè về Việt Nam của tôi.

Trời vẫn tiếp tục mưa nhẹ, rơi lất phất xuống những con đường hẹp băng qua những khu phố tối tăm phảng phất mùi cống. Hơi gió mát đang lùa vào hai bên cửa sổ và tạt vào má tôi, cho tôi cảm giác dễ chịu giữa những người vừa thân vừa lạ. Tôi có tật ít nói, mà lại hay suy tư nhìn ra ngoài cửa sổ, nên vợ tôi phải đảm nhận công tác xã giao và tiếp tục những mẩu chuyện với các chị trong xe. Đàn ông thường không khéo ngoại giao, và cũng vì gặp người ít nói như tôi, các anh đang quay sang những mẩu chuyện riêng tư. Tôi nghe anh Chín nói chuyện với tài xế về những con đường ra miền Trung, trong khi anh Bảy đang bàn với Út Hải về những chiến thuật "đưa banh" và "chọt banh" qua hàng phòng thủ đang xảy ra trong giải World Cup tại Pháp.

Lâu lắm rồi tôi mới có dịp ngồi trong xe và được nhìn ngắm thả dàn,

mà không phải lo chuyện lái xe và đạp thắng cho người qua đường. Hình như người lái xe ở Việt Nam rất ít khi đạp thắng. Tôi thấy tài xế thường xuyên lái xe ở giữa đường và liên tục nhận kèn xe inh ỏi, để cho những chiếc xe gắn máy tránh vào hai bên lề. Ngoài bàn đạp ga xăng và bốn bánh xe, kèn xe có lẽ là bộ phận được sử dụng thường xuyên nhất trên xe. Tôi thấy lúc nào tài xế cũng nhấn kèn "te te", "te te" như hù dọa những chiếc xe khác đang phóng ở hai bên đường. Tại California, có lẽ một năm tôi không dùng kèn xe nhiều bằng năm phút của anh tài xế trên đường về Biên Hòa đêm hôm ấy.

Tuy đã hơn 1 giờ sáng, tôi vẫn thấy nhiều người xuất hiện lác đác dọc trên đường về Biên Hòa. Họ ngồi bệt bên lề đường, bên cạnh những hàng quán với dăm ba cái ghế nhựa. Có những người đàn ông gầy ốm, ngồi hút thuốc và chăm chú ngó xe của chúng tôi. Có những đứa trẻ ngồi một mình ngoài đường, bên cạnh cái bàn gỗ ọp ẹp với vài ba chai xăng bên trên. Các em đội nón che mưa và cũng nhìn theo xe của chúng tôi. Một vài phụ nữ ngồi đằng sau những tủ gỗ xiêu vẹo, dán đầy giấy quảng cáo thuốc lá, xăng và bột giặt quần áo. Họ cũng ngước nhìn chiếc xe lố nhố đầu người. Tuy gầy ốm trong những bộ quần áo bẩn nhàu, những người ngồi bên lề đường lại có vẻ rất tỉnh táo khi thấy xe chúng tôi chạy gần đến. Họ dường như không buồn ngủ, mặc dù nửa đêm đã đến từ lâu.

"Đêm khuya mà mấy người này vẫn ở ngoài đường để làm gì vậy cà?" tôi chợt hỏi bâng quơ giữa những mẩu chuyện ở chung quanh.

Tôi không nghe ai trả lời, không biết là vì câu hỏi quá nhỏ hay quá thừa. Đường ban đêm lúc nào cũng có người, có gì đâu mà phải thắc mắc. Ở Nam California, xe cộ vẫn chạy trên những xa lộ suốt đêm, cũng có những người thức trong những tiệm xăng mở cửa 24 trên 24. Ở bên ấy người ta lái xe đêm để đi chơi, đi giao hàng, người ta thức để bán hàng và bán xăng. Còn những người ở đây, trên con đường về Biên Hòa, tôi có cảm tưởng họ không bao giờ ngủ. Trông họ quen thuộc với những con đường, tựa như những cột đèn hoặc những bàn ghế, và tự nhiên tôi không thể tưởng tượng những con đường này thiếu vắng họ. Mỗi khi có người chăm chú nhìn lên chiếc xe đang chạy sát bên lề, tôi thấy có chút long lanh trong đôi mắt họ. Hình như họ đang chờ đợi một điều gì đó, có thể chợt đến vội vã và chợt đi mất hút như chiếc xe của chúng tôi.

Vợ tôi hỏi một câu, và tôi nghe anh tài xế nói rằng anh đang lái đường tắt về Biên Hòa. Qua những lời đối thoại của hai người, tôi được biết tài xế là anh Trung, người từng lái xe đưa gia đình đến đón vợ tôi trước đây. Anh làm việc với một hãng cho thuê xe tại Biên Hòa, và vì anh ta có quen biết với anh Bảy, gia đình vẫn thuê xe anh mỗi lúc cần đi đâu đó. Những

đường nước mưa đang chảy dài xuống kiếng, vừa chảy xuống vừa lao đao như muốn chạy ngược lên phía trên vì tốc độ phóng tới của xe, trong khi quạt kiếng không làm việc. Lòa nhòa đằng sau khung kiếng, tôi tiếp tục thấy những bóng người ngồi lác đác ở hai bên đường. Mùi khai vẫn thoang thoảng bám theo sát chúng tôi.

Từ phi trường Tân Sơn Nhất, chiếc Toyota đã len lỏi qua những con đường quanh co về hướng bắc, từ Quận Tân Bình qua Quận Gò Vấp. Trên Quốc Lộ 1A tôi vẫn thấy lác đác những hình người đứng yên lặng trong bóng tối. Sang đến Quận Thủ Đức xe rẽ trái tiến lên Tỉnh Lộ 1A, vẫn với tiếng còi "te te" và "te te" liên tục như trước. Một người chợt nói cho chúng tôi biết, "Sắp đến sông Đồng Nai rồi kìa."

Vài phút sau đó xe băng qua Cầu Mới, cũng "te te" tiếng còi trên cầu và bắt đầu tiến vào thị xã Biên Hòa, tôi bỗng cảm thấy nôn nao và nắm tay vợ đang ngồi bên cạnh. Nàng đưa tay vuốt lại mái tóc cho con gái và nựng hai gò má của nó. Dòng sông Đồng Nai đang loáng thoáng đằng sau mặt của hai mẹ con. Nhiều đêm chúng tôi đã từng nghĩ đến lúc này, lúc mà tôi thật sự về đến ngôi nhà trong một ngõ hẻm gần chợ. Tôi nhấp nhổm và ngoái cổ nhìn ra ngoài cửa sổ. Xe đã băng qua sông. Nhiều cửa tiệm đang đóng cửa im lìm, bên cạnh những bóng tối đen mà tôi loáng thoáng thấy có bóng người.

Xe vừa quẹo vào một con đường tối tôi chợt nghe vợ nói, "Đến chợ Biên Hòa rồi kìa anh." Biết rằng tôi là người duy nhất trên xe đang còn xa lạ với nơi mình đang đến, một người chị ở đằng sau cũng nói nhỏ, "Sắp tới nhà rồi Đạt." Lời nhắc đó nghe ngọt ngào vô cùng. Tôi muốn nghe lại một lần nữa. "Sắp tới nhà rồi Đạt."

Băng qua một ngã ba bùng binh, xe chạy thẳng đến trước một ngõ hẻm và dừng lại bên ngoài ngõ. Một chút ánh sáng giúp tôi nhận ra ngõ hẻm rộng khoảng sáu thước, vừa đủ rộng cho chiếc xe Toyota có thể lách mình vào bên trong. Nhìn vào con hẻm, tôi thấy đường đi hẹp dần lại và biến mất ở một khúc quanh. Từ đường lớn, chúng tôi lục tục đổ bộ vào khu xóm. Những anh chị em và mấy đứa cháu đã dành khiêng những hành lý và không cho chúng tôi được cầm lấy một thứ gì có thể làm nặng tay. Như một đội lính, mọi người đã hăm hở tiến vào ngõ hẻm, vừa nói chuyện rộn ràng và vừa nhắc nhau tránh những vũng nước lớn giữa đường. Trời đã tạnh mưa và để lại những luồng gió mát nhè nhẹ.

Ba người khách chúng tôi đã được hộ tống giữa những tiếng cười nói. Mấy đứa nhỏ đã nhanh chân đua nhau đi ở phía trước. Vừa nhanh nhẩu bước, các em vừa dắt theo Bé Cù như một "chiến lợi phẩm" sắp được khoe với những người ở nhà. Đằng sau vợ chồng tôi là các anh chị đang

rảo bước theo và có lúc im lặng như chia sẻ những giây phút hạnh phúc mà chúng tôi đang tận hưởng. Họ mỉm cười với nhau khi thấy tôi nắm tay vợ một cách thân mật và âu yếm. Có lẽ chúng tôi "Mỹ" quá chăng? Thật sự cũng chưa "Mỹ" lắm đâu, vì chúng tôi còn thiếu một nụ hôn ở nơi công cộng. Đi được khoảng một trăm thước chúng tôi đã đến trước cổng nhà. Tôi thấy vợ đang bấn lên với niềm vui. Nếu đã từng đi đi về về qua cánh cửa này, từ ngày mới bước chập chững nhìn ra ngoài đường cho đến khi rời quê hương, chắc chắn tôi cũng bấn lên trong sự vui mừng như nàng. Tiếng chó sủa om sòm từ bên trong sân cộng với tiếng người reo vui mang đến một cuộc hội ngộ đầy huyên náo tại cổng nhà. Có lẽ dăm ba người hàng xóm nào đó chắc đang mất ngủ, vì màn sum hợp vào 2 giờ sáng của chúng tôi. Nếu đang ngủ trong lúc này, chắc tôi cũng không thể nào có được một giấc mơ đẹp hơn.

Giữa những người đang đứng ở ngoài sân, tôi thấy có hai bà cụ gầy ốm đang đứng yên nhìn chúng tôi. Một bà đang tròn xoe đôi mắt to đằng sau cặp kính cận dày. Bà mặc bộ áo bà ba hàng gấm màu trắng, di chuyển chậm chạp, và qua đôi mắt tròn đen của bà, tôi biết chắc bà là mẹ vợ tôi. Má! Tôi nghe vợ tôi kêu lên và ôm chầm lấy bà. Hai mẹ con mắt đỏ hoe. Má đang đứng yên trong vòng tay của vợ tôi. Tôi tiến đến thật gần và rồi nắm tay má. Bàn tay má gầy xương và mềm. Tôi nói nhỏ cho má nghe, "Chúng con về nhà thăm má." Có lẽ vì quá xúc động, má không nói nên lời và chỉ khóc nhìn chúng tôi. Bé Cù đang đứng bên cạnh mẹ và được bà ngoại vuốt đầu. Ba người đứng sát bên nhau, và trong một thoáng giây, tôi thấy họ rất giống nhau.

Bà cụ thứ nhì cũng khoảng tám mươi tuổi và lưa thưa tóc bạc. Bà mặc áo bà ba ngắn tay và quần đen, đứng hơi khòm lưng nhưng đôi mắt còn liếc nhìn rất linh động. Bà bỗng nhìn tôi cười và "khoe" hàm răng thưa đang nhai trầu ở một bên. Tôi mỉm cười và nhận ra người này là ai. Má Sáu. Tôi cũng nắm chặt bàn tay của má Sáu. Bàn tay má Sáu gầy xương nhưng rắn chắc hơn tay má. "Con nghe Minh Thủy nói rất nhiều về má Sáu. Hôm nay con mới được gặp má." Tôi nói nhỏ và hơi ấp úng với má Sáu, y như mới đến nhà bạn gái lần đầu để mời nàng đi ăn kem.

Bà lão nhai trầu bỗng nói, "Tao đâu dè chồng Minh Thủy trông hiền lành quá chừng." Má Sáu cười tôi, rồi hối tụi tôi, "Mấy đứa vô nhà ăn cơm. Đi xa dìa chắc đói bụng lắm à." Tuy bụng còn ọc ạch những món ăn lạ trên phi cơ, tôi cũng muốn vô nhà ăn cho má Sáu vui. Vào lúc bấy giờ tôi chưa biết mời ăn là thói quen đáng mến nhất của má Sáu, và tôi cũng không biết má Sáu có thể xào nấu được các món ăn cho nhiều người vào bất cứ lúc nào trong ngày, kể cả vào nửa đêm như lúc này.

Vào đến trong nhà, đám người lớn tụ tập xuống dưới bếp và ngồi chung quanh hai bàn tròn, trong khi tôi đi theo vợ ra sau nhà để rửa mặt. Đó cũng là đầu tiên tôi thấy lại một lu nước trong hơn hai mươi ba năm. Trong lần cuối cùng tôi có thể đứng trong lu nước và ló cái đầu ướt nhẹp ra ngoài. Lần này tôi đứng xem con gái biểu diễn màn múc nước và chỉ dẫn cho tôi biết nước trong lu này từ đâu ra. Nó đã từng về đây trước tôi và còn nhớ nhiều thứ trong ngôi nhà này. Nó chỉ cho tôi xem một ống nước to bằng ngón tay và được treo lòng thòng bằng dây kẽm chạy quanh tường nhà. Con bé đã trố mắt nhìn khi nghe tôi nói rằng lúc còn bé tôi thường vớt những con lăng quăng trong lu nước và cho cá ăn. Lu nước đã mang đến cho tôi một cơn mát dịu kỳ lạ, khi tôi múc và vốc nước lên mặt. Trong ngôi nhà cũ và chật này, tôi bắt đầu nhận ra nhiều thứ quen thuộc khác, cũng mát dịu và êm đềm như lu nước ở sau nhà. Một chiếc võng đong đưa giữa hai cột nhà. Một giường đi-văng nằm im lìm gần khung cửa sổ. Đôi dép lẹp xẹp trên bàn chân của một người mẹ trong nhà. Và tiếng người cười nói vui nhộn ở dưới bếp như một ngày giỗ ông bà tổ tiên.

Trong lúc tôi còn đứng xớ rớ đằng sau nhà, vừa rửa mặt vừa tìm lại quá khứ, vợ con tôi đã biến mất trong một căn phòng nhỏ dành riêng cho chúng tôi. Bé Cù bỗng thò đầu ra ngoài khung cửa và nhắc tôi mau mau vào thay đồ. Trước khi xuống bếp và tham dự bữa ăn đầu tiên với mọi người, má vợ tôi nhắc chúng tôi đến thắp nhang trước bàn thờ Phật và bàn thờ ông bà trong phòng khách. Lúc khấn vái, tôi cũng thầm tạ ơn những người khuất mặt đã giúp cho chúng tôi được trở về bình an. Cũng may bọn tôi không bị rớt xuống biển và xuất hiện trên màn ảnh computer của đứa con trai lớn. Cũng may vợ chồng tôi chưa bị tốn kém quá nhiều và chưa bị "mấy ông ấy" kiếm chuyện. Và cũng may chúng tôi còn một nơi để trở về trên quê hương.

Thấy chúng tôi vừa khấn vái xong, mọi người dưới bếp đã lao nhao mời gọi tụi tôi vào bàn tiệc. Tuy bếp chỉ rộng khoảng bốn thước ngang và khoảng sáu, bảy thước dọc, khoảng trống còn lại giữa những lò bếp và trạn đựng thức ăn cũng rộng đủ cho hai bàn tròn và dư chỗ ngồi cho ba thành viên mới về. Trên mười người khác trong nhà đã ngồi hoặc đứng chung quanh hai bàn. Vợ con tôi đã mau chóng ngồi vào bàn của phái nữ, trong khi tôi được mọi người "chỉ đạo" ngồi vào ghế "chủ tọa" bên bàn của phái nam. Cạnh ghế trống quan trọng này là anh Chín và anh Bảy, hai vị trưởng thượng nhất trong nhóm đàn ông có mặt.

Tôi có tính nhát và rụt rè ở nơi đông người. Khi thấy mọi người đang chú ý đến mình, tôi càng ngượng ngùng hơn trong lúc tìm cách lách chân vào ghế nằm sát trong tường. Có lẽ vì lúng túng, trong lúc vịn tay vào ghế

của anh Chín và trườn tới trước, tôi đạp bừa lên chân anh, khiến cho anh phải rụt chân lại vào trong gầm bàn. Tôi mới ngồi xuống, ngượng ngùng chưa biết phải cầm chén bát ra sao, vợ tôi liền nhắc tôi mang mấy món quà ra tặng các "bạn trai" mới của tôi. Tôi lại đứng dậy, đạp lên chân anh Chín một lần nữa và bước ra ngoài. Đến khi trở lại bàn với một hộp thuốc lá Dunhill, tôi thấy anh Chín đã co chân lại "để cao cảnh giác" và nghe Việt kiều lúng túng nói "sorry" nho nhỏ trong miệng. Tôi đã cẩn thận cầm hai tay và biếu anh Chín một gói thuốc lá, trước khi biếu những người còn lại trên bàn mỗi người một gói. Nghe nói đàn ông nào ở Việt Nam cũng hút thuốc, vợ chồng tôi đã mua thuốc lá tại phi trường Hán Thành và mang về Biên Hòa. Vợ chồng chúng tôi về quê hương với quá ít quà tặng người thân, và chưa gì chúng tôi đã nhận lại nhiều hơn.

Trong bữa ăn, tuy không đói, tôi cũng không ngờ mình ăn được rất nhiều. Vừa ngồi vào bàn là tôi được má Sáu bưng cho một tô bánh canh nóng hổi. Không có gì ngon miệng bằng húp được nước canh trong, ngọt sau một chuyến đi xa. Lúc ăn thêm miếng giò heo và nuốt những cọng bún trắng trơn tuột, tôi được mọi người cho biết bánh canh là một món nổi tiếng của Biên Hòa. Trước năm 1975, nhiều người Sài Gòn đã tìm đến những quán ăn dọc theo bờ sông Đồng Nai, để thưởng thức món bánh canh, đầu cá hấp tuyệt vời. Tôi đang được ăn bánh canh, với những cọng bún mua từ một lò nấu ở ngay trong con hẻm nghèo này.

Chưa ăn hết bánh canh, tôi được má nhắc tôi ăn thêm món gỏi gà. Những lần ngước mắt lên nhìn chung quanh, tôi đều thấy má Sáu chăm chú nhìn tôi ăn, như chuẩn bị đút thêm cơm cho ông rể mới của nhà này. Cũng có thể má Sáu lo ngại bụng "Mỹ" của tôi không chịu được các thứ lạ miệng. Thật sự thì tôi không ngờ ăn những món nấu ở nhà này lại ngon miệng hơn ăn ở tiệm. Tiếng nói chuyện rộn ràng của mấy anh chị em, tiếng cười nói chuyện mấy đứa cháu, và những ánh mắt mến thương của hai má đã cho chúng tôi một bữa ăn đầu tiên đầy gia vị ấm cúng. Các anh đã mang một chai rượu quí đến bàn và mời tôi cụng ly trong tình huynh đệ. Vợ tôi và chị Sáu cũng nhấp một tí rượu với mấy ông. Tôi đã ăn no và uống say. Tuy rằng chỉ mới bước chân vào nhà chưa đầy một tiếng đồng hồ, tôi đã biết nơi đây cũng sẽ thân quen như nhà của tôi. Trong đêm ngủ đầu tiên ấy, tôi đã không chợp mắt được lâu, không biết vì lạ nhà, chưa quen với giờ mới, hay vì tôi đã nôn nao và chờ đợi những ngày sắp tới, với những hình ảnh, âm thanh và hương vị của một xóm Biên Hòa mà tôi muốn thấm nhập vào các giác quan của mình. Tôi đã thao thức với những giấc mơ thú vị.❐

Xa lộ

Ngụ Thuyết

Anh lái xe quẩn quanh tìm đường ra xa lộ 5. Ban đêm đèn loang loáng, thành phố lạ, khó nhìn thấy bản tên đường, anh đi lạc. Anh đi nhiều, rất quen thuộc các xa lộ, nhưng chạy trên những con đường chằng chịt trong những thành phố lạ mà không có sẵn bản đồ trong tay thì lúa ngay. Lúa hay lúa vàng cũng chừng ấy chuyện, phải không Hương?. Dạ, em không biết tiếng lóng đó. Đúng, hồi đó em còn nhỏ xíu biết thế nào được. Đi mãi một hồi anh lại trở về mấy con đường cũ, Montague Road, rồi Kelly Street, rồi Westinghouse Street. Thế mà mình cứ tưởng San Diego là lòng bàn tay! Nhìn đồng hồ. Hơn 10 giờ. Không khéo phải quay lại nhà Hương. Để xin ở qua đêm? Để ngồi xem Hương ngủ? Để từ đó định lại phương hướng tìm đường về? Cù lần. Cù lần lửa. Mà đã chắc gì tìm đúng đường đến nhà cô nàng! Tìm tiếp đi, tìm tiếp đi. Những khu phố vắng teo, đèn sáng lạnh. Chắc giờ này Hương đã lên giường. Con nhỏ chẳng lịch sự chút nào. Dạ, em thường đi ngủ giờ này để mai còn dậy sớm đi làm. Mà trước khi đi ngủ, phải tắm. Hơi khuya rồi đó, thưa anh . Đuổi trắng trợn thế sao! Nhỏ lúc này ngoan cố như heo! *Pigheaded!* Trước kia như cục bột mình tha hồ nặn.

Anh cảm thấy sường sượng sau gáy. Nhìn kính chiếu hậu. Ánh đèn lóa. Dáng một chiếc xe màu đen chạy sát đít. Thấy mẹ rồi, mình chạy hơi nhanh, xe cảnh sát! Anh giảm tốc độ. Chiếc xe đằng sau lồng lên như ngựa chứng. Anh định tấp vào lề đường chịu tội. Chiếc xe bỗng đổi qua dòng bên phải, qua mặt sát rạt; tên tài xế thò đầu ra chửi thề, cánh tay trái vung ra khỏi cửa kính chìa ngón tay giữa. Vèo một cái, chiếc xe đã mất hút cuối con đường vắng. Chắc là tụi hiếp dâm, tụi buôn lậu, tụi khủng bố, tụi cướp cạn, tụi vượt ngục... Đ.M. nó. Anh chửi thành tiếng. Nếu có súng tao bắn bỏ. Anh có thói quen chửi thề, dọa dẫm. Nếu có súng trong

tay có lẽ anh không bắn. Có lẽ? Nghĩa là có thể bắn? Ở cái đất này dọa là thiệt, hoặc bị coi là thiệt. Rồi đi tù, rồi ghế điện, máy chém, pháp trường cát? Ờ mà Mỹ có pháp trường cát không nhỉ? Lo con bò trắng răng! Đối với Hương anh cũng thường hay dọa. Nhưng cảnh sát ở đâu cả, sao không đuổi theo chiếc xe đó. Giờ này đã ngủ kỹ chắc? Và Hương cũng thế, giờ này chắc đã tắm xong, toàn thân nước lấm tấm từng hạt, ướt không sót một nơi nào. Khăn lông lau lau. Và đã lên giường ? Hương chắc đang ngủ trong bộ đồ lụa mỏng gởi từ Việt Nam, tơ tằm đó anh, trời nóng chẳng cần chăn đắp, đầu nghiêng qua mé trái lộ chiếc cằm xinh, tóc xõa trên chiếc gối trắng tinh thêu hình trăm con chim mộng, hai cánh tay trần nõn nà lông măng tơ, một cánh buông duỗi úp bàn tay trên tấm nệm êm như nhung ngón thon thon ngón duỗi ngón co, một cánh đặt lên trên chiếc bụng che một phần tà áo hở bên dưới lồng ngực phập phồng, và lớp vải mỏng dán vào đùi, vào phía trên đùi. Cứ thế, cứ thế... Ước gì anh được thấy Hương ngủ một lần! Anh thèm Hương. Phải chi lúc nãy Hương chỉ cần hiếu khách một tí ti thôi anh sẽ muối mặt ngồi lì. Nói ra sợ anh giận nhưng em cũng phải đánh liều mà nói cho xong chuyện. Xin anh đừng tới nữa! Nếu anh còn tới... dạ... dạ... em không dám tiếp. Thế là hết! Anh không thể nào ngờ đến cái kết thúc lại xảy ra như thế.

Con đường rộng thênh thang, vắng, dài hun hút. Một chiếc xe khác lại qua mặt, một cánh tay lại thò ra khỏi cửa kính chìa ngón tay giữa. Anh cau có chửi to, *Fuck you! You rotten bastard.* Chạy một quảng anh chợt thấy bản hiệu bên đường cho phép tốc độ 50 miles một giờ. À ra thế, mình lái xe rùa bò chọc nhột thiên hạ. Xin lỗi! Xin lỗi! Anh tăng tốc độ.

"Ngón tay giữa chìa lên nghĩa là gì, em biết không?"

"Dạ."

"Thì nói đi."

Hương im lặng.

"Chắc em không biết. Để anh giảng cho em nghe."

"Dạ."

"Chìa ngón tay giữa lên nghĩa ..."

"Không, em biết mà. Anh đừng trêu em, em biết từ hồi mới qua."

"Sao lại có chuyện đó được?"

"Dạ, vậy đó. Phải học những tiếng chửi trước. Lỡ bị chửi mình thì mình biết mà, mà... Bằng không tưởng được khen rồi dạ dạ, cám ơn. Kỳ lắm. Hồi mới qua em đã hiểu nào *dammit*, nào *fuck you*, nào nào chìa ngón tay giữa. *Fuck you* là chìa ngón tay giữa phải không anh? Nhưng *xanavôbít* thì chịu thua."

"Xanavôbít? Tiếng nước nào? Tiếng Lào hả? Chắc em lộn rồi, chắc

là *Xavanakhẹt*?"

"Dạ, em không lộn đâu. Người Mỹ nói mà, *Xanavôbit* "

"À, à, *son of a bitch*." Anh cười lớn.

"Nghĩa là gì, anh?"

"Đồ chó đẻ."

"Ủa, anh mắng em?"

"*Sorry*. Anh muốn nói *xanavôbít* nghĩa là đồ chó đẻ."

Anh nhớ quay quắt những kỷ niệm đầu tiên với Hương. Thế ra mình đã yêu con nhỏ? Mà mình cũng không thể nào quên Polina? Anh chạy hơn một tiếng đồng hồ chưa tìm được đường ra xa lộ. Kim chỉ bình xăng đến mấp mé chữ E. Không sao, kẹt quá thì tìm nơi nào đèn thật sáng đậu lại hạ chỗ dựa lưng thấp xuống ngủ ngồi qua đêm. Sáng mai đi tiếp. Bỗng nhiên thấy đói cồn cào, anh với tay lấy gói hột điều. Hồi chiều anh mời Hương đi ăn. Hương từ chối. Vừa nhai hột điều, vừa tu chai nước lọc, vừa tìm băng nhạc Hương thích cho vào máy cassette. Nhạt thếch. Anh chưa thể nghe được thứ nhạc Hương thích. Anh tắt.

Hồi mới qua đất Mỹ anh sống tại một tiểu bang lạnh, tiểu bang Minnesota. Anh thuộc lớp người đầu tiên di tản trong biến cố 1975. Có lạc lõng không? Như con gà con mất mẹ? Như con chim nhỏ lạc bầy? Mất hướng? Hụt hẫng? Ngơ ngáo? Hoảng hốt? Những câu hỏi đó thường được nghe nói và anh đã có sẵn những câu trả lời cho riêng anh. Bỏ nước mà đi trong phẫn uất, trong nhục nhã, anh cắn răng chịu đựng và khăng khăng nuôi một số ý định.

Qua một thời gian ngắn khó khăn ban đầu, anh gặp may. Anh được hai cô sinh viên Mỹ đùm bọc. Maggie trạc tuổi anh, tóc vàng, mắt xanh quyến luyến nồng nàn, và Simonne nhỏ hơn anh bốn năm tuổi gì đó, rất duyên dáng, giọng nói còn mang âm hưởng tiếng Pháp nghe thật du dương. Cả hai thuộc loại *avant garde* như Simonne thường nói, theo ngành hội họa, thích tranh hiện đại trừu tượng của những tên tuổi lạ hoắc đối với anh như Doreane Conrad, Glinski Andrew...và cả hai đều tận tình tìm việc làm cho anh, mất việc này có việc khác ngay – làm cỏ, rửa chén bát, phụ thợ sơn, khuân vác tại nhà kho công ty xe đạp, phát báo, và cuối cùng gác dan. Anh vừa đi làm kiếm sống vừa đi học Computer lớp đêm, dù anh mới chân ướt chân ráo đến Mỹ, tiếng Anh còn bỡ ngỡ. Hai cô cho ở chung và giúp phương tiện đi lại.

Tình yêu đến với anh và Maggie nhanh chóng, dễ dàng. Dần dà anh yêu cả Simonne, giấu không cho Maggie biết. Có lúc cảm thấy ngường ngượng anh nói với Simonne, *I feel guilty*. Simonne cười lặng lẽ. Sau một

thời gian không lâu, Maggie biết chuyện đó. Anh lúng túng, ngại ngùng. May cho anh, Maggie rất rộng lượng, vui vẻ chấp nhận. Anh có hai người yêu, không ghen tương, đồng thời, suồng sã. Anh rạc cả người, bỏ nhiều buổi học lớp đêm. Tình cờ một hôm anh bắt gặp hai cô yêu nhau. Thế mà đối với anh Maggie vẫn nồng nàn, Simonne vẫn làm duyên. Chỉ có anh bẽn lẽn như cô dâu ngày xưa khi mới về nhà chồng. Cuộc sống tay ba cứ thế tiếp tục xuôi dòng cho đến một hôm anh cảm thấy mình như một món đồ chơi càng ngày càng nhàm chán. Anh từ giã hai cô, thuê một căn phòng nhỏ gần trường, cố học cho hết khóa Computer. Thỉnh thoảng nhớ hai cô, anh gọi điện thoại. Giọng trả lời reo vui. Nhưng Maggie và Simonne không bao giờ gọi lại anh. Anh buồn bực một thời gian. Anh cố quên. Nửa năm sau, anh dời qua sống tại tiểu bang Massachusetts, ghi danh vào học tại một trường Đại học lớn thuộc thành phố Boston.

Tiền dành giụm, anh mua được một chiếc xe hơi cũ . Mượn của nhà nước được một số tiền lớn, anh khỏi cần đi làm việc thêm như hồi còn ở Saint Paul, Minnesota. Anh dồn hết thì giờ vào việc học. Anh nhận thấy rằng bằng cấp cao là chìa khóa mở được nhiều cánh cửa kín bưng mà anh ao ước bước qua. Bốn năm sau anh tốt nghiệp kỹ sư điện toán vào hạng xuất sắc. Trong những kỳ nghỉ hè, nghỉ cuối học kỳ, nghỉ lễ, anh rất tích cực tham gia vào những sinh hoạt của sinh viên, của cộng đồng, cắm trại, công tác xã hội, du ngoạn v.v... Hội nhập, vâng, phải hội nhập toàn diện, nhanh chóng, anh thầm nhủ.

Qua thời gian, anh nghiệm ra rằng không phải tất cả các cô gái Mỹ đều là Maggie và Simonne, không phải mọi người đàn ông đều có thể gặp may, hay rủi, như anh. Cuộc sống ở xứ này qúa đa dạng, qúa phức tạp, ngoài sự hiểu biết của anh. Trong nhiều cuộc họp mặt, cắm trại, ăn uống, khiêu vũ, anh cố gắng cười đùa, múa may, la lối làm sao cho giống bạn bè quanh mình, nhưng anh biết rằng không dễ gì đạt được mục đích đó. Anh thường lúng túng. Càng cố gắng càng sượng sùng. Chỉ có chửi thề anh không cần tập luyện. Đ. M. tụi nó lại bô bô bố láo. Gallaher say sưa tả vô số món ăn Ái Nhĩ Lan đậm đà, thơm tho, chỉ nấu từ củ khoai tây mà thôi; Philip ca tụng âm thanh nỉ non, sầu thảm nhưng rất oanh liệt của chiếc kèn bagpipe Tô Cách Lan ố tụi mày đã biết rồi chứ, tiếng kèn *bagpipe* đã từng đánh gục Napoléon trong trận Waterloo, đã làm điên đầu quân Hitler, vân vân và vân vân; Hernandez cho rằng không có môn thể thao nào trí tuệ, hào hùng, cao cả, đấm say bằng môn đấu bò rừng; Sato vốn ít nói nhưng khi đã say máu ngà là thao thao bất tuyệt về nghệ thuật uống trà của người Nhật . Anh nhận thấy bọn chúng tự hào một cách qúa đáng về những gì liên hệ đến quê hương cũ của chúng. Và cường điệu. Còn anh?

Anh không muốn nghĩ ngợi lôi thôi. Quên, phải quên . Hành trang nặng thêm vướng bận, anh tự nhủ.

Một lần, nhóm bạn bè khá thân yêu cầu anh nói về gốc gác của mình. Anh là người Việt duy nhất trong nhóm. Anh tìm cách tránh né. Con nhỏ Susan cười khẩy:

"Cần gì phải hỏi. Nó là người Tàu! Hoặc là một bộ tộc của Tàu thì cũng là Tàu chứ gì."

Anh lớn tiếng:

"Mày nói đùa đó hả? Không biết thì câm mồm! Đâu phải người Á châu nào cũng là Tàu!?"

"Vậy là gì? Nhật chắc?"

Chẳng đặng đừng, anh đáp:

"Không, không, tao ... Việt Nam."

Dăm ba tiếng xì xầm. Thằng Daniel tỏ ra thành thạo:

"Việt Nam, tao biết. Anh tao có đi đánh giặc bên đó. Việt Nam là Saigon chứ gì. Nam Bắc đánh nhau như Korea, tao biết. Đánh nhau lâu lắm. Nhưng mà... cuối cùng thế nào tao quên mất. Nam chiếm hết Bắc phải không mày? "

Anh im lặng. Anh không muốn giải thích dài dòng. Tưởng như thế là thoát nợ, nhưng bọn chúng cứ đòi anh phải trình làng vài nét đặc thù của Việt Nam. Mình có gì, anh lẩm bẩm. Chém giết nhau? Hủy hoại nhau? Bôi bẩn nhau? Nhục mạ nhau? Đểu cán! Tàn độc! Những con tốt thí dấy máu ăn phần mà cứ tưởng bở. Vênh vang, tự đắc, trơ trẻn. Hay thử bắt chước thằng gốc Ái Nhĩ Lan – Mày có đủ các món ăn từ *potato* thì tao cũng từ *noodle* sản xuất đủ bộ dân ca ba miền Phở Bắc, Bún Bò Huế, Hủ Tíu Mỹ Tho. Anh ngập ngừng. Thằng Daniel nhanh nhẩu:

"Come on, come on! I know you guy. Talking about Fo again, aint you?"

Phở ! *Son of a bitch!* Tên chó đẻ này chận họng mình rồi. Anh cụt hứng. Anh buột miệng:

"Tất cả im lặng. Tao hát một bài Việt Nam cho chúng mày nghe."

Anh hát không hay nhưng anh biết hát. Hồi mới bỏ nước ra đi, anh cố nhớ lại những bài hát anh thích và cặm cụi chép tay. Nhớ được dăm ba câu anh cũng chép. Anh chỉ chép lời, sợ một ngày nào, quên hết. Anh đã có kinh nghiệm đó: " Có sợi tóc nào bay- trong trí nhớ nhỏ nhoi- không còn không còn ai..." rồi gì nữa? " Khi còn là thiếu phụ- thơm như nhành ngọc lan- đến nay già tóc trắng..." rồi gì nữa? " Suối ơi- ôi nguồn yêu mến- còn ghi khi bóng ai tìm đến..." rồi gì nữa? Âm điệu thì anh nhớ. Cho nên anh chỉ cặm cụi chép lời. Hồi đó anh nghĩ rằng đối với qúa khứ

nặng nề anh vừa lìa bỏ, có lẽ anh chỉ cần nhớ mấy hát anh thích. Thế thôi. Anh còn phải để hết tâm trí làm lại cuộc đời. Nhiều lúc ngồi một mình anh hát những bài hát cũ cho mình nghe, không lựa chọn, bài hát nào chợt hiện lên trong trí là phát ra thành lời nơi cửa miệng. Có khi nước mắt muốn chảy, anh chửi thề. Anh đã có thói quen chửi thề, nhất là khi không có ai bên mình. Những tiếng chửi thề càng tục càng dễ nén được những xúc động không đâu. Và lòng anh trở lại dửng dưng. Nhưng bây giờ lỡ hứa hát cho tụi nó nghe thì phải hát bài gì đây? *OK? OK? Sing a song! Come on! Sing! Sing! What're you waiting for, baby?* Yên, yên nào. Đ.M., tụi mũi lõ ồn ào quá. Tao đã hứa hát là tao hát. Anh buột miệng hát: Đêm nay thu sang cùng heo may– đêm nay sương lam mờ chân mây– thuyền ai lờ lững trôi xuôi dòng– như nhớ thương ai chùng tơ lòng ... Cảm xúc của câu này kéo qua câu khác, tiếng hát có một chút hồn. Trong đám người ngồi nghe dửng dưng có vài cô gái Mỹ chăm chú. Anh hát xong, Cynthia đến bên cạnh nhỏ nhẹ:

"Bài hát tên gì vậy?"

"Con Thuyền Không Bến."

"Nghĩa là gì?"

"Cần gì nghĩa."

"Nhưng là loại nhạc buồn phải không anh."

"Cứ cho buồn là nó buồn, cho vui là nó vui ngay."

"I know, I know."

Anh rủa thầm, Biết biết cái đ. gì. Chính mình đ. biết mình nói cái đ. gì mà nó lại đòi biết biết.

"Tôi thấy anh thường gắt gỏng như ông già khó tính, hóa ra cũng biết hát nhạc buồn. *A big surprise to me.*"

"Thế à. Vậy lần sau tôi tìm nhạc vui hát."

Đằng xa trước mặt có lẽ là trạm xăng. Đúng. Anh ghé lại. Sáng choang và vắng. May quá, cây xăng phục vụ 24 trên 24. Đổ đầy, thế là yên tâm, dùng thẻ tín dụng cà, đến quầy trả tiền hỏi đường. Một người Mễ sau tấm cửa kính dày, đôi mắt cảnh giác, nói qua máy, tôi mới làm ở đâymột cặp ngày, không rành đường, *sorry*. Đ.M., cám ơn. Ra khỏi trạm xăng anh chọn con đường lớn, đường Linda Vista Road. Anh lẩm bẩm, không lẽ con đường lớn này cũng không chịu dẫn mình tới một *freeway* nào sao . Ăn hết gói hột điều, uống cạn chai nước lọc, bụng đỡ cồn cào. Anh thay băng nhạc, lại cho vào máy cassette một băng nhạc Việt khác vừa mới mua, định tặng Hương, rồi quên. Anh mong trong băng nhạc này có một bài hay là đủ. Thường anh thất vọng. Nhớ lại hồi mới qua xứ này

moi óc ra mà chép nhạc cũ vào tập vở bìa dày, dọn nhà đi đâu cũng không bao giờ quên mang theo. Bây giờ tha hồ. Nhạc tiền chiến, hậu chiến, phản chiến, hùng ca, tâm ca, đạo ca, tục ca, hoài cổ ca, miệt vườn ca, tình ca, tha hương ca... gặp mùa sung mãn, mọc lên như nấm. Vàng thau lẫn lộn, may thay có vàng, mà vàng thì hiếm là chuyện thường, thì...thì mình cứ càm ràm hoài làm gì cho mất lòng Hương.

"Sao em cứ thích nghe những bản nhạc anh không biết sắp vào loại gì đây. Vui? Chắc chắn không vui rồi. Mà buồn cũng không phải. Thà nó buồn thiệt đi để vuốt ve trái tim. Đằng này cứ rề rề, tỉ tê, nỉ non, nhão nhẹt...Em đồng ý không nào."

"Dạ."

"Nghĩa là em đồng ý? Mà vẫn cứ thích nghe?"

"Dạ. Nhưng ... nhưng ... bây giờ anh đã Mỹ hóa chứ hồi mới qua đây anh cũng giống như em."

"Giống thế nào được!"

"Để em nói cho anh nghe. Hồi còn ở bên nhà em đâu thích loại nhạc này. Qua đây khác. Qua đây mà còn được nghe những bản nhạc đó tự nhiên em cảm thấy yên tâm. Như thể là không có gì thay đổi ghê gớm, có bà con bạn bè chòm xóm quanh quẩn đâu đây..."

"Có gì nữa, nói tiếp!"

"Có gà vịt chó mèo xúm xít. Có cây tre, cây chuối, cây khế, cây dừa, cây cau. Có con sông, có cánh đồng... Có nhiều thứ lắm anh à."

Đằng xa loang loáng bản hiệu chỉ tên xa lộ. Anh lái chậm lại. Đúng là bản chỉ freeway. Anh nhìn kỹ - Xa lộ 8 chứ không phải 5 freeway. Anh thở dài nhẹ nhõm, nhập vào xa lộ và chọn đại hướng đông. Anh đi nhiều, anh biết nhiều xa lộ, anh nhớ chắc chắn rằng xa lộ 8 sẽ cắt 5, 163 và 805. Gặp một trong ba xa lộ đó rồi cứ việc lấy lấy hướng bắc. Lỡ vô ý đi hướng nam sẽ lạc về Mễ.

Mễ! Như cuốn phim quay lại trước mắt. Polina của anh! Nhớ, nhớ, và nhớ. Trước khi sống với Polina, không phải anh không có những mối tình lẻ, những mối tình đến nhanh chóng dễ dàng và đi cũng không chút vướng bận. Nhưng với Polina thì khác. Polina của những ngày vui, ngày buồn, của hạnh phúc và đau khổ và tiếc nuối. Polina của cặp mi dài hạ thấp xuống mỗi lần nàng muốn nói điều gì đòi hỏi anh phải chú ý:

"Em biết tại sao anh thích đi Mễ."

"Tại sao?"

"Tại ... Thôi anh, em không diễn tả được đâu."

"Có gì trong lòng em cứ nói hết cho anh nghe đi. Tại sao?"

Nàng nhìn anh thật lâu, im lặng. Anh không hỏi tiếp vì chính anh cũng đang muốn tránh điều đang làm anh bứt rứt.

Anh yêu Polina, muốn tính chyện lâu dài. Anh chưa biết gốc gác của nàng. Một lần Polina hỏi anh thích Chopin không, nàng sẽ đánh vài bài cho anh nghe. Nàng chơi *piano* hay, suốt một buổi tối cho anh nghe những bản *mazurkas, nocturnes, polonaises,* và cuối cùng là những *ballades* tình tứ, lãng mạn . Anh không hiểu mấy, nhưng anh thích. Tên nàng là Polina, gốc Ba Lan chắc. Anh hỏi. Nàng cười:

"Mình là người Mỹ, như thế chưa đủ sao. Gốc nào cũng vậy thôi."

"Vâng, đồng ý với em. Nhưng em đã biết anh gốc Việt Nam thì anh cũng tò mò muốn biết một chút về gốc của em."

Nàng nhìn anh, mỗi khi nói chuyện gì quan trọng, nàng nhìn thẳng vào anh, đôi mắt màu tím như sóng gợn :

"OK, em rán trả lời anh nhé. Cái tên Polina có lẽ cho thấy một phần nào xuất xứ của em. Tổ tiên của cha gốc Azerbaijan, mẹ pha trộn nhiều giống của miền Đông Âu, Bắc Âu . Em sinh ra và lớn lên tại nước Mỹ, thuộc thế hệ thứ tư ."

Anh cau mày lẩm bẩm:

"Polina, Poland, Pologne, thế em không phải gốc Ba Lan?"

"Không."

"Azerbaijan, cái tên lạ qúa."

Nàng tươi cười:

"Trước kia em cũng không biết cái tên đó. Từ ngày Azerbaijan độc lập vào năm 1991 sau khi Liên Xô sụp đổ, em mới tò mò tìm hiểu. Nó nằm phía tây biển Caspian, thủ đô là Baku nổi tiếng về dầu hỏa. Chuyện ly kỳ là suốt dòng lịch sử thật dài, đó là vùng tranh chấp của những danh tướng thời xưa như Pompey của La Mã, A-lịch-Sơn Đại Đế xứ Macedona, rồi Thành Cát Tư Hãn của Mông Cổ...Về sau Nga và Thổ Nhĩ Kỳ tranh nhau thống trị. Mãi đến năm 1918 Azerbaijan mới hoàn toàn độc lập, và chỉ được hai năm lại bị Liên Xô chiếm. Hai năm hoàn toàn độc lập trên dòng lịch sử hơn 2000 năm! Anh thấy lạ chưa. Nay, tức là kể từ 1991, Azerbaijan độc lập trở lại. Không biết sẽ kéo dài bao lâu . Em đọc lịch sử của Azerbaijan như đọc chuyện cổ tích, thế thôi. Nhưng anh thì..."

"Thì sao, em nói đi."

Nàng khẻ cúi đầu, hạ đôi lông mi thật dài như muốn che kín một ý nghĩ chưa tiện bộc lộ ra hết:

"Thì khác. Em biết. Trời cho em cái năng khiếu đó... yêu anh em biết

hết về anh, khỏi cần tra hỏi."

Những đợt sóng người tỵ nạn Việt Nam đến Mỹ càng lúc càng đông ở rải rác khắp nơi, dần dần tập trung nhiều nhất tại miền Nam California. Trong một kỳ nghỉ phép dài ngày, thay vì đi thăm Thụy Sĩ và vài nước khác ở Âu châu như đã định trước từ đầu năm, anh bàn với Polina đi thăm lại California thử xem sao. Polina luôn luôn chiều ý anh. Nàng và anh thăm những vùng nổi tiếng từ bắc đến nam như Eureka, Anderson, Sacramento, San Francisco, San Jose, rồi ở lại một hôm tại Carmel, một ngôi làng nhỏ rất xinh xắn nằm ven bờ biển, theo lời mời của một người bạn vừa hoàn thành một số tác phẩm điêu khắc, sau đó hướng về đông đến miền Fresno ghé Yosemite ba ngày, và trạm cuối cùng khá lâu là Los Angeles và Orange County. Hết hạn nghỉ phép, trở lại làm việc, anh nói với Polina rằng anh nhớ khí hậu Cali, nắng ấm gần như quanh năm, dải đất dài và hẹp thật là quyến rủ, có đủ núi, biển, đồng bằng, chỉ có điều là không có nhiều sông. Anh thích sông. Phải chi California cũng có nhiều sông thì thật tuyệt. Nhiều sông như Việt Nam phải không anh? Đúng thế. Cũng vào dịp thăm Nam Cali, anh bắt liên lạc được với một người bạn đồng khóa thời còn đi học tại M.I.T. Anh ta bây giờ là chủ một công ty lớn muốn mời anh cộng tác. Anh bàn với Polina. Nàng đồng ý.

Dọn về Nam Cali, làm việc tại thành phố Los Angeles, ở trong một ngôi nhà sang trọng lưng chừng một ngọn đồi cao giữa Los và Orange County, nhìn ra Thái Bình dương, anh và Polina sống biệt lập. Em đã bỏ tất cả để theo anh, thì bù lại anh và em sống trọn vẹn cho nhau. Không giao du phù phiếm, không gia nhập vào bất cứ nhóm nào cả, nghe anh. Anh đồng ý.

Bàn với Polina điều gì nàng cũng ưng thuận, trừ một chuyện - đám cưới. Này anh, yêu nhau như chúng mình thì làm lễ cưới chẳng qua chỉ là một thủ tục nhỏ nhặt. Lúc nào mà chẳng được. Hay là mình hãy chờ sinh đứa con đầu lòng rồi làm lễ cưới cũng không muộn."

Anh đi làm ban ngày. Polina chưa có việc làm ngay, nàng dành nhiều thì giờ đi làm những công tác từ thiện của nhà thờ, nàng rất ngoan đạo. Giờ rảnh rỗi, nàng chơi đàn, đọc sách, nàng đọc nhiều, chờ anh về. Anh luôn luôn về nhà đúng giờ.

Cuối tuần hai người quấn quýt bên nhau trong ngôi nhà biệt lập trên sườn đồi, hoặc đưa nhau đi ăn ngoài tại những nhà hàng đắt tiền. Có khi anh và nàng xuống khu Việt Nam ăn uống hoặc mua thức ăn dự trữ. Anh thèm các món ăn Việt Nam trong khi Polina chỉ ăn được phở, mà chỉ phở bò tái mà thôi. Gân, nạm, gầu, sách v.v. nàng đều chê. Và thường thì đi

thăm các thắng cảnh quanh vùng. Miền nam California có qúa nhiều cảnh đẹp. Anh chụp hình, quay *videotape* tới tấp, phim, ảnh và băng không biết để đâu cho hết. Một hôm anh nẩy ra cái ý cùng Polina đi Mễ, gọi là đi cho biết một chỗ mới.

Anh đi theo hướng San Diego, qua đất Mễ đến thành phố Tijuana, rồi đi Rosarita, Tecate, Ensenada v.v. Anh xúc động, bàng hoàng. Biển hình như mênh mông hơn, trời hình như cao và rộng hơn, và cảnh vật hình như muốn bắt con mắt anh hơn.

Anh dừng lại nhiều nơi. Nơi thì, trên vuông đất nhỏ trước căn nhà xập xệ, một con gà trống màu sắc sặc sở, xù lông cổ, sà đôi cánh, đuổi riết theo con gà mái tơ hốt hoảng; nơi thì đàn vịt mươi con lông trắng phau bơi lội dưới ao bèo, có con nhàn nhã rỉa lông cho nhau, có con ngụp đầu và thân hình xuống đáy nước kiếm mồi, chỉ chừa lại cái đuôi chỉa lên trời cùng hai bàn chân vẩy vẩy, có con vội vã đuổi theo ngọn lá gió thổi bay là là trên mặt nước; nơi thì đàn trẻ con quần xà lõn mình trần chân đất chơi trò cút bắt trốn tìm quanh cái chòi mái lá. Anh lái xe qua những con đường đất sau cơn mưa hơi nước còn bốc nhờ nhờ, những con đường quê hằn lên những vết bánh xe chằng chịt; anh đậu xe lại nhìn con lạch uốn khúc hai bờ nước tràn trề rong rêu lau lách khác hẳn những con sông Mỹ miền California mà hai bờ là những đường viền xây bằng xi-măng trơ cứng; anh ghé cái quán cóc bên đường cạp trái bắp nướng thoa mỡ, dốc ngược trái dừa tươi ngửa đầu uống ừng ực; anh tới chợ cá rảo khắp các gian hàng, cá tươi, cá ướp nước đá, nghêu, sò, ốc, hến, mực, tôm, cua, lươn, trạch ... bày nằm la liệt, và anh nhận ra rằng xác chết của mọi loài thú trên cõi đời này, nhất là xác loài người, nằm phơi mình dưới ánh mặt trời đều trông thật thê lương, ngoại trừ loài thủy sản . Tâm hồn anh phả vào cỏ cây mây nước, chan hòa vào cảnh vật. Lồng ngực căng phồng, anh muốn gào to lên một tiếng. Bỗng anh chột dạ sực nhớ:

"Polina, à... ầm ... à... em, em thấy thích chứ !"

" ... "

"Em này, phải chi có thêm tiếng chim cu gáy từng chuỗi dài, có tiếng còi tàu lanh lảnh trong những buổi trưa ngái ngủ, và làn khói từ con tàu mệt nhọc cuộn lên quấn lấy những ngọn tre đu đưa, những cây cau song song vươn cao... thì, thì... Nhà anh hồi nhỏ gần ga xe lửa, cách con đường rầy không đầy 100 thước. Những chuyến tàu xuyên Việt trung nam bắc mỗi ngày mỗi qua ... Em, em có nghe anh nói không đó?"

"Lạy chúa tôi, mãi đến bây giờ anh mới biết có em bên cạnh chứ gì? *Thank you.*"

"Sao em lại nói thế...*Sorry .*"

Anh yêu,

Cám ơn anh đã cho em những ngày hạnh phúc. Khi anh đi làm về cầm đọc lá thư này thì em đã đáp xuống một phi trường miền đông bắc xa tổ ấm của chúng mình ngàn vạn dặm. Anh thấy chưa, em vẫn nhớ những tiếng anh hay dùng. Em còn nhớ cả những thói quen nho nhỏ của anh– vào restroom bao giờ anh cũng cầm theo cuốn sách ngồi đọc cả tiếng đồng hồ để em chờ nguội cả bữa ăn sáng; món ăn thỉnh thoảng em chuẩn bị thật công phu cho anh nhưng anh cứ muốn ăn từ bếp ăn xuống, đến khi mọi thứ được dọn lên nên mâm nên chén thì anh đã no đầy bụng, cầm nỉa khều khều; đi làm về không kịp cởi giày đã nhảy tót lên giường phá em...Em chiều anh hết. Lại còn những sáng chủ nhật anh dụ em, Chủ nhật sau đi nhà thờ cũng được em nhé. Hôm nay trời đẹp qúa, đi chơi đi em!.Em cũng nghe lời anh. Em chỉ sợ một ngày nào đó anh bảo em bỏ đạo, may qúa, ngày đó chưa tới.

Nghĩa là em đã yêu anh như thế nào chắc anh cũng biết, vậy mà nay em phải xa anh. Em biết anh sẽ buồn nhiều. Em cũng vô cùng khổ tâm, nhưng em không thể làm khác được, phải xa anh, phải xa anh. Tại sao em có quyết định đó? Lý do em nêu lên chắc chắn không thuyết phục được ai, nhưng đối với em nó có tính cách quyết định. Em không biết diễn tả thế nào cho anh hiểu. Hay là em sẽ kể chuyện cũ, chuyện thời thơ ấu, mong rằng từ đó anh có thể thông cảm cho em một phần nào.

Em là đứa con gái út trong gia đình, được cưng chiều đủ thứ. Như em đã cưng chiều anh vậy. Em thích chó lắm. Từ hồi còn nhỏ, hồi đó em mới bốn tuổi, em đòi có một con chó cho riêng em mà thôi. Những con chó khác là của chung của gia đình. Lẽ tất nhiên em có ngay, một con chó con giống bulldog. Ba đặt tên nó là Samantha có nghĩa là con chó biết nghe lời, a listener. Cái mặt nó thật buồn cười, nhăn nheo, ngô ngố, quỳnh quỳnh. Chốc chốc nó lại chạy vòng vòng một mình như đồ khùng. Em thương nó vô cùng và nó quyến luyến em lắm. Em và nó là một đôi bạn, chữ của anh đó, không hề rời nhau nửa bước, như thể anh và em mấy năm nay. Nó mau lớn qúa, rồi nó lớn hơn em. Thay vì bồng nó trên tay, em cưỡi lên lưng nó. Một hôm cả nhà vào rừng cắm trại, tất nhiên em mang theo con Samantha. Ba bảo lấy nịt da tròng vào cổ nó và cầm dây xích móc vào nịt da để dẫn nó đi. Gì mà phiền phức thế, hơn nữa nó với em là một, làm sao lạc nhau được, cho nên em không chịu nghe lời ba..

Vào rừng nó linh hoạt hẳn lên. Em vui lây. Nó chạy sục sạo hết lùm cây gai đến bụi hoa dại, hết hốc đá đến bờ suối, hết mô đất cao đến bãi cỏ xanh trống trải ... Em chạy theo nó mệt muốn chết. Em ngồi nghỉ nó chạy

lui, liếm chân, liếm tay, liếm mặt em, rồi rủ em đi chơi tiếp. Cả nhà bị bỏ đằng sau xa, khuất tầm mắt. Cứ thế, mặt trời lên cao, em đói bụng và mệt, mà nó cũng mệt vì nó chạy qúa nhiều. Cái lưỡi của nó thè ra dài hơn bàn tay của em thế mà nó không chịu đến nằm nghỉ bên em. Bỗng em nghe tiếng hú, tiếng réo gọi Po ố li ố na !!! Em gọi lại. Chắc cả nhà lo em đi lạc. Đồng thời em gọi nó. Nó quay người nhìn em, hai chân trước và cái ngực dán xuống đất, hai chân sau đứng thẳng chổng mông, đuôi vẩy lia lịa, đôi mắt khẩn khoản, những tiếng rú nho nhỏ phát ra từ cổ họng nó. Em tới nó, nó đứng dậy quay đầu chạy, vừa chạy vừa ngoảnh lui nhìn em ra điều rủ em đi chơi thêm nữa; em làm mặt giận bỏ đi, nó chạy theo; em đứng yên, nó lại quỳ hai chân trước như hồi nãy. Cứ thế dằng co. Lần đầu tiên nó giở trò với em như vậy. Bóng dáng ba em và chị Sasha xuất hiện cạnh bờ suối. Em gọi to, đưa cao tay vẩy. Ba nghe được ngay, chạy tới thật nhanh. Sasha lẻo đẻo chạy theo sau. Con Samantha bỗng đứng thẳng người, hai con mắt nhìn em ươn ướt, rồi vụt một cái quay đầu phóng nhanh mất hút trong rừng. Em gào to tên nó và té xỉu.

Những ngày hôm sau em chờ nó về. Không thấy. Em chắc chắn thế nào nó cũng về với em nếu nó còn sống. Hơn một tuần trôi qua, hơn một tháng trôi qua. Nó đã chết đói. Hay nó đã bị gấu, bị cá sấu ăn thịt, bị rắn độc cắn, bị lạnh, nằm ở một xó rừng chờ chết? Em bị bịnh hơn nửa năm, bỏ một năm học. Ba mua về mấy con bulldogs khác nhưng em không thể quên nó. Em không nuôi chó nữa. Nhắc lại chuyện đó, em nhớ rõ từng chi tiết một. Mọi việc như vừa mới xẩy ra ngày hôm qua.

Anh yêu mến, hãy trở lại chuyện chúng mình! Sau mỗi lần đi Mễ về, em cảm thấy anh xa em thêm một chút, tuy anh vẫn chiều em, vẫn sống biệt lập bên nhau, tránh mọi giao du. Anh đã giữ lời hứa. Thế nhưng đêm đêm làm bộ ngủ say em vẫn nằm nghe anh trằn trọc bên em. Em lẩn thẩn đếm những tiếng thở dài của anh. Em biết rằng em sắp đau khổ. Tại sao? Anh sẽ bỏ em chăng? Không sớm thì muộn? Câu hỏi đó luẩn quẩn trong đầu em mãi để trở thành một ám ảnh không rời. Và lần này em sẽ bị bịnh hơn nửa năm như hồi bé, hay là em sẽ không chịu đựng nổi. Cái chết của anh, của em hiện lên nhiều lần trong những cơn mộng dữ. Cho nên trước khi điều xấu nhất có thể xẩy đến, em thử đánh liều xa anh xem sao. Xa mãi, hay có ngày gặp lại, em cũng không biết nữa. Anh tha lỗi cho em. Em không để lại địa chỉ, sorry.

Thương yêu.

Đồng hồ chỉ hơn 12 giờ khuya. Anh đã nhập được vào xa lộ 163 North. Thôi, thế là xong, đêm khuya vắng xe, chỉ vài tiếng nữa là đến nhà.

Đường thênh thang, anh tăng tốc độ, xe lao vùn vụt. Đi thêm một quãng không xa lắm, anh thấy bản chỉ xa lộ 805. Anh lẩm nhẩm tính toán, chuyển qua 805 thì về nhà, còn cứ tiếp tục trên 163 sẽ gặp 15 và cứ thế sẽ hướng về Las Vegas. Về nhà? Bây giờ là đêm thứ sáu rạng ngày thứ bảy, thứ hai mới đi làm. Về nhà? Về nhà làm chi? Nghĩ đến ngôi nhà vắng lạnh từ ngày Polina bỏ đi, đã hơn một năm rồi, anh đâm buồn nản vô cùng. Thoạt tiên nhớ đến Polina là anh nổi cơn giận chửi thề luôn miệng. Trước kia khi chưa sống với Polina, anh đã có thói quen chửi thề. Nàng không thích cái tật đó của anh, anh bỏ. Nay không còn nàng anh lại chửi thề. Dần dần giận đổi thành buồn và nhớ. Đã hai lần anh lấy phép bay qua miền đông bắc đi tìm, biết đâu nàng lại không trở về thành phố cũ nơi hai người cùng sống xưa kia. Trên đường phố, trên xa lộ, thấy dáng ngồi lái xe giống nàng, anh đuổi theo, anh qua mặt, anh quay đầu nhìn lại. Trên những lối dành cho người đi bộ, anh càng đường đột, vừa rảo bước, vừa réo gọi, bắt kịp anh níu vai người ta, thấy không phải là nàng, anh chẳng thèm nói một câu xin lỗi, mặc kệ những cái nhún vai hoặc những cái nhìn khinh bỉ.

Anh bỏ xa lộ 805 đi tiếp 163 để tiến đến 15. Hương! Anh gặp Hương ở Las Vegas cách đây nửa năm trong chiếc áo dài lụa màu mỡ gà, lạc lõng. Anh bỗng xúc động như lần đầu tiên qua đất Mễ cùng với Polina. Hồi đó trông em tức cười qúa, sao đi sòng bạc lại mặc áo dài? Em biết đâu, nhà bảo mặc đồ đẹp, em diện cái áo dài đẹp nhất đem từ bên mình qua. Anh Tâm cứ nhìn em cười hoài mà em đâu hiểu gì. Hương ngơ ngác lạc vào rừng người đang lên cơn sốt, hai tà aó khép nép bên cạnh bà già son phấn hơi nhiều, bên cạnh thằng Tom Tran anh quen từ hồi học lớp điện tử cấp tốc ở Saint Paul. Anh vồn vã hỏi han Tom tíu tít, như thể hai người là bạn thân lâu ngày gặp lại mặc dù hồi đó Tom có ác cảm với anh có lần bảo anh là đồ mất gốc. Tom nhìn anh bỡ ngỡ rồi liếc nhìn cô em xinh đẹp đứng bên. Mặc kệ, anh cứ tỉnh bơ nhập bọn. Tom không nở xua đuổi. Vả lại anh đang có chuyện buồn, chỉ muốn tìm cách khuây khỏa trong giây lát thôi ấy mà, anh thầm nhủ! Tom và anh cùng ngồi bàn poker rồi *black jack* rồi *roulette* trong khi bà già và Hương ngồi ghế bên cạnh châu rìa, thỉnh thoảng bước tới lân la những *slot machines* gần đó bỏ từng 5 cents một kéo cần. Về sau anh biết bà già là mẹ và Tâm là anh ruột của Hương. Hai người mới đến Mỹ mấy tháng do Tâm bảo lãnh. Anh sấn sổ làm quen, Tom khó chịu ban đầu, bà mẹ có thiện cảm, Hương thì lúc nào cũng dạ dạ.

Theo thói quen, anh buông chân ga nhấp nhẹ trên chân thắng mỗi khi một ý nghĩ là lạ nào đó hiện lên. Nhưng dạ nghĩa là gì? Em tập nhảy

đầm nhé – dạ; tối nay đi ăn với anh được không – dạ; chán qúa, anh về ngay bây giờ đây– dạ; ngồi khuya bất tiện hả em – dạ... Anh không hiểu nổi Hương. Dạ nghĩa là gì hả em, *yes* hay *no* ? Đồng ý hay không đồng ý? Hương không trả lời. Anh đoán ra rằng tiếng 'dạ' của Hương có nghĩa chưa dứt khoát, nhì nhằng và thường là thiên về không đồng ý. Nghĩ gì thì cứ nói đại đi nhỏ ơi! Làm bộ hoài! Nghĩa là cá chưa chịu cắn câu chứ gì. Làm mình sốt ruột. Anh nhấn thêm ga. 85 miles một giờ.

Anh chợt nhìn kính chiếu hậu. Đằng sau xa, xa tít, trong đêm tối, có hai chấm sáng nhỏ xíu. Khuya khoắt thế này mà vẫn có bạn đồng hành! Lại bợm ghiền Las Vegas chứ gì. Hai chấm sáng tiến đến gần hơn. Ô, không chừng... Anh bớt ga. Nếu là ban ngày anh biết ngay đó có phải là xe cảnh sát hay không. Ban đêm chịu thua. Ánh đèn gần thêm nữa rồi chớp chớp. Đ.M., lại dính chấu. Anh rà thắng rồi tấp vào lề đường bên phải đậu lại ngồi yên chuẩn bị lãnh giấy phạt. Lại mất toi cả trăm đô- la. Ở đông bắc còn có hy vọng giải thích, xin xỏ, còn ở đây cảnh sát là người máy, một là một hai là hai, anh đã trải qua kinh nghiệm đó.

Một cảnh sát viên ngồi trong xe, khẩu súng trong tay hờm sẵn thì phải, một cảnh sát khác tay cầm đèn bấm từ từ tiến đến. Anh ngồi yên .

"Quay cửa kính xuống!"

"Vâng."

"Đưa xem giấy tờ."

"Vâng."

"Anh chạy qúa tốc độ."

Tự nhiên anh nổi cơn cà khịa:

"Cứ cho là tôi chạy qúa tốc độ đi. Nhưng làm sao anh biết được? Anh có bằng cớ gì không?"

"Tôi đã theo anh 15 phút. Anh chạy 70 rồi tăng lên 85 rồi vô cớ rà thắng mấy lần, rồi lại tăng lên đến 90. Tôi ghi lại đủ."

"Đ. M. tụi mày." Anh chửi bằng tiếng Việt.

"Anh nói gì?"

"Tôi bảo rằng anh nói đúng quá."

Người cảnh sát trao anh giấy phạt, nhã nhặn đưa tay chào, rồi quay người đi. Bỗng nhiên anh cảm thấy hai vành tai nóng ran. Cơn giận bùng lên. Giận người, giận mình. Hèn đến thế à. Chửi xong rồi chối leo lẻo, nói dối xoen xoét! Mình đổi tính đến thế sao từ ngày Polina bỏ đi? Mà con Polina khốn nạn cũng chẳng tốt lành hơn gì. Bỏ nhau dễ như trở bàn tay! Còn làm bộ biện bạch rởm. Thêm con nhỏ Hương chết dịch quê một cục mà cứ đòi treo giá làm cao em chả em chả. Những câu nguyền rủa lồng lên như ngựa chứng nhưng anh biết chắc rằng anh không ngụ ý như

thế. Dù sao nguyền rủa, chửi thề, giúp anh nguôi ngoai cơn giận. Anh mở máy, sang số, cho xe chạy lại. Đến lúc đó anh mới để ý chiếc xe cảnh sát vẫn đậu yên một chỗ đằng sau theo dõi anh. Anh lại lan man nghĩ tiếp hết chuyện nọ đến chuyện kia, nghĩ đến mấy thằng gốc Hòa Lan ở Brooklyn, gốc Đức ở Chicago, gốc Pháp ở Des Moines, thằng thì luôn luôn ta đây đàn anh sẵn sàng che chở, thằng thì lịch sự một cách vờ vĩnh, thằng thì thỉnh thoảng giở trò mặt lạnh như tiền. Sẽ có ngày tao cho biết tay! Anh đạp thêm ga, chạy vùn vụt trên xa lộ 15, vượt qua những con đèo chênh vênh, những vùng đồi núi hoang vu, những thị trấn nằm ngủ im lìm trong ánh đèn vàng. Ấy, ấy, coi chừng cảnh sát. Anh không thích gài *cruise control* chạy đều một tốc độ muốn ngủ bỏ mẹ. Hơn 3 giờ sáng anh tạt vào Barstow lấy thêm xăng, ghé Burger King ăn uống qua quýt, rồi hạ thấp lưng ghế ngả người chợp mắt một chốc, rồi lên đường đi tiếp xa lộ 15. Thế là độ 5 giờ sáng mình sẽ đến Las Vegas, anh lẩm nhẩm. Sẽ một mình buổi sáng sớm tinh mơ trời còn lạnh ghé vào những sòng bạc ngái ngủ, lờ đờ, uể oải, vắng khách, chỉ còn rặt những tên thua cay cầu may phút chót, những tên đã cạn túi rốc tiền *coins* gỡ gạc cho đỡ ghiền, những khuôn mặt hốc hác, những cặp mắt cay xè, những con ma áo quần bèo nhèo, xốc xếch. Ừ, mình chơi nho nhỏ với tụi đó lai rai đến trưa, rồi ăn thật nhiều, rồi uống cho say, rồi ngủ một giấc dài cho no con mắt, để tối nay cùng với ánh đèn bùng lên sức sống mới, quên hết mọi sự trên đời.

Anh nhanh nhẹn làm quen với gia đình Hương. Khó gì. Nhỏ và bà mẹ muốn đi đây đó, anh sẵn sàng làm tài xế. Nhẹ gánh cho thằng Tom, nó càng khoái. Ở lâu trên đất Mỹ, anh biết nhiều chuyện, hai mẹ con sẽ cần anh. Nhưng lạ chưa, càng về sau càng cảm thấy anh cần họ hơn họ cần anh! Cuối tuần nào mà không gặp Hương, anh bần thần đứng ngồi không yên. Phải rồi, phải gặp Hương để ấp kín chỗ trống mà Polina để lại, anh thầm nhủ.

Thế rồi một hôm...

"Sao em linh kỉnh nặng nề qúa vậy? Cái gì em cũng mang theo. Đi Mỹ mà em làm như đi ...đi..." Mặt anh nhăn riết.

"Dạ, anh muốn nói ... làm như đi Mỹ Tho?"

"Mỹ Tho? Còn cái gì đây nữa." Giọng anh gắt gỏng. "Cái cối đá hả? Em mua thứ đồ cổ này trong viện bảo tàng nào vậy? Nặng trình trịch! Khùng sao lại mang theo của nợ này?"

Nói xong anh biết mình lỡ lời. Anh vớt vát:

"Mà làm sao em mang theo được hay vậy?"

Hương nhẫn nhục:

"Thì em bỏ bớt những món khác không cần thiết bằng."

"Cần thiết? Cần thiết? Để làm gì mà cần thiết?"

Hương cúi gầm đầu trả lời:

"Dạ, để em quết chả. Một năm hai cái giỗ chánh, mấy cái giỗ phụ, rồi lễ, rồi Tết...Em nghe nói bên này không có cối đá. Cối đá quết chả mới ngon."

Anh nhăn mặt im lặng nghe.

"Với lại em còn để cho chị Tùy, chị Diệu mượn nữa. Họ cũng cần, dặn em đi Mỹ nhớ mang theo."

"Em đừng giao thiệp với hai bà đó. Nhất là bà Tùy, lề mề, luộm thuộm. Mất thì giờ mà chẳng lợi lộc gì. Em còn phải học hỏi nhiều mới sống được trên đất Mỹ này."

"Dạ."

"Nghĩa là em sẽ chấm dứt mọi giao thiệp với họ kể từ giờ phút này?"

"Dạ, bạn cũ lâu ngày bỏ nhau sao được anh.!"

"Nhảm thật! Chịu hết nổi. Tôi xin đầu hàng cả hai tay lẫn hai chân."

Nói xong anh lại cảm thấy qúa lời. Anh kín đáo quan sát Hương. Cô nàng im lặng, khó hiểu. Anh nói giả lã:

"Này Hương, mình chưa quen nhau lâu, nhưng, nói như bác thường nói, môn cho ra môn khoai cho ra khoai. Anh định tháng tới mình tính chuyện với nhau đi. Em đồng ý chứ?"

"..."

"Sao lại im lặng? Hay em chê anh?"

"Em đâu dám."

"Thôi, để đỡ mất thì giờ, em nghe đây, tháng tới mình làm đám cưới."

Hương giật mình:

"Anh nói thật hay nói chơi đó?"

Anh sốt ruột:

"Đâu phải chuyện đùa mà nói chơi. OK? OK?"

"Dạ, để em nói. Em coi anh như anh của em."

Anh cười to:

"Tưởng gì. Đầu lạ sau quen. Anh biến thành chồng mấy hồi. Đâu phải anh ruột mà sợ."

"Anh để cho em nói hết. Với lại mình ... không được đâu anh. Nhất định không thể nào được! Là vì... là vì mình không hợp nhau. Anh...anh Mỹ quá!"

Bầu trời phía đông thoáng màu hồng. Anh lẩm bẩm mùa này ngày đến sớm. Trước mặt anh, trên con đường dài là những vùng ánh đèn rực rỡ, từng cụm một cách nhau không xa mấy, bao trùm những khu mặt bằng rộng lớn, hoặc ven đồi, ven con sông đào, ven xa lộ. Đó là những sòng

bạc tiền phương mời mọc du khách trước khi tiến vào trung tâm Las Vegas. Anh không có máu mê cờ bạc nhưng anh thích Las Vegas. Đối với anh, trên đất Mỹ này chỉ có Las Vegas là nơi anh có thể vui chơi thanh thản, thoải mái, là nơi anh lạc giữa rừng người xa lạ mà không hề có cảm giác lạc lõng, là nơi anh đã cùng Polina hưởng những ngày vô tư, hồn nhiên, và cũng là nơi lòng anh rung động hẳn lên khi bắt gặp lại hai tà áo dài khép nép. Buồn cười thật, Anh... anh Mỹ quá! Anh nhìn lại anh. Suốt hơn 20 năm anh muốn hội nhập mà anh chẳng biết mình đã đi hết chặng đường nào? Anh nhập vào nhóm nào vậy? Vào nhóm người Mỹ có gốc gác lâu đời cách đây vài ba trăm năm? Chuyện xa vời! Hay đi theo những nhóm gốc Pháp, Đức, Ý, Tây Ban Nha, Tàu Nhật, Do Thái? Nơi nào coi bộ cũng lạnh lùng, lạt lẽo. Một lần anh cùng Polina đi Santa Barbara ghé Solvang, một làng Đan Mạch tại Mỹ có kiến trúc và nếp sống theo lối Bắc Âu. Anh nói đùa rằng mình đang làm một cuộc hành hương trở về đất tổ của mẹ Polina rồi sau đó mình sẽ tìm cách dọn đến đây sinh sống. Nàng tưởng thật bác bỏ ngay cái ý kiến đó bảo rằng ghé chơi thì được chứ khùng sao mà lại bỏ cái tổ ấm trên ngọn đồi thơ mộng để tới nơi lạ hoắc này.

Những tòa nhà cao ngất nghểu hiện ra trước mặt anh. Hàng trăm, hàng ngàn bảng quảng cáo lượn vòng quay cuồng theo ánh đèn chói chang. Anh bối rối. Bỗng dưng anh không còn thấy cái hứng khởi như trước kia mỗi lần tiến đến cửa ngõ Las Vegas. Anh nhớ bức thư của Polina. Anh nhớ lại cuộc gặp gỡ lần cuối với Hương và những câu đối đáp trật đường rầy. Quả thật mình không thể nào ngờ câu chuyện lại xoay chiều ra làm vậy, đối với cả hai cô.

Mới 5 giờ sáng! Anh sẽ cho xe vào bãi đậu rồi thuê phòng ngủ, tắm một cái cho khỏe rồi vầy cuộc đỏ đen? Nhưng cần gì! Mình chẳng có hành lý lỉnh kỉnh, cứ việc vào đại một casino nào đó thử thời vận trước, lúc nào mệt, vào thang máy lên ngay phía trên đầu mình là có phòng ngủ ngay. Rồi mình sẽ kéo cần mươi mười lăm phút lấy khí thế. Rồi đến bàn *black jack*. Chờ có hai con đầm liền nhau là *split* ngay ra làm hai tụ. Hai con đầm đỏ hiện lên đi cho nó hên, lên đầm cơ và đầm rô đi! Polina và Hương đó. Trời sẽ cho mình ăn cả hai tụ, nghĩa là... cả Hương lẫn Polina sẽ hồi tâm trở lại với mình. Đa thê? Anh cười buồn. Phải chọn một chứ! Ai? Con nhỏ khùng Polina dám ví mình như con chó nghe tiếng gọi rừng xanh, rồi bỏ đi biệt tích. Nhỏ Hương là rừng xanh chắc? Cánh rừng đã khép kín bưng! Bỗng dưng anh cảm thấy vô cùng chán nản, không muốn đùa nữa, định chửi thề một tiếng cũng không còn lòng nào. Las Vegas!

Las Vegas! Có gì vui nữa không? Anh thò tay bấm còi inh ỏi dù trước mặt không có xe nào cản đường rồi thuận chân anh nhấn thêm ga cho xe anh chạy thẳng nhập vào những dòng xe đang cuồn cuộn trôi như những dòng sông chảy mãi không ngừng.❐

Người lính, người tù cải tạo, người Việt bỏ nước ra đi,
Không thể không tìm đọc

Tập truyện ngắn

ông tướng sang sông

của Hoài Ziang Duy

Một cuốn sách giá trị soi rõ bộ mặt thật đằng sau cuộc chiến. Đọc để thấy lại chính mình, nhân vật thật, hoàn cảnh, mảnh đời thật, mỗi truyện trong toàn tập là mỗi mốc thời gian gắn liền với lịch sử. Đọc để nhớ người nằm xuống, kẻ còn sống.

Tất cả tìm thấy trong:

Ông tướng sang sông

của Hoài Ziang Duy
Giá 10 Mỹ kim

Liên lạc tác giả:
7407 Marc Drive
Falls Church VA 22042
Phone: 703-641-9395

Thư tín

Ông Vũ Công Định, Bellevue WA, USA

Xin chân thành cảm ơn Ông và các cộng sự viên đã cho những số báo Văn Học trình bầy thật trang nhã, bài vở súc tích và hấp dẫn. Bài nào cũng có giá trị cả, đúng như trong quảng cáo của Văn Học, nhờ Văn Học tôi đã:

1. có dịp hiểu những vấn đề đang tranh luận trong sinh hoạt chữ nghĩa.
2. thưởng thức những sáng tác mới của những cây bút uy tín
3. và khám phá những tài năng mới trên văn đàn hải ngoại.

Những ngày đầu tháng khi lấy thư, ngày nào mở thùng thư ra, thấy cái phong bì mầu vàng là mừng rỡi, mừng như con nít mừng mẹ về chợ. Và sau đó thì thư thả và gượng nhẹ, rọc bao thư ra, nhìn ngắm trang bìa và coi sơ qua mục lục, lật sơ qua từ trang đầu đến trang cuối, chọn những bài ưa thích nhiều thì đọc trước, bài ưa thích ít thì đọc sau, và sau cùng thì đọc hết mọi mục, không trừ mục nào cả, lắm khi không dám đọc nhanh vì sợ mau hết, đọc dè dè thôi, và đọc xong thì xếp vào tủ sách theo thứ tự ngày tháng, thỉnh thoảng ngắm nhìn cho vui, và khi có thì giờ thì đọc lại những bài ưa thích.

Một lần nữa xin chân thành cảm ơn ông và các cộng sự viên đã cho một món ăn tinh thần thật là quí giá, mong rằng mãi mãi chúng tôi còn nhận được mỗi tháng cái phong bì mầu vàng dễ thương.

Ông Phạm Xuân Thảo, Lakewood CA, USA

Đọc Văn Học gặp được bài hay, thích ý, tôi thường ghi đề mục và tên tác giả, đợi có dịp gửi đến Tòa soạn ngợi khen các tác giả đã đem đến cho độc giả món ăn tinh thần bổ ích, đồng thời tôi cũng giới thiệu cho con cái

trong nhà cùng đọc để thưởng thức. Tôi năm nay 75 tuổi, không phải giữ cháu nữa nên có thì giờ đọc sách và làm vườn nhưng rồi cứ lẩn thẩn hay quên, chưa kịp gửi thì đã có vị độc giả khác gửi khen trước.

Tuy nhiên tôi cũng xin ghi lại đây các bài và tên tác giả mà tôi đã đọc và ưa thích:

- Các truyện của Trúc Chi như *Cành phượng tím, Hàn huyên*..
- *Tiến trình vương hóa mới* của Tạ Chí Đại Trường (tôi đã đọc hầu hết tác phẩm của tác giả này)
- *Treo đầu dây Quan họ* của Nam Dao
- *Lụa bạch* của Tâm Thanh...

Kể không hết. Theo tôi, muốn viết hay ngoài cái đọc nhiều, hiểu rộng, xê dịch nhiều còn yếu tố quan trọng nữa là năng khiếu.

Kính chúc Tòa soạn vững tin và mạnh tiến trên đường phục vụ.

Ông Nguyễn Văn Dũng, Lethbridge, Alberta Canada

Văn Học bao giờ vẫn là nỗi mong đợi hằng tháng của cá nhân tôi. Thành thật cảm ơn những thành viên trong Ban Biên tập và các tác giả góp bài đã mang đến cho tôi những niềm vui tinh thần quý báu. Đặc biệt, xin cho tôi gửi lời cảm ơn đến nhà văn Trúc Chi, về những sáng tác giá trị đăng trên Văn Học trong nhiều tháng qua.

Ông Đặng Minh, Phoenix Arizona, USA

Kính thưa ban biên tập,

Thư Toà Soạn số tháng 8 có một vài đoạn làm tôi suy nghĩ:

"Những việc cụ thể bày rõ ràng trên mọi bàn viết: một quá khứ còn tươi rói cần chiêm nghiệm, một đời sống mới còn ngỡ ngàng nhưng phải đối phó tức thời, chuyện xuất bản và phát hành khó khăn, lượng độc giả suy giảm, một nền văn học hai mươi năm Miền Nam bị thất tán cần sưu tầm lưu trữ..." Và: "... bài học về cách nhìn thế hệ đi trước và cách ứng xử với quá khứ"

Những đoạn trên có vẻ nhấn mạnh nhiều về quá khứ: "một quá khứ còn tươi rói cần chiêm nghiệm", "một nền văn học hai mươi năm Miền Nam bị thất tán cần sưu tầm lưu trữ...","cách nhìn thế hệ đi trước và cách ứng xử với quá khứ". Có lẽ tạp chí Văn Học xét rằng vấn đề quá khứ quan trọng hơn vấn đề tương lai chăng? Tôi đồng ý rằng chuyện chiêm nghiệm quá khứ là chuyện cần thiết, nhưng chuyện chiêm nghiệm về hiện tại và tương lai lại càng cần thiết hơn lắm. Quá khứ đã qua rồi, và việc chiêm nghiệm về nó có thể đem lại cho chúng ta vài bài học cần thiết nào đó.

Nhưng chúng ta lại đang phải sống ngay trong hiện tại, và tương lai lại cứ dồn dập kéo tới. Những bài học về quá khứ chắc là không đủ để giúp chúng ta đối phó với tình hình mới. Riêng về mặt văn học, cái chuyện "một nền văn học hai mươi năm Miền Nam bị thất tán cần sưu tầm lưu trữ..." là chuyện bất khả. Sưu tầm, lưu trữ tác phẩm thì còn làm được, chớ làm sao sưu tầm lưu trữ một nền văn học? Ban Biên Tập viết lầm chăng? Những tác phẩm tiêu biểu của một thời kỳ thì nhứt định cần sưu tầm để lưu trữ. Còn đa số những tác phẩm vớ vẩn bá láp thì hơi sức đâu mà sưu tầm. Nếu nước Mỹ này cái gì họ cũng sưu tầm theo kiểu đó thì một thế kỷ văn học của họ chứa đâu cho hết. Họ chỉ lưu trữ những tác phẩm xứng đáng mà thôi. Xét về hai mươi năm văn học Việt Nam trước 75, thì tác phẩm xứng đáng quả là quá ít ỏi. Còn hầu hết thì chất lượng rất tầm thường, chưa bằng cả loại sách phổ thông bình dân ở Mỹ này, sưu tập làm gì cho phí công. Nhà văn Võ Phiến đã viết một cuốn tổng quan, rồi lại đang cho xuất bản một loạt tác phẩm tiêu biểu. Vậy là quá đủ rồi. Nhà văn Võ Phiến để những năm cuối đời để làm việc này thì thực là quá đáng cảm kích. Và cũng quá là thích hợp, vì người già thì sức sáng tác trở nên sa sút, nên để nhiều thì giờ sưu tập và ghi nhận quá khứ. Còn các nhà văn trẻ hiện tại phải bỏ sức ra để lo sáng tác tác phẩm mới có tầm cỡ cho kịp với thế giới chớ cứ kéo hết cả vô chuyện sưu tập thì thực là phí tài. Còn cái chuyện "một đời sống mới còn ngỡ ngàng nhưng phải đối phó tức thời" là chuyện của mọi người chớ không riêng gì nhà văn. Nhưng đối với người mới tới theo diện H.O. thì còn ngỡ ngàng, chớ đối với người đã ở năm, bảy năm rồi thì còn gì mà ngỡ ngàng. Mà hầu hết nhà văn ở hải ngoại đã ở được ít nhứt là năm, bảy cả rồi! Còn "chuyện xuất bản và phát hành khó khăn, lượng độc giả suy giảm" là chuyện của nhà xuất bản và nhà phát hành. Đó là chuyện quảng cáo, giới thiệu, gây vốn, mở rộng dây chuyền đại lý, v.v. Đó đâu có phải là chuyện của nhà văn. Nhà văn chỉ làm sao ráng viết cho có cỡ. Mà đã thực có cỡ rồi thì lo gì thiếu người đọc. Một tác phẩm thực có cỡ thì cả thế giới bu vô dịch ra đủ thứ tiếng, phát hành khắp các xứ chớ lo gì. Chỉ có viết lách chưa có cỡ thì vừa khổ công mà chẳng ai màng tới. Còn cái chuyện "cách nhìn thế hệ đi trước và cách ứng xử với quá khứ" là chuyện đức dục của mấy ông gõ đầu trẻ chớ đâu phải là chuyện mấy ông nhà văn phải lo. Nhà văn nào lại cả ngày cứ thắc mắc: "Mình phải nhìn thế hệ đi trước ra sao đây cho phải đạo? Mình phải ứng xử với quá khứ ra làm sao?" Tôi nghĩ nhà văn đúng hiệu phải là nhà văn biết thắc mắc: "Mình phải viết làm sao để xứng đáng làm tấm gương sáng tạo cho thế hệ đi sau? Mình phải ứng xử với tiền đồ văn học làm sao chớ để kéo dài cái nền văn học lạc hậu này thì nguy quá?" Chỉ có mấy

nhà văn lạc hậu mới sợ hậu sinh xem thường mình, mới đóng vai gõ đầu trẻ để dạy con cháu nhớ đem mấy cuốn sách dở của mình mà để lên bàn thờ. Chớ nhà văn có cỡ thì bình chân như vại, còn khiêu khích, thách đố thế hệ sau có giỏi thì thử vượt qua xem sao! Nói tóm lại, bức Thư Toà Soạn tháng 8 làm tôi ngờ rằng tờ Văn Học hơi trật đường rầy, lo giùm chuyện của mấy ông giáo già hay mấy ông chuyên nghề xuất bản và phát hành sách báo. Hoặc là tờ Văn Học bắt đầu rớt vô đường bảo thủ, vì mấy anh bảo thủ hay nói chuyện quá khứ mà không màng đến chuyện tương lai. Hoặc là các nhà văn trong ban biên tập đã bắt đầu già đi và bắt đầu sợ bọn trẻ sẽ quên mình chăng? Nếu vậy thì kẹt quá. Không chừng tờ Văn Học nên đổi thành tờ "Sử Học" cho thích hợp hơn.

Tôi nghĩ sao thực lòng viết vậy. Kính chúc quý vị vững vàng và thúc đẩy văn giới sáng tác hăng hái để thi tài với năm châu bốn biển.

Bà Nguyễn thị Hồng, Bernice, Louisiana

...Nhân đây chúng tôi có đôi ý kiến về những bài phê bình của ông Nguyễn Hưng Quốc đăng trong các số báo qua (thắc mắc thì đúng hơn). Chúng tôi thấy đôi khi NHQ lầm lẫn hoặc đảo ngược những điều ông đã dẫn chứng của các nhà văn ngoại quốc, do đó có những chỗ không thống nhất. Người Việt mình có câu: "Nói thì dễ, nhưng làm thì khó". Chúng tôi chờ các bài thảo luận của những nhà lý luận sắc bén quen thuộc, nhưng chưa thấy.

Mãi đến số 161 mới thấy bài của Hoàng Nguyên Nhuận mà chúng tôi đợi chờ. Chúng tôi rất khâm phục sự hiểu biết rộng rãi của ông, cách lý luận sắc bén của ông trong lãnh vực văn chương chữ nghĩa...

Chúng tôi cũng biết Ông Hoàng Nguyên NHuận có công việc làm toàn thời gian ở Úc, nhưng nếu ông dành thì giờ viết phê bình văn chương hải ngoại thì hay biết mấy. Trong lãnh vực này hiện nay không có bao nhiêu người, nhất là những người có khả năng và sự hiểu biết rộng rãi như ông. Để sự hiểu biết này mai một rất uổng vì như Nguyễn Công Trứ đã nói: "Phải có danh gì với núi sông".

Thôi thư đã dài. Chúc Ban Biên tập vạn an.

Trả lời chung của Văn Học:

Văn Học xin cảm ơn những lời khen ngợi lẫn chê trách của quí bạn đọc. Mỗi lá thư góp ý, phê bình của bạn đọc đều hữu ích cho Ban Biên tập, nên chúng tôi cho đăng gần như nguyên văn lên báo, để mong nhận được nhiều thư góp ý hơn nữa.

giới thiệu sách mới

THƠ

📖 Trần Hồng Châu, ***Hạnh phúc đến từng phút giây,*** tập thơ, Văn Học xuất bản, tranh bìa và phụ bản của Đinh Cường, in trên giấy quí vàng nhạt, dày 140 trang, giá 10 MK. Sách do Văn Nghệ phát hành

Thi tập gồm 47 bài thơ, phần lớn là thơ tự do đầy chất trí tuệ là đặc điểm của thơ Trần Hồng Châu. Bìa sau tập thơ tác giả trích một đoạn trong tập Nửa Khuya Giấy Trắng, in trân trọng như một Tuyên ngôn Thơ:

Em Giáng Thơ kiều mị!
Hôm nay ngày của Em
Ngày tôn vinh Thơ
Thơ xóa nhòa biên giới thời, không gian
Thơ không trường phái, không khẩu hiệu
Thơ hoàn toàn giải thoát
Thơ chỉ biết chảy từ nguồn cảm
Nguyên sinh
Về cứ điểm tiền phong
Của dòng đời
Của nghệ thuật!

Em Giáng Thơ!
Bình minh đang vươn mình Phù Đổng
Anh đang chắp cánh cho Em, cho Thơ
Trên hoa tiên những trang giấy rực màu ánh sáng!

KHẢO CỨU, TRUYỆN NGẮN, TIỂU THUYẾT

🕮 Trần thị NgH. (Trần thị Nguyệt Hồng), ***Truyện ngắn***, Văn Nghệ xuất bản, bìa Khánh Trường, gồm 11 truyện ngắn của một nhà văn nữ đã có tiếng tăm ở Sài Gòn từ trước 1975, sách dày 160 trang, giá 9 MK.

Còn nhớ vào những tháng sôi động trước tháng Tư 1975, nhà xuất bản Trí Đăng đã chuẩn bị phát hành tập truyện ngắn đầu tay của Trần thị NgH., nhan đề *"Nhà có cửa khóa trái"*, với lời giới thiệu của Võ Phiến. Gần 25 năm sau, tác giả mới in được tập truyện đầu tay ở hải ngoại. Trong 11 truyện trong sách, 5 truyện Trần thị NgH. viết trước 1975, 6 truyện viết trong hai năm gần đây. Tất cả các truyện, dù viết thời trước 1975 hay sau, đều mang dáng dấp tự truyện và một văn phong bất cần đời, đẩy tới cùng sự chân thực. Có một điểm khác biệt trong hai thời điểm sáng tác: truyện của người mẹ năm mươi tuổi viết gần đây có ẩn hiện nỗi lo sợ cô đơn, và dấu vết của thời gian. Do đó trầm lắng và sâu hơn những truyện viết thời trẻ.

Sách do nhà xuất bản Văn Nghệ tổng phát hành.

🕮 Nguyễn Ước biên dịch, ***Krishnamurti, đời không tâm điểm***, Nguồn Sống xuất bản, sách dày 484 trang, giá trọn bộ 3 cuốn 65 MK

Đây là tập I của cả bộ sách nhan đề: *Krishnamurti, Cuộc đời và Lời giảng* của bà Papul Jayakar, người cùng thời và cộng sự viên mật thiết nhất của Krishnamurti. Tác giả kể lại và đưa ra một cái nhìn của người trong cuộc về cuộc đời đầy bí nhiệm của bậc đạo sư. "Đời không tâm điểm" viết về giai đoạn từ lúc Krishnamurti còn nhỏ cho đến năm 1977, chấm dứt với cái chết bi tráng của Indira Gandhi. Tập II "Dòng sông Thanh tẩy" viết về giai đoạn từ 1978 đến ngày ông qua đời, các chủ đề trong lời giảng và tổng kết lời giảng của ông.

Thư từ giao dịch: Hoàng Lệ Hiền
1986 Eglinton Ave. West
Toronto, Ont. Canada
M6E 2J9. Phone & Fax: (416) 783-5212

🕮 Ngô Thanh Tùng, ***Đường vào Nhiếp ảnh II,*** tiếp theo "Đường vào Nhiếp ảnh" do cùng tác giả đã xuất bản vài năm trước, là một tập hợp những bài viết cả kỹ thuật lẫn suy nghĩ nhận định về cái đẹp trong nhiếp ảnh.Trong bài Tựa, Ngô Thanh Tùng tóm tắc mục tiêu của mình khi viết cuốn sách như sau:

Bâng khuâng giữ lại một áng mây chiều
Cất giấu con đường xưa, kỷ niệm của một thời thơ mộng
Ghi lại cái không khí đáng yêu của một ngày vui qua mau
In rõ diện mục, vóc dáng bao người thân thương"

Sách dày 260 trang in trên giấy láng, có phụ bản là nhiều ảnh nghệ thuật in đen trắng. Sách tặng, không thấy đề giá bán.

📖 Hồ Minh Dũng, ***Còn Mây,*** truyện dài, Văn Mới xuất bản, Tựa của Lâm Chương, Phụ lục "Nghĩ về Truyện Hồ Minh Dũng của Nguyễn Vy Khanh, bìa của Đinh Cường, sách dày 340 trang, giá 17 MK, Văn Nghệ tổng phát hành.

Sau ba tập truyện ngắn *Hoa vạn hạt, cuối mùa* (Đại Nam, 1996), *Câu Nam ai thất lạc* (Văn Mới, 1997), *Một mình em, đến giữa đời* (Văn Mới, 1998), lần này Hồ Minh Dũng cho xuất bản một truyện dài. Khung cảnh, nhân vật truyện là Huế và người Huế. Tác phẩm đậm đặc chất Huế, nhưng chất Huế của văn Hồ Minh Dũng khác với chất Huế trong nhạc Trịnh Công Sơn, tranh Đinh Cường. Huế trong *Còn Mây* là một pha trộn giữa xưa và nay, quê và tỉnh, thực và giả. Do đó, rất khó xếp loại truyện dài *Còn Mây*. Đây là một tác phẩm lạ!

Sách đã được nhà xuất bản Văn Nghệ phân phối đến các hiệu sách. Bạn đọc ở xa, có thể liên lạc với nhà xuất bản Văn Nghệ.

📖 Hoài Ziang Duy, ***Ông tướng sang sông,*** tập truyện, Tựa của Xuân Vũ, Bạt của Phạm Thăng, bìa Nguyễn Quốc Tuấn, Phụ bản Đinh Cường & Nguyễn Quốc Tuấn, Alpha tổng phát hành, sách dày 180 trang, giá 1o MK.

Nhà văn Xuân Vũ nhận xét rất đúng về cách viết của Hoài Ziang Duy: "Hoài Ziang Duy kể chuyện, không có nhân vật, hay đúng ra chỉ có tâm tư của nhân vật. Một nhát cuốc bổ, một cây cầu thang, một lá cờ, đó là tâm tư của nhát cuốc, của cây cầu thang, của lá cờ. Cô phấn, cô Quỳnh, nàng Cindy, lão già chôn ký ức, được nhớ là vì tâm tư từng lát của họ chứ không phải chính họ. Đành là nhân vật phải có tâm tư thì mới thành nhân vật đầy đủ, nhưng nhân vật của Hoài Ziang Duy chỉ là tâm tư không có dáng điệu.". Muốn có sách xin liên lạc với nhà phát hành Alpha

6198-A Arlington Blvd, Falls Church, VA 22042
Phone: (703) 536-8208/4008
hoặc tác giả tại địa chỉ: 7407 Marc Dr , Falls Church VA 22042
Phone: (703) 641-9395

Hộp thư

● **Thư từ liên quan việc mua báo, gia hạn:**

Nguyễn Nam An (Irvine CA), Vũ Công Định (Bellevue WA), Ngô Kim Hoàn (Silver Springs MA) Hoàng Nga (Tustin CA) Lanh Tôn Nữ (Santa Clara CA), Phạm Xuân Thảo (Lakewood CA), Rev. Dao Kim Nguyen (Houston Tx, đổi địa chỉ), Lê văn Điểm (Germany, đổi địa chỉ), Hà Nguyên Du (Westminster CA), Dong Tran (Smyrna GA), Resource Center SBS Radio Melbourne Australia, PhyVan Doan (Westminster CA), Trần Mỹ Đức (Franklin MA), Hải Dương (Alberta Canada), Ly-Le Tran (Upper Montclair NJ đổi địa chỉ), Hoàng Trọng Lan (Calgary Canada, gia hạn đổi địa chỉ), Tôn Thất Sơn (Norway, gia hạn), Lê Ngọc Thọ (Anjou Canada), Lê Đình Quý (Lakewood CA), Trang Vo Nguyen (Eagan MN), Bích Liên Nguyễn MD (Irvine CA), Phan Uyen Nghi (Garden Grove CA), Nguyễn Công Khai (Poway CA), Nguyễn thị Hồng (Bernice LA), Caan N. Bui (Fremont CA), Nguyễn văn Vỹ (Richfield MN), Diep van Phan (San Francisco CA), Mori Shinji (Tokyo Japan), Trần văn Sơn (Philadelphia PA), Nguyễn Duy Lân (Orlando FL), Đỗ Xuân Trúc (Tulsa, OK) Nguyễn Ngọc Thanh (đổi địa chỉ, Phoenix AZ)

● **Bài nhận được trong tháng**:

"Tìm hiểu cách phiên âm từ 'nhẫn nhụi" gửi từ San Jose CA, "Cho em bài sonnet", "Người muôn thuở", "Khúc ly tao" gửi từ Westminster CA, "Những ngày mưa cũ" gửi từ Saint Maurice France, "Như chưa bao giờ", "Trăng thượng tuần" gửi từ Peachtree City GA, "Trăng nước chơi vơi" gửi từ Burbank CA, Tạp chí Sóng Văn số 14, "Chữ" gửi từ Royal Palm Beach FL, "Tôi và Người", "Thơ rơi", "Dọc đường" gửi từ San Jose CA, "Tâm vông" gửi từ Royal Palm Beach FL, "Mẹ, 2000" gửi từ Rosemead CA, "Tuyết", "Lá thở", "Nhìn quanh ta thấy tuổi" gửi từ Fremont CA, "Mưa giàn giụa mặt một người ở thác" gửi từ Renton WA, "VN Một thế kỷ qua", "DQS một tâm hồn thanh thản, đôn hậu, cao thượng" gửi từ Carrollton TX, "Điểm sách Nửa Sơn Hà" gửi từ San Jose CA, Tạp chí Non Sông, Tuần báo Saigon Times, Phật giáo Viêy Nam, Chân Nguyên, Hoa Sen

Những bài nhận được trên đây đều gửi qua bưu điện, và không kể những bài gửi qua e-mail Văn Học đã nhận được đầy đủ. Trân trọng cảm tạ sự cộng tác của quí bạn.

NHỮNG SÁCH DO TẠP CHÍ VĂN HỌC XUẤT BẢN

Tạp chí Văn Học tuyển chọn những tác phẩm giá trị của các văn hữu cộng tác với Văn Học để xuất bản và giới thiệu cùng bạn đọc. Sau đây là những tác phẩm bạn đọc cần tìm mua:

Nụ tầm xuân
Tập truyện ngắn của Mai Kim Ngọc
Văn Nghệ phát hành, Giá 10 MK

Thơ Khoa Hữu
Thi tập của Khoa Hữu
Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK

Tôi cùng gió mùa
Thi tập của Nguyễn Xuân Thiệp
Văn Nghệ phát hành, giá 12 MK

Những bài văn sử
cuốn sách mới nhất của Tạ Chí Đại Trường
dày 200 trang. Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK

Viết và Đọc
Tiểu luận phê bình văn chương
của Trần Hữu Thục (Trần Doãn Nho)
Văn Nghệ phát hành, giá 13 MK

Trong mê cung
Tập truyện ngắn của Nguyễn Trung Hối
Văn Nghệ phát hành, giá 13 MK

Thiên nga giữa cõi người
Tập truyện ngắn của Tâm Thanh
Dày 200 trang. Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK

Hạnh phúc đến từng phút giây
Thi tập của Trần Hồng Châu
Dày 140 trang. Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK

Xin liên lạc **Nhà xuất bản Văn Nghệ**
PO Box 2301 Westminster CA 92683 USA
Phone: (714) 527-5761

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

Xin giới thiệu cùng quý độc giả một tác phẩm mới
vừa phát hành tháng 9 -1999.

NƠI NGƯỜI CHẾT MỈM CƯỜI

Tạp ghi của Nguyễn Quốc Trụ
Trình bày bìa Nguyễn Trọng Khôi

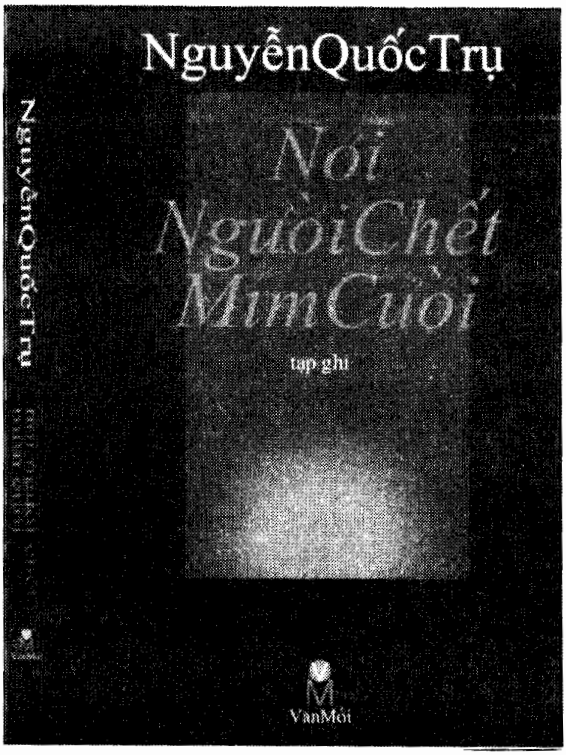

Đã có bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc:
Nhà Phát Hành Văn Nghệ
P.O. Box 2301, Wesminster, CA 92683
ĐIỆN THOẠI: (714) 527-5761

Nhà Xuất Bản VĂN MỚI
1528 S. La Cienega Bl.
Los Angeles, CA 90035
Điện thoại: (310) 559-0413

Những sách mới năm 1999 của Nhà Xuất Bản Văn Mới:

*

Đoạn Đường Hốt Tất Liệt
Tập truyện Lâm Chương
Một Dây Trầm
Tập truyện Hoàng Du Thuỵ
Cơn Giông Ngày Về
Tập truyện Ninh Ha
Chân Mang Giày Số 6
Tập truyện Song Thao
Gió Biếc
Tập truyện Lê Minh Hà
Qua Mấy Trời Sương Mưa
Thơ Hoàng Lộc
Miêng
Tuyển tập truyện ngắn của Miêng
Cồn Mây
Truyện dài Hồ Minh Dũng

Sách có bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc:
Nhà phát hành Văn Nghệ
P.O. Box 2301 Wesminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 527-5761

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____
Địa chỉ_____Apt.____
Thành phố_____Tiểu Bang_____Zip_____ _____
Quốc gia_____
Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn_____năm, từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, đề trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____
Địa chỉ_____Apt.____
Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

Người giới thiệu_____
Địa chỉ_____Apt.____
Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ
Hạng tư (Fourth Class)
Một năm .....US$42.00
Hạng nhất (First Class)
Một năm.....US$50.00

CANADA
Đường bộ (Surface)
Một Năm.....US$46.00
Máy Bay (Air Mail)
Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU
Đường thủy (Surface)
Một năm .....US$56.00
Máy bay (Air Mail)
Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY
US/ First Class/1 yr.....US$50.00
Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ,xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu đề trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

DU KHÁCH NÀO TỚI VÙNG ORANGE COUNTY
CŨNG ĐỀU GHÉ LẠI

VĂN KHOA

9200 BOLSA AVE., STE. # 123 • WESTMINSTER • CA 92683 •
(Trong khu Phước Lộc Thọ)

TEL: (714) 892-0801

SÁCH MỚI VỀ

20 năm binh nghiệp - Hồi ký Tôn Thất Đính (455 p.) $22.00
Những huyền thoại & Sự thật về Chế độ Ngô Đình Diệm (493 p.) Vĩnh Phúc $22.00
Xóm Đạo (612 p.) Truyện dài mới nhất của nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn $25.00
Truyện Kiều và Tuổi trẻ (694 p.) Lê Hữu Mục & Phạm thị Nhung $32.00
Việt Nam một thế kỷ qua (323 p.) hồi ký của Nguyễn Tường Bách $16.00
Mây mù thế kỷ (338 p.) Tiết lộ mới về hậu trường chính trị Hà nội, Bùi Tín $18.00
Hồi ký Nguyên Sa (412 p.) di sản quí của nhà thơ bất hủ Nguyên Sa $18.00
Đường mây trong cõi mộng (416 p.) Đại sư Hán Sơn, Nguyên Phong phóng tác $18.00
Góc trời Ngô Thụy Miên (55 p. khổ 8.11) tập nhạc của Ngô Thụy Miên $13.00
Cẩm nang căn bản điện toán (322 p.) sách thực dụng của Tôn Thất Thái $14.00

Ở xa xin gửi chi phiếu đề cho Văn Khoa, giá tiền bằng giá ghi trên, miễn cước phí ở Mỹ.

SÁCH VĂN KHOA MỚI XUẤT BẢN

GÓC TRỜI NGÔ THỤY MIÊN
(Tập Nhạc 56tr.) $13.00

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
BOX 2301 - WESTMINSTER, CA 92683, USA
TEL & FAX: (714) 527-5761

SÁCH MỚI

- VĂN HỌC MIỀN NAM, truyện I, *gồm 16 tác giả.*
- VĂN HỌC MIỀN NAM, truyện II, *gồm 18 tác giả.*
- VĂN HỌC MIỀN NAM, truyện III, *gồm 16 tác giả.*

* Mỗi tập dày khoảng 450 trang, giá **18 MK** mỗi tập.

* Về mỗi tác giả đều có 2 phần: Phê bình và trích tuyển tác phẩm tiêu biểu nhất.

- NHƯ NHỮNG NGỌN GIÓ truyện *Nguyễn Huy Thiệp.* **22 MK.**
- NHỮNG HẠT ĐẬU BIẾT NHẢY, 29 truyện Phật học. *Lâm Thanh Tuyền, Phạm Huê dịch.* **13 MK.**
- 100 NĂM PHÁT TRIỂN TIẾNG VIỆT biên khảo *Phụng Nghi* **10 MK.**
- TẬP TRUYỆN NGẮN. *Trần Thị NgH.* **9 MK.**

Ngoài Hoa Kỳ, xin trả thêm 2MK cho sách giá từ 10MK đến 18MK.
Thêm 3MK cho sách giá từ 19MK đến 28MK.
Liên lạc với VĂN NGHỆ để nhận Thư Mục với hơn 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản khác.

E-Mail: vanghe@pacbell.net
Homepage: http://home.pacbell.net/vanghe

Giá:$4.00